



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **11230**/BTC-QLQH
V/v góp ý Hồ sơ Dự án Luật Quy
hoạch (sửa đổi)

Hà Nội, ngày **24** tháng 7 năm 2025



Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị tại Văn bản số 15436-CV/VPTW ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về sửa đổi Luật Quy hoạch trong đó giao “Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ khẩn trương chỉ đạo các cơ quan tập trung, rà soát, nghiên cứu sửa đổi tổng thể Luật Quy hoạch trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XV”; Kết luận của Bộ Chính trị tại Công văn số 15602-CV/VPTW ngày 06 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XV; Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 và Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở tổng hợp báo cáo thực hiện Luật Quy hoạch của các Bộ và địa phương, Bộ Tài chính đã xây dựng Hồ sơ Dự án Luật Quy hoạch (sửa đổi), báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10 (kèm theo Văn bản này), bao gồm:

- (1) Dự thảo Tờ trình Quốc hội;
- (2) Dự thảo Luật;
- (3) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật;
- (4) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo;
- (5) Bản đánh giá về thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc;
- (6) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan góp ý Hồ sơ Dự án Luật.

Văn bản góp ý xin gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 28 tháng 7 năm 2025** để tổng hợp, hoàn thiện Hồ sơ Dự án Luật, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua theo đúng tiến độ.

Mọi chi tiết xin liên hệ Vụ Quản lý quy hoạch, Bộ Tài chính, qua chuyên viên chính Nguyễn Thị Quỳnh Anh, điện thoại: 0904049885.

Bộ Tài chính rất mong nhận được sự phối hợp của Quý cơ quan./✓

Nơi nhận:

- Như trên (kèm tài liệu);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để xin ý kiến góp ý);
- Bộ Tư pháp để đăng tải Hồ sơ lên Cổng Pháp luật quốc gia;
- Các đơn vị trong Bộ: NSNN, ĐT, KTN, KTĐP, PC, ĐTNN, VCL (để tham gia ý kiến);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng tải hồ sơ lấy ý kiến theo quy định);
- Lưu: VT, QLQH (NQA, 06b) *an*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Phương
Trần Quốc Phương

Số: /TTr-BTC

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH****Dự án Luật Quy hoạch (sửa đổi)**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025, Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị tại Văn bản số 15436-CV/VPTW ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về sửa đổi Luật Quy hoạch trong đó giao “Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ khẩn trương chỉ đạo các cơ quan tập trung, rà soát, nghiên cứu sửa đổi tổng thể Luật Quy hoạch trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XV”; Kết luận của Bộ Chính trị tại cuộc họp ngày 04 tháng 7 năm 2025, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XV; Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 và Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng giao¹, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự án Luật Quy hoạch (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT**1. Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý****1.1. Cơ sở chính trị**

¹ Văn bản số 5657/VPCP-CN ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ và Văn bản số 541-CV/VPĐU ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Đảng ủy Chính phủ

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII giao các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu chỉ đạo thực hiện tốt 08 nhiệm vụ, giải pháp, trong đó có 01 nhóm nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến quy hoạch như sau:

“Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; *phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm* của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương; *đẩy mạnh phân cấp, phân quyền*, bảo đảm Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, *“địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”*. Rà soát, *sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển; tăng cường quyền tự chủ, tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu, kiểm soát quyền lực chặt chẽ; phân bổ nguồn lực hợp lý.*”.

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị yêu cầu “Đối với cấp tỉnh: Ngoài căn cứ về quy mô dân số, diện tích, cần nghiên cứu kỹ quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch địa phương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, *mở rộng không gian phát triển, phát huy lợi thế so sánh, đáp ứng yêu cầu phát triển đối với từng địa phương và yêu cầu, định hướng phát triển của giai đoạn mới...* làm cơ sở, căn cứ khoa học trong sắp xếp”.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ngày 04 tháng 5 năm 2025, Chính phủ đã có Tờ trình số 305/TTr-CP trình Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XV.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định nhiệm vụ “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo*

phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn” (khoản 2 mục III).

- Kết luận số 155-KL/TW ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã giao Đảng ủy Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện phân cấp, phân quyền theo nguyên tắc chính sau: *“Trung ương tập trung quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát; phân cấp, phân quyền đủ mạnh, đủ rõ, hợp lý các nhiệm vụ ở Trung ương đang thực hiện về cho địa phương theo đúng tinh thần “địa phương quyết định, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm.”*

- Tại Văn bản số 15436-CV/VPTW ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã kết luận *“Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ khẩn trương chỉ đạo các cơ quan tập trung, rà soát, nghiên cứu sửa đổi tổng thể Luật Quy hoạch trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XV”*.

Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng đã giao Bộ Tài chính tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Luật Quy hoạch và một số nội dung liên quan đến việc sửa đổi toàn diện Luật Quy hoạch.²

Trên cơ sở Báo cáo số 33-BC/ĐU ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Đảng ủy Chính phủ về kết quả rà soát và đề xuất phương án sửa đổi Luật Quy hoạch, Bộ Chính trị đã có ý kiến kết luận về phương án sửa đổi Luật Quy hoạch tại Công văn số 15602-CV/VPTW ngày 06 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

² Văn bản số 5657/VPCP-CN ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ và Văn bản số 541-CV/VPĐU ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Đảng ủy Chính phủ

- Tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, Quốc hội đã giao Chính phủ *“tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Luật Quy hoạch và các nội dung có liên quan đến quy hoạch trong các luật, văn bản quy phạm pháp luật để khẩn trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch và các luật có liên quan đến quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.”*.

Tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính *“chủ trì tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Luật Quy hoạch và các nội dung có liên quan đến quy hoạch trong các luật, văn bản quy phạm pháp luật để khẩn trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch và các luật có liên quan đến quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, bảo đảm tuân thủ các quan điểm chỉ đạo của Đảng đối với hoạt động quy hoạch, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật”*.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.”*.

- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân đã đề ra nhiệm vụ: *“Chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2026, hoàn thành việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về đất đai, quy hoạch, đầu tư; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật khác liên quan đến đầu tư kinh doanh để thể chế hóa đầy đủ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.”*.

- Tại Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XV, Quốc hội đã giao Chính phủ *“tổng kết, đánh giá toàn diện các nội dung có liên quan đến quy hoạch trong các văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình*

cơ quan có thẩm quyền ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.”.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Về kết quả đạt được

Luật Quy hoạch được Quốc hội thông qua năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 là sự nỗ lực, cố gắng lớn trong việc thể chế hóa Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, tạo hành lang pháp lý thống nhất cho việc triển khai hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. Hệ thống pháp luật có liên quan đến quy hoạch đã ***giảm từ 101 luật, pháp lệnh xuống còn 68 luật, pháp lệnh***, trong đó, ngoài Luật Quy hoạch còn có 28 luật quy định về việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; các luật, pháp lệnh còn lại quy định về việc quản lý nhà nước theo quy hoạch³.

Hệ thống quy hoạch mới được xác lập tạo sự thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường. Việc tích hợp các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh đã giảm đáng kể số lượng quy hoạch được lập trên một phạm vi lãnh thổ (đặc biệt, ở cấp tỉnh đã tích hợp khoảng 50 quy hoạch), từ đó hạn chế sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các loại quy hoạch.

Việc bãi bỏ các quy hoạch sản phẩm cản trở đầu tư phát triển là rào cản gia nhập thị trường của doanh nghiệp, nhà đầu tư; tạo bước đột phá trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và cải cách thủ tục hành chính, qua đó góp phần khơi thông các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước nhanh và bền vững.⁴

Thực hiện Luật Quy hoạch, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương trên cả nước tập trung mọi nguồn lực và khẩn trương triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030. Đến nay, đã có 108/110⁵ quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia được phê duyệt, phát huy nhiều kết quả tích cực trên thực tiễn, cụ thể:

³ Như: Luật Đầu tư công; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Tiếp cận thông tin; Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí...

⁴ Quy hoạch sản phẩm: quy hoạch rượu, bia, thuốc lá, nước giải khát; thương nhân xuất khẩu gạo; cá tra, cá basa; diêm bán lẻ xăng dầu; diêm kinh doanh karaoke và các quy hoạch khác.

⁵ 02 quy hoạch chưa được phê duyệt là: Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản; Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia.

- Nội dung quy hoạch đã bám sát, cụ thể hóa Chiến lược phát triển đất nước 10 năm, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; thể hiện rõ khát vọng phát triển, tính sáng tạo, đổi mới, chú trọng tính liên kết vùng, liên kết ngành, phát triển bền vững, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số.

- Các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đã định hướng tổ chức không gian phát triển quốc gia hiệu quả, thống nhất gắn với khai thác lợi thế so sánh của quốc gia, từng vùng, từng địa phương. Hệ thống hạ tầng khung quốc gia, hạ tầng liên kết vùng được hình thành, đặc biệt là hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, cảng biển kết nối quốc gia, quốc tế.

- Các quy hoạch tỉnh là cơ sở quan trọng để các địa phương xúc tiến, thu hút, triển khai dự án đầu tư, đặc biệt là nguồn lực đầu tư từ khu vực tư nhân, khu vực nước ngoài để thúc đẩy tăng trưởng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh là cơ sở triển khai lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

2.2. Về các khó khăn, vướng mắc

2.2.1. Khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định của Luật Quy hoạch

a) Về phạm vi điều chỉnh, hệ thống quy hoạch quốc gia, mối quan hệ giữa các loại quy hoạch

- Luật Quy hoạch chỉ quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; không quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Do vậy, chưa có cơ sở pháp lý để xác định mối quan hệ, cơ chế xử lý mâu thuẫn giữa các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và giữa các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với nhau.

- Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia và Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành hiện nay còn tồn tại một số bất cập, như: một số quy hoạch có nội dung trùng lặp⁶; một số quy hoạch có thể thay thế quản lý bằng

⁶ (1) Quy hoạch thủy lợi và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; (2) Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê và Quy hoạch đê điều; (3) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm.

chiến lược, đề án hoặc quy chuẩn, điều kiện đầu tư, kinh doanh⁷; một số quy hoạch không thể triển khai thực hiện do liên quan đến điều ước quốc tế⁸.

b) Về tổ chức lập đồng thời các quy hoạch

- Pháp luật về quy hoạch chưa có quy định thống nhất về việc lập đồng thời các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành làm ảnh hưởng đến tiến độ lập quy hoạch và triển khai các dự án và tính đồng bộ của các quy hoạch thuộc hệ thống. Việc lập đồng thời các quy hoạch trong thời gian qua mới chỉ được quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội và mang tính chất xử lý tình huống để đảm bảo thời gian phê duyệt các quy hoạch.

- Chưa có quy định về thứ tự phê duyệt quy hoạch để bảo đảm tính thứ bậc, thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy hoạch.

c) Về trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch

- Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch hiện nay gồm nhiều bước, lấy ý kiến nhiều lần⁹ làm chậm tiến độ phê duyệt quy hoạch.

- Việc phải xin chủ trương trước khi điều chỉnh quy hoạch làm phát sinh thủ tục hành chính, dẫn đến việc không bảo đảm tính chủ động của Bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện.

- Chưa có cơ chế, chính sách để thuê tổ chức tư vấn nước ngoài lập quy hoạch.

- Quy định về công bố quy hoạch, cung cấp thông tin, dữ liệu về quy hoạch, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia chưa phù hợp.

d) Về phân cấp, phân quyền

Quy định thẩm quyền phê duyệt của Quốc hội đối với quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia dẫn đến thiếu linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến chỉ tiêu sử dụng đất.

đ) Về nội dung quy hoạch

⁷ Ví dụ: Quy hoạch phát triển và ứng dụng năng lượng nguyên tử; Quy hoạch quảng cáo ngoài trời; Quy hoạch vùng không nhiễm sinh vật gây hại; Quy hoạch vùng và cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

⁸ Ví dụ: Quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia; Quy hoạch tuyến cửa khẩu biên giới đất liền.

⁹ Mỗi quy hoạch hiện nay cần lấy ý kiến các Bộ ngành có liên quan 02 lần (khi trong quá trình lập quy hoạch và trong quá trình thẩm định), riêng Bộ Quốc phòng và Bộ Công an cần lấy ý kiến 3 lần.

- Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch quá chi tiết dẫn đến thiếu linh hoạt trong quá trình triển khai.

- Còn có cách hiểu khác nhau về mức độ chi tiết của các loại quy hoạch dẫn đến tình trạng một số nội dung đã được phân cấp cho địa phương quản lý nhưng vẫn đưa vào nội dung quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, dẫn đến phải điều chỉnh quy hoạch.

- Nội dung kế hoạch thực hiện quy hoạch trùng lặp với kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

2.2.2. Về các vấn đề phát sinh liên quan đến sắp xếp, tinh gọn bộ máy và sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính

Việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy và sắp xếp đơn vị hành chính, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp sau khi hoàn thành sẽ có ảnh hưởng lớn đến toàn bộ các quy hoạch của hệ thống quy hoạch quốc gia; trong đó phát sinh một số vấn đề chính như sau:

- Về hệ thống quy hoạch: việc xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (không tổ chức cấp huyện) ảnh hưởng đến các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, đặc biệt là quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất...

- Về nội dung quy hoạch: thay đổi về tên gọi, phạm vi, ranh giới quy hoạch, các định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển... trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; mức độ chi tiết của các loại quy hoạch cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thay đổi về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; yêu cầu điều chỉnh định hướng phát triển và tổ chức không gian phát triển của vùng, địa phương do có sự thay đổi về quan điểm, định hướng phát triển sau khi sáp nhập đơn vị hành chính.

- Về phân vùng lập quy hoạch: cần điều chỉnh phương án phân vùng lập quy hoạch sau khi sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh; đồng thời phân cấp cho Chính phủ xác định các vùng cần lập quy hoạch vùng để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh đồng thời các quy hoạch, bảo đảm tiến độ, không gây gián đoạn trong quản lý và đầu tư phát triển.

- Về quy trình, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan liên quan đến hoạt động quy hoạch: cần có quy trình, thủ tục rõ ràng, đơn giản và hiệu

quả để điều chỉnh các quy hoạch bị ảnh hưởng sau sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị một cách kịp thời, bảo đảm tính liên tục, không gây gián đoạn trong công tác chỉ đạo điều hành hoạt động quy hoạch và đầu tư phát triển; cần rà soát, sửa đổi các quy định liên quan đến quy trình, thủ tục và trách nhiệm của các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị các cấp và đồng bộ với các pháp luật có liên quan.

2.2.3. Khó khăn, vướng mắc tại các luật chuyên ngành có quy định liên quan đến quy hoạch

a) Về cấp, loại quy hoạch, mối quan hệ và thẩm quyền

- Chưa có sự đồng bộ về phạm vi, loại, cấp độ quy hoạch; thẩm quyền¹⁰ lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch của các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

- Chưa có quy định cụ thể về nguyên tắc xử lý, quy trình thủ tục và thẩm quyền xử lý mâu thuẫn giữa các loại quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành dẫn đến vướng mắc trong triển khai thực hiện.

b) Về mâu thuẫn, chồng lấn trong quản lý nhà nước giữa các ngành

- Chưa có sự thống nhất giữa chỉ tiêu sử dụng đất của quy hoạch đô thị và nông thôn với quy hoạch sử dụng đất, gây khó khăn cho hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh.

- Chưa thống nhất giữa quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch lâm nghiệp về phân loại rừng, dẫn đến chỉ tiêu đất rừng phân bổ cho các địa phương tại 2 quy hoạch chưa có sự thống nhất và gây khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Tiêu chí phân loại rừng chưa cụ thể, minh bạch và đồng bộ giữa các ngành, dẫn đến mỗi địa phương có thể hiểu và áp dụng khác nhau, gây mâu thuẫn trong quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch. Ranh giới giữa các loại rừng có nơi còn chưa rõ ràng, chồng lấn với các loại đất khác dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp đất đai.

c) Đánh giá sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch

- Chưa có quy định chi tiết về đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch, dẫn đến chưa có cách hiểu thống nhất, đặc biệt là trường hợp dự án đầu tư không

¹⁰ Ví dụ: Luật Quy hoạch đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn nhưng Luật Đất đai vẫn quy định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tỉnh và sẽ phải điều chỉnh sau khi quy hoạch tỉnh điều chỉnh.

có trong danh mục dự án của quy hoạch; việc xác định quy hoạch là căn cứ để đánh giá sự phù hợp của dự án.

- Chưa có quy định đầy đủ về tính pháp lý của hồ sơ quy hoạch trong việc đánh giá sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch.

- Việc đánh giá sự phù hợp của các dự án đối với quy hoạch không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch, mà được quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức hợp tác công – tư và khoảng 28 luật chuyên ngành có liên quan, dẫn đến khó khăn trong bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong áp dụng pháp luật.

- Việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch chưa phù hợp thực tiễn dẫn đến dự án khó đáp ứng yêu cầu phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

Trong bối cảnh đó, công tác quy hoạch phải có sự đổi mới về tư duy, thống nhất trong nhận thức và hành động, có những giải pháp tổng thể, toàn diện, linh hoạt, đột phá để tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế "hai con số".

Để đáp ứng kịp thời yêu cầu về tiến độ sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch tại các chỉ đạo của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, kịp thời xử lý các vấn đề cấp bách về hoàn thiện thể chế về quy hoạch, đáp ứng yêu cầu sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 50 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; đồng thời, quán triệt phương châm "vừa chạy vừa xếp hàng" để hoàn thành công việc theo chỉ đạo tại Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Bộ Tài chính đề xuất Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua dự án Luật Quy hoạch (sửa đổi) theo quy trình 01 kỳ họp và soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành Luật

2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Luật Quy hoạch có phạm vi điều chỉnh chung cho các loại quy hoạch phát triển trên phạm vi cả nước; hệ thống pháp luật về quy hoạch được xây dựng đồng bộ, thống nhất với pháp luật có liên quan để quy hoạch thực sự là công cụ hiệu quả của Nhà nước trong việc hoạch định phát triển và kiến tạo không gian phát triển, tận dụng tối đa các cơ hội và khắc phục được những khó khăn, hạn chế

trong bối cảnh mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng hệ thống quy hoạch quốc gia thống nhất, tinh gọn, hiệu quả; khắc phục chồng lấn, trùng lặp về nội dung giữa các quy hoạch ngành, vùng, địa phương; đưa ra những giải pháp phù hợp tạo cơ sở cho việc thực hiện quy hoạch không gian phát triển hài hòa, tương hỗ, tạo động năng giữa qui hoạch quốc gia, vùng và địa phương

- Hoàn thiện các quy hoạch sau sắp xếp đơn vị hành chính với tầm nhìn dài hạn trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới phát triển; giải phóng các nguồn lực, khơi thông các điểm nghẽn, thực sự là động lực để phát triển.

Việc điều chỉnh quy hoạch quốc gia phải bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước, các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, định hướng tổ chức không gian kinh tế-xã hội sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Đơn giản hóa các quy trình, thủ tục trong hoạt động quy hoạch; phân đầu giảm ít nhất 30% quy trình thủ tục và rút ngắn thời gian lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Phân cấp, phân quyền và phân công hợp lý giữa các cơ quan trong công tác quy hoạch theo hướng phân công "rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền"; gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; nâng cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu, kiểm soát quyền lực chặt chẽ.

- Đẩy mạnh khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về quy hoạch nhằm tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước; bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động quy hoạch và tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút đầu tư.

- Giải quyết triệt để các khó khăn, vướng mắc trong đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch; tăng cường thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư tư nhân tham gia thực hiện quy hoạch.

2. Quan điểm xây dựng Luật

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thể chế hóa đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về phát triển đất nước trong thời kỳ mới; bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Sửa đổi toàn diện Luật Quy hoạch để giải quyết triệt để các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn và khắc phục các chồng chéo, bất cập của quy định pháp luật làm cản trở sự phát triển; khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; đơn giản hóa quy trình, thủ tục của hoạt động quy hoạch và nội dung quy hoạch; gắn kết chặt chẽ giữa quản lý nhà nước về quy hoạch và đầu tư phát triển; khơi thông các điểm nghẽn liên quan đến quy hoạch, huy động có hiệu quả mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế tham gia vào phát triển đất nước, nhất là phát huy vai trò của khu vực kinh tế tư nhân.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

- Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ngày 04 tháng 5 năm 2025, Chính phủ đã có Tờ trình số 305/TTr-CP trình Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XV.

- Tại Văn bản số 15436-CV/VPTW ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã kết luận “*Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ khẩn trương chỉ đạo các cơ quan tập trung, rà soát, nghiên cứu sửa đổi tổng thể Luật Quy hoạch trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XV*”.

Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng đã giao Bộ Tài chính tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Luật Quy hoạch và một số nội dung liên quan đến việc sửa đổi toàn diện Luật Quy hoạch.¹¹

Trên cơ sở Báo cáo số 33-BC/ĐU ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Đảng ủy Chính phủ về kết quả rà soát và đề xuất phương án sửa đổi Luật Quy hoạch, Bộ Chính trị đã có ý kiến kết luận về phương án sửa đổi Luật Quy hoạch tại Công văn số 15602-CV/VPTW ngày 06 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng.

- Để có đủ cơ sở xây dựng Hồ sơ Dự án Luật, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 10083/BTC-QLQH ngày 07 tháng 7 năm 2025 gửi các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đề nghị có báo cáo tổng kết thực hiện Luật Quy hoạch và các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về quy hoạch gửi Bộ Tài chính trước ngày 14 tháng 7 năm 2025.

¹¹ Văn bản số 5657/VPCP-CN ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ và Văn bản số 541-CV/VPĐU ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Đảng ủy Chính phủ

- Ngày ... tháng 7 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số ... /QĐ-BTC thành lập Tổ soạn thảo Dự án Luật Quy hoạch (sửa đổi).

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các Bộ và địa phương, Bộ Tài chính đã xây dựng Hồ sơ Dự án Luật và gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với những nội dung liên quan đến chức năng quản lý ngành, lĩnh vực của Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan; lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với Hồ sơ Dự án Luật gửi kèm theo Văn bản số /BTC-QLQH ngày ... tháng 7 năm 2025 của Bộ Tài chính; Đăng tải Hồ sơ dự án Luật trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Cổng Pháp luật quốc gia.

Ngoài ra, Bộ Tài chính đã tổ chức một số cuộc họp của Tổ soạn thảo Dự án Luật; hội thảo, tham luận lấy ý kiến góp ý của các Viện nghiên cứu, chuyên gia quy hoạch.

Đến ngày ... tháng ... năm 2025, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến của .../Bộ, cơ quan ngang Bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn được gửi kèm theo Tờ trình này.

- Đến ngày ... tháng ... năm 2025, Bộ Tài chính đã gửi Hồ sơ Dự án Luật đến Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định kèm theo Văn bản số .../BTC-QLQH ngày ... tháng 7 năm 2025.

Đến ngày ... tháng ... năm 2025, Bộ Tư pháp đã tổ chức phiên họp thẩm định và có Báo cáo thẩm định số Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp được gửi kèm theo Tờ trình này.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật Quy hoạch quy định việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch trong hệ thống quy hoạch; trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch trong hệ thống quy hoạch và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Hoàn thiện phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch, hệ thống quy hoạch và mối quan hệ giữa các loại quy hoạch

Nhằm thực hiện chủ trương đã được đề ra tại Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI và hoàn thiện hệ thống quy hoạch (hệ thống quy hoạch quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành) để làm rõ vị trí, vai trò, mối quan hệ giữa các quy hoạch trong hệ thống quy hoạch; là cơ sở để xử lý mâu thuẫn giữa các quy hoạch và xác định loại quy hoạch là căn cứ để đánh giá sự phù hợp của dự án, Bộ Tài chính đề xuất các quy định tại Dự thảo Luật các quy định sau:

- Sửa đổi quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch theo hướng Luật điều chỉnh cả quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

- Sửa đổi quy định về khái niệm các loại quy hoạch tại Điều 3 Dự thảo Luật để làm rõ đối tượng của hoạt động quy hoạch; sự khác nhau về mức độ chi tiết giữa các loại quy hoạch và vai trò của từng loại quy hoạch.

- Quy định tại Điều 5 theo hướng bổ sung quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành vào hệ thống quy hoạch như sau:

- + Quy hoạch cấp quốc gia bao gồm: Quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch không gian biển quốc gia; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia; Quy hoạch ngành quốc gia và Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cấp quốc gia.

- + Quy hoạch cấp vùng bao gồm: Quy hoạch vùng và Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cấp vùng, liên tỉnh.

Chính phủ xác định vùng cần lập quy hoạch vùng.

- + Quy hoạch cấp tỉnh bao gồm: Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cấp tỉnh.

- + Quy hoạch cấp xã bao gồm: Quy hoạch sử dụng đất cấp xã và Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Quy định tại Điều 6 và Điều 7 về mối quan hệ giữa quy hoạch và việc xử lý mâu thuẫn giữa các quy hoạch theo hướng:

- + Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia.

+ Quy hoạch ngành cấp quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.

+ Quy hoạch vùng phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

+ Quy hoạch ngành cấp vùng phải phù hợp với quy hoạch ngành cấp quốc gia mà quy hoạch đó cụ thể hóa quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật này và quy hoạch vùng.

+ Quy hoạch tỉnh phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch cấp vùng.

+ Quy hoạch ngành cấp tỉnh phải phù hợp với quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng mà quy hoạch đó cụ thể hóa quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật này và quy hoạch tỉnh.

+ Quy hoạch cấp xã phải phù hợp với quy hoạch cấp tỉnh.

Trong đó, Dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi) đã bổ sung những nội dung mang tính nguyên tắc chung đối với quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã như sau:

+ Yêu cầu, nguyên tắc chung cho hoạt động quy hoạch;

+ Cấp độ và loại quy hoạch; mối quan hệ với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

+ Yêu cầu chung về quy hoạch;

+ Hồ sơ quy hoạch; việc công bố quy hoạch; lưu trữ và chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu quy hoạch.

Các luật chuyên ngành sẽ quy định chi tiết, cụ thể về lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh và nội dung quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã.

- Để khắc phục chồng lấn về nội dung giữa các quy hoạch trong danh mục quy hoạch ngành quốc gia, danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; bãi bỏ các quy hoạch không cần thiết; bổ sung các quy hoạch cần thiết bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước về quy hoạch, Bộ Tài chính đã rà soát, tinh gọn danh mục các quy hoạch ngành quốc gia, danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo hướng:

+ Hợp nhất các quy hoạch có nội dung liên quan chặt chẽ hoặc chồng lấn với nhau (như hợp nhất quy hoạch tài nguyên nguyên nước với quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đê điều với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê...), bảo đảm đúng nguyên tắc “một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính”.

+ Rà soát bảo đảm không có sự trùng lặp về nội dung giữa các quy hoạch cùng cấp hoặc giữa các cấp quy hoạch.

+ Rà soát, nghiên cứu, bổ sung quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (trường hợp thấy cần thiết) ở cấp tỉnh bảo đảm phù hợp với các quy định mới về phân cấp, phân quyền và xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp.

Theo đó, Dự thảo Luật đã xác định 15 quy hoạch ngành cấp vùng; 4 quy hoạch ngành cấp tỉnh tại Phụ lục của Luật theo hướng cụ thể: (i) Pháp luật quy định chi tiết lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch ngành cấp vùng; quy hoạch ngành cấp tỉnh; (ii) Xác định cụ thể quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia; quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh mà quy hoạch quy hoạch ngành cấp vùng; quy hoạch ngành cấp tỉnh cụ thể hóa.

3.2. Phân cấp, phân quyền trong hoạt động quy hoạch

- Để tăng cường tính tự chủ, chủ động của các cấp, các ngành trong hoạt động quy hoạch để bảo đảm bám sát thực tiễn của ngành, lĩnh vực và địa phương và đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn, Dự thảo Luật đã quy định thẩm quyền quyết định và phê duyệt quy hoạch tại Điều 35 như sau:

+ Phân cấp từ Quốc hội cho Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

+ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng.

+ Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch ngành cấp vùng.

+ Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành cấp tỉnh.

+ Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Việc phân cấp nói trên bảo đảm vai trò kiểm soát, điều phối của Trung ương với địa phương sau khi đã phân cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tỉnh từ Thủ tướng Chính phủ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Để bảo đảm công tác hậu kiểm và bảo đảm chất lượng, nội dung quy hoạch; kịp thời phát hiện các nội dung chồng lấn, mâu thuẫn; hạn chế điều chỉnh quy hoạch tùy tiện, làm phá vỡ không gian phát triển quốc gia và lãng phí nguồn lực; quy định chế tài xử lý nếu hậu kiểm phát hiện sai phạm, nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan sau khi đã phân cấp triển để thẩm quyền quyết định và phê duyệt quy hoạch từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Dự thảo Luật bổ sung quy định hoạt động giám sát, kiểm tra là hoạt động quản lý nhà nước về quy hoạch.

3.3. Đơn giản hóa quy trình, thủ tục và hoàn thiện nội dung quy hoạch

Để giảm bớt khâu trung gian và rút ngắn thời gian thực hiện quy trình thủ tục của hoạt động quy hoạch, Dự thảo Luật đã đề xuất các quy định sau:

- Bổ sung quy định tại Điều 20 Dự thảo Luật cho phép các quy hoạch được lập đồng thời.

- Rà soát quy trình lập, thẩm định và điều chỉnh quy hoạch để cắt giảm các khâu trung gian, bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, cụ thể như sau:

+ Chuyển thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch sang hình thức đề cương lập quy hoạch tại Điều 16 Dự thảo Luật với nội dung được đơn giản hóa và do cơ quan phê duyệt quy hoạch tự tổ chức lập và phê duyệt để bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện; không phải thực hiện thẩm định. Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

+ Không quy định cụ thể thành phần hội và hình thức họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch và giao Chính phủ quy định chi tiết.

+ Đơn giản hóa thủ tục điều chỉnh quy hoạch: (i) Bỏ quy định xin chủ trương điều chỉnh quy hoạch ở cả 2 hình thức điều chỉnh thông thường và điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn; (ii) Đối với điều chỉnh quy hoạch theo trình tự thông thường, chủ tịch hội đồng thẩm định được quyết định hình thức hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch (có thể họp hội đồng hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản); (iii) Đối với điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn không cần phải thực hiện thủ tục thẩm định điều chỉnh quy hoạch.

+ Sửa đổi quy định về căn cứ điều chỉnh quy hoạch để bảo đảm tính khả thi, phân biệt rõ hơn căn cứ điều chỉnh quy hoạch theo trình tự thông thường với điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn để bảo đảm tính chặt chẽ khi thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đã được phân cấp triệt để.

+ Bỏ quy định về kế hoạch thực hiện quy hoạch để tránh việc kế hoạch hóa hoạt động quản lý và trùng lặp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch ngân sách...; việc triển khai thực hiện quy hoạch được thay thế bằng chương trình hành động thực hiện quy hoạch là văn bản đề các cơ quan quản lý phân công nhiệm vụ, điều phối các hoạt động cụ thể và thời gian triển khai tổ chức thực hiện quy hoạch để tăng tính linh hoạt trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch. Nội dung, trình tự, thủ tục ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch sẽ được Chính phủ quy định chi tiết.

3.4. Hoàn thiện nội dung quy hoạch

Để xác định rõ nội dung, mức độ chi tiết giữa các loại quy hoạch làm cơ sở để xác định mối quan hệ giữa các quy hoạch, việc xử lý trường hợp quy hoạch có mâu thuẫn và việc xác định quy hoạch là căn cứ để đánh giá sự phù hợp của dự án, Bộ Tài chính đã đề xuất tại Dự thảo Luật các nội dung sau:

- Hoàn thiện nội dung quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh theo hướng mang tính định hướng, chiến lược, bỏ quy định về Danh mục dự án trong quy hoạch để bảo đảm linh hoạt trong tổ chức thực hiện từ Điều 26 đến Điều 31 Dự thảo Luật và giao Chính phủ quy định chi tiết.

- Bảo đảm sự đồng bộ về nội dung, mức độ chi tiết của quy hoạch với việc phân cấp, phân quyền phê duyệt quy hoạch.

- Làm rõ hơn sự khác nhau về mức độ chi tiết của các quy hoạch làm cơ sở để xử lý trường hợp quy hoạch có mâu thuẫn và việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch.

3.5. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch

Để tạo hành lang pháp lý rõ ràng, đầy đủ, thống nhất về đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch; hạn chế tối đa việc phát sinh quy trình, thủ tục điều chỉnh các loại quy hoạch để bổ sung dự án làm kéo dài thời gian, làm ảnh hưởng tiến độ triển khai dự án; Huy động hiệu quả mọi nguồn lực, thành phần kinh tế tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân, Dự thảo Luật đã bổ sung các quy định sau:

- Xác định rõ phạm vi, nội dung đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch; làm rõ loại quy hoạch là căn cứ để đánh giá sự phù hợp của dự án.

- Làm rõ việc đánh giá sự phù hợp của dự án căn cứ vào văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; tính pháp lý của hồ sơ quy hoạch.

- Có giải pháp xử lý phù hợp trong trường hợp dự án không có trong quy hoạch, nhưng mục tiêu của dự án phù hợp với mục tiêu, định hướng của quy hoạch đã được phê duyệt.

3.6. Điều khoản thi hành

Ngoài quy định về hiệu lực của Luật, Dự thảo Luật đã có các quy định chuyển tiếp sau:

- Quy định chuyển tiếp cho việc thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt trước ngày Luật có hiệu lực.

- Quy định chuyển tiếp cho các quy hoạch đã được phê duyệt trước ngày Luật có hiệu lực nhưng chịu tác động của việc sửa đổi các Danh mục Quy hoạch của Luật.

- Quy định chuyển tiếp cho việc điều chỉnh các quy hoạch trước ngày Luật có hiệu lực, bao gồm cả việc xử lý chuyển tiếp đối với các quy hoạch đang thực hiện theo Nghị quyết về giải pháp tiếp tục triển khai công tác quy hoạch gắn với sắp xếp đơn vị hành chính trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi).

- Quy định xử lý chuyển tiếp đối với các kế hoạch thực hiện quy hoạch đã được ban hành cho đến khi quy hoạch được điều chỉnh.

- Sửa đổi, bổ sung một số luật có quy định liên quan đến quy hoạch để đồng bộ với quy định mới của Luật Quy hoạch: Nội dung này sẽ được rà soát sửa đổi đồng thời với quá trình soạn thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi).

3.7. Các nội dung sửa đổi khác

Ngoài các nội dung chính nêu trên, Dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi) cũng hoàn thiện các quy định công bố, cung cấp thông tin, dữ liệu về quy hoạch, xây dựng và quản lý, vận hành hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; sơ đồ, bản đồ quy hoạch; chi phí cho tư vấn nước ngoài... như sau:

- Hoàn thiện quy định về công bố, cung cấp thông tin, dữ liệu về quy hoạch theo hướng:

+ Hoàn thiện quy định về công bố, cung cấp thông tin quy hoạch để bảo đảm tính khả thi, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động quy hoạch, thống nhất với pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở.

+ Hoàn thiện quy định về hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch: theo hướng làm rõ hơn khái niệm hệ thống thông tin quy hoạch và cơ sở dữ liệu quy hoạch; Bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu quy hoạch để có cơ sở hoàn thiện hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch, thống nhất với quy định tại pháp luật về Chính phủ điện tử; giao dịch điện tử...

- Hoàn thiện quy định về giá trị sơ đồ, bản đồ như sau: Sửa đổi khái niệm về sơ đồ và bản đồ quy hoạch; Nội dung quy hoạch phải được luận chứng thông qua báo cáo thuyết minh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ.

- Hoàn thiện quy định về chi phí cho hoạt động quy hoạch để bảo đảm thống nhất quy định mới của pháp luật về ngân sách nhà nước, bảo đảm linh hoạt trong việc sử dụng các nguồn vốn.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO GỬI VĂN BẢN THẨM ĐỊNH

(Sẽ được hoàn thiện sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC LUẬT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc Luật

Việc xây dựng Luật Quy hoạch (sửa đổi) nhằm phù hợp với tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị sau khi sáp nhập. Quy trình, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch dự kiến sẽ được phân cấp mạnh hơn, đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy nhanh hoạt động quy hoạch trong thời gian tới.

Dự án Luật không sửa đổi quy định về kinh phí cho hoạt động quy hoạch, do đó không làm phát sinh bất cập về khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Mặt khác, kinh phí cho hoạt động quy hoạch có thể giảm đi do đơn giản hóa quy trình, thủ tục và nội dung quy hoạch.

Sau khi Luật này được ban hành, các cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch vẫn tiếp tục thực hiện các quy định về tổ chức bộ máy và quản lý nhà nước về quy hoạch đã được quy định trong Luật Quy hoạch, các luật, pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch hiện hành mà không làm phát sinh về nhân lực để triển khai thực hiện.

2. Thời gian dự kiến trình và thông qua

Bộ Tài chính dự kiến tiến độ của dự án Luật Quy hoạch (sửa đổi) như sau:

- Thời gian trình Chính phủ: Dự kiến tháng 8 tháng 2025.
- Thời gian trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Dự kiến tháng 9 tháng 2025.
- Thời gian trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua dự án Luật Quy hoạch (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 10 tháng 2025), Quốc hội khóa XV.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

(Sẽ được hoàn thiện sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

Với những nội dung như đã báo cáo trên, để đáp ứng tiến độ, Bộ Tài chính kính đề nghị Chính phủ giao Bộ Tài chính tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật theo ý kiến của các Thành viên Chính phủ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký trình Quốc hội Dự án Luật xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

Trên đây là Tờ trình về Dự án Luật Quy hoạch (sửa đổi); Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Tờ trình Quốc hội; (2) Dự thảo Luật; (3) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; (4) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo; (5) Bản đánh giá về thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc; (6) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (7) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn; (8) Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với Luật Quy hoạch hiện hành; (9) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (10) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

Nơi nhận:

- Như trên (kèm tài liệu);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (kèm tài liệu);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (kèm tài liệu);
- Bộ Tài chính: Vụ PC;
- Lưu: VT, QL.QH (NQA, b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

LUẬT QUY HOẠCH

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Quy hoạch.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch; trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quy hoạch* là việc sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ xác định để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định.

2. *Quy hoạch tổng thể quốc gia* là quy hoạch cấp quốc gia, mang tính chiến lược theo hướng phân vùng và liên kết vùng của lãnh thổ bao gồm đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển và vùng trời; hệ thống đô thị và nông thôn; kết cấu hạ tầng; sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

3. *Quy hoạch không gian biển quốc gia* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia về phân vùng chức năng và sắp xếp, phân bố các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh thuộc vùng biển Việt Nam.

4. *Quy hoạch sử dụng đất quốc gia* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia về phân bố và khoanh vùng đất đai cho các ngành, lĩnh vực và các địa phương trên cơ sở tiềm năng đất đai.

5. *Vùng* là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia bao gồm một số tỉnh, thành phố liền kề được hình thành trên cơ sở liên kết về địa lý, kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa và kết cấu hạ tầng.

6. *Quy hoạch vùng* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia đối với vùng về mục tiêu, định hướng phát triển và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị, kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường của vùng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và liên kết giữa các địa phương trong vùng.

7. *Quy hoạch tỉnh* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

8. *Quy hoạch ngành cấp quốc gia* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng theo ngành trên cơ sở kết nối các ngành, các vùng có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học.

9. *Quy hoạch ngành cấp vùng* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng về bố trí hệ thống kết cấu hạ tầng và sử dụng tài nguyên cấp vùng, liên tỉnh.

10. *Quy hoạch ngành cấp tỉnh* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch ngành cấp trên, quy hoạch tỉnh về phát triển không gian đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hệ thống kết cấu hạ tầng và sử dụng tài nguyên cấp tỉnh, liên xã.

11. *Tích hợp quy hoạch* là phương pháp tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch trên một phạm vi lãnh thổ xác định nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.

12. *Thời gian lập quy hoạch* là khoảng thời gian tính từ ngày lựa chọn được tổ chức tư vấn lập quy hoạch đến khi trình thẩm định quy hoạch.

13. *Hoạt động quy hoạch* bao gồm việc tổ chức lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch.

14. *Cơ quan lập quy hoạch* là cơ quan, tổ chức được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã giao trách nhiệm lập quy hoạch.

15. *Sơ đồ quy hoạch* là bản vẽ thể hiện nội dung quy hoạch được lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia, đối tượng địa lý quy hoạch thể hiện trên sơ đồ mang tính định hướng sơ bộ về không gian.

16. *Bản đồ quy hoạch* là bản vẽ thể hiện nội dung quy hoạch, được lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia, đối tượng địa lý quy hoạch thể hiện trên bản đồ có tính chính xác theo tỷ lệ bản đồ.

17. *Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch* là tập hợp bao gồm phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được thiết lập phục vụ mục đích thu thập, cập nhật, đồng bộ hóa, quản lý, vận hành, kết nối, khai thác, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về quy hoạch trên phạm vi toàn quốc.

18. *Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch* là tập hợp các cơ sở dữ liệu về quy hoạch và thông tin, dữ liệu có liên quan đến quy hoạch được xây dựng, sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý, cập nhật, duy trì và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử của cơ quan quản lý nhà nước và phục vụ lợi ích công cộng.

19. *Cơ sở dữ liệu về quy hoạch* là tập hợp các dữ liệu của hồ sơ quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt, được xây dựng, sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý, cập nhật, duy trì và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử.

20. *Cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch* là tập hợp có tổ chức các dữ liệu về vị trí địa lý và thuộc tính của đối tượng địa lý thể hiện nội dung cơ bản về quy hoạch được xây dựng trên nền cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch

1. Tuân theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường.

3. Bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch.

4. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân, trong đó lợi ích quốc gia là cao nhất; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới.

5. Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước; bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch, tính bảo tồn.

6. Bảo đảm tính độc lập giữa cơ quan lập quy hoạch với Hội đồng thẩm định quy hoạch.

7. Bảo đảm nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

8. Bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch, phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cơ quan nhà nước.

9. Bảo đảm cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế; xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch.

Điều 5. Hệ thống quy hoạch

1. Quy hoạch cấp quốc gia

- a) Quy hoạch tổng thể quốc gia;
- b) Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy không gian biển quốc gia;
- c) Quy hoạch ngành cấp quốc gia.

2. Quy hoạch cấp vùng

- a) Quy hoạch vùng;

Chính phủ xác định vùng cần lập quy hoạch vùng;

- b) Quy hoạch ngành cấp vùng.

3. Quy hoạch cấp tỉnh

- a) Quy hoạch tỉnh;
- b) Quy hoạch ngành cấp tỉnh.

4. Quy hoạch cấp xã

- a) Quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã;
- b) Quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

5. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định.

6. Danh mục quy hoạch ngành quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật này.

Điều 6. Mối quan hệ giữa các loại quy hoạch

1. Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia.

2. Quy hoạch ngành cấp quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.

3. Quy hoạch vùng phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

4. Quy hoạch ngành cấp vùng phải phù hợp với quy hoạch ngành cấp quốc gia mà quy hoạch đó cụ thể hóa quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật này và quy hoạch vùng.

5. Quy hoạch tỉnh phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch cấp vùng.

6. Quy hoạch ngành cấp tỉnh phải phù hợp với quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng mà quy hoạch đó cụ thể hóa quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật này và quy hoạch tỉnh.

7. Quy hoạch cấp xã phải phù hợp với quy hoạch cấp tỉnh.

Điều 7. Xử lý trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy hoạch

1. Trường hợp quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia mâu thuẫn với quy hoạch tổng thể quốc gia thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tổng thể quốc gia.

2. Trường hợp quy hoạch ngành cấp quốc gia mâu thuẫn với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

3. Trường hợp quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng mâu thuẫn với quy hoạch vùng thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch vùng.

4. Trường hợp quy hoạch ngành cấp quốc gia mâu thuẫn với nhau, quy hoạch ngành cấp vùng mâu thuẫn với nhau thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp các quy hoạch do một cơ quan tổ chức lập thì Bộ trưởng quyết định quy hoạch phải điều chỉnh;

b) Trường hợp các quy hoạch không cùng cơ quan tổ chức lập thì cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ quyết định quy hoạch phải điều chỉnh.

5. Trường hợp quy hoạch ngành cấp tỉnh mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với quy hoạch tỉnh thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tỉnh.

6. Trường hợp quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã mâu thuẫn với quy hoạch sử dụng đất cấp xã thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tỉnh.

7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều này.

Điều 8. Quy trình lập, thẩm định, quyết định và phê duyệt quy hoạch

1. Quy trình lập, thẩm định và quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, xây dựng nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan tham gia ý kiến;

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;

đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

g) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

h) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch báo cáo Chính phủ xem xét trình Quốc hội quyết định.

2. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng xây dựng xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, xây dựng nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan tham gia ý kiến;

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;

đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

g) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

3. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan xây dựng đề xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; xây dựng nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

c) Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt.

4. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch vùng thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, xây dựng nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan và địa phương trong vùng tham gia ý kiến;

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan và địa phương trong vùng có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;

đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

g) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

5. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, xây dựng nội dung quy hoạch; gửi cơ quan, tổ chức liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên xã nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;

đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

g) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

h) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

6. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch ngành cấp vùng; quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy trình của pháp luật có liên quan.

7. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm của các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này.

Điều 9. Đề cương lập quy hoạch

1. Đề cương lập quy hoạch bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Căn cứ lập quy hoạch;
- b) Yêu cầu về nội dung quy hoạch;
- c) Thời gian lập quy hoạch;
- d) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc lập quy hoạch.

2. Thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh đề cương lập quy hoạch được quy định như sau:

a) Bộ trưởng tổ chức lập, phê duyệt đề cương lập quy hoạch của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành cấp vùng thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, phê duyệt đề cương lập quy hoạch của quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý;

c) Quy hoạch cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 10. Chi phí cho hoạt động quy hoạch

1. Chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Chi phí đánh giá thực hiện quy hoạch sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 11. Chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch

1. Nhà nước quản lý phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt.

2. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và huy động nguồn lực để thúc đẩy ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới, đẩy mạnh chuyển đổi số; phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt.

3. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ nguồn lực cho hoạt động quy hoạch bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch.

4. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ việc xây dựng, cập nhật, chia sẻ và khai thác thông tin và dữ liệu qua Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch.

5. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động quy hoạch.

6. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động

Điều 12. Quản lý nhà nước về quy hoạch

1. Nội dung quản lý nhà nước về quy hoạch:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức chi phí, định mức kinh tế - kỹ thuật về quy hoạch; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về quy hoạch;

b) Tổ chức lập và thực hiện quy hoạch; xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình hành động thực hiện quy hoạch;

e) Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch;

h) Giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về quy hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động quy hoạch.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch trong phạm vi cả nước.

b) Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch.

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch ngành theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch.

d) Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch trong địa bàn do mình quản lý theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch.

Điều 13. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch

1. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch nhằm bảo đảm hoạt động quy hoạch đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 của Luật này.

2. Các hoạt động hợp tác quốc tế chủ yếu trong hoạt động quy hoạch gồm chia sẻ kinh nghiệm, ứng dụng khoa học và công nghệ mới, đào tạo và thu hút nguồn nhân lực cho hoạt động quy hoạch.

3. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch phải phù hợp với đường lối và chính sách đối ngoại của Việt Nam; bảo đảm nguyên tắc hòa bình, hợp tác, hữu nghị cùng phát triển trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, cùng có lợi, tôn trọng pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 14. Giám sát hoạt động quy hoạch

1. Việc giám sát hoạt động quy hoạch của Quốc hội, Hội đồng nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Việc giám sát hoạt động quy hoạch của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về mặt trận Tổ quốc.

2. Việc giám sát hoạt động quy hoạch của tổ chức, cá nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở và pháp luật về tiếp cận thông tin.

Điều 15. Kiểm tra hoạt động quy hoạch

1. Thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra hoạt động quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh:

a) Chính phủ tổ chức kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch không gian biên quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng;

b) Thủ tướng Chính phủ tổ chức kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch ngành cấp quốc gia;

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch tỉnh.

d) Bộ trưởng có trách nhiệm kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch ngành; phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch tỉnh trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.

2. Căn cứ thực hiện kiểm tra hoạt động quy hoạch:

a) Kế hoạch kiểm tra hoạt động quy hoạch;

b) Phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật trong hoạt động quy hoạch;

b) Kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về hoạt động quy hoạch có dấu hiệu trái pháp luật;

c) Theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Việc kiến nghị, đề xuất các giải pháp xử lý khi phát hiện quy hoạch có nội dung mâu thuẫn với nhau hoặc có dấu hiệu trái pháp luật trong hoạt động quy

hoạch qua quá trình giám sát hoặc kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật này, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn việc kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

5. Việc kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 16. Báo cáo về hoạt động quy hoạch

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về hoạt động quy hoạch đến Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 10 để tổng hợp báo cáo Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Việc báo cáo về hoạt động quy hoạch liên quan đến quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

3. Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội về hoạt động quy hoạch theo định kỳ 05 năm.

Điều 17. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong việc tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch

1. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng có quyền tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch; cá nhân có quyền tham gia ý kiến về hoạt động quy hoạch theo quy định của Luật này, pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn yêu cầu.

3. Cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh quy hoạch phải tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch; tạo điều kiện cho cá nhân tham gia ý kiến về hoạt động quy hoạch.

4. Ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về hoạt động quy hoạch phải được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch

1. Lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch không phù hợp với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn phản biện độc lập không đủ điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận hoặc trái với quy định của pháp luật.

3. Gây khó khăn, phiền hà, cản trở việc tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân theo quy định của pháp luật; Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả tham gia ý kiến của công dân.

4. Cố ý công bố, cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc công bố, cung cấp thông tin, trừ trường hợp thông tin thuộc bí mật nhà nước; hủy hoại thông tin; làm giả, làm sai lệch thông tin quy hoạch.

5. Can thiệp bất hợp pháp, cản trở hoạt động quy hoạch.

Chương II

LẬP QUY HOẠCH

Mục 1

TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH

Điều 19. Thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch

1. Chính phủ tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia.

2. Thủ tướng Chính phủ tổ chức lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng thuộc phạm vi quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch cấp tỉnh.

5. Thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Chính phủ quy định cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.

Điều 20. Lập đồng thời các quy hoạch

1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp xã được phép lập đồng thời; quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt cao hơn phải được thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt trước quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt thấp hơn.

2. Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu trong trường hợp không yêu cầu lập quy hoạch chung theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông

thôn được phép lập đồng thời với quy hoạch tỉnh và phê duyệt sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

Điều 21. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch

1. Cơ quan lập quy hoạch được phép lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải có tư cách pháp nhân và phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của Chính phủ.

3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch được phép lựa chọn đơn vị tư vấn nước ngoài để lập quy hoạch phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực.

Điều 22. Đánh giá môi trường chiến lược trong lập quy hoạch

1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn được quy định tại Điều 54 Luật này.

2. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược phải được lập, thẩm định đồng thời với quá trình lập, thẩm định quy hoạch.

3. Nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 23. Lấy ý kiến về quy hoạch

1. Trách nhiệm lấy ý kiến về quy hoạch:

a) Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến đối với quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia; quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch lấy ý kiến đối với quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tỉnh; quy hoạch ngành cấp vùng và cấp tỉnh;

c) Cơ quan lập quy hoạch cấp xã lấy ý kiến đối với quy hoạch sử dụng đất cấp xã và quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã.

2. Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu bằng văn bản, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch và hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

3. Đối với quy hoạch cấp xã, việc lấy ý kiến theo hình thức quy định tại khoản 2 Điều này và niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng; phát phiếu điều tra phỏng vấn; tổ chức hội nghị, hội thảo và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và pháp luật về tiếp cận thông tin.

4. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm:

- a) Công bố, công khai ý kiến góp ý, trừ các nội dung thuộc bí mật nhà nước;
- b) Tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp ý bằng văn bản, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia, trừ các nội dung thuộc bí mật nhà nước;
- c) Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc lấy ý kiến về từng loại quy hoạch.

Mục 2

NỘI DUNG QUY HOẠCH

Điều 24. Căn cứ lập quy hoạch

- 1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trong cùng giai đoạn phát triển.
- 2. Quy hoạch cao hơn (nếu có).
- 3. Quy hoạch thời kỳ trước.
- 4. Căn cứ lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật liên quan.

Điều 25. Yêu cầu về nội dung quy hoạch

- 1. Bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.
- 2. Việc phân bổ phát triển không gian trong quá trình lập quy hoạch phải bảo đảm thống nhất giữa kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai và bảo vệ môi trường, dịch vụ hệ sinh thái.
- 3. Bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các cấp, các ngành và khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Bảo đảm sự cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường trong quá trình lập quy hoạch.

5. Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em. Quá trình lập quy hoạch phải được kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm sinh kế bền vững của người dân trong khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.

6. Bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng; giữa lợi ích của các vùng, các địa phương.

7. Bảo đảm quyền tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong quá trình lập quy hoạch.

8. Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

9. Nội dung quy hoạch phải được luận chứng thông qua báo cáo thuyết minh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ.

Điều 26. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia

1. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia xác định việc phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường có tầm quan trọng cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng mang tính chiến lược trên lãnh thổ bao gồm đất liền, các đặc khu, vùng biển, vùng trời.

2. Quy hoạch tổng thể quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển quốc gia; phân tích, đánh giá các chủ trương, định hướng phát triển lớn tầm quốc gia; phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển;

b) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;

c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;

d) Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;

đ) Định hướng tổ chức không gian phát triển; định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng quốc gia;

e) Định hướng phát triển không gian biển;

g) Định hướng sử dụng đất quốc gia đến từng đơn vị hành chính cấp vùng;

h) Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng;

- i) Định hướng phát triển hệ thống đô thị;
 - k) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng cấp quốc gia, bao gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội;
 - l) Định hướng sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;
 - m) Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.
3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 27. Nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia

1. Nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia xác định việc phân vùng chức năng, sắp xếp, phân bổ và tổ chức không gian các ngành, lĩnh vực trên vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.
2. Quy hoạch không gian biển quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng không gian của các hoạt động trên vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;
 - b) Xác định các vùng cấm khai thác, các vùng khai thác có điều kiện, khu vực khuyến khích phát triển, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái trong vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;
 - c) Dự báo xu thế biến động của tài nguyên và môi trường, các tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên và môi trường; nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và yêu cầu bảo vệ môi trường trong vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam trong thời kỳ quy hoạch;
 - d) Dự báo bối cảnh và các kịch bản phát triển; đánh giá các cơ hội và thách thức cho các hoạt động sử dụng không gian biển;
 - đ) Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển;
 - e) Định hướng bố trí sử dụng không gian các hoạt động trong vùng đất ven biển, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;
 - g) Phân vùng sử dụng vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;

h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia tại khoản 2 Điều này.

Điều 28. Nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia

1. Nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia xác định việc phân bổ và tổ chức không gian sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực mang tính liên vùng, liên tỉnh.

2. Quy hoạch sử dụng đất quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực;

b) Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất;

c) Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch;

d) Định hướng sử dụng đất quốc gia, vùng kinh tế - xã hội, tầm nhìn sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

đ) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; trong đó xác định diện tích một số loại đất gồm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh;

e) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia tại khoản 2 Điều này.

Điều 29. Nội dung quy hoạch ngành cấp quốc gia

1. Nội dung quy hoạch ngành cấp quốc gia xác định định hướng phát triển, phân bổ và tổ chức không gian, nguồn lực cho các ngành mang tính liên ngành, liên vùng, liên tỉnh.

2. Quy hoạch kết cấu hạ tầng quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng quốc gia; thực trạng phân bổ, sử dụng không gian kết cấu hạ tầng quốc gia; phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển;

b) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành; những cơ hội và thách thức phát triển của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia;

c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;

d) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng trên phạm vi cả nước và các vùng, lãnh thổ;

đ) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển ngành kết cấu hạ tầng quốc gia và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia;

e) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Quy hoạch sử dụng tài nguyên quốc gia bao gồm những nội dung sau đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều tra, khảo sát, thăm dò hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên;

b) Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên;

c) Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường quốc gia và các quy hoạch có liên quan;

d) Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trong thời kỳ quy hoạch;

đ) Quan điểm, mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

e) Xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế, khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên;

g) Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

4. Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Định hướng sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh;

b) Xác định nhu cầu sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia;

c) Phân kỳ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh cho từng kỳ kế hoạch 05 năm;

d) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

6. Quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn lực; điều tra, khảo sát hiện trạng, đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước; hiện trạng phòng, chống thiên tai và thủy lợi trên địa bàn cả nước;

b) Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng chống thiên tai và thủy lợi;

c) Dự báo xu thế phát triển, các kịch bản phát triển, các tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong thời kỳ quy hoạch;

d) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, những cơ hội và thách thức đối với việc phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi;

đ) Quan điểm, mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

e) Xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế, khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

g) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ;

h) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi quốc gia;

i) Định hướng bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

k) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

7. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn lực; điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng rừng và nguồn lợi thủy sản; diễn biến đa dạng sinh học, tình hình quản lý bảo tồn đa dạng sinh học;

b) Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng rừng và nguồn lợi thủy sản đến môi trường, hệ sinh thái và đa dạng sinh học;

c) Phân tích, đánh giá các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan;

d) Dự báo tác động của tiến bộ khoa học - công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội đến bảo vệ, khai thác, sử dụng rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học trong thời kỳ quy hoạch;

đ) Quan điểm, mục tiêu bảo vệ, khai thác, sử dụng rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học.

e) Xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế và khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng rừng và nguồn lợi thủy sản; khoanh vùng các khu bảo tồn, khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan sinh thái quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học và cơ sở bảo tồn;

g) Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

7. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 3, 4, 4a, 5 và 6 Điều này.

Điều 30. Nội dung quy hoạch vùng

1. Nội dung quy hoạch vùng xác định định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường có tính liên ngành, liên vùng và liên tỉnh.

2. Quy hoạch vùng bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển vùng; phân tích, dự báo nguồn lực đặc thù của vùng, xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến phát triển của vùng; phân tích, đánh giá các chính sách và định hướng phát triển của Đảng và nhà nước tác động đến vùng;

b) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;

c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;

d) Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;

đ) Định hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng; định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của vùng;

e) Định hướng phát triển hệ thống đô thị vùng;

g) Định hướng phát triển các khu chức năng và các khu vực khác;

h) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của vùng;

i) Định hướng bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng;

k) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

Điều 31. Nội dung quy hoạch tỉnh

1. 1. Nội dung quy hoạch tỉnh cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng trên địa bàn tỉnh; định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên xã và định hướng bố trí trên địa bàn cấp xã.

2. Quy hoạch tỉnh bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian ngầm; hiện trạng sử dụng đất; môi trường; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học;

b) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;

c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;

d) Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;

đ) Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực;

e) Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD);

g) Phương hướng phát triển các khu chức năng; phương hướng phát triển cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương hướng phát triển địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

h) Phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, bao gồm mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, cơ sở hạ tầng viễn thông, công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước, khu xử lý chất thải, nghĩa trang, hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và hạ tầng kỹ thuật khác;

i) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở trợ giúp xã hội và hạ tầng xã hội khác;

i) Định hướng phát triển không gian ngầm (nếu có);

k) Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

n) Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn;

o) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Chương III

THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH HOẶC PHÊ DUYỆT, CÔNG BỐ VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN QUY HOẠCH

Mục 1

THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH

Điều 32. Thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch

1. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.

2. Bộ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch ngành cấp quốc gia và quy hoạch ngành cấp vùng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch cấp tỉnh.

4. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh tổ chức thẩm định quy hoạch sử dụng đất cấp xã; Cơ quan có chức năng quản lý về đô thị và nông thôn cấp tỉnh tổ chức thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã.

5. Chính phủ quy định chi tiết về thành phần và hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch thuộc khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 33. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch

1. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

a) Tờ trình;

b) Báo cáo thuyết minh quy hoạch;

c) Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;

d) Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch;

đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

e) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

2. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng hồ sơ trình thẩm định quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 34. Nội dung thẩm định quy hoạch

1. Đối với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, nội dung thẩm định quy hoạch tập trung vào các vấn đề sau đây:

- a) Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 8 của Luật này;
- b) Sự thống nhất, đồng bộ với quy hoạch có liên quan;
- c) Sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Mục 2 Chương II của Luật này.

2. Đối với quy hoạch quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã, nội dung thẩm định bao gồm nội dung được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 2

QUYẾT ĐỊNH HOẶC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH

Điều 35. Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch

- 1. Quốc hội quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia.
- 2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.
- 3. Bộ trưởng phê duyệt quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng.
- 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch cấp tỉnh.
- 5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch chung xã; quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đối với quy hoạch có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.
- 6. Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong phạm vi địa giới đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

Điều 36. Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch

- 1. Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh bao gồm:
 - a) Tờ trình;
 - b) Báo cáo thuyết minh quy hoạch;
 - c) Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;

d) Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch;

đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

e) Báo cáo thẩm định quy hoạch;

g) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

h) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

2. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh, quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 37. Trình tự, thủ tục quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia

1. Chậm nhất là 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi hồ sơ trình quyết định quy hoạch đến cơ quan của Quốc hội để thẩm tra.

2. Cơ quan thẩm tra có quyền yêu cầu Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về những vấn đề thuộc nội dung quy hoạch. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra.

3. Nội dung thẩm tra tập trung vào các vấn đề sau đây:

a) Sự phù hợp của nội dung quy hoạch với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp; tính thống nhất trong hệ thống quy hoạch; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Mục 2 Chương II của Luật này;

c) Tính khả thi của quy hoạch và điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để thực hiện quy hoạch.

4. Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về quy hoạch tổng thể quốc gia.

Điều 38. Nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch

Nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại ... của Luật này tương ứng với từng loại quy hoạch.

Mục 3

CÔNG BỐ VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN QUY HOẠCH

Điều 39. Yêu cầu đối với công bố quy hoạch

1. Quy hoạch phải được công bố công khai sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Việc công bố quy hoạch phải tuân thủ các nguyên tắc:

a) Công bố kịp thời, đầy đủ, thuận tiện, bảo đảm tiếp cận cho tổ chức, cá nhân;

b) Được xác thực, bảo đảm toàn vẹn và an toàn thông tin trên môi trường số;

c) Đồng bộ với Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch.

Điều 40. Trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch

1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch cấp xã.

Điều 41. Hình thức công bố quy hoạch

1. Đăng tải toàn văn quy hoạch và các tài liệu liên quan trên:

a) Công báo điện tử quốc gia hoặc công báo điện tử cấp tỉnh theo thẩm quyền;

b) Trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

2. Trưng bày hệ thống bản đồ, sơ đồ, dữ liệu tại cơ quan lập quy hoạch hoặc nơi công cộng tại khu vực có quy hoạch.

3. Tổ chức hội nghị, hội thảo;

4. Phát hành ấn phẩm.

5. Các hình thức khác bảo đảm thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin quy hoạch.

6. Quy hoạch quy hoạch ngành cấp vùng; quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được công bố theo các hình thức của Luật này và pháp luật có liên quan.

7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 42. Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch

1. Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch được xây dựng, vận hành thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quy hoạch, phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ số.

2. Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch bao gồm các thành phần cơ bản sau đây:

- a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin;
- b) Phần mềm của Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;
- c) Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

3. Trách nhiệm của xây dựng hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch quy định như sau:

- a) Bộ Tài chính tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;
- b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và được cập nhật thường xuyên để tạo dữ liệu khung cho hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;
- c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;

4. Chính phủ quy định chi tiết việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch.

Điều 43. Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch

1. Các thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch bao gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch cấp xã.
- b) Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên.
- c) Thông tin, dữ liệu khác liên quan đến quy hoạch.

2. Chính phủ quy định chi tiết xây dựng, quản lý, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

Điều 44. Cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Thông tin về quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu theo quy định của Luật này, pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật về thực

hiện dân chủ cơ sở, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch

a) Bộ Tài chính có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch vùng.

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia.

c) Bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch ngành cấp quốc gia và quy hoạch ngành cấp vùng thuộc thẩm quyền tổ chức lập hoặc phê duyệt.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch cấp tỉnh.

đ) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch cấp xã.

3. Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch cấp xã:

a) Cung cấp bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

b) Cung cấp qua hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch; trang thông tin điện tử và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 41 của Luật này.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp thông tin quy hoạch theo quy định tại Điều này.

Chương IV **THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

Điều 45. Chương trình hành động thực hiện quy hoạch

1. Chương trình hành động thực hiện quy hoạch được ban hành sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt.

2. Thẩm quyền ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch:

a) Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia.

b) Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng;

c) Bộ trưởng ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch ngành cấp quốc gia;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch tỉnh.

3. Khi kết thúc thời kỳ quy hoạch mà quy hoạch thời kỳ tiếp theo chưa được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt thì được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch thời kỳ tiếp theo được quyết định hoặc phê duyệt.

4. Chính phủ quy định nội dung và trình tự, thủ tục ban hành, điều chỉnh chương trình hành động thực hiện quy hoạch.

Điều 46. Quản lý thực hiện quy hoạch

1. Việc lập kế hoạch sử dụng đất, quản lý, phát triển và sử dụng đất phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch có liên quan quy định tại Điều 6 và Phụ lục ban hành kèm theo Luật này.

2. Việc triển khai các chương trình, dự án phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, ngành, vùng, địa phương và mục tiêu, định hướng đã được xác định tại quy hoạch có liên quan (nếu có).

3. Việc ban hành các quy định quản lý theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật có liên quan phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này.

Điều 47. Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch

1. Nguyên tắc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch:

a) Dự án của ngành, lĩnh vực nào thì căn cứ vào quy hoạch liên quan đến ngành, lĩnh vực đó để đánh giá sự phù hợp của dự án.

b) Dự án có phạm vi cấp quốc gia, liên vùng thì căn cứ vào quy hoạch cấp quốc gia có liên quan để đánh giá sự phù hợp của dự án.

c) Dự án có phạm vi cấp vùng, liên tỉnh thì căn cứ vào quy hoạch cấp vùng có liên quan để đánh giá sự phù hợp của dự án.

d) Dự án có phạm vi cấp tỉnh, liên xã thì căn cứ vào quy hoạch cấp tỉnh có liên quan để đánh giá sự phù hợp của dự án.

đ) Dự án có phạm vi trên địa bàn một xã thì căn cứ vào quy hoạch cấp xã có liên quan để đánh giá sự phù hợp của dự án.

c) Đối với dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch về mục tiêu, dự kiến vị trí, cấp, loại hoặc hạng công trình, quy mô dự án.

d) Đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư: đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch về mục tiêu, dự kiến vị trí của dự án.

2. Loại quy hoạch được sử dụng làm căn cứ đánh giá sự phù hợp của chủ trương đầu tư dự án tuân thủ nguyên tắc và quy định như sau:

a) Đối với dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên của quốc gia, vùng, liên tỉnh: quy hoạch ngành cấp quốc gia hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cấp quốc gia có liên quan đến;

b) Đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh: quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Đối với dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cấp tỉnh: quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cấp tỉnh có liên quan;

d) Đối với dự án đầu tư có liên quan đến phát triển đô thị hoặc nhà ở: dự án có phạm vi liên tỉnh thì căn cứ quy hoạch vùng; dự án có phạm vi trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì căn cứ quy hoạch tỉnh; dự án có phạm vi trong một xã thì căn cứ quy hoạch xã; dự án đã có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của khu vực dự án đã được phê duyệt thì căn cứ vào quy hoạch tương ứng.

đ) Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật của đô thị, khu chức năng: quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu của đô thị, hoặc quy hoạch chung, quy hoạch phân khu của khu chức năng.

e) Đối với dự án được đầu tư xây dựng tại khu vực không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết đô thị theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn: thiết kế đô thị riêng hoặc quy chế quản lý kiến trúc là cơ sở đánh giá;

g) Đối với dự án đầu tư xây dựng sửa chữa, cải tạo giữ nguyên quy mô, chức năng hiện hữu của các công trình xây dựng thì không yêu cầu đánh giá sự phù hợp với quy hoạch;

k) Đối với các dự án khác: quy hoạch chi tiết của khu vực đô thị hoặc nông thôn có liên quan.

3. Loại quy hoạch được sử dụng làm căn cứ đánh giá sự phù hợp của quyết định đầu tư dự án bao gồm quy hoạch được quy định tại khoản 3 Điều này hoặc quy hoạch chi tiết của khu vực đô thị hoặc nông thôn có liên quan đến dự án.

4 Đánh giá sự phù hợp của vị trí dự kiến của dự án với quy hoạch:

a) Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch quy hoạch vùng, đánh giá sự phù hợp vị trí dự kiến của dự án với định hướng bố trí công trình kết cấu hạ tầng, khu vực khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.

b) Đối với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cấp quốc gia, đánh giá sự phù hợp vị trí dự kiến của dự án với định hướng bố trí công trình kết cấu hạ tầng, khu vực khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đến đơn vị hành chính cấp tỉnh đối với quy hoạch có phạm vi liên vùng, liên tỉnh, đến đơn vị hành chính cấp xã đối với quy hoạch có phạm vi trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đến phạm vi ranh giới khu vực phát triển được xác định trong quy hoạch đối với quy hoạch được lập cho một khu chức năng.

c) Đối với quy hoạch cấp tỉnh, đánh giá sự phù hợp vị trí dự kiến của dự án với định hướng bố trí công trình kết cấu hạ tầng, khu vực khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đến đơn vị hành chính cấp xã.

d) Đối với quy hoạch cấp xã, đánh giá sự phù hợp vị trí dự kiến của dự án với phạm vi ranh giới khu vực phát triển có liên quan đã được xác định trong quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

đ) Đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư chưa được xác định cụ thể trong quy hoạch có liên quan, vị trí dự án được đánh giá là phù hợp với quy hoạch khi bảo đảm không chồng lấn với khu chức năng, cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình ngầm, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn đa dạng sinh học đã được xác định trong quy hoạch.

e) Đánh giá sự phù hợp của ranh giới khu vực dự án đối với quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:500 của quy hoạch đô thị và nông thôn chỉ thực hiện đối với thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án đầu tư.

Điều 48. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch

1. Quy hoạch được đánh giá thực hiện theo định kỳ 05 năm hoặc đột xuất.

2. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch được quy định như sau:

a) Cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng;

b) Bộ chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá thực hiện quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan có liên quan đánh giá thực hiện quy hoạch cấp tỉnh;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá thực hiện quy hoạch cấp xã;

4. Cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch có trách nhiệm đăng tải báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch lên hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch

5. Chính phủ quy định tiêu chí đánh giá thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

Tiêu chí đánh giá thực hiện quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh, quy hoạch cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 49. Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch

Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch được thể hiện bằng báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch và bao gồm những nội dung sau:

1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch hoặc so với mức đạt được của kỳ trước.

2. Xác định yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quy hoạch; kiến nghị điều chỉnh quy hoạch (nếu có).

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương V

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Điều 50. Thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch

1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

2. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch.

Điều 51. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch

1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp xã được phép điều chỉnh đồng thời; quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt cao hơn phải được thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt trước quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt thấp hơn.

Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu trong trường hợp không yêu cầu lập quy hoạch chung theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn được phép điều chỉnh đồng thời với quy hoạch tỉnh và phê duyệt sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt..

2. Các quy hoạch được phép điều chỉnh đồng thời.

3. Việc điều chỉnh quy hoạch phải bảo đảm tuân thủ quy định về mối quan hệ giữa các quy hoạch tại Điều 6 và nội dung quy hoạch tại Mục II Chương II Luật này.

4. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong quy hoạch những nội dung được điều chỉnh và công bố theo quy định của Luật này.

5. Việc điều chỉnh quy hoạch cấp xã và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 52. Căn cứ điều chỉnh quy hoạch

1. Việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch;

b) Có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, quy mô không gian lãnh thổ của quy hoạch;

c) Do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh làm thay đổi mục tiêu, định hướng, tổ chức không gian lãnh thổ của quy hoạch;

d) Do biến động bất thường của tình hình kinh tế - xã hội làm hạn chế nguồn lực thực hiện quy hoạch;

đ) Do sự phát triển của khoa học, công nghệ làm thay đổi cơ bản việc thực hiện quy hoạch;

e) Do yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Căn cứ điều chỉnh quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 53. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch

1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh:

a) Cơ quan lập quy hoạch căn cứ khoản 1 Điều 52 xây dựng đề cương, dự toán điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn theo quy định tại Điều ...; xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, bao gồm báo cáo điều chỉnh quy hoạch, dự thảo văn bản quyết định điều chỉnh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch; gửi xin ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

c) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

d) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình thẩm định theo quy định tại Điều 32 Luật này;

đ) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 32 Luật này.

Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định tổ chức thẩm định theo hình thức tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch theo quy định tại Điều 50 Luật này xem xét, quyết định điều chỉnh quy hoạch.

2. Việc điều chỉnh quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xem xét, điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 54. Điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về bảo đảm quốc phòng, an ninh, sắp xếp đơn vị hành chính, dự án quan trọng quốc gia làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch;

b) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn;

c) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp;

d) Việc thực hiện dự án khẩn cấp, nhiệm vụ cấp bách làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch theo quy định của Chính phủ;

đ) Thuộc trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ;

e) Cần điều chỉnh quy hoạch để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, gửi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan; tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

3. Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch được quy định như sau:

a) Quốc hội quyết định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia;

b) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch không gian biên quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

b) Bộ trưởng được giao tổ chức lập quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng;

4. Việc điều chỉnh quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xem xét, quyết định điều chỉnh theo quy định của Điều này.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này; quy định hồ sơ điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 55. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Luật Quy hoạch số 21/2017/QH15 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 56. Quy định chuyển tiếp về việc lập, thẩm định, quyết định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch

1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 và điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời

kỳ 2021-2030 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ các quy hoạch được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, được tiếp tục thực hiện cho đến hết thời kỳ quy hoạch hoặc cho đến khi được thay thế theo quy định của pháp luật. Trường hợp quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch đã tổ chức thẩm định nhưng chưa được quyết định hoặc phê duyệt thì thực hiện quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này.

2. Các quy hoạch từ số thứ tự 7, 11, 15, 18, 20, 26, 29, 37 tại Phụ lục 1 và các quy hoạch số thứ tự 2, 4, 5, 6, 10, 13, 14, 16, 17, 20, 21, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 37, 38 Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi được thay thế theo quy định của pháp luật có liên quan. (đối với quy hoạch bỏ)

3. Các quy hoạch số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 12, 14, 16, 17, 19, 22, 28, 30, 33, 34 và 39 tại Phụ lục 1 và các quy hoạch số thứ tự 1, 3, 7, 8 và 9 Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi được thay thế bằng các quy hoạch từ số thứ tự 1, 4, 5, 9, 10, 11, 21, 22 tại Phụ lục của Luật này. (đối với quy hoạch bị sửa tên)

4. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn của quy hoạch hoặc cho đến khi được điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định của pháp luật.

Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được điều chỉnh đồng thời với quy hoạch quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt thực hiện như sau:

a) Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang thực hiện điều chỉnh nhưng chưa được quyết định hoặc phê duyệt thì thực hiện phê duyệt theo quy định của Luật này;

b) Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, trừ trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này thì thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Điều 53 của Luật này trên cơ sở quy hoạch của đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sáp nhập và không phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.

6. Kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành thì thực hiện cho đến khi quy hoạch được phê duyệt điều chỉnh theo quy định của Luật này.

Điều 57. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của các luật có liên quan đến quy hoạch

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Luật....
2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Luật....
3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Luật....
-

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa..., Kỳ họp thứ...thông qua ngày...tháng...năm....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC
DANH MỤC QUY HOẠCH NGÀNH

(Ban hành kèm theo Luật Quy hoạch số/2025/QH15)

TT	Tên quy hoạch ngành	Văn bản quy định	Tên quy hoạch cụ thể hóa
I	CẤP QUỐC GIA		
1.1	Kết cấu hạ tầng		
1	Quy hoạch hệ thống giao thông	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
2	Quy hoạch phát triển điện lực	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
3	Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
4	Quy hoạch tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
5	Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
6	Quy hoạch hệ thống du lịch	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
7	Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
8	Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
9	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng

10	Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
11	Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế công lập	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
12	Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
13	Quy hoạch công nghiệp quốc phòng.	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
14	Quy hoạch công nghiệp an ninh.	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
15	Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
16	Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
1.2	Tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học		
17	Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
18	Quy hoạch sử dụng đất an ninh	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
19	Quy hoạch khoáng sản nhóm I	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
20	Quy hoạch khoáng sản nhóm II	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
21	Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng

22	Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
23	Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	Luật Quy hoạch	Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng
II	CẤP VÙNG		
2.1	Kết cấu hạ tầng		
24	Quy hoạch tuyến, ga đường sắt	Luật Đường sắt	Quy hoạch hệ thống giao thông
25	Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ của tuyến đường bộ liên tỉnh	Luật Giao thông đường bộ	
26	Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển	Bộ luật Hàng hải	
27	Quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay	Luật Hàng không dân dụng Việt Nam	
28	Quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê	Luật Đê điều; Luật Phòng, chống thiên tai	Quy hoạch tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi
29	Quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh	Luật Tài nguyên nước; Luật Thủy lợi	Quy hoạch tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi
30	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của di sản thế giới; di tích quốc gia đặc biệt	Luật Di sản văn hóa	Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập
31	Quy hoạch các công trình quốc phòng, khu quân sự	Luật Quốc phòng	Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược
2.2	Đô thị và nông thôn		

32	Quy hoạch khu chức năng thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, khu chức năng có phạm vi liên tỉnh	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch hệ thống du lịch đối với khu du lịch quốc gia; Quy hoạch vùng
III	CẤP TỈNH		
3.1	Tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học		
33	Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Luật Đất đai	Quy hoạch sử dụng đất quốc gia
3.2	Kết cấu hạ tầng		
34	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh	Luật Di sản văn hóa	Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập; quy hoạch tỉnh
3.3	Đô thị và nông thôn		
35	Quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch tỉnh
36	Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật của thành phố trực thuộc trung ương	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương
37	Quy hoạch khu chức năng thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch tỉnh
38	Quy hoạch khu vực phát triển đô thị có phạm vi liên xã	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương
IV	CẤP XÃ		
4.1	Tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học		
39	Quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh
4.2	Đô thị và nông thôn		

40	Quy hoạch chung xã	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương
41	Quy hoạch khu vực phát triển đô thị, nông thôn có phạm vi trên địa bàn 1 phường, xã	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch chung xã, quy hoạch sử dụng đất cấp xã

BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH (SỬA ĐỔI)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài chính)

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh	Phạm vi điều chỉnh	
	Luật này quy định việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia; trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch.	Luật này quy định việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch; trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch.	Luật Quy hoạch hiện hành chỉ quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; không quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Do vậy, chưa có cơ sở pháp lý để xác định mối quan hệ, cơ chế xử lý mâu thuẫn giữa các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và giữa các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với nhau. Mặt khác, Luật Quy hoạch hiện nay có các quy định liên quan đến quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành như khái niệm; mối quan hệ giữa các quy hoạch; chi phí cho việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch; danh

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			mục quy hoạch trong khi quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành lại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật và chưa bảo đảm sự thống nhất của Luật. Căn cứ chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ, Dự thảo Luật quy định theo hướng bổ sung cả quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành vào phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch. Theo đó, Luật Quy hoạch (sửa đổi) dự kiến sẽ bổ sung những nội dung mang tính nguyên tắc chung đối với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, như sau: Yêu cầu, nguyên tắc chung cho hoạt động quy hoạch; Cấp độ và loại quy hoạch; mối quan hệ với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; Yêu cầu chung về mức độ chi tiết và nội dung của quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; Hồ sơ quy hoạch; việc công bố quy hoạch; lưu trữ và chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu quy hoạch. Các luật chuyên ngành sẽ quy định chi tiết, cụ thể về nguyên tắc chuyên ngành; lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh và nội dung quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.
Điều 2.	Đối tượng áp dụng	Đối tượng áp dụng	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Sửa đổi để thống nhất với việc thay đổi phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch tại Điều 1.
Điều 3.	Khái niệm		
	Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:		
	1. Quy hoạch là việc sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ xác định để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định.	1. Quy hoạch là việc sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ xác định để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định.	Quá trình triển khai xuất hiện cách hiểu khác nhau về cụm từ “sắp xếp, phân bổ không gian” dẫn ảnh hưởng tiến độ lập quy hoạch cũng như việc cụ thể hóa quy hoạch cấp dưới với quy hoạch cấp trên. Do đó, Dự thảo Luật đề xuất khái niệm “quy hoạch” mới để làm rõ hơn đối tượng của quy hoạch; tạo cơ sở pháp lý để phân biệt giữa chiến lược – quy hoạch – kế hoạch – đề án...
	2. Quy hoạch tổng thể quốc gia là quy hoạch cấp quốc gia, mang tính chiến lược theo hướng phân vùng và liên kết vùng của lãnh thổ bao gồm đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển và vùng trời; hệ thống đô thị và nông thôn; kết cấu hạ tầng; sử	Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.		
	3. Quy hoạch không gian biển quốc gia là quy hoạch cấp quốc gia, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia về phân vùng chức năng và sắp xếp, phân bố hợp lý không gian các ngành, lĩnh vực trên vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.	Giữ nguyên quy định	
	4. Quy hoạch sử dụng đất quốc gia là quy hoạch cấp quốc gia, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia về phân bổ và khoanh vùng đất đai cho các ngành, lĩnh vực và các địa phương trên cơ sở tiềm năng đất đai.	Giữ nguyên quy định	
	5. Quy hoạch ngành quốc gia là quy hoạch cấp quốc gia, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia theo ngành trên cơ sở kết nối các ngành, các vùng có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.	Quy hoạch ngành cấp quốc gia là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng theo ngành trên cơ sở kết nối các ngành, các vùng có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	6. Vùng là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia bao gồm một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lân cận gắn với một số lưu vực sông hoặc có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, lịch sử, dân cư, kết cấu hạ tầng và có mối quan hệ tương tác tạo nên sự liên kết bền vững với nhau.	5. <i>Vùng</i> là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia bao gồm một số tỉnh, thành phố liên kề được hình thành trên cơ sở liên kết về địa lý, kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa và kết cấu hạ tầng.	Chỉnh sửa khái niệm vùng để phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và phương án phân vùng kinh tế - xã hội hiện đang trình Trung ương có ý kiến. Khái niệm “vùng” mới làm rõ tính chất pháp lý của “vùng” là đơn vị phân vùng phục vụ quy hoạch, không phải cấp hành chính. Bổ sung yếu tố “kết nối hạ tầng” và “không gian phát triển liên kết” để phù hợp với định hướng tích hợp vùng trong các quy hoạch hiện nay. Nhấn mạnh vai trò của vùng trong quản lý phát triển liên tỉnh, đảm bảo điều phối hiệu quả đầu tư, tài nguyên và dịch vụ công. Phù hợp với thực tiễn phát triển vùng kinh tế trọng điểm, quy hoạch tích hợp đa ngành.
	7. Quy hoạch vùng là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia ở cấp vùng về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, xây dựng vùng liên tỉnh, kết cấu hạ tầng, nguồn nước lưu vực sông, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối các tỉnh.	6. Quy hoạch vùng là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia đối với vùng về mục tiêu, định hướng phát triển và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị, kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường của vùng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và liên kết giữa các ngành và các địa phương trên phạm vi lãnh thổ vùng .	Việc sửa đổi khái niệm để đồng bộ với khái niệm quy hoạch tổng thể quốc gia, vùng mới đã được đề xuất; bổ sung yếu tố “liên kết giữa các địa phương” phù hợp với bản chất của vùng và yêu cầu thực tiễn trong tổ chức phát triển vùng hiện nay.
	8. Quy hoạch tỉnh là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch	Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.		
	Chưa có quy định	8. Quy hoạch ngành cấp quốc gia là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng theo ngành trên cơ sở kết nối các ngành, các vùng có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học.	
	Chưa có quy định	9. Quy hoạch ngành cấp vùng là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng về bố trí hệ thống kết cấu hạ tầng và sử dụng tài nguyên cấp vùng, liên tỉnh.	
	Chưa có quy định	10. Quy hoạch ngành cấp tỉnh là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch ngành cấp trên, quy hoạch tỉnh về phát triển không gian đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hệ thống kết cấu hạ tầng và sử dụng tài nguyên cấp tỉnh, liên xã.	
	9. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch	Bãi bỏ	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bao gồm các quy hoạch được quy định tại Phụ lục 2 của Luật này.		
	10. Tích hợp quy hoạch là phương pháp tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch trên một phạm vi lãnh thổ xác định nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.	Giữ nguyên quy định	Thuật ngữ “Tích hợp quy hoạch” hiện nay chỉ được định nghĩa tại khoản 9 Điều 3, do vậy, không cần phải giải thích từ ngữ đối với thuật ngữ này. Mặt khác, tích hợp quy hoạch là phương pháp lập quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch, phương pháp này đã được thể hiện trong quy trình lập quy hoạch.
	Chưa có quy định	12. Thời gian lập quy hoạch là khoảng thời gian tính từ ngày lựa chọn được tổ chức tư vấn lập quy hoạch đến khi trình thẩm định quy hoạch.	
	11. Hoạt động quy hoạch bao gồm việc tổ chức lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch.	Giữ nguyên quy định	
	12. Cơ quan lập quy hoạch là cơ quan, tổ chức được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân	14. Cơ quan lập quy hoạch là cơ quan, tổ chức được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sửa đổi do không còn khái niệm hệ thống quy hoạch quốc gia.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	dân cấp tỉnh giao trách nhiệm lập quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia.	và Ủy ban nhân dân cấp xã giao trách nhiệm lập quy hoạch.	
	Chưa có quy định	<i>16. Bản đồ quy hoạch</i> là bản vẽ thể hiện nội dung quy hoạch, được lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia, đối tượng địa lý quy hoạch thể hiện trên bản đồ có tính chính xác theo tỷ lệ bản đồ	
	Chưa có quy định	<i>17. Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch</i> là tập hợp bao gồm phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được thiết lập phục vụ mục đích thu thập, cập nhật, đồng bộ hóa, quản lý, vận hành, kết nối, khai thác, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về quy hoạch trên phạm vi toàn quốc.	Luật hiện hành chưa có định nghĩa đầy đủ về Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch, dẫn đến chưa có quy chuẩn thống nhất về hệ thống, gây ra sự thiếu đồng bộ trong việc phối hợp khi triển khai xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống giữa các Bộ, ngành, địa phương. Do vậy, cần thiết quy định khái niệm nhằm bảo đảm việc kết nối đồng bộ các Hệ thống thông tin quy hoạch cấp tỉnh và các Bộ ngành với quốc gia.
	13. Cơ sở dữ liệu về quy hoạch là tập hợp thông tin thể hiện nội dung cơ bản về quy	<i>18. Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch</i> là tập hợp các cơ sở dữ liệu về quy hoạch và thông	Khái niệm “ <i>Cơ sở dữ liệu về quy hoạch</i> ” trong Luật quy hoạch hiện hành chưa phân biệt rõ

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	hoạch được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử.	tin, dữ liệu có liên quan đến quy hoạch được xây dựng, sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý, cập nhật, duy trì và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử của cơ quan quản lý nhà nước và phục vụ lợi ích công cộng.	giữa dữ liệu quy hoạch và cơ sở dữ liệu về quy hoạch, dẫn đến nhầm lẫn khái niệm cơ sở dữ liệu về quy hoạch với dữ liệu quy hoạch. Do vậy, cần chuẩn hóa lại khái niệm này bao gồm 2 thành phần rõ rệt.
		19. <i>Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch</i> là cơ sở dữ liệu quốc gia được lưu trữ đầy đủ, toàn diện và có hệ thống các thông tin, hồ sơ, bản đồ quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia.	Luật hiện hành chưa xác định rõ thành phần cấu thành của “Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch”, thiếu căn cứ pháp lý liên thông giữa cơ sở dữ liệu của các quy hoạch, việc này khiến nhiều bộ, ngành, địa phương triển khai các hệ thống thông tin riêng, các phần mềm riêng không tương thích với kiến trúc cơ sở dữ liệu chung của một cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành.
		19. <i>Cơ sở dữ liệu về quy hoạch</i> là tập hợp các dữ liệu của hồ sơ quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt, được xây dựng, sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý, cập nhật, duy trì và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử.	
		20. <i>Cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch</i> là tập hợp có tổ chức các dữ liệu về vị trí địa lý và thuộc tính của đối tượng địa lý thể hiện nội dung cơ bản về quy hoạch được xây dựng trên nền cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
Điều 4.	Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch	Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch	
	1. Tuân theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Giữ nguyên quy định.	Quy định hiện hành về nguyên tắc trong hoạt động quy hoạch chỉ áp dụng cho các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, không áp dụng cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Do đó có nhiều cách hiểu khác nhau về các nguyên tắc áp dụng cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành như việc cung cấp thông tin quy hoạch; tính độc lập giữa việc lập và thẩm định quy hoạch. Ngoài ra, một số quy định về yêu cầu đối với nội dung quy hoạch cũng có sự trùng lặp với nguyên tắc của hoạt động quy hoạch. Dự thảo Luật sửa đổi nhằm thống nhất nguyên tắc cơ bản áp dụng cho tất cả các loại quy hoạch, phù hợp với sự thay đổi về phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch và đơn giản hoá yêu cầu đối với nội dung quy hoạch nhưng vẫn đáp ứng được nguyên tắc cơ bản của hoạt động quy hoạch.
	2. Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo	Giữ nguyên quy định.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường.		
	3. Bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia.	3. Bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch.	Sửa đổi do không còn khái niệm hệ thống quy hoạch.
	4. Bảo đảm tính nhân dân, sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân, trong đó lợi ích quốc gia là cao nhất; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới.	4. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân, trong đó lợi ích quốc gia là cao nhất; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới.	Sửa đổi do “tính nhân dân” đã được thể hiện tại nội dung bảo đảm “sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân”.
	5. Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước; bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch, tính bảo tồn.	Giữ nguyên quy định.	
	6. Bảo đảm tính độc lập giữa cơ quan lập quy hoạch với Hội đồng thẩm định quy hoạch.	Giữ nguyên quy định.	
	7. Bảo đảm nguồn lực để thực hiện quy hoạch.	Giữ nguyên quy định.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	8. Bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch, phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cơ quan nhà nước.	Giữ nguyên quy định.	
	Chưa quy định.	9. Bảo đảm cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế; xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch.	Thê chế hoá Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.
Điều 5.	Hệ thống quy hoạch quốc gia	Điều 5. Hệ thống quy hoạch	
	1. Quy hoạch cấp quốc gia. Quy hoạch cấp quốc gia bao gồm quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia.	1. Quy hoạch cấp quốc gia a) Quy hoạch tổng thể quốc gia; b) Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia; c) Quy hoạch ngành cấp quốc gia.	- Hợp nhất quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và gọi chung là “quy hoạch ngành”. - Rà soát, hoàn thiện các quy hoạch ngành cấp quốc gia
	2. Quy hoạch vùng.	2. Quy hoạch cấp vùng Chính phủ xác định vùng cần lập quy hoạch. a) Quy hoạch vùng; b) Quy hoạch ngành cấp vùng.	- Hợp nhất quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và gọi chung là “quy hoạch ngành”. - Rà soát, hoàn thiện các quy hoạch ngành cấp vùng
	3. Quy hoạch tỉnh.	3. Quy hoạch cấp tỉnh a) Quy hoạch tỉnh; b) Quy hoạch ngành cấp tỉnh.	- Hợp nhất quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và gọi chung là “quy hoạch ngành”.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			- Rà soát, hoàn thiện các quy hoạch ngành cấp tỉnh
	Chưa có quy định	4. Quy hoạch cấp xã a) Quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã; b) Quy hoạch sử dụng đất cấp xã.	- Bổ sung quy hoạch cấp xã vào hệ thống quy hoạch bảo đảm thống nhất với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.
	4. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định.	5. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định.	Kế thừa quy định hiện hành
	5. (được bãi bỏ)	6. Danh mục quy hoạch ngành quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật này.	Hợp nhất danh mục các quy hoạch ngành quốc gia và danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và gọi chung là danh mục quy hoạch ngành.
	Điều 6. Mối quan hệ giữa các loại quy hoạch		
	1. Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia. Trường hợp quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia có mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tổng thể quốc gia.	1. Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia.	Giữ nguyên quy định hiện hành

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	2. Quy hoạch ngành quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Trường hợp quy hoạch ngành quốc gia có mâu thuẫn với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia hoặc các quy hoạch ngành quốc gia mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch tổng thể quốc gia.	2. Quy hoạch ngành cấp quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.	Chuyển nội dung này sang Điều 7 của dự thảo Luật (Xử lý trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy hoạch)
	3. Quy hoạch vùng phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia. Trường hợp quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có mâu thuẫn với quy hoạch ngành quốc gia thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tổng thể quốc gia. Trường hợp quy hoạch vùng có mâu thuẫn với nhau, quy hoạch tỉnh có mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch cao hơn; trường hợp quy hoạch	3. Quy hoạch vùng phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.	- Sửa quy hoạch ngành quốc gia thành quy hoạch ngành cấp quốc gia để thống nhất với Điều 5. Hệ thống quy hoạch - Kế thừa quy định về mối quan hệ giữa quy hoạch ngành cấp quốc gia với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia - Sửa đổi, bổ sung quy định về việc quy hoạch ngành phải phù hợp với quy hoạch vùng vì các lý do sau: + Hệ thống chính trị của nước ta không có chính quyền cấp vùng. Các chính sách đối với vùng do cơ quan trung ương xây dựng, ban

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	tình có mâu thuẫn với quy hoạch vùng thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch vùng và quy hoạch cấp quốc gia.		hành và thực hiện. Do đó, chính sách phát triển vùng nói chung, quy hoạch vùng nói riêng là một bộ phận của hệ thống các chính sách phát triển ở cấp quốc gia. + Quy hoạch ngành và quy hoạch vùng đều là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia. Trong đó quy hoạch ngành cụ thể hóa định hướng phát triển đối với một ngành; quy hoạch vùng là cụ thể hóa định hướng phát triển tổng hợp, liên ngành. Việc quy định quy hoạch ngành cấp quốc gia phải phù hợp với quy hoạch vùng bảo đảm tính liên kết, đồng bộ giữa các ngành, các cấp trên phạm vi lãnh thổ vùng - một bộ phận của lãnh thổ quốc gia. Qua đó, giúp khắc phục tình trạng phát triển phân tán, rời rạc, manh mún giữa các ngành, các địa phương; bảo đảm việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực của quốc gia có tính trọng tâm, trọng điểm, mang lại hiệu quả cao.
	4. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có liên quan theo quy định của Chính phủ.	Bãi bỏ	Chuyển nội dung này sang Điều 7 của dự thảo Luật (Xử lý trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy hoạch)
	Chưa có quy định	4. Quy hoạch ngành cấp vùng phải phù hợp với quy hoạch ngành cấp quốc gia mà quy	- Giữ nguyên quy định về mối quan hệ giữa quy hoạch vùng và quy hoạch tổng thể quốc

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		hoạch đó cụ thể hóa quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật này và quy hoạch vùng.	gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia - Sửa đổi quy định về mối quan hệ giữa quy hoạch vùng và quy hoạch ngành cấp quốc gia theo các lý do nêu ở trên.
	Chưa có quy định	5. Quy hoạch tỉnh phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch cấp vùng.	Chuyển nội dung này sang Điều 7 của dự thảo Luật (Xử lý trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy hoạch)
	Chưa có quy định	6. Quy hoạch ngành cấp tỉnh phải phù hợp với quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng mà quy hoạch đó cụ thể hóa quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật này và quy hoạch tỉnh.	Bổ sung quy định về mối quan hệ giữa quy hoạch ngành cấp vùng và quy hoạch ngành cấp quốc gia để làm cơ sở pháp lý xử lý trường hợp các quy hoạch có mâu thuẫn.
	Chưa có quy định	7. Quy hoạch cấp xã phải phù hợp với quy hoạch cấp tỉnh.	Giữ nguyên quy định
	Chưa có quy định riêng	Điều 7. Xử lý mâu thuẫn giữa các quy hoạch	- Quy định hiện hành tại Luật Quy hoạch chỉ quy định một số nội dung về xử lý mâu thuẫn giữa các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia; chưa có quy định xử lý mâu thuẫn giữa quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia; chưa có quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan liên quan.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			- Đề xuất bổ sung một điều mới quy định về việc xử lý trường hợp có mâu thuẫn giữa các loại quy hoạch trong hệ thống quy hoạch để giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn.
	Khoản 1 Điều 6 quy định: 1. Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia. Trường hợp quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia có mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tổng thể quốc gia.	1. Trường hợp quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia mâu thuẫn với quy hoạch tổng thể quốc gia thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tổng thể quốc gia.	Kế thừa nội dung liên quan của quy định hiện hành
	2. Quy hoạch ngành quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Trường hợp quy hoạch ngành quốc gia có mâu thuẫn với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia hoặc các quy hoạch ngành quốc gia mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch tổng thể quốc gia.	2. Trường hợp quy hoạch ngành cấp quốc gia mâu thuẫn với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.	- Kế thừa nội dung liên quan của quy định hiện hành - Sửa đổi cụm từ “quy hoạch ngành quốc gia” thành “quy hoạch ngành cấp quốc gia” để thống nhất với Điều 5. Hệ thống quy hoạch của dự thảo Luật

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	3. Quy hoạch vùng phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia. Trường hợp quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có mâu thuẫn với quy hoạch ngành quốc gia thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tổng thể quốc gia.	3. Trường hợp quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng mâu thuẫn với quy hoạch vùng thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch vùng.	
		4. Trường hợp quy hoạch ngành cấp quốc gia mâu thuẫn với nhau, quy hoạch ngành cấp vùng mâu thuẫn với nhau thì thực hiện như sau:	
		a) Trường hợp các quy hoạch do một cơ quan tổ chức lập thì Bộ trưởng quyết định quy hoạch phải điều chỉnh;	
		b) Trường hợp các quy hoạch không cùng cơ quan tổ chức lập thì cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ quyết định quy hoạch phải điều chỉnh.	
		5. Trường hợp quy hoạch ngành cấp tỉnh mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với quy hoạch tỉnh thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tỉnh.	Bổ sung quy định mới về xử lý trường hợp quy hoạch ngành cấp tỉnh mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với quy hoạch tỉnh để xử lý khó

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			khẩn, vướng mắc từ thực tiễn và bảo đảm tính thống nhất, thứ bậc của hệ thống quy hoạch.
		6. Trường hợp quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã mâu thuẫn với quy hoạch sử dụng đất cấp xã thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tỉnh.	Bổ sung quy định mới về quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã mâu thuẫn với quy hoạch sử dụng đất cấp xã để xử lý khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn và bảo đảm tính thống nhất, thứ bậc của hệ thống quy hoạch.
		7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều này.	Chính phủ quy định chi tiết trường hợp các quy hoạch ngành cấp quốc gia mâu thuẫn với nhau, quy hoạch ngành cấp vùng mâu thuẫn với nhau theo hướng làm rõ nguyên tắc xác định quy hoạch được ưu tiên thực hiện, quy hoạch phải điều chỉnh bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện.
	Điều 7. Trình tự trong hoạt động quy hoạch	Bãi bỏ	
	1. Lập quy hoạch:		
	a) Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;		
	b) Tổ chức lập quy hoạch.		
	2. Thẩm định quy hoạch.		
	3. Quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch.		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	4. Công bố quy hoạch.		
	5. Thực hiện quy hoạch.		
	Điều 16. Quy trình lập quy hoạch	Điều 8. Quy trình lập, thẩm định, quyết định và phê duyệt quy hoạch	Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch hiện nay gồm nhiều bước, lấy ý kiến nhiều lần làm chậm tiến độ phê duyệt quy hoạch. Do đó, Dự thảo Luật đã quy định theo hướng giảm bớt khâu trung gian và rút ngắn thời gian thực hiện quy trình thủ tục của hoạt động quy hoạch.
	1. Quy trình lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia thực hiện theo các bước sau đây:	1. Quy trình lập, thẩm định và quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia thực hiện theo các bước sau đây:	
	a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch trình Chính phủ phê duyệt;	a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;	
	b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đề xuất các quan điểm, mục tiêu, nội dung quy hoạch; gửi các	b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; xây dựng nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; tham gia ý kiến;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan;		
	c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan tham gia ý kiến, đề xuất các nội dung quy hoạch thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan lập quy hoạch;	c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến, đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;	
	d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;	d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;	
	đ) (được bãi bỏ)	đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;	
	e) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 của Luật này;	e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;	
	g) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;	g) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch báo cáo Chính phủ xem xét trình Quốc hội quyết định.	
	h) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	quy hoạch báo cáo Chính phủ xem xét trình Quốc hội quyết định.		
	Chưa có quy định riêng	2. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia thực hiện theo các bước sau đây:	
		a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng xây dựng xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;	
		b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; xây dựng nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan;	
		c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến, đối với nội dung quy trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;	
		d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;	
		đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;	
		e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;	
		g) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.	
	2. Quy trình lập quy hoạch ngành quốc gia thực hiện theo các bước sau đây:	3. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia thực hiện theo các bước sau đây:	
	a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;	a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan xây dựng đề xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;	
	b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; xây dựng quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 của Luật này;	b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; xây dựng nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	c) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;	c) Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch ;	
	d) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch báo cáo Bộ trưởng xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	d) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;	
		đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt.	
	3. Quy trình lập quy hoạch vùng thực hiện theo các bước sau đây:	4. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch vùng thực hiện theo các bước sau đây:	
	a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;	a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;	
	b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực,	b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; xây dựng nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan và địa phương trong vùng; tham gia ý kiến;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của vùng, đề xuất các quan điểm, mục tiêu, nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan và địa phương trong vùng;		
	c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan và địa phương trong vùng tham gia ý kiến, đề xuất các nội dung quy hoạch thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan lập quy hoạch;	c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan và địa phương trong vùng có trách nhiệm tham gia ý kiến, đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;	
	d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;	d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;	
	d) (được bãi bỏ)	đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;	
	e) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 của Luật này;	e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;	
	g) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;	g) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.	
	h) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.		
	4. Quy trình lập quy hoạch tỉnh thực hiện theo các bước sau đây:	5. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh thực hiện theo các bước sau đây:	
	a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;	a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;	
	b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch.	b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; xây dựng nội dung quy hoạch; gửi cơ quan, tổ chức liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	c) Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập quy hoạch;	c) Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;	
	d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng;	d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên xã nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;	
	đ) Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan lập quy hoạch;	đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều ...23 của Luật này;	
	e) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 của Luật này;	e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;	
	g) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;	g) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo kết luận ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	h) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	h) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.	
	i) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.		
	Chưa có quy định	6. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch ngành cấp vùng; quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy trình của pháp luật có liên quan.	
	5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	7. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm của các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này.	
	Điều 8. Thời kỳ quy hoạch	Bãi bỏ	
	1. Thời kỳ quy hoạch là khoảng thời gian được xác định để làm cơ sở dự báo, tính toán các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho việc lập quy hoạch.		
	2. Thời kỳ quy hoạch của các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia là 10 năm. Tầm nhìn của quy hoạch cấp quốc gia là từ 30 năm đến 50 năm. Tầm nhìn		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	của quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh là từ 20 năm đến 30 năm.		
	Chưa có quy định	Điều 9. Đề cương lập quy hoạch	
		1. Đề cương lập quy hoạch bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây: a) Căn cứ lập quy hoạch;	
		b) Yêu cầu về nội dung quy hoạch;	
		c) Thời gian lập quy hoạch;	
		d) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc lập quy hoạch.	
		2. Thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh đề cương lập quy hoạch được quy định như sau:	
		a) Bộ trưởng tổ chức lập, phê duyệt đề cương lập quy hoạch của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành cấp vùng thuộc phạm vi quản lý;	
		b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, phê duyệt đề cương lập quy hoạch của quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		c) Quy hoạch cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.	
	Điều 9. Chi phí cho hoạt động quy hoạch	Điều 10. Chi phí cho hoạt động quy hoạch	
	1. Chi phí lập, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và nguồn vốn hợp pháp khác; đối với quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.	1. Chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác.	Bảo Ngọc phối hợp với Hoàn viết lại nội dung này để thống nhất với luật ngân sách nhà nước.
	2. Chi phí lập, thẩm định, điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; thẩm định, thẩm định điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đánh giá quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	2. Chi phí đánh giá thực hiện quy hoạch sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	3. Chi phí lập, thẩm định, công bố, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác.	Bãi bỏ	
	4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Giữ nguyên quy định	
	Điều 10. Chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch	Điều 11. Chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch	
	1. Nhà nước quản lý phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt.	Giữ nguyên quy định.	
	2. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và huy động nguồn lực để thúc đẩy phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt.	2. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và huy động nguồn lực để thúc đẩy ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới, đẩy mạnh chuyển đổi số; phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt.	Thế chế hoá Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
	3. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ nguồn	3. Giữ nguyên quy định.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	lực cho hoạt động quy hoạch bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch.		
	Chưa có quy định.	4. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ việc xây dựng, cập nhật, chia sẻ và khai thác thông tin và dữ liệu qua Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.	Thê chế hoá Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
	4. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động quy hoạch.	5. Giữ nguyên quy định.	
	5. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch.	6. Giữ nguyên quy định.	
	Chương V. Quản lý nhà nước về quy hoạch	Điều 12. Quản lý nhà nước về quy hoạch	
	Điều 55. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ	1. Nội dung quản lý nhà nước về quy hoạch:	
	1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch; ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia.	a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức chi phí, định mức kinh tế - kỹ thuật về quy hoạch; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về quy hoạch;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	2. Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng; kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng.	b) Tổ chức lập và thực hiện quy hoạch; xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình hành động thực hiện quy hoạch;	
	3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:	c) Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch;	
	a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch;	d) Giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về quy hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động quy hoạch.	
	b) Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng;	2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch	
	c) Trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng;	a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch trong phạm vi cả nước.	
	d) Hướng dẫn Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc lập và tổ chức thực hiện quy hoạch;	b) Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	đ) Bãi bỏ	c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch ngành theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch.	
	e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về quy hoạch;	d) Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch trong địa bàn do mình quản lý theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch.	
	g) Chủ trì, phối hợp tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động quy hoạch;		
	h) Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan phổ biến, giáo dục pháp luật về quy hoạch.		
	4. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	a) Ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch ngành quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch ngành quốc gia;		
	b) Tổ chức thực hiện quy hoạch ngành quốc gia; các nội dung quy hoạch trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng theo thẩm quyền;		
	c) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quy hoạch;		
	d) Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động quy hoạch.		
	5. Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều này và nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:		
	a) Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất để thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng;		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	b) Trình Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch đối với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;		
	c) Trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất an ninh cấp quốc gia.		
	6. Bộ Tài chính có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều này và nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ ban hành chính sách, giải pháp bảo đảm nguồn lực tài chính để thực hiện quy hoạch;		
	b) (được bãi bỏ)		
	Điều 56. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Gộp với Điều 55	
	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch tại địa phương và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	1. Ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh; ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh.		
	2. Tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh.		
	3. Phối hợp lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng liên quan.		
	4. Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về quy hoạch.		
	5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quy hoạch.		
	6. Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động quy hoạch.		
	Điều 11. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch	Điều 13. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch	
	1. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch nhằm bảo đảm hoạt động quy hoạch đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 của Luật này.	Giữ nguyên quy định.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	2. Các hoạt động hợp tác quốc tế chủ yếu trong hoạt động quy hoạch gồm chia sẻ kinh nghiệm, ứng dụng khoa học và công nghệ mới, đào tạo và thu hút nguồn nhân lực cho hoạt động quy hoạch.	Giữ nguyên quy định.	
	3. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch phải phù hợp với đường lối và chính sách đối ngoại của Việt Nam; bảo đảm nguyên tắc hòa bình, hợp tác, hữu nghị cùng phát triển trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, cùng có lợi, tôn trọng pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Giữ nguyên quy định.	
	Chưa có quy định	Điều 14. Giám sát hoạt động quy hoạch	Việc phân cấp có những nhược điểm như sau: (1) Khó khăn, thách thức trong việc bảo đảm tính độc lập giữa các cơ quan trong lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch do đã phân cấp triệt để (từ 3 cấp có thẩm quyền thực hiện, bao gồm Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành và địa phương gộp lại do 1 cấp có thẩm quyền thực hiện); (2) Rủi ro

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			về tư duy nhiệm kỳ làm ảnh hưởng đến chất lượng quy hoạch và tính thống nhất, đồng bộ, liên kết của hệ thống quy hoạch. Để hạn chế các nhược điểm nói trên, Luật Quy hoạch (sửa đổi) bổ sung các chính sách, giải pháp về theo dõi, kiểm tra - cơ chế hậu kiểm hiệu quả để bảo đảm nội dung, chất lượng của quy hoạch và tính đồng bộ, thống nhất của quy hoạch.
		1. Việc giám sát hoạt động quy hoạch của Quốc hội, Hội đồng nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.	
		2. Việc giám sát hoạt động quy hoạch của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về mặt trận Tổ quốc.	
		3. Việc giám sát hoạt động quy hoạch của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về mặt trận Tổ quốc.	
	Chưa có quy định	Điều 15. Kiểm tra hoạt động quy hoạch	
		1. Thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra hoạt động quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh:	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		a) Chính phủ tổ chức kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng;	
		b) Thủ tướng Chính phủ tổ chức kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch ngành cấp quốc gia;	
		c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch tỉnh.	
		d) Bộ trưởng có trách nhiệm kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch ngành; phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch tỉnh trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.	
		2. Căn cứ thực hiện kiểm tra hoạt động quy hoạch:	
		a) Kế hoạch kiểm tra hoạt động quy hoạch;	
		b) Phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật trong hoạt động quy hoạch;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		c) Kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về hoạt động quy hoạch có dấu hiệu trái pháp luật;	
		d) Theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.	
		3. Việc kiến nghị, đề xuất các giải pháp xử lý khi phát hiện quy hoạch có nội dung mâu thuẫn với nhau hoặc có dấu hiệu trái pháp luật trong hoạt động quy hoạch qua quá trình giám sát hoặc kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật này, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự.	
		4. Bộ Tài chính hướng dẫn việc kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.	
		5. Việc kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Điều 48. Báo cáo về hoạt động quy hoạch	Điều 16. Báo cáo về hoạt động quy hoạch	
	1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về hoạt động quy hoạch đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 10 để tổng hợp báo cáo Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.	1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về hoạt động quy hoạch đến Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 10 để tổng hợp báo cáo Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.	
	Chưa có quy định	2. Việc báo cáo về hoạt động quy hoạch liên quan đến quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.	
	2. Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội về hoạt động quy hoạch theo định kỳ 05 năm.	3. Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội về hoạt động quy hoạch theo định kỳ 05 năm.	
	Điều 12. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong việc tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch	Điều 17. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong việc tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch	
	1. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng có quyền tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch; cá nhân có quyền tham gia ý kiến về hoạt động quy hoạch	1. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng có quyền tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch; cá nhân có quyền tham gia ý kiến về hoạt động quy hoạch theo quy định của Luật này, pháp	Sửa đổi bổ sung để có căn cứ quy định trình tự, thủ tục lấy ý kiến quy hoạch và giám sát hoạt động quy hoạch khi thẩm quyền phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đã được phân cấp triệt để.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		luật về tiếp cận thông tin và pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở.	
	2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn yêu cầu.	2. Giữ nguyên quy định	
	3. Cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh quy hoạch phải tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch; tạo điều kiện cho cá nhân tham gia ý kiến về hoạt động quy hoạch.	3. Giữ nguyên quy định	
	4. Ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về hoạt động quy hoạch phải được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.	4. Giữ nguyên quy định	
	Điều 13. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch	Điều 18. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch	
	1. Lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch không phù hợp với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.	Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	2. Lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ.	Bãi bỏ	
	3. Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn phản biện độc lập không đủ điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận hoặc trái với quy định của pháp luật.	Giữ nguyên quy định.	
	4. Cản trở việc tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân theo quy định của pháp luật.	3. Gây khó khăn, phiền hà, cản trở việc tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân theo quy định của pháp luật; Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả tham gia ý kiến của công dân.	Sửa đổi để bảo đảm thống nhất với quy định tại Điều 9 Luật Thực hiện dân chủ cơ sở.
	5. Không công bố, công bố chậm, công bố không đầy đủ quy hoạch hoặc từ chối cung cấp thông tin về quy hoạch, trừ trường hợp thông tin thuộc bí mật nhà nước; cố ý công bố sai quy hoạch; cố ý cung cấp sai thông tin về quy hoạch; hủy hoại, làm giả hoặc làm sai lệch hồ sơ, giấy tờ, tài liệu.	4. Cố ý công bố, cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc công bố, cung cấp thông tin, trừ trường hợp thông tin thuộc bí mật nhà nước; hủy hoại thông tin; làm giả, làm sai lệch thông tin quy hoạch.	Sửa đổi để bảo đảm thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Tiếp cận thông tin.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	6. Thực hiện không đúng quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt.	Bãi bỏ	Thu Phương xem lại quy định này
	7. Can thiệp bất hợp pháp, cản trở hoạt động quy hoạch.	Giữ nguyên quy định.	
	Điều 14. Thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch	Điều 19. Thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch	
	1. Chính phủ tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.	1. Chính phủ tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia.	Sửa đổi do đã phân cấp thẩm quyền quyết định quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia cho Chính phủ.
	2. Thủ tướng Chính phủ tổ chức lập quy hoạch vùng.	2. Thủ tướng Chính phủ tổ chức lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.	Sửa đổi do đã phân cấp thẩm quyền quyết định quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia cho Chính phủ.
	3. Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia.	3. Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng thuộc phạm vi quản lý.	
	4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch tỉnh.	4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch cấp tỉnh.	
		5. Thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.	
		6. Chính phủ quy định cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.	
	Điều 15. Nhiệm vụ lập quy hoạch 1. Nhiệm vụ lập quy hoạch bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây: a) Căn cứ lập quy hoạch; b) Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch; c) Chi phí lập quy hoạch; d) Thời hạn lập quy hoạch; đ) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch. 2. Thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch được quy định như sau: a) Chính phủ tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia; b) Thủ tướng Chính phủ tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng; phê duyệt nhiệm vụ lập	Bãi bỏ	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	quy hoạch, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		
	Chưa có quy định riêng	Điều 20. Lập đồng thời các quy hoạch	
		1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp xã được phép lập đồng thời; quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt cao hơn phải được thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt trước quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt thấp hơn.	- Kế thừa quy định hiện hành về cho phép lập đồng thời các quy hoạch tại Nghị quyết 61/2022/QH15 của Quốc hội - Làm rõ thứ tự thẩm định, phê duyệt quy hoạch để bảo đảm tính thứ bậc, đồng bộ, thống nhất; khắc phục mâu thuẫn giữa các quy hoạch.
		2. Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu trong trường hợp không yêu cầu lập quy hoạch chung theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn được phép lập đồng thời với quy hoạch tỉnh và phê duyệt sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt.	- Bổ sung quy định cho phép quy hoạch Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu trong trường hợp không yêu cầu lập quy hoạch chung theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn được phép lập đồng thời với quy hoạch tỉnh để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc phê duyệt quy hoạch làm cơ sở để triển khai các dự án đầu tư.
	Điều 17. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch	Điều 21. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	1. Cơ quan lập quy hoạch, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương được phân công phải lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu.	1. Cơ quan lập quy hoạch được phép lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.	Hiện trạng: Chưa có cơ chế, chính sách để thuê tổ chức tư vấn nước ngoài lập quy hoạch. Chưa có sự linh hoạt trong việc lựa chọn đơn vị tư vấn. Mục tiêu: - Đảm bảo đảm linh hoạt trong quá trình thực hiện, dự thảo Luật chỉnh lý theo hướng cơ quan lập quy hoạch có thể lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch hoặc tự lập quy hoạch (ví dụ việc lập các quy hoạch ngành giáo dục và đào tạo thời kỳ 2021 – 2030). - Bổ sung cơ chế về lựa chọn đơn vị tư vấn nước ngoài để phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương, bảo đảm tính khả thi.
	2. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải có tư cách pháp nhân và phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của Chính phủ.	2. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải có tư cách pháp nhân và phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của Chính phủ.	
	Chưa có quy định	3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch được phép lựa chọn đơn vị tư vấn nước ngoài để lập quy hoạch phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Điều 18. Đánh giá môi trường chiến lược trong lập quy hoạch	Điều 22. Đánh giá môi trường chiến lược trong lập quy hoạch	
	1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn được quy định tại Điều 54 Luật này.	
	2. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược phải được lập, thẩm định đồng thời với quá trình lập, thẩm định quy hoạch.	Giữ nguyên quy định	
	3. Nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	Giữ nguyên quy định	
	Điều 19. Lấy ý kiến về quy hoạch	Điều 23. Lấy ý kiến về quy hoạch	
	1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp của địa phương liên quan và cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá	1. Trách nhiệm lấy ý kiến về quy hoạch: a) Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến đối với quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia; quy	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	nhân khác có liên quan về quy hoạch, trừ quy hoạch ngành quốc gia thì do cơ quan tổ chức lập quy hoạch lấy ý kiến. Đối với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, cơ quan lập quy hoạch phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương liên kề.	hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng; b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch lấy ý kiến đối với quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tỉnh; quy hoạch ngành cấp vùng và cấp tỉnh; c) Cơ quan lập quy hoạch cấp xã lấy ý kiến đối với quy hoạch sử dụng đất cấp xã và quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã.	
	2. Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.	2. Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu bằng văn bản, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch và hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.	
	3. Việc lấy ý kiến cộng đồng về quy hoạch được thực hiện bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch, niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng, phát phiếu điều tra phỏng vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Chưa có quy định	3. Đối với quy hoạch cấp xã, việc lấy ý kiến theo hình thức quy định tại khoản 2 Điều này và niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng; phát phiếu điều tra phỏng vấn; tổ chức hội nghị, hội thảo và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và pháp luật về tiếp cận thông tin.	
	4. Ý kiến đóng góp phải được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm công bố, công khai ý kiến đóng góp và việc tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp.	4. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm: a) Công bố, công khai ý kiến góp ý, trừ các nội dung thuộc bí mật nhà nước; b) Tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp ý bằng văn bản, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia, trừ các nội dung thuộc bí mật nhà nước; c) Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch.	
	5. Chính phủ quy định chi tiết việc lấy ý kiến về từng loại quy hoạch.	Giữ nguyên quy định	
	Điều 20. Căn cứ lập quy hoạch	Điều 24. Căn cứ lập quy hoạch	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trong cùng giai đoạn phát triển.	1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trong cùng giai đoạn phát triển.	
	2. Quy hoạch cao hơn (nếu có).	Giữ nguyên quy định	
	3. Quy hoạch thời kỳ trước.	Giữ nguyên quy định	
		4. Căn cứ lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật liên quan.	
	Điều 21. Yêu cầu về nội dung quy hoạch	Điều 25. Yêu cầu về nội dung quy hoạch	
	1. Bảo đảm yêu cầu hoạch định và phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ quốc gia, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.	1. Bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	2. Việc phân bố phát triển không gian trong quá trình lập quy hoạch phải bảo đảm thống nhất giữa kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai và bảo vệ môi trường, dịch vụ hệ sinh thái.	Giữ nguyên quy định	
	3. Bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành và các vùng trong cả nước, giữa các địa phương trong vùng và khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.	3. Bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các cấp, các ngành và khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.	
	4. Bảo đảm sự cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường trong quá trình lập quy hoạch.	Giữ nguyên quy định	
	5. Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em. Quá trình lập quy hoạch phải được kết hợp với các chính	Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm sinh kế bền vững của người dân trong khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.		
	6. Bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng; giữa lợi ích của các vùng, các địa phương.	Giữ nguyên quy định	
	7. Bảo đảm quyền tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong quá trình lập quy hoạch.	Giữ nguyên quy định	
	8. Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.	Giữ nguyên quy định	
	9. Nội dung của từng loại quy hoạch phải thống nhất, liên kết với nhau và được thể hiện bằng báo cáo quy hoạch và hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.	9. Nội dung quy hoạch phải được luận chứng thông qua báo cáo thuyết minh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ.	
	Điều 22. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia	Điều 26. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia	Sửa đổi để đơn giản hóa nội dung quy hoạch, bảo đảm quy hoạch tổng thể quốc gia chỉ bao gồm những nội dung mang tính định hướng cho các

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			quy hoạch cấp dưới. Các nội dung quy hoạch sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định.
	1. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia xác định việc phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường có tầm quan trọng cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng mang tính chiến lược trên lãnh thổ bao gồm đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời.	1. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia xác định việc phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường có tầm quan trọng cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng mang tính chiến lược trên lãnh thổ bao gồm đất liền, các đặc khu, vùng biển, vùng trời.	Sửa đổi để đơn giản hóa nội dung quy hoạch, bảo đảm quy hoạch tổng thể quốc gia chỉ bao gồm những nội dung mang tính định hướng cho các quy hoạch cấp dưới. Các nội dung quy hoạch sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định.
	2. Quy hoạch tổng thể quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây: a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển quốc gia, xu thế phát triển trong nước và quốc tế, các chủ trương, định hướng phát triển lớn, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và các nguồn lực phát triển; xu thế phát triển của khoa học, công nghệ; khu vực quân sự, an ninh cấp quốc gia; khu bảo tồn; khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; khu vực hạn chế khai thác, sử dụng và khu vực khuyến khích phát triển theo quy định của pháp luật có liên quan;	2. Quy hoạch tổng thể quốc gia bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển quốc gia; phân tích, đánh giá các chủ trương, định hướng phát triển lớn tầm quốc gia; phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển;	Sửa đổi để đơn giản hóa nội dung quy hoạch, bảo đảm quy hoạch tổng thể quốc gia chỉ bao gồm những nội dung mang tính định hướng cho các quy hoạch cấp dưới. Các nội dung quy hoạch sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	b) Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển;	b) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;	Chỉnh sửa thứ tự điểm b, điểm c để đảm bảo logic
	c) Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển;	c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;	Chỉnh sửa thứ tự điểm b, điểm c để đảm bảo logic
		d) Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;	
	d) Định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội;	đ) Định hướng tổ chức không gian phát triển; định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng quốc gia;	
	đ) Định hướng phát triển không gian biển;	e) Giữ nguyên quy định.	Gộp nội dung điểm d và điểm đ để đảm bảo gắn kết nội dung giữa định
	e) Định hướng sử dụng đất quốc gia;	g) Định hướng sử dụng đất quốc gia đến từng đơn vị hành chính cấp vùng;	Sửa đổi để giới hạn phạm vi phân tích, đánh giá, đồng thời làm cơ sở cho định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trong Quy hoạch vùng.
	g) Định hướng khai thác và sử dụng vùng trời;	Bãi bỏ	
	h) Định hướng phân vùng và liên kết vùng;	h) Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng;	Sửa đổi do dự thảo Luật đã quy định Chính phủ phân vùng để tổ chức lập quy hoạch
	i) Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia;	i) Định hướng phát triển hệ thống đô thị;	Sửa đổi để đảm bảo đồng bộ với Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, do định hướng phát triển hệ thống nông thôn không xác định được trong quy hoạch quốc gia, các định hướng phát triển nông thôn được quy định tại nội dung quy hoạch tỉnh.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	k) Định hướng phát triển ngành hạ tầng xã hội cấp quốc gia;	k) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng cấp quốc gia, bao gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội;	Gộp điểm k và điểm l
	l) Định hướng phát triển ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia;	Gộp với điểm k	
	m) Định hướng sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;	l) Giữ nguyên quy định.	
	n) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia;	Bãi bỏ	
	o) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.	m) Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.	
	3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia tại khoản 2 Điều này; quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch tổng thể quốc gia. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.	3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.	Bãi bỏ quy định “Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan” do phạm vi điều chỉnh của Luật đã bao gồm cả quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; đồng thời nội dung quy định này sẽ được thể hiện ở phần nguyên tắc, mối quan hệ các quy hoạch.
	Điều 23. Nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia	Điều 27. Nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	1. Nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia xác định việc phân vùng chức năng, sắp xếp, phân bổ và tổ chức không gian các ngành, lĩnh vực trên vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.	1. Nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia xác định việc phân vùng chức năng, sắp xếp, phân bổ và tổ chức không gian các ngành, lĩnh vực trên vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.	- Nội dung sửa đổi, bao gồm: thay thế cụm từ “<i>vùng đất ven biển</i>” thành cụm từ “<i>vùng bờ</i>” đồng thời với việc đưa phạm vi nghiên cứu của quy hoạch có phạm vi phân vùng “vùng bờ” với lý do: Đảm bảo với phân vùng thuộc không gian biển theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Luật số 82/2015/QH13 “<i>Vùng bờ là khu vực chuyển tiếp giữa đất liền hoặc đảo với biển, bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển</i>”. Đưa nội dung nghiên cứu phân vùng “vùng bờ” phù hợp với chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Việc đưa phạm vi phân vùng vào nghiên cứu trong quy hoạch không gian biển quốc gia

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			phù hợp với các cơ sở chính trị, tinh giản trong phân cấp quản lý, bảo đảm thống nhất điều hành tổng hợp có kiểm soát đúng thẩm quyền. - Sửa đổi các “đảo, quần đảo” thành “đặc khu” để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp
	2. Quy hoạch không gian biển quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:	2. Giữ nguyên quy định	
	a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng không gian của các hoạt động trên vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;	a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng không gian của các hoạt động trên vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;	Sửa đổi, bổ sung để thống nhất với khoản 1 Điều này
	b) Xác định các vùng cấm khai thác, các vùng khai thác có điều kiện, khu vực khuyến khích phát triển, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái trong vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;	b) Xác định các vùng cấm khai thác, các vùng khai thác có điều kiện, khu vực khuyến khích phát triển, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái trong vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;	Sửa đổi, bổ sung để thống nhất với khoản 1 Điều này
	c) Dự báo xu thế biến động của tài nguyên và môi trường, các tác động của biến đổi khí hậu	c) Dự báo xu thế biến động của tài nguyên và môi trường, các tác động của biến đổi khí hậu	Sửa đổi, bổ sung để thống nhất với khoản 1 Điều này

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	đối với tài nguyên và môi trường; nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và yêu cầu bảo vệ môi trường trong vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam trong thời kỳ quy hoạch;	đối với tài nguyên và môi trường; nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và yêu cầu bảo vệ môi trường trong vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam trong thời kỳ quy hoạch;	
	d) Dự báo bối cảnh và các kịch bản phát triển; đánh giá các cơ hội và thách thức cho các hoạt động sử dụng không gian biển;	d) Giữ nguyên quy định	
	đ) Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển;	đ) Giữ nguyên quy định	
	e) Định hướng bố trí sử dụng không gian các hoạt động trong vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;	e) Giữ nguyên quy định	
	g) Phân vùng sử dụng vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;	g) Phân vùng sử dụng vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;	Sửa đổi, bổ sung để thống nhất với khoản 1 Điều này
	h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;	h) Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	i) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia.	Bãi bỏ	
	3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia tại khoản 2 Điều này; quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch không gian biển quốc gia. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.	3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia tại khoản 2 Điều này.	- Bỏ nội dung “<i>Tích hợp quy hoạch</i>” để đảm bảo phù hợp với kết cấu mới của luật, theo hướng tích hợp là cách tiếp cận đa ngành nên nội dung này để các tư vấn nghiên cứu nhằm tiến tới mục đích đổi mới trong công tác nghiên cứu quy hoạch. - Bãi bỏ quy định “Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.” do phạm vi điều chỉnh của Luật đã bao gồm cả quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; đồng thời nội dung quy định này sẽ được thể hiện ở phần nguyên tắc, mối quan hệ các quy hoạch.
	Điều 24. Nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia	Điều 28. Nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia	
	1. Nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia xác định việc phân bổ và tổ chức không gian sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai	Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực mang tính liên vùng, liên tỉnh.		
	2. Quy hoạch sử dụng đất quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:	Giữ nguyên quy định	
	a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực;	Giữ nguyên quy định	
	b) Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất;	Giữ nguyên quy định	
	c) Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ mới;	c) Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch;	
	d) Định hướng sử dụng đất quốc gia, vùng kinh tế - xã hội, tầm nhìn sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;	Giữ nguyên quy định	
	đ) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; trong đó xác định diện tích một số loại đất gồm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh;	Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	e) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.	Giữ nguyên quy định	
	3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia tại khoản 2 Điều này.	Giữ nguyên quy định	
	Điều 25. Nội dung quy hoạch ngành quốc gia	Điều 29. Nội dung quy hoạch ngành cấp quốc gia	
	1. Nội dung quy hoạch ngành quốc gia xác định phương hướng phát triển, phân bố và tổ chức không gian, nguồn lực cho các ngành mang tính liên ngành, liên vùng, liên tỉnh.	1. Nội dung quy hoạch ngành cấp quốc gia xác định định hướng phát triển, phân bố và tổ chức không gian, nguồn lực cho các ngành mang tính liên ngành, liên vùng, liên tỉnh.	
	2. Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia quy định tại Phụ lục 1 của Luật này. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ rà soát Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung.	Bãi bỏ	Chuyển nội dung quy định vào Điều 5 Hệ thống quy hoạch.
	3. Quy hoạch kết cấu hạ tầng quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:	3. Quy hoạch kết cấu hạ tầng quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:	
	a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia;	a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng quốc gia; thực trạng phân bố, sử dụng không gian kết cấu hạ tầng quốc gia; phân tích, dự báo xu thế phát triển	Sửa đổi nội dung của quy hoạch kết cấu hạ tầng quốc gia theo hướng nội dung quy hoạch mang tính mở, khung để tạo sự linh hoạt cho quá trình triển khai thực hiện; nội dung chi tiết sẽ được thể hiện ở

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển;	quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Đồng thời, Chính phủ sẽ quy định cụ thể nội dung quy hoạch ngành quốc gia tại Nghị định để tạo sự linh hoạt trong triển khai thực hiện và bảo đảm tính ổn định của văn bản luật.
	b) Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển ảnh hưởng trực tiếp đến kết cấu hạ tầng quốc gia trong thời kỳ quy hoạch;	Hợp nhất vào điểm a	Chuyển đổi nội dung vào điểm a khoản 3 Điều này để đảm bảo nội dung Luật mang tính khung, nội dung chi tiết được quy định tại Nghị định.
	c) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành; những cơ hội và thách thức phát triển của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia;	b) Giữ nguyên quy định	
	d) Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia;	c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;	Sửa đổi kỹ thuật để đảm bảo nội dung Luật ngắn gọn
	đ) Phương án phát triển ngành kết cấu hạ tầng trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ;	d) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng trên phạm vi cả nước và các vùng, lãnh thổ;	Chỉnh lý kỹ thuật
	c) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển ngành kết cấu hạ tầng quốc gia và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia;	d) Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	g) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia;	Bãi bỏ	
	h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.	e) Giữ nguyên quy định	
	4. Quy hoạch sử dụng tài nguyên quốc gia, trừ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh, bao gồm những nội dung sau đây:	3. Quy hoạch sử dụng tài nguyên quốc gia bao gồm những nội dung sau đây:	
	a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều tra, khảo sát, thăm dò hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên;	Giữ nguyên quy định	
	b) Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên;	Giữ nguyên quy định	
	c) Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường quốc gia và các quy hoạch có liên quan;	Giữ nguyên quy định	
	d) Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trong thời kỳ quy hoạch;	Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	d) Quan điểm, mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;	Giữ nguyên quy định	
	e) Xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế, khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên;	Giữ nguyên quy định	
	g) Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;	Giữ nguyên quy định	
	h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.	Giữ nguyên quy định	
	4a. Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:	Giữ nguyên quy định	
	a) Định hướng sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh;	Giữ nguyên quy định	
	b) Xác định nhu cầu sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia;	Giữ nguyên quy định	
	c) Phân kỳ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh cho từng kỳ kế hoạch 05 năm;	Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	d) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.	Giữ nguyên quy định	
	5. Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:	Bãi bỏ	
	a) Đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường, cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học; tình hình và dự báo phát sinh chất thải; tác động của biến đổi khí hậu; tình hình quản lý và bảo vệ môi trường;		
	b) Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường;		
	c) Phân vùng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; quản lý chất thải; quan trắc và cảnh báo môi trường;		
	d) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên bảo vệ môi trường;		
	d) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.		
	6. Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:	Bãi bỏ	Do đã gộp chung vào khoản 7 Điều này

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	a) Đánh giá hiện trạng, diễn biến đa dạng sinh học, tình hình quản lý bảo tồn đa dạng sinh học;		
	b) Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học;		
	c) Khu vực đa dạng sinh học cao; cảnh quan sinh thái quan trọng; khu bảo tồn thiên nhiên; hành lang đa dạng sinh học; cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;		
	d) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học;		
	d) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.		
		6. Quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai	Sửa đổi, bổ sung quy định do tích hợp 2 quy hoạch gồm Quy hoạch tài nguyên nước và quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi
		a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn lực; điều tra, khảo sát hiện trạng, đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước; hiện trạng phòng, chống thiên tai và thủy lợi trên địa bàn cả nước;	
		b) Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng chống thiên tai và thủy lợi;	
		c) Dự báo xu thế phát triển, các kịch bản phát triển, các tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong thời kỳ quy hoạch;	
		d) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, những cơ hội và thách thức đối với việc phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi;	
		đ) Quan điểm, mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;	
		e) Xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế, khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên nước;	
		g) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		h) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi quốc gia;	
		i) Định hướng bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;	
		k) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.	
		7. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học	
		a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn lực; điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng rừng và nguồn lợi thủy sản; diễn biến đa dạng sinh học, tình hình quản lý bảo tồn đa dạng sinh học;	
		b) Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng rừng và nguồn lợi thủy sản đến môi trường, hệ sinh thái và đa dạng sinh học;	
		c) Phân tích, đánh giá các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan;	
		d) Dự báo tác động của tiến bộ khoa học - công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội đến bảo vệ, khai thác, sử dụng rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học trong thời kỳ quy hoạch;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		đ) Quan điểm, mục tiêu bảo vệ, khai thác, sử dụng rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học.	
		e) Xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế và khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng rừng và nguồn lợi thủy sản; khoanh vùng các khu bảo tồn, khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan sinh thái quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học và cơ sở bảo tồn;	
		g) Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;	
		h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.	
	7. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch ngành quốc gia tại các khoản 3, 4, 4a, 5 và 6 Điều này; quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch ngành quốc gia. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 4a, 5 và 6 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.	8. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 3, 4, 4a, 5 và 6 Điều này.	Bãi bỏ quy định “Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 4a, 5 và 6 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan” do phạm vi điều chỉnh của Luật đã bao gồm cả quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; đồng thời nội dung quy định này sẽ được thể hiện ở phần nguyên tắc, mối quan hệ các quy hoạch.
	Điều 26. Nội dung quy hoạch vùng	Điều 30. Nội dung quy hoạch vùng	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	1. Nội dung quy hoạch vùng xác định phương hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường có tính liên ngành, liên vùng và liên tỉnh.	1. Nội dung quy hoạch vùng xác định định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường có tính liên ngành, liên vùng và liên tỉnh.	
	2. Quy hoạch vùng bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:	2. Quy hoạch vùng bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:	
	a) Phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù của vùng;	a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển vùng; phân tích, dự báo nguồn lực đặc thù của vùng, xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến phát triển của vùng; phân tích, đánh giá các chính sách và định hướng phát triển của Đảng và nhà nước tác động đến vùng;	Sửa đổi nội dung quy hoạch vùng theo hướng nội dung quy hoạch mang tính khung, định hướng; nội dung chi tiết sẽ được thể hiện tại các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Đồng thời, Chính phủ sẽ quy định cụ thể nội dung quy hoạch hoạch vùng tại Nghị định để tạo sự linh hoạt trong triển khai thực hiện và bảo đảm tính ổn định của văn bản luật.
		b) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;	Sửa đổi, bổ sung quy định xây dựng kịch bản phát triển để làm cơ sở lựa chọn quan điểm, mục tiêu phát triển, đảm bảo đồng bộ quy định nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch tỉnh.
	b) Quan điểm, mục tiêu phát triển vùng;	c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;	
		d) Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;	Bổ sung quy định để làm rõ nhiệm vụ trọng tâm quy hoạch, các đột phá phát triển, đảm bảo đồng bộ

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			với quy định về nội dung của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch tỉnh.
	c) Phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng; phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bổ nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng;	đ) Định hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng; định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của vùng;	Sửa đổi để quy định tại Luật mang tính khung, định hướng; nội dung chi tiết sẽ được quy định tại Nghị định của Chính phủ
		e) Định hướng phát triển hệ thống đô thị vùng;	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với phạm vi quy hoạch vùng, phương án phát triển nông thôn được xác định tại nội dung quy hoạch tỉnh.
	d) Phương hướng xây dựng, bao gồm xác định hệ thống đô thị, nông thôn; khu kinh tế; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; vùng sản xuất tập trung;	g) Định hướng phát triển các khu chức năng và các khu vực khác;	Sửa đổi để quy định tại Luật mang tính khung, định hướng; nội dung chi tiết sẽ được thể hiện tại các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Đồng thời, Chính phủ sẽ quy định cụ thể nội dung quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh tại Nghị định.
	đ) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng;	h) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của vùng;	Sửa đổi để làm rõ 02 loại kết cấu hạ tầng trong quy hoạch vùng.
	e) Phương hướng bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng;	i) Định hướng bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	g) Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của vùng;		
	h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.	k) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.	Bãi bỏ quy định “Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan” do phạm vi điều chỉnh của Luật đã bao gồm cả quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; đồng thời nội dung quy định này sẽ được thể hiện ở phần nguyên tắc, mối quan hệ các quy hoạch.
	Điều 27. Nội dung quy hoạch tỉnh	Điều 31. Nội dung quy hoạch tỉnh	
	1. Nội dung quy hoạch tỉnh thể hiện các dự án cấp quốc gia đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia; các dự án cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định ở quy hoạch vùng; định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.	1. Nội dung quy hoạch tỉnh cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng trên địa bàn tỉnh; định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên xã và định hướng bố trí trên địa bàn cấp xã.	- Sửa đổi các định hướng phát triển để phù hợp với xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp
	2. Quy hoạch tỉnh bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:	2. Quy hoạch tỉnh bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:	- Sửa đổi các định hướng phát triển để phù hợp với xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			- Đơn giản hóa nội dung quy hoạch tỉnh để bảo đảm tính linh hoạt, khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.
	a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn;	a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian ngầm; hiện trạng sử dụng đất; môi trường; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học;	
	b) Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển;	b) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;	Tách điểm b thành 02 điểm để đảm bảo tính logic xác định các mục tiêu sau khi xây dựng kịch bản phát triển
		c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;	
		d) Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;	Sửa đổi theo hướng đơn giản hóa nội dung quy hoạch tỉnh để bảo đảm tính linh hoạt, khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.
	c) Phương hướng phát triển ngành quan trọng trên địa bàn; lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;	d) Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	đ) Phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu du lịch, khu thể dục thể thao, khu nghiên cứu, đào tạo; phương án phát triển khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; phương án phát triển các cụm công nghiệp; phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực;	c) Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD);	
		g) Phương hướng phát triển các khu chức năng; phương hướng phát triển cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương hướng phát triển địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;	
	đ) Phương án phát triển mạng lưới giao thông, bao gồm mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, đường sắt; các tuyến đường thủy nội địa và đường hàng hải; các cảng biển, sân bay quốc tế, quốc gia; mạng lưới đường bộ,	h) Phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, bao gồm mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, cơ sở hạ tầng viễn thông, công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước, khu xử lý	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	đường thủy liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới đường tỉnh;	chất thải, nghĩa trang, hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và hạ tầng kỹ thuật khác;	
	e) Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm phương án phát triển điện lực đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và phương án phát triển nguồn, lưới điện của tỉnh;	Hợp nhất với điểm d	
	g) Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh;	Hợp nhất với điểm d	
	h) Phương án phát triển công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước bao gồm công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và công trình thủy lợi liên huyện, hệ thống cấp nước, thoát nước liên huyện;	Hợp nhất với điểm d	
	i) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, bao gồm các khu xử lý chất thải nguy	Hợp nhất với điểm d	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	hạ cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; các khu xử lý chất thải liên huyện;		
	k) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm các dự án hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh;	i) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở trợ giúp xã hội và hạ tầng xã hội khác;	
		k) Định hướng phát triển không gian ngầm (nếu có);	
	l) Định hướng sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;	l) Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;	Sửa đổi quy định để phù hợp với xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp.
	n) Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn;	l) Giữ nguyên quy định.	
	o) Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh;	Bãi bỏ	
	p) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.	o) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch tỉnh tại khoản 2 Điều này; quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch tỉnh. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan	3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.	- Bỏ nội dung “Tích hợp quy hoạch” để đảm bảo phù hợp với kết cấu mới của luật, theo hướng tích hợp là cách tiếp cận đa ngành nên nội dung này để các tư vấn nghiên cứu nhằm tiến tới mục đích đổi mới trong công tác nghiên cứu quy hoạch. - Bãi bỏ quy định “Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.” do phạm vi điều chỉnh của Luật đã bao gồm cả quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; đồng thời nội dung quy định này sẽ được thể hiện ở phần nguyên tắc, mối quan hệ các quy hoạch.
		Chương III THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH HOẶC PHÊ DUYỆT, CÔNG BỎ VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN QUY HOẠCH	
		Mục 1 THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH	
	Điều 29. Thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch	Điều 32. Thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	1. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng.	1. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.	Sửa đổi do đã phân cấp thẩm quyền quyết định và phê duyệt quy hoạch.
		2. Bộ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch ngành cấp quốc gia và quy hoạch ngành cấp vùng.	
	2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch tỉnh.	3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch cấp tỉnh.	
		4. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh tổ chức thẩm định quy hoạch sử dụng đất cấp xã; Cơ quan có chức năng quản lý về đô thị và nông thôn cấp tỉnh tổ chức thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã.	Bổ sung quy định này bổ sung quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành vào phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch.
		5. Chính phủ quy định chi tiết về thành phần và hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch thuộc khoản 1, 2 và 3 Điều này.	
	Điều 30. Hội đồng thẩm định quy hoạch	Bãi bỏ	Chuyển nội dung này quy định tại Nghị định.
	1. Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	hoạch là Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ. Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và tổ chức, cá nhân khác. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định.		
	2. Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và tổ chức, cá nhân khác. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định.		
	3. Hội đồng thẩm định quy hoạch làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch theo nhiệm vụ được giao. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổ chức lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan trước khi trình Hội đồng thẩm định quy hoạch.		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch có thể lựa chọn tư vấn phản biện độc lập. Tư vấn phản biện độc lập phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Chính phủ.		
	4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		
	Điều 31. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch	Điều 33. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch	
	1. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:	1. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:	
	a) Tờ trình;	a) Tờ trình;	
	b) Báo cáo quy hoạch;	b) Báo cáo thuyết minh quy hoạch;	
	c) Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;	c) Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;	
	d) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;	d) Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch;	
	d) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;	d) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	c) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.	e) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.	
	2. Hội đồng thẩm định quy hoạch chỉ tổ chức thẩm định khi nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có quyền yêu cầu cơ quan trình thẩm định quy hoạch cung cấp thêm thông tin, giải trình về các nội dung liên quan.	2. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng hồ sơ trình thẩm định quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều này.	
		3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.	
	Điều 32. Nội dung thẩm định quy hoạch	Điều 34. Nội dung thẩm định quy hoạch	
	Nội dung thẩm định quy hoạch tập trung vào các vấn đề sau đây:	1. Đối với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, nội dung thẩm định quy hoạch tập trung vào các vấn đề sau đây:	
	1. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt;		Do đã bỏ quy định về nhiệm vụ lập quy hoạch
	2. Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật này;	a) Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 8 của Luật này;	
	3. Việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện;	b) Sự thống nhất, đồng bộ với quy hoạch có liên quan;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	4. Sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Mục 2 Chương II của Luật này.	c) Sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Mục 2 Chương II của Luật này.	
		2. Đối với quy hoạch quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã, nội dung thẩm định bao gồm nội dung được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan.	
	Điều 33. Báo cáo thẩm định quy hoạch	Điều 33. Báo cáo thẩm định quy hoạch	Điều 33. Báo cáo thẩm định quy hoạch
	1. Báo cáo thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải thể hiện rõ ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch về nội dung thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 32 của Luật này và kết luận về việc quy hoạch đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện để Chính phủ trình Quốc hội quyết định.		
	2. Báo cáo thẩm định quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải thể hiện rõ ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch về nội dung thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 32 của Luật này và kết luận về việc quy hoạch đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	3. Báo cáo thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến cơ quan lập quy hoạch chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch. Báo cáo thẩm định quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến cơ quan tổ chức lập quy hoạch chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch. Trường hợp kết luận quy hoạch chưa đủ điều kiện trình quyết định hoặc phê duyệt thì Hội đồng thẩm định quy hoạch trả lại hồ sơ cho cơ quan trình thẩm định quy hoạch và nêu rõ lý do.		
		Mục 2	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		QUYẾT ĐỊNH HOẶC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH	
	Điều 34. Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch	Điều 35. Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch	Quy định hiện nay có nhược điểm là: (1) Chưa đề cao được vai trò, tính tự chủ, chủ động của Bộ, ngành và địa phương trong quản lý nhà nước về quy hoạch; (2) Việc tập trung số lượng lớn quy hoạch thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ có thể ảnh hưởng đến tiến độ, kéo dài thời gian lập, điều chỉnh quy hoạch và làm chậm việc triển khai dự án; (3) Chưa có sự thống nhất về thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của một số quy hoạch ngành quốc gia. Do đó, Dự thảo Luật đã quy định theo hướng tăng cường tính tự chủ, chủ động của các cấp, các ngành trong hoạt động quy hoạch để bảo đảm bám sát thực tiễn của ngành, lĩnh vực và địa phương và đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.
	1. Quốc hội quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.	1. Quốc hội quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia.	Quy định thẩm quyền phê duyệt của Quốc hội đối với quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia dẫn đến thiếu linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến chỉ tiêu sử dụng đất.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.	2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.	
		3. Bộ trưởng phê duyệt quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng.	
		4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch cấp tỉnh.	
		5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch chung xã; quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đối với quy hoạch có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.	
		6. Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong phạm vi địa giới đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý.	
	Điều 35. Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch	Điều 36. Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch	
	Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch bao gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:	1. Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh bao gồm:	
	1. Tờ trình;	a) Tờ trình;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	2. Báo cáo quy hoạch.	b) Báo cáo thuyết minh quy hoạch;	
	3. Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;	c) Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;	
	4. Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;	d) Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch;	
	5. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;	đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;	
	6. Báo cáo thẩm định quy hoạch; bản sao ý kiến của chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan; báo cáo phản biện của tư vấn phản biện độc lập (nếu có);	e) Báo cáo thẩm định quy hoạch;	
	7. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;	g) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;	
	8. Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.	h) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.	
		2. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh, quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều này.	
	Điều 36. Trình tự, thủ tục quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia	Điều 37. Trình tự, thủ tục quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia	
	1. Chậm nhất là 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi hồ sơ trình quyết định quy hoạch đến cơ quan của Quốc hội để thẩm tra.	1. Chậm nhất là 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi hồ sơ trình quyết định quy hoạch đến cơ quan của Quốc hội để thẩm tra.	
	2. Cơ quan thẩm tra có quyền yêu cầu Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về những vấn đề thuộc nội dung quy hoạch. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra.	2. Cơ quan thẩm tra có quyền yêu cầu Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về những vấn đề thuộc nội dung quy hoạch. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra.	
	3. Nội dung thẩm tra tập trung vào các vấn đề sau đây:	3. Nội dung thẩm tra tập trung vào các vấn đề sau đây:	
	a) Sự phù hợp của nội dung quy hoạch với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp; tính thống nhất trong hệ thống quy hoạch; tính tương thích với điều	a) Sự phù hợp của nội dung quy hoạch với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp; tính thống nhất trong hệ thống quy hoạch; tính tương thích với điều ước quốc tế	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;	có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;	
	b) Sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Mục 2 Chương II của Luật này;	b) Sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Mục 2 Chương II của Luật này;	
	c) Tính khả thi của quy hoạch và điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để thực hiện quy hoạch.	c) Tính khả thi của quy hoạch và điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để thực hiện quy hoạch.	
	4. Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.	4. Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về quy hoạch tổng thể quốc gia.	
	Điều 37. Nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch	Điều 38. Nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch	
	Nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24, các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 25, khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 27 của Luật này tương ứng với từng loại quy hoạch.	Nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m khoản 2 Điều 26, các đ, e, g, h, i, k, l, m khoản 2 Điều 27, các điểm c, d, đ, e khoản 2 Điều 28, các điểm c, d, đ, e khoản 2, các điểm đ, e, g, h khoản 3, khoản 4, các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 5 và các khoản đ, e, g, h khoản 6 Điều 29 của Luật này tương ứng với từng loại quy hoạch.	Dẫn chiếu để thể hiện rõ nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch không bao gồm nội dung đánh giá hiện trạng, dự báo và kịch bản phát triển.
		Mục 3	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		CÔNG BỐ VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN QUY HOẠCH	
	Điều 38. Công bố quy hoạch	Điều 39. Yêu cầu đối với công bố quy hoạch	
	1. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, toàn bộ nội dung của quy hoạch phải được công bố công khai, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.	1. Quy hoạch phải được công bố công khai sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.	Bảo đảm phù hợp với thực tiễn và đồng bộ, thống nhất với các pháp luật có liên quan
	2. Quy hoạch được công bố theo hình thức quy định tại Điều 40 của Luật này.	2. Việc công bố quy hoạch phải tuân thủ các nguyên tắc:	Bổ sung nguyên tắc công bố công khai quy hoạch nhằm bảo đảm sự đồng bộ về quy định của Luật với hệ thống các Luật hiện hành khác.
		a) Công bố kịp thời, đầy đủ, thuận tiện, bảo đảm tiếp cận cho tổ chức, cá nhân;	
		b) Được xác thực, bảo đảm toàn vẹn và an toàn thông tin trên môi trường số;	
	Điều 39. Trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch	Điều 40. Trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch	
	1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức công bố quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng.	1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh.	
	2. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.	2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch cấp xã.	
	3. Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức công bố quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền tổ chức lập.		
	4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức công bố quy hoạch tỉnh.		
	Điều 40. Hình thức công bố quy hoạch	Điều 41. Hình thức công bố quy hoạch	
	1. Quy hoạch phải được đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch.	1. Đăng tải toàn văn quy hoạch và các tài liệu liên quan trên:	Sửa đổi để bảo đảm mọi thông tin được đăng tải, chia sẻ, kết nối trên Hệ thống thông và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.
		a) Công báo điện tử quốc gia hoặc công báo điện tử cấp tỉnh theo thẩm quyền;	
		b) Trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch.	
	2. Ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, quy hoạch còn được công bố theo các hình thức sau đây:		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	a) Thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng;		
	b) Trưng bày mô hình, hệ thống sơ đồ, bản đồ, hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch;	2. Trưng bày hệ thống bản đồ, sơ đồ, dữ liệu tại cơ quan lập quy hoạch hoặc nơi công cộng tại khu vực có quy hoạch.	
	c) Tổ chức hội nghị, hội thảo;	3. Tổ chức hội nghị, hội thảo;	
	d) Phát hành ấn phẩm.	4. Phát hành ấn phẩm.	
	Chưa quy định	5. Các hình thức khác bảo đảm thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin quy hoạch.	
	Chưa quy định.	6. Quy hoạch quy hoạch ngành cấp vùng; quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được công bố theo các hình thức của Luật này và pháp luật có liên quan.	Bổ sung do đã bổ sung quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành vào phạm vi điều chỉnh của Luật.
	3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.	7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.	
	Điều 41. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	Điều 42. Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch	
	1. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được xây dựng, vận hành thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quy hoạch. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch bao gồm hồ sơ quy hoạch, các	1. Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch được xây dựng, vận hành thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quy hoạch, phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ số.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	dữ liệu về tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu, quốc phòng, an ninh gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên.		
		2. Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch bao gồm các thành phần cơ bản sau đây:	
		a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin;	
		b) Phần mềm của Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;	
		c) Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch;	
	2. Trách nhiệm xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được quy định như sau:	3. Trách nhiệm của xây dựng hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch quy định như sau:	
	a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch;	a) Bộ Tài chính tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;	
	b) Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và được cập nhật thường xuyên để tạo dữ liệu khung cho hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch;	b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và được cập nhật thường xuyên để tạo dữ liệu khung cho hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	c) Bộ, cơ quan ngang Bộ cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch;	c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;	
	d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý của địa phương để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.		
		3. Việc quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ Hệ thống thông tin tuân thủ các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.	
	3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	4. Chính phủ quy định chi tiết việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin	
	Chưa quy định	Điều 43. Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch 1. Các thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch bao gồm:	Việc quy định Điều này nhằm làm rõ các thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được quy định tại Điều 41 Luật này. Bảo đảm tính tuân thủ và hiệu quả khi triển khai xây dựng Hệ thống.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		a) Cơ sở dữ liệu về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch cấp xã.	
		b) Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên.	
		c) Thông tin, dữ liệu khác liên quan đến quy hoạch.	
		52. Chính phủ quy định chi tiết xây dựng, quản lý, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.	
	Điều 42. Cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân	Điều 44. Cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân	
	1. Thông tin về quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.	1. Thông tin về quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu theo quy định của Luật này, pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.	
		2. Trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.	a) Cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.	
	3. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia.	Gộp với điểm a	
	4. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền tổ chức lập.	b) Bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch ngành cấp quốc gia và quy hoạch ngành cấp vùng thuộc thẩm quyền tổ chức lập hoặc phê duyệt.	
	5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch tỉnh.	c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch cấp tỉnh.	
		d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch cấp xã.	
	Điều 43. Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch	Ghép với Điều ... Cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		3. Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch cấp xã:	
	1. Cung cấp bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.	a) Cung cấp bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.	
	2. Đăng tải trên trang thông tin điện tử và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 40 của Luật này.	b) Cung cấp qua hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch; trang thông tin điện tử và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 41 của Luật này.	
	3. Cung cấp các ấn phẩm về quy hoạch.	Bãi bỏ	
		4. Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp thông tin quy hoạch theo quy định tại Điều này.	
	TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH	Chương IV THỰC HIỆN QUY HOẠCH	
	Điều 45. Kế hoạch thực hiện quy hoạch	Điều 45. Chương trình hành động thực hiện quy hoạch 1. Chương trình hành động thực hiện quy hoạch được ban hành sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt.	Nội dung kế hoạch thực hiện quy hoạch trùng lặp với kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực. Do đó, quy định này cần bãi bỏ để đơn giản hóa trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch, đảm

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			bảo sự linh hoạt trong tổ chức thực hiện quy hoạch.
	1. Kế hoạch thực hiện quy hoạch được ban hành sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt. Thẩm quyền ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch được quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật này. Cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch có thẩm quyền ban hành điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch.	2. Thẩm quyền ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch:	
	2. Kế hoạch thực hiện quy hoạch phải tuân thủ văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:	a) Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia.	Giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung và trình tự, thủ tục ban hành, điều chỉnh chương trình hành động thực hiện quy hoạch để bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện
	a) Dự án đầu tư công;	b) Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng;	
	b) Dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công;	c) Bộ trưởng ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch ngành cấp quốc gia;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	c) Xác định các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch.	d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch tỉnh.	
		3. Khi kết thúc thời kỳ quy hoạch mà quy hoạch thời kỳ tiếp theo chưa được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt thì được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch thời kỳ tiếp theo được quyết định hoặc phê duyệt.	
	3. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục ban hành, điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch.	4. Chính phủ quy định nội dung và trình tự, thủ tục ban hành, điều chỉnh chương trình hành động thực hiện quy hoạch.	
	Chưa quy định	Điều 46. Quản lý thực hiện quy hoạch	Bổ sung quy định về quản lý thực hiện quy hoạch để bảo đảm tính kết nối, thống nhất giữa việc thực hiện quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch và quy định tại các pháp luật khác có liên quan (như Luật Đất đai, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư PPP, Luật Xây dựng,...)
		1. Việc lập kế hoạch sử dụng đất, quản lý, phát triển và sử dụng đất phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch có liên quan quy định tại Điều .. và Phụ lục ban hành kèm theo Luật này.	Bổ sung quy định về quản lý thực hiện quy hoạch để bảo đảm tính kết nối, thống nhất giữa việc thực hiện quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch và Luật Đất đai

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		2. Việc triển khai các chương trình, dự án phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, ngành, vùng, địa phương và mục tiêu, định hướng đã được xác định tại quy hoạch có liên quan (nếu có).	Bổ sung quy định về quản lý thực hiện quy hoạch để bảo đảm tính kết nối, thống nhất giữa việc thực hiện quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch và Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư PPP và các luật khác có quy định liên quan đến quy hoạch
		3. Việc ban hành các quy định quản lý theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật có liên quan phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này.	Bổ sung quy định về quản lý thực hiện quy hoạch để bảo đảm tính kết nối, thống nhất giữa việc thực hiện quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch và Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Xây dựng, Luật Kiến trúc...
	Điều 46. Chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch	Bãi bỏ.	Giải pháp thực hiện đã được thể hiện tại nội dung quy hoạch và chính sách sẽ được các cơ quan nhà nước ban hành theo thẩm quyền.
	Chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch được ban hành phù hợp với kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:		
	1. Thu hút đầu tư phát triển theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt;		
	2. Phát triển nguồn nhân lực;		
	3. Phát triển khoa học và công nghệ;		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	4. Bảo đảm an sinh xã hội;		
	5. Bảo vệ môi trường;		
	6. Bảo đảm nguồn lực tài chính;		
	7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh.		
	Điều 47. Nguồn lực thực hiện quy hoạch	Bãi bỏ	Bãi bỏ do việc bố trí nguồn thực hiện quy hoạch liên quan đến nhiều hoạt động và chính sách đã được quy định tại Điều 46.
	1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bố trí hoặc trình cơ quan có thẩm quyền bố trí nguồn lực để thực hiện quy hoạch.		
	2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình cơ quan có thẩm quyền bố trí các nguồn vốn cho dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.		
	3. (được bãi bỏ)		
	4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bố trí nguồn lực để thực hiện quy hoạch tỉnh.		

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Không quy định	Điều 47. Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch	Hiện trạng Chưa có quy định chi tiết về đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch, dẫn đến chưa có cách hiểu thống nhất, đặc biệt là trường hợp dự án đầu tư không có trong danh mục dự án của quy hoạch; việc xác định quy hoạch là căn cứ để đánh giá sự phù hợp của dự án. Việc bổ sung quy định nhằm bảo đảm các mục tiêu sau: - Tạo hành lang pháp lý rõ ràng, đầy đủ, thống nhất về đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch; hạn chế tối đa việc phát sinh quy trình, thủ tục điều chỉnh các loại quy hoạch để bổ sung dự án làm kéo dài thời gian, làm ảnh hưởng tiến độ triển khai dự án. - Huy động hiệu quả mọi nguồn lực, thành phần kinh tế tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân.
		1. Nguyên tắc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch:	Bổ sung một số nguyên tắc chung về đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch theo hướng: - Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý nhà nước trong từng ngành, lĩnh vực. Dự án của ngành, lĩnh vực nào thì căn cứ vào quy hoạch

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			liên quan đến ngành, lĩnh vực đó để đánh giá sự phù hợp của dự án. - Bảo đảm nguyên tắc về đồng bộ về thẩm quyền; thẩm quyền đến đâu thì quyết định đến đó – dự án thuộc cấp nào thì căn cứ vào quy hoạch cấp tương ứng để đánh giá sự phù hợp.
		a) Dự án của ngành, lĩnh vực nào thì căn cứ vào quy hoạch liên quan đến ngành, lĩnh vực đó để đánh giá sự phù hợp của dự án.	
		b) Dự án có phạm vi cấp quốc gia, liên vùng thì căn cứ vào quy hoạch cấp quốc gia có liên quan để đánh giá sự phù hợp của dự án.	
		c) Dự án có phạm vi cấp vùng, liên tỉnh thì căn cứ vào quy hoạch cấp vùng có liên quan để đánh giá sự phù hợp của dự án.	
		d) Dự án có phạm vi cấp tỉnh, liên xã thì căn cứ vào quy hoạch cấp tỉnh có liên quan để đánh giá sự phù hợp của dự án.	
		đ) Dự án có phạm vi trên địa bàn một xã thì căn cứ vào quy hoạch cấp xã có liên quan để đánh giá sự phù hợp của dự án.	
		c) Đối với dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: đánh giá sự phù hợp của dự án với quy	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		hoạch về mục tiêu, dự kiến vị trí, cấp, loại hoặc hạng công trình, quy mô dự án.	
		g) Đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư: đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch về mục tiêu, dự kiến vị trí của dự án.	
		2. Quy hoạch được sử dụng làm căn cứ đánh giá sự phù hợp của chủ trương đầu tư dự án tuân thủ nguyên tắc và quy định như sau:	Hầu hết các quy định hiện hành tại Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư PPP và các luật khác có liên quan chưa xác định được việc đánh giá sự phù hợp của dự án phải căn cứ vào quy hoạch nào. Do đó, cần quy định cụ thể hơn về loại quy hoạch được sử dụng làm căn cứ đánh giá sự phù hợp khi thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư để khắc phục bất cập của quy định hiện hành
		a) Đối với dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên của quốc gia, vùng, liên tỉnh: quy hoạch ngành cấp quốc gia hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cấp quốc gia có liên quan đến;	Bảo đảm đồng bộ với quy định tại các luật có liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên Luật Đường bộ, Bộ luật hàng hải, Luật Tài nguyên nước..

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		b) Đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh: quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.	Bảo đảm đồng bộ với Luật Di sản văn hóa
		c) Đối với dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cấp tỉnh: quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cấp tỉnh có liên quan;	Bảo đảm đồng bộ với các luật có liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng như Luật Đường bộ, Luật Thủy lợi, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn...
		d) Đối với dự án đầu tư có liên quan đến phát triển đô thị hoặc nhà ở: dự án có phạm vi liên tỉnh thì căn cứ quy hoạch vùng ¹ ; dự án có phạm vi trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì căn cứ quy hoạch tỉnh; dự án có phạm vi trong một xã thì căn cứ quy hoạch xã; dự án đã có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của khu vực dự án đã được phê duyệt thì căn cứ vào quy hoạch tương ứng.	Bảo đảm đồng bộ với các luật có liên quan đến phát triển đô thị và nhà ở như Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Nhà ở...
		đ) Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật của đô thị, khu chức năng: quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu của đô thị, hoặc quy hoạch chung, quy hoạch phân khu của khu chức năng.	Bảo đảm đồng bộ với Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Xây dựng

¹ Trường hợp tích hợp QH tổng thể hệ thống đô thị vào nội dung của QHIV

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		e) Đối với dự án được đầu tư xây dựng tại khu vực không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết đô thị theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn: thiết kế đô thị riêng hoặc quy chế quản lý kiến trúc là cơ sở đánh giá;	Bảo đảm đồng bộ với Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Xây dựng
		g) Đối với dự án đầu tư xây dựng sửa chữa, cải tạo giữ nguyên quy mô, chức năng hiện hữu của các công trình xây dựng thì không yêu cầu đánh giá sự phù hợp với quy hoạch;	Bảo đảm đồng bộ với Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Xây dựng
		k) Đối với các dự án khác: quy hoạch chi tiết của khu vực đô thị hoặc nông thôn có liên quan.	Bảo đảm đồng bộ với Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Xây dựng
		3. Quy hoạch được sử dụng làm căn cứ đánh giá sự phù hợp của quyết định đầu tư dự án bao gồm quy hoạch được quy định tại khoản 3 Điều này hoặc quy hoạch chi tiết của khu vực đô thị hoặc nông thôn có liên quan đến dự án.	Hầu hết các quy định hiện hành tại Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư PPP và các luật khác có liên quan chưa xác định khi quyết định đầu tư dự án cần phải đánh giá sự phù hợp của dự án với các quy hoạch nào. Do đó, cần quy định cụ thể hơn về loại quy hoạch được sử dụng làm căn cứ đánh giá sự phù hợp dự án khi thực hiện quyết định đầu tư để khắc phục bất cập của quy định hiện hành
		4 Đánh giá sự phù hợp của vị trí dự kiến của dự án với quy hoạch:	Theo quy định hiện hành, việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch được thực hiện ở nhiều quy trình thủ tục quản lý nhà nước ở các

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			cấp, các ngành; từ cấp độ vĩ mô như phê duyệt chủ trương đầu tư cho đến cấp độ chi tiết, cụ thể như cấp phép xây dựng... Trong quá trình đó, có nhiều ý kiến khác nhau về khi đánh giá sự phù hợp của dự án về vị trí dự kiến với quy hoạch được phê duyệt. Trong khi đó nội dung quy hoạch ở từng cấp có sự khác nhau về mức độ chi tiết. Do đó cần có quy định về đánh giá sự phù hợp của vị trí dự kiến của dự án với quy hoạch từng cấp để làm rõ khi mức độ chi tiết cụ thể của việc đánh giá sự phù hợp của vị trí dự kiến của dự án tương ứng với mức độ chi tiết của quy hoạch. Khắc phục tình trạng phải điều chỉnh nhiều loại quy hoạch để đánh giá sự phù hợp của dự án, gây kéo dài thời gian thực hiện các thủ tục hành chính và làm chậm tiến trình phát triển.
		a) Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch quy hoạch vùng, đánh giá sự phù hợp vị trí dự kiến của dự án với định hướng bố trí công trình kết cấu hạ tầng, khu vực khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		b) Đối với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cấp quốc gia, đánh giá sự phù hợp vị trí dự kiến của dự án với định hướng bố trí công trình kết cấu hạ tầng, khu vực khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đến đơn vị hành chính cấp tỉnh đối với quy hoạch có phạm vi liên vùng, liên tỉnh, đến đơn vị hành chính cấp xã đối với quy hoạch có phạm vi trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đến phạm vi ranh giới khu vực phát triển được xác định trong quy hoạch đối với quy hoạch được lập cho một khu chức năng.	
		c) Đối với quy hoạch cấp tỉnh, đánh giá sự phù hợp vị trí dự kiến của dự án với định hướng bố trí công trình kết cấu hạ tầng, khu vực khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đến đơn vị hành chính cấp xã.	
		d) Đối với quy hoạch cấp xã, đánh giá sự phù hợp vị trí dự kiến của dự án với phạm vi ranh giới khu vực phát triển có liên quan đã được xác định trong quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp xã.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		đ) Đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư chưa được xác định cụ thể trong quy hoạch có liên quan, vị trí dự án được đánh giá là phù hợp với quy hoạch khi bảo đảm không chồng lấn với khu chức năng, cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình ngầm, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn đa dạng sinh học đã được xác định trong quy hoạch.	
		e) Đánh giá sự phù hợp của ranh giới khu vực dự án đối với quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:500 của quy hoạch đô thị và nông thôn chỉ thực hiện đối với thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án đầu tư.	
	Điều 49. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch	Điều 48. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch	
	1. Quy hoạch được đánh giá thực hiện theo định kỳ 05 năm hoặc đột xuất theo tiêu chí đánh giá do Chính phủ quy định.	1. Quy hoạch được đánh giá thực hiện theo định kỳ 05 năm hoặc đột xuất.	Giữ nguyên quy định
	2. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch được quy định như sau:	2. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch được quy định như sau:	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch vùng;	a) Cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng;	Sửa “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” thành “Bộ Tài chính” để phù hợp với sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị. Bổ sung trách nhiệm của cơ quan có liên quan để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả
	b) Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia;	b) Bộ chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá thực hiện quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng thuộc thẩm quyền quản lý;	
	c) Bộ, cơ quan ngang Bộ đánh giá thực hiện quy hoạch ngành quốc gia theo thẩm quyền;	c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan có liên quan đánh giá thực hiện quy hoạch cấp tỉnh;	
	d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá thực hiện quy hoạch tỉnh.	d) Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá thực hiện quy hoạch cấp xã;	
	Chưa quy định	đ) Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá thực hiện quy hoạch xã.	
		4. Cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch có trách nhiệm đăng tải báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch lên hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch	Bảo đảm thông tin, dữ liệu về thực hiện quy hoạch được công bố công khai, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát, kiểm tra; qua

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			đó góp phần nâng cao chất lượng của công tác quy hoạch
		5. Chính phủ quy định tiêu chí đánh giá thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Tiêu chí đánh giá thực hiện quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh, quy hoạch cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.	- Kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Quy hoạch năm 2017 - Giữ nguyên quy định về Tiêu chí đánh giá thực hiện quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được quy định tại pháp luật có liên quan
	Điều 50. Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch	Điều 49. Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch	
		Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch được thể hiện bằng báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch và bao gồm những nội dung sau:	
	1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch hoặc so với mức đạt được của kỳ trước.	1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch hoặc so với mức đạt được của kỳ trước.	
	2. Xác định yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quy hoạch trong kỳ quy hoạch, kỳ quy hoạch tiếp theo; kiến nghị điều chỉnh quy hoạch (nếu có).	2. Xác định yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quy hoạch; kiến nghị điều chỉnh quy hoạch (nếu có).	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
		Chương V ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH	
		Điều 50. Thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch	
		1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.	
		2. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch.	
	Điều 51. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch	Điều 51. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch	
	1. Quy hoạch được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 54 của Luật này khi có một trong các căn cứ được quy định tại Điều 53 của Luật này.	1. 1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp xã được phép điều chỉnh đồng thời; quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt cao hơn phải được thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt trước quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt thấp hơn. Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu trong trường hợp không yêu cầu lập quy hoạch chung theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn được phép điều	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		chỉnh đồng thời với quy hoạch tỉnh và phê duyệt sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt..	
	2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 6 Điều 54a của Luật này.	2. Các quy hoạch được phép điều chỉnh đồng thời.	
	3. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch.	3. Việc điều chỉnh quy hoạch phải bảo đảm tuân thủ quy định về mối quan hệ giữa các quy hoạch tại Điều 6 và nội dung quy hoạch tại mục II Chương II Luật này.	Bổ sung do đã bổ sung quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành vào phạm vi điều chỉnh của Luật.
	4. Việc điều chỉnh quy hoạch không làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 53 của Luật này.	Bãi bỏ	Bãi bỏ do có nhiều cách hiểu khác nhau và thực tế việc điều chỉnh quy hoạch khó có thể không làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch
		4. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong quy hoạch những nội dung được điều chỉnh và công bố theo quy định của Luật này.	
		5. Việc điều chỉnh quy hoạch cấp xã và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan.	
	Điều 53. Căn cứ điều chỉnh quy hoạch	Điều 52. Căn cứ điều chỉnh quy hoạch	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Việc điều chỉnh quy hoạch được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây:	1. Việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây:	
	1. Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch;	a) Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch;	
	2. Có sự điều chỉnh của quy hoạch cao hơn làm thay đổi nội dung quy hoạch hoặc có sự mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp;		
	3. Có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, quy mô không gian lãnh thổ của quy hoạch;	b) Có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, quy mô không gian lãnh thổ của quy hoạch;	
	4. Do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh làm thay đổi mục tiêu, định hướng, tổ chức không gian lãnh thổ của quy hoạch;	c) Do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh làm thay đổi mục tiêu, định hướng, tổ chức không gian lãnh thổ của quy hoạch;	
	5. Do biến động bất thường của tình hình kinh tế - xã hội làm hạn chế nguồn lực thực hiện quy hoạch;	d) Do biến động bất thường của tình hình kinh tế - xã hội làm hạn chế nguồn lực thực hiện quy hoạch;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	6. Do sự phát triển của khoa học, công nghệ làm thay đổi cơ bản việc thực hiện quy hoạch;		
	7. Do yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh.		
		2. Căn cứ điều chỉnh quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.	
		Điều 53. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch	
	1. Chính phủ trình Quốc hội quyết định chủ trương điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Bộ, cơ quan ngang Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền tổ chức lập. Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch vùng. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch tỉnh.	Bãi bỏ	Việc phải xin chủ trương trước khi điều chỉnh quy hoạch làm phát sinh thủ tục hành chính, dẫn đến việc không bảo đảm tính chủ động của Bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch hiện nay gồm nhiều bước làm chậm tiến độ điều chỉnh quy hoạch. Do đó, Dự thảo Luật đã đơn giản hoá trình tự, thủ tục điều chỉnh tổng thể quy hoạch theo hướng: Bỏ việc xin chủ trương điều chỉnh quy hoạch và xây dựng nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch; Có thể tổ chức họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh, công bố và cung cấp thông tin điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch quy định tại Chương II và Chương III của Luật này.	1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh:	Đơn giản hoá trình tự, thủ tục điều chỉnh tổng thể quy hoạch theo hướng: Bỏ việc xây dựng nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch; có thể tổ chức họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.
		a) Cơ quan lập quy hoạch căn cứ khoản 1 Điều 52 xây dựng đề cương, dự toán điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;	
		b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn theo quy định tại Điều 21; xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, bao gồm báo cáo điều chỉnh quy hoạch, dự thảo văn bản quyết định điều chỉnh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch; gửi xin ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Điều 23 của Luật này;	
		c) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo quy định tại Điều 23 của Luật này;	
		d) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, hoàn thiện hồ sơ điều	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		chính quy hoạch trình thẩm định theo quy định tại Điều 32 của Luật này;	
		đ) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 32 Luật này. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định tổ chức thẩm định theo hình thức tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.	
		c) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch theo quy định tại Điều 50 Luật này xem xét, quyết định điều chỉnh quy hoạch.	
	3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong quy hoạch những nội dung được điều chỉnh.	2. Việc điều chỉnh quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xem xét, điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều này.	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Điều 54a. Điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn	Điều 54. Điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn	
	1. Việc điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn không làm thay đổi quan điểm và mục tiêu của quy hoạch; bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định giữa các quy hoạch.	Bãi bỏ	Quy định có nhiều cách hiểu khác nhau. Đồng thời, việc điều chỉnh quy hoạch có thể làm thay đổi đến cả mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của quy hoạch.
	2. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn khi có một trong các căn cứ sau đây:	1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn khi có một trong các căn cứ sau đây:	
	a) Việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về bảo đảm quốc phòng, an ninh, sắp xếp đơn vị hành chính, dự án quan trọng quốc gia làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch;	a) Việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về bảo đảm quốc phòng, an ninh, sắp xếp đơn vị hành chính, dự án quan trọng quốc gia làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch;	Sửa đổi do trùng lặp với căn cứ điều chỉnh quy hoạch tại Điều
	b) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn;	b) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn;	
	c) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp;	c) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	đ) Việc thực hiện dự án khẩn cấp, nhiệm vụ cấp bách làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch theo quy định của Chính phủ.	đ) Việc thực hiện dự án khẩn cấp, nhiệm vụ cấp bách làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch theo quy định của Chính phủ;	
	Không quy định	đ) Thuộc trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ;	Bổ sung quy định để bao quát được hết các trường hợp có thể xảy ra.
	Không quy định	c) Cần điều chỉnh quy hoạch để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;	
	5. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, gửi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan; tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.	2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, gửi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan; tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.	
	6. Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch được quy định như sau:	3. Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch được quy định như sau:	
	a) Quốc hội quyết định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;	a) Quốc hội quyết định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia;	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	b) Bộ trưởng được giao tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia, lập quy hoạch vùng phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện;	b) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;	
	c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.	c) Bộ trưởng được giao tổ chức lập quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng;	
	Chưa quy định	4. Việc điều chỉnh quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xem xét, quyết định điều chỉnh theo quy định của Điều này.	
	7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều này; quy định hồ sơ điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn	5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này; quy định hồ sơ điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn.	
		Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
		Điều 55. Hiệu lực thi hành	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2025.	
		2. Luật Quy hoạch số 21/2017/QH15 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15... hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.	
		Điều 56. Quy định chuyển tiếp về việc lập, thẩm định, quyết định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch	
		1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 và điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ các quy hoạch được quy định tại	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		khoản 2, khoản 3 Điều này, được tiếp tục thực hiện cho đến hết thời kỳ quy hoạch hoặc cho đến khi được thay thế theo quy định của pháp luật. Trường hợp quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch đã tổ chức thẩm định nhưng chưa được quyết định hoặc phê duyệt thì thực hiện quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này.	
		2. . Các quy hoạch số thứ tự 7, 11, 15, 18, 20, 26, 29, 37 tại Phụ lục 1 và các quy hoạch số thứ tự 2, 4, 5, 6, 10, 13, 14, 16, 17, 20, 21, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 37, 38 tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục	Xử lý chuyển tiếp đối với các quy hoạch đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng sẽ bị bãi bỏ và sẽ không được chuyển nội dung vào quy hoạch khác theo quy định của Luật này.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		thực hiện cho đến khi được thay thế theo quy định của pháp luật có liên quan. (đối với quy hoạch bỏ)	
		3. Các quy hoạch số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 12, 14, 16, 17, 19, 22, 28, 30, 33, 34 và 39 tại Phụ lục 1 và các quy hoạch số thứ tự 1, 3, 7, 8 và 9 tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi được thay thế bằng các quy hoạch từ số thứ tự 1, 4, 5, 9, 10, 11, 21, 22 tại Phụ lục của Luật này. (đối với quy hoạch bị sửa tên)	Xử lý chuyển tiếp đối với các quy hoạch đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng sẽ bị bãi bỏ và sẽ được chuyển nội dung vào quy hoạch khác theo quy định của Luật này..

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		4. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn của quy hoạch hoặc cho đến khi được điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định của pháp luật. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được điều chỉnh đồng thời với quy hoạch quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
		5. Việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt thực hiện như sau:	
		a) Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang thực hiện điều chỉnh nhưng chưa được quyết định hoặc phê duyệt thì thực hiện phê duyệt theo quy định của Luật này;	
		b) Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
		đến năm 2050 thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, trừ trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này thì thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Điều 53 của Luật này trên cơ sở quy hoạch của đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sáp nhập và không phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.	
		6. Kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện cho đến khi quy hoạch được phê duyệt điều chỉnh theo quy định của Luật này.	
		Điều 57. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của các luật có liên quan đến quy hoạch 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Luật.....	
		2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Luật....	
		3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Luật....	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	PHỤ LỤC	+ Hợp nhất các quy hoạch có nội dung liên quan chặt chẽ hoặc chồng lấn với nhau (như hợp nhất quy hoạch tài nguyên nguyên nước với quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đề điều với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề...). + Rà soát bảo đảm không có sự trùng lặp về nội dung giữa các quy hoạch cùng cấp hoặc giữa các cấp quy hoạch. + Rà soát, nghiên cứu, bổ sung quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (trường hợp thấy cần thiết) ở cấp tỉnh bảo đảm phù hợp với các quy định mới về phân cấp, phân quyền và xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp. + Bãi bỏ các quy hoạch có đối tượng không phù hợp với khái niệm quy hoạch (không có nội dung phân bố không gian kết cấu hạ tầng hoặc khai thác, sử dụng tài nguyên) và chuyển sang lập chiến lược, kế hoạch, đề án để định hướng phát triển nếu cần thiết.	
	PHỤ LỤC I - DANH MỤC QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA	PHỤ LỤC - DANH MỤC CÁC QUY HOẠCH	
	KẾT CẤU HẠ TẦNG	KẾT CẤU HẠ TẦNG	
	Quy hoạch mạng lưới đường bộ	Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông	- Đề xuất tích hợp 05 quy hoạch cho các phương thức giao thông vào một quy hoạch để bảo đảm

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			sự đồng bộ, kết nối, không xảy ra mâu thuẫn giữa các phương thức giao thông. - Đảm bảo bám sát nguyên tắc “Một việc chỉ giao một người và một người có thể làm nhiều việc”.
	Quy hoạch mạng lưới đường sắt		
	Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển		
	Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc		
	Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa		
	Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia	Giữ nguyên quy định	
	Quy hoạch tổng thể về năng lượng	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	- Không rõ vai trò của quy hoạch tổng thể về năng lượng trong mối quan hệ với chiến lược năng lượng và với quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia. - Kết cấu hạ tầng khai thác và chế biến than trong Quy hoạch tổng thể về năng lượng dẫn đến có thể gây trùng lặp và không rõ sự cần thiết bởi: + Hạ tầng khai thác và chế biến than gắn với dự án đầu tư khai thác than tại các khu vực mỏ than

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			là đối tượng của Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản nhóm I đã được giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường; + Hạ tầng chế biến than không gắn với dự án đầu tư khai thác than (không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Địa chất và khoáng sản) thường là các bãi, kho tập kết nhỏ lẻ, không rõ sự cần thiết phải có quy hoạch. - Việc đầu ra của quy hoạch là “Phân bố không gian phát triển của hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ, bao gồm quy mô công trình, địa điểm hoặc hướng, tuyến dự kiến bố trí công trình” là không phù hợp bởi có thể gây ra sự trùng lặp nội dung giữa quy hoạch tổng thể về năng lượng với quy hoạch phát triển điện lực và quy định nội dung như nêu trên còn cụ thể hơn quy định về nội dung của quy hoạch phát triển điện lực khi phương án phát triển không chi tiết như vậy . Thực tế khi lập Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cũng gặp khó khăn khi phải chờ để tích hợp nội dung quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào quy hoạch này.

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Quy hoạch phát triển điện lực	Quy hoạch điện lực	
	Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	Giữ nguyên quy định	
	Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông	Giữ nguyên quy định	
	Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này	- Việc quy hoạch mạng lưới cơ sở này theo mô hình cũ sẽ hạn chế tính linh hoạt. Ngoài ra, một số lĩnh vực như thông tin điện tử (báo điện tử, mạng xã hội,...) khó áp dụng mô hình “quy hoạch cơ sở” do không phụ thuộc nhiều vào yếu tố hạ tầng vật lý cố định.
	Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi	Quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai	Hiện nay, quy hoạch tài nguyên nước và quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi có phạm vi nghiên cứu trùng nhau, dữ liệu đầu vào của 2 quy hoạch trùng nhau, nhiều nội dung trùng lặp (tính toán khí tượng thủy văn, nhu cầu nước, cân bằng nước, đề xuất giải pháp phát triển, bảo vệ, phòng chống tác hại do nước gây ra...). Việc tích hợp 2 quy hoạch này để giải quyết sự chồng chéo giữa 2 quy hoạch và việc tích hợp này cần sửa đổi Luật Tài nguyên nước, Luật thủy lợi.
	Quy hoạch hệ thống du lịch	Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao	Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	Sửa đổi để làm rõ đối tượng của quy hoạch chỉ có các cơ sở công lập, phù hợp với chính sách xã hội hóa hoạt động văn hóa và thể thao.
	Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Bãi bỏ	Có sự trùng lặp nội dung với các quy hoạch tại số thứ tự 11; 14; 16; 22 tại Phụ lục I. Ngoài ra, theo quy định của pháp luật hiện hành thì quy hoạch không phải là căn cứ bắt buộc khi thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập. Các lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập cũng đã được phân cấp nhiều cho địa phương quản lý. Việc thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ công lập có thể căn cứ vào chiến lược, đề án, kế hoạch.
	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập (tích hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp)	- Đề xuất tích hợp 02 quy hoạch này để đảm bảo không trùng lặp nội dung quy hoạch và đảm bảo tính đồng bộ, kết nối giữa các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. - Sửa đổi tên để làm rõ đối tượng của quy hoạch chỉ có các cơ sở công lập, phù hợp với chính sách xã hội hóa hoạt động giáo dục.
	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập (Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm)	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	Bãi bỏ	Đề xuất chuyển vào nội dung của quy hoạch tỉnh do đã được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.
	Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội	Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế công lập	Sửa đổi để làm rõ đối tượng của quy hoạch chỉ có các cơ sở công lập, phù hợp với chính sách xã hội hóa hoạt động y tế.
	Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng	Bãi bỏ	Đề xuất chuyển vào nội dung của quy hoạch tỉnh do đã được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.
	Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	Giữ nguyên quy định	
	Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế	Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế công lập	Sửa đổi để làm rõ đối tượng của quy hoạch chỉ có các cơ sở công lập, phù hợp với chính sách xã hội hóa hoạt động trợ giúp xã hội.
	Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia	Giữ nguyên quy định	
	Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược.	Giữ nguyên quy định	
	Quy hoạch công nghiệp quốc phòng.	Giữ nguyên quy định	
	Quy hoạch công nghiệp an ninh.	Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	Giữ nguyên quy định	Đề xuất bỏ quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy vì thực tế các quy hoạch này không mang tính sắp xếp, phân bố không gian mà mang tính ấn định cụ thể Tạo sự ổn định trong quản lý, tránh phải điều chỉnh nhiều lần khi có sự thay đổi dự án, chương trình, đề án. - Bộ Công an sẽ ban hành các tiêu chuẩn, điều kiện để quản lý tạo sự linh hoạt, đưa các điểm, Vị trí, quy mô của trụ sở đơn vị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong khu vực vào quy hoạch cấp xã hoặc quy hoạch xây dựng, quy hoạch chi tiết.
	Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Về nông thôn: Không có nội dung định hướng phát triển hệ thống nông thôn ở quy mô phạm vi toàn quốc. Về hệ thống đô thị: Hệ thống đô thị bị thay đổi, bỏ các đô thị cấp huyện (loại II, II, IV); nội dung phát triển hệ thống đô thị bị trùng lặp với nội dung phát triển hệ thống đô thị được định hướng tầng bậc trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.
	Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	Giữ nguyên quy định	

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
	SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN		
	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ	Quy hoạch không gian biển quốc gia.	Đề xuất chuyển vào nội dung của quy hoạch không gian biển quốc gia.
	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	- Hoạt động điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản là một hoạt động khoa học – kỹ thuật có tính chất liên tục, nhằm thu thập dữ liệu nền phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội và là nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên, không cần thiết lập quy hoạch. - Các hoạt động này không phải là hoạt động đầu tư phát triển có không gian xác định để phải lập quy hoạch, mà có thể thực hiện theo chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất (đã được quy định trong Luật Khoáng sản).
	Quy hoạch tài nguyên nước	Quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai (<i>tích hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi</i>)	Hiện nay, quy hoạch tài nguyên nước và quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi có phạm vi nghiên cứu trùng nhau, dữ liệu đầu vào của 2 quy hoạch trùng nhau, nhiều nội dung trùng lặp (tính toán khí tượng thủy văn, nhu cầu nước, cân bằng nước, đề xuất giải pháp phát triển, bảo vệ, phòng chống tác hại do nước gây ra...). Việc tích hợp 2 quy hoạch để giải quyết sự chồng chéo giữa 2 quy hoạch và việc tích hợp 2 quy hoạch

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			cần sửa đổi Luật Tài nguyên nước, Luật thủy lợi, Luật Đê điều.
	Quy hoạch khoáng sản nhóm I	Giữ nguyên quy định	
	Quy hoạch khoáng sản nhóm II	Giữ nguyên quy định	
	Quy hoạch lâm nghiệp	Quy hoạch bảo vệ và khai thác, phát triển rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học (tích hợp với 02 quy hoạch là Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học)	Thời gian vừa qua nhiều địa phương báo cáo có sự mâu thuẫn về nội dung giữa quy hoạch lâm nghiệp; quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học. Nguyên nhân là do các quy hoạch được lập độc lập; cách tiếp cận khác nhau. Dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Đề xuất trở thành một nội dung của Quy hoạch bảo vệ và khai thác, phát triển rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học do đối tượng lập quy hoạch có sự trùng lặp với nhau.
	Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	Quy hoạch bảo vệ và khai thác, phát triển rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học (tích hợp với 02 quy hoạch là Quy hoạch lâm nghiệp; Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học)	Thời gian vừa qua nhiều địa phương báo cáo có sự mâu thuẫn về nội dung giữa quy hoạch lâm nghiệp; quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học. Nguyên nhân là do các quy hoạch được lập độc lập; cách tiếp cận khác nhau. Dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Đề xuất trở thành một nội dung của Quy hoạch bảo vệ và khai thác, phát triển rừng, nguồn lợi

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học do đối tượng lập quy hoạch có sự trùng lặp với nhau.
	Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng	Giữ nguyên quy định	
	Quy hoạch sử dụng đất an ninh	Giữ nguyên quy định	
	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		
	Quy hoạch bảo vệ môi trường	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	- Quan điểm chủ đạo của “Quy hoạch bảo vệ môi trường là định hướng bảo vệ môi trường cho các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, bảo đảm nguyên tắc xuyên suốt, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, yếu tố môi trường phải được tính đến trong từng hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, hài hòa với tự nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, phát triển kinh tế với tư duy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp nhằm giảm thiểu chất thải phát sinh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, chuyển dịch năng lượng công bằng, góp phần thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2021 – 2030”. - Pháp luật về bảo vệ môi trường đã có đầy đủ các hành lang pháp lý để quy định cụ thể các đối tượng, nội dung cấp độ và hình thức khi triển khai các hoạt động có tác động đến môi trường

Điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh
			vì vậy với quan điểm trên không cần phải có quy hoạch này.
	BẢO TỒN DA DẠNG SINH HỌC		
	Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học	Quy hoạch bảo vệ và khai thác, phát triển rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học (tích hợp với 02 quy hoạch là Quy hoạch lâm nghiệp; Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản)	Thời gian vừa qua nhiều địa phương báo cáo có sự mâu thuẫn về nội dung giữa quy hoạch lâm nghiệp; quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học. Nguyên nhân là do các quy hoạch được lập độc lập; cách tiếp cận khác nhau. Dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Đề xuất trở thành một nội dung của Quy hoạch bảo vệ và khai thác, phát triển rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học do đối tượng lập quy hoạch có sự trùng lặp với nhau.

	PHỤ LỤC II. DANH MỤC CÁC QUY HOẠCH CÓ TÍNH CHẤT KỸ THUẬT, CHUYÊN NGÀNH		
TT	Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch	Dự kiến nội dung tại Luật Quy hoạch (sửa đổi)	Thuyết minh

1a.	Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Luật Đất đai số 31/2024/QH15	Giữ nguyên quy định.	
1.	Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	Luật Đất đai số 45/2013/QH13	Quy hoạch sử dụng đất cấp xã.	- Phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. - Đảm bảo thống nhất với quy định tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.
2.	Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia	Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	- Quan trắc môi trường là một hoạt động kỹ thuật – nghiệp vụ thường xuyên, liên tục, nhằm thu thập dữ liệu, giám sát, đánh giá hiện trạng và diễn biến môi trường. Đây không phải là hoạt động sử dụng không gian phát triển hay đầu tư phát triển cần xác định ranh giới không gian – thời gian, nên không phù hợp để lập quy hoạch. - Hoạt động này đã có các công cụ quản lý thay thế phù hợp, hiệu quả hơn như: hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đề án và kế hoạch quan trắc định kỳ.
3.	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh	Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15	Quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh (<i>tích hợp với 03 quy hoạch Quy hoạch thủy lợi; Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề; Quy hoạch đề điều</i>).	- Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh và quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh (quy hoạch thủy lợi của hệ thống công trình thủy lợi liên quan từ 02 tỉnh trở lên) có nhiều nội dung trùng lặp, chồng chéo như được nêu ở mục 1 nêu trên, cần tích hợp với nhau và cũng đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề xuất tại văn bản số 3122/BNNMT-KHTC ngày 13/6/2025.

				- Quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đề là một phần của quy hoạch thủy lợi trong cùng 1 lưu vực sông, quy hoạch đề điều là giải pháp cụ thể về công trình đề điều để thực hiện quy hoạch phòng chống lũ và đã được nêu trong quy hoạch phòng chống lũ. Việc tích hợp các quy hoạch nêu trên vào cùng 1 quy hoạch sẽ giải quyết được sự chồng chéo giữa các quy hoạch, phù hợp với quan điểm quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Quy hoạch tài nguyên nước và công trình thủy lợi là đề cụ thể hóa Quy hoạch tài nguyên nước và công trình thủy lợi quốc gia. Với việc tích hợp các quy hoạch trên cần sửa đổi Luật Tài nguyên nước, Luật thủy lợi, Luật Đề điều.
4.	Quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia	Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	- Bãi bỏ quy hoạch này vì thực hiện theo điều ước quốc tế. - Việc bãi bỏ quy hoạch này đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề xuất tại văn bản số 3122/BNNMT-KHTC ngày 13/6/2025.
5.	Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước	Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	- Bãi bỏ do hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước có thể thực hiện bằng chương trình hoặc đề án.

				- Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề xuất tại văn bản số 3122/BNNMT-KHTC ngày 13/6/2025.
6.	Quy hoạch vùng không nhiễm sinh vật gây hại	Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13	Bãi bỏ	Quy hoạch này đã được bãi bỏ tại Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch. Việc lập quy hoạch này không phù hợp với thực tiễn bảo vệ và kiểm dịch dịch bệnh ở Việt Nam.
7.	Quy hoạch thủy lợi	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14	Quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh (<i>tích hợp với 03 quy hoạch: Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; Quy hoạch đê điều</i>).	Đề xuất tích hợp các quy hoạch theo lý do đã nêu tại mục Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh
8.	Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê	Luật Đê điều số 79/2006/QH11	Quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh (<i>tích hợp với 03 quy hoạch: Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; Quy hoạch thủy lợi; Quy hoạch đê điều</i>).	Đề xuất tích hợp các quy hoạch theo lý do đã nêu tại mục Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh
9.	Quy hoạch đê điều	Luật Đê điều số 79/2006/QH11	Quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh (<i>tích hợp với 03 quy hoạch: Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; Quy hoạch thủy lợi</i>).	Đề xuất tích hợp các quy hoạch theo lý do đã nêu tại mục Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh
10.	Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai	Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Bãi bỏ do có sự trùng lặp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn. Việc bãi bỏ quy hoạch này đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề xuất tại văn bản số 3122/BNNMT-KHTC ngày 13/6/2025. Cần sửa đổi Luật phòng chống thiên tai

11.	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Quy hoạch khu chức năng có phạm vi liên tỉnh	Đồng bộ với hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
			Quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương	Đồng bộ với hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
			Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật của thành phố trực thuộc trung ương	Đồng bộ với hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
			Quy hoạch khu chức năng trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đồng bộ với hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
			Quy hoạch khu vực phát triển đô thị có phạm vi liên xã	Đồng bộ với hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
			Quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Đồng bộ với hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
			Quy hoạch chung xã	Đồng bộ với hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

			Quy hoạch khu vực phát triển đô thị có phạm vi trên địa bàn 1 phường, xã	Đồng bộ với hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
12.	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12	Giữ nguyên quy định.	
13.	Quy hoạch khảo cổ	Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	- Quy định của pháp luật hiện hành không quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch này - Việc xây dựng quy hoạch khảo cổ chỉ có tính chất tương đối; phải dự báo được những khu vực có khả năng có di tích trong lòng đất. Trên thực tiễn số lượng quy hoạch khảo cổ được phê duyệt rất ít (1 quy hoạch khảo cổ tại tỉnh Đồng Nai). - Kinh phí thực hiện rất lớn, mất nhiều thời gian; phương tiện kỹ thuật và nguồn nhân lực thực hiện chưa đáp ứng vì yêu cầu khó (phải tiến hành cắm mốc, giải tỏa vi phạm ở các di tích, di chỉ đã biết; tiếp tục thăm dò, khai quật khảo cổ để có thêm tư liệu phục vụ nghiên cứu, trưng bày cũng như lập hồ sơ xếp hạng di tích khảo cổ; nhiều di chỉ khảo cổ nằm trong phân diện tích đất ở của người dân, không thể tùy tiện; còn những diềm ở khu vực rừng núi thì không cần thiết phải cắm mốc).

14.	Quy hoạch hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng và cơ sở chăm sóc người khuyết tật	Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Chuyển nội dung phát triển các cơ sở chính hình, phục hồi chức năng và cơ sở chăm sóc người khuyết tật trở thành một nội dung của Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội để bảo đảm thống nhất quản lý ngành, phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Bộ Y tế và tránh trùng lặp nội dung giữa các loại quy hoạch.
15.	Quy hoạch cơ sở chăm sóc người cao tuổi	Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	- Chuyển nội dung phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi trở thành một nội dung của Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội để bảo đảm thống nhất quản lý ngành, phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Bộ Y tế và tránh trùng lặp nội dung giữa các loại quy hoạch.
16.	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học	Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Chuyển nội dung phát triển các cơ sở giáo dục đại học trở thành một nội dung của Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục để bảo đảm thống nhất quản lý ngành, phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tránh trùng lặp nội dung giữa các loại quy hoạch.
17.	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, của Bộ, cơ quan ngang Bộ	Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Do đã được tích hợp vào Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo và quy hoạch tỉnh theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, đề xuất bãi bỏ để tránh trùng lặp giữa các quy hoạch
18.	Quy hoạch cửa khẩu; quy hoạch tuyến, ga đường sắt; quy hoạch cảng	Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11; Luật Đường sắt số 06/2017/QH14;	Quy hoạch cửa khẩu.	
			Quy hoạch tuyến, ga đường sắt.	
			Quy hoạch chi tiết cảng hàng không.	Phù hợp với Dự thảo Bộ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam

	hàng không, sân bay	Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13		
19.	Quy hoạch vùng thông báo bay	Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Phù hợp với Dự thảo Bộ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam
20.	Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước	Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Bãi bỏ do có sự trùng lặp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển (Phụ lục 1); Quy hoạch vùng. Đã có đề xuất của Bộ Xây dựng (Bộ GTVT trước đây).
21.	Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất,	Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13	Giữ nguyên quy định.	

	vùng nước cảng biển			
22.	Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn	Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13	Giữ nguyên quy định.	
23. ²	Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ	Luật Đường bộ số 35/2024/QH15	Giữ nguyên quy định.	
24.	Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử	Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Nội dung quy hoạch không có nội hàm về sắp xếp, phân bổ không gian. Nội dung quy hoạch chỉ bao gồm định hướng phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử tại các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực y tế; tài nguyên và môi trường; nông nghiệp; công nghiệp, do đó, có sự trùng lặp với nội dung của Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế; Quy hoạch bảo vệ môi trường (Phụ lục I). Có thể xây dựng Chiến lược, Đề án để định hướng phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thì phù hợp hơn
25.	Quy hoạch phát triển điện hạt nhân	Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12	Đã bãi bỏ tại Luật Năng lượng nguyên tử năm 2025	Nội dung đã được tích hợp vào Quy hoạch phát triển điện lực
26.	Quy hoạch hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ³	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Chuyển nội dung phát triển các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trở thành một nội dung của Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế và Quy hoạch tỉnh để bảo đảm thống nhất quản lý ngành, phù

² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

				hợp với cơ cấu tổ chức mới của Bộ Y tế và tránh trùng lặp nội dung giữa các loại quy hoạch.
27.	Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia	Luật Viễn thông số 41/2009/QH12	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Trùng lặp nội dung và đã được tích hợp vào Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông theo Điều 8 Luật Viễn Thông 2023.
28.	Quy hoạch kho số viễn thông	Luật Viễn thông số 41/2009/QH12	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Nội dung của quy hoạch không phù hợp với khái niệm quy hoạch (khoản 28 Điều 3, Điều 49 Luật Viễn Thông). Do vậy, để phù hợp các định hướng, kế hoạch khai thác tài nguyên Internet một cách hiệu quả, đề xuất bỏ quy hoạch, chuyển sang Kế hoạch hoặc chương trình, đề tài, dự án.
29.	Quy hoạch tài nguyên Internet	Luật Viễn thông số 41/2009/QH12	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Nội dung của quy hoạch không phù hợp với khái niệm quy hoạch (khoản 28 Điều 3, Điều 49 Luật Viễn Thông). Do vậy, để phù hợp các định hướng, kế hoạch khai thác tài nguyên Internet một cách hiệu quả, đề xuất bỏ quy hoạch, chuyển sang Kế hoạch hoặc chương trình, đề tài, dự án.
30.	Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động	Luật Viễn thông số 41/2009/QH12	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Quy hoạch này được lập ở địa phương (Điều 63 Luật Viễn thông), do UBND cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch (Điều 52 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông), trong

				khi đó phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được quy định trong nội dung quy hoạch tỉnh (điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch), do vậy việc tích hợp vào quy hoạch tỉnh sẽ tránh được các nội dung chồng chéo giữa các loại quy hoạch, đồng thời bảo đảm tiết kiệm chi phí, đồng bộ hoá hệ thống pháp luật và dễ dàng triển khai.
31.	Quy hoạch tần số vô tuyến điện	Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Nội dung của quy hoạch không phù hợp với khái niệm quy hoạch. Do vậy, để phù hợp các định hướng, kế hoạch khai thác tần số vô tuyến điện một cách hiệu quả, đề xuất bỏ quy hoạch, chuyển sang Kế hoạch hoặc chương trình, đề tài, dự án.
32.	Quy hoạch phát triển mạng bưu chính công cộng	Luật Bưu chính số 49/2010/QH12	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Trùng lặp nội dung với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.
33.	Quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia	Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Bãi bỏ do trùng lặp nội dung với Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia (Phụ lục 1). Nội dung quy hoạch này sẽ được tiếp tục cụ thể hóa tại quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn (nếu có).

34.	Quy hoạch các công trình quốc phòng, khu quân sự	Luật Quốc phòng số 39/2005/QH11	Giữ nguyên quy định.	
35.	Quy hoạch sử dụng biển của cả nước	Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Trùng lặp và đã được tích hợp vào quy hoạch không gian biển theo khoản 1 Điều 11 Luật số 35/2018/QH14 (sửa đổi 37 luật) về sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
36.	Quy hoạch quảng cáo ngoài trời	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Bãi bỏ do có thể quản lý bằng quy chuẩn, tiêu chuẩn.
37.	Quy hoạch vùng và cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Luật Thú y số 79/2015/QH13	Bãi bỏ quy hoạch này.	Điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Thú y đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật Quy hoạch quy định: <i>“b) Xây dựng quy hoạch vùng và cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, tích hợp vào quy hoạch tỉnh và tổ chức thực hiện; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật, chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật;”</i>
38.	Quy hoạch hệ thống kiểm nghiệm của Nhà nước	Luật Dược số 105/2016/QH13	Đề xuất bãi bỏ quy hoạch này.	Trùng lặp nội dung với Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế.

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Luật Quy hoạch

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Quy hoạch. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế****1.1. Bối cảnh trong nước**

Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu. Luật Quy hoạch ra đời đánh dấu bước chuyển quan trọng trong công tác lập quy hoạch ở nước ta, thể chế hóa chủ trương đổi mới toàn diện công tác quy hoạch theo hướng tích hợp, đồng bộ, liên kết, hiệu quả và bền vững.

Sau gần 06 năm triển khai thi hành, Luật Quy hoạch đã tạo nền tảng cho việc đổi mới tư duy phát triển, góp phần nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch thời kỳ mới. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai Luật Quy hoạch vẫn còn một số tồn tại, bất cập. Cụ thể, hệ thống quy hoạch hiện hành còn chưa hoàn thiện; một số quy hoạch ngành quốc gia và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành còn chồng lấn về nội dung; thẩm quyền phê duyệt, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, công bố quy hoạch còn nhiều bước, chưa rõ ràng, gây kéo dài thời gian và ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư phát triển.

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trong đó, 4 Nghị quyết của Bộ Chính trị về khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế, kinh tế tư nhân và xây dựng pháp luật đóng vai trò là "bộ tứ trụ cột" thể chế nền tảng.

Đồng thời, việc tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp sẽ nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản

lý nhà nước, mở ra không gian phát triển mới nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

Quy hoạch phải gắn liền với các chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, bao gồm đầu tư vào cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu du lịch, khu dân cư...Mối quan hệ giữa quy hoạch và thu hút đầu tư quốc tế cũng là một yếu tố quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

Trong bối cảnh đó, công tác quy hoạch phải có sự đổi mới về tư duy, thống nhất trong nhận thức và hành động, có những giải pháp tổng thể, toàn diện, linh hoạt, đột phá để tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế "hai con số".

1.2. Bối cảnh quốc tế

Trên thế giới, quy hoạch đang được coi là công cụ chiến lược quan trọng trong quản lý phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và định hướng sử dụng không gian lãnh thổ.

Các quốc gia phát triển như Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hà Lan... đã chuyển từ mô hình quy hoạch đơn ngành sang mô hình quy hoạch tích hợp, tổng thể đa ngành, đa lĩnh vực, chú trọng đến liên kết vùng, định hướng phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, dữ liệu lớn (big data) và mô hình mô phỏng trong quy hoạch.

Việt Nam là thành viên của nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, RCEP...) và đã cam kết mạnh mẽ tại Hội nghị COP26 về mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050. Đồng thời, Việt Nam cam kết thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững (SDG), trong đó quy hoạch đóng vai trò quan trọng trong bảo đảm các mục tiêu hạ tầng bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên ...

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị tại Văn bản số 15436-CV/VPTW ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về sửa đổi Luật Quy hoạch trong đó giao “Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ khẩn trương chỉ đạo các cơ quan tập trung, rà soát, nghiên cứu sửa đổi tổng thể Luật Quy hoạch trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XV”; căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XV; Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 và Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15, Bộ Tài chính đã xây dựng đề xuất bổ sung dự án Luật Quy hoạch (sửa đổi) vào Chương trình lập pháp năm 2025,

trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 10 năm 2025) theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 07 tháng 7 năm 2025, Bộ Tài chính đã có văn bản số 10083/BTC-QLQH gửi các Bộ, địa phương về đề nghị tổng kết thi hành Luật Quy hoạch và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quy hoạch; đồng thời, ngày 08 tháng 7 năm 2025, Bộ Tài chính đã có văn bản số 10185/BTC-QLQH gửi Bộ Tư pháp đề nghị góp ý đối với Dự thảo Tờ trình đề xuất xây dựng Luật Quy hoạch sửa đổi. Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được báo cáo của .../14 Bộ và/34 địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Luật Quy hoạch

Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Luật Quy hoạch là một phần quan trọng trong quá trình thực hiện các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển của quốc gia. Việc tổ chức thực hiện Luật Quy hoạch đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả, và khả thi trong quản lý và phát triển đất nước.

Ngay sau khi Luật Quy hoạch được ban hành, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 về triển khai thi hành Luật Quy hoạch (Nghị quyết số 11/NQ-CP), giao nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khẩn trương tổ chức lập các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật có liên quan khác. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2018 về thành lập Hội đồng quy hoạch quốc gia, trong đó giao: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) là cơ quan thường trực của Hội đồng, chủ trì lập Quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì lập Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030; Quyết định 995/QĐ-TTg năm 2018 ngày 09 tháng 8 năm 2021 về giao nhiệm vụ cho Bộ tổ chức lập Quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời, để thúc đẩy tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

Đặc biệt, kể từ khi Nghị quyết số 61/2022/QH15 được ban hành với một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tiến độ lập, thẩm định và phê duyệt các

quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021-2030 đã được đẩy nhanh và thu được những kết quả đáng kể.¹ Việc triển khai công tác quy hoạch theo cách tiếp cận tổng hợp đã có sự thay đổi rõ rệt về tư duy, nhận thức và hành động của các ngành, các địa phương theo hướng chủ động phối hợp trong quá trình xây dựng quy hoạch và tăng cường liên kết phát triển trên cơ sở thực hiện thống nhất chu trình Chiến lược - Quy hoạch - Kế hoạch – Tài chính đầu tư.

2. Kết quả thi hành Luật Quy hoạch, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của Luật Quy hoạch

2.1. Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch

2.1.1. Về Luật Quy hoạch và các văn bản quy định chi tiết

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, trong đó nêu rõ: (1) Xây dựng Luật Quy hoạch có phạm vi điều chỉnh chung cho các loại quy hoạch phát triển trên phạm vi cả nước; (2) Tạo cơ chế thẩm định độc lập, tập trung, do một đầu mối chịu trách nhiệm; (3) Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch; (4) coi trọng công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra thực hiện quy hoạch và xử lý nghiêm các vi phạm quy hoạch.

Việc xây dựng và ban hành Luật Quy hoạch là sự nỗ lực, cố gắng lớn trong việc thể chế hóa Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI. Dự án Luật Quy hoạch đã được Quốc hội thảo luận, cho ý kiến qua 03 kỳ họp do phạm vi điều chỉnh rộng, liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều Bộ, ngành, tác động đến 101 luật, pháp lệnh, 85 nghị định có quy định liên quan đến quy hoạch. Có thể nói, Luật Quy hoạch bước đột phá lớn, quan trọng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ rào cản gia nhập thị trường của doanh nghiệp, nhà đầu tư; qua đó góp phần khơi thông các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước nhanh và bền vững.

a) Về ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch

Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch đã giao Chính phủ tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Luật Quy hoạch để khẩn trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch và các

¹ Trước khi ban hành Nghị quyết số 61/2022/QH15 mới có 07/110 quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được quyết định và phê duyệt, đến nay, đã có 108/110 quy hoạch đã được quyết định, phê duyệt (đạt 98%).

luật có liên quan đến quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; trên cơ sở khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch trong thực tiễn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã rà soát, nghiên cứu sửa đổi một số nội dung của Luật Quy hoạch và đã được Quốc hội khoá XV thông qua tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu.

Theo đó, Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 đã sửa đổi, bổ sung một số quy định, cụ thể:

- Quy định rõ mối quan hệ giữa quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia nhằm giải quyết vướng mắc về căn cứ lập quy hoạch khi quy hoạch cấp trên chưa được phê duyệt.

- Quy định “quy hoạch đô thị và nông thôn” là “quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành” để phù hợp với tính chất của loại quy hoạch này và đồng bộ với quy định tại dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Cho phép sử dụng nguồn vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác cho hoạt động quy hoạch để tạo cơ chế linh hoạt khi sử dụng ngân sách nhà nước, phù hợp với tính chất của từng loại quy hoạch.

- Đơn giản hóa quy trình lập quy hoạch, xác định trách nhiệm tham gia, phối hợp của các cơ quan liên quan trong quá trình lập, thẩm định quy hoạch và phân quyền tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) để đơn giản hóa trình tự, thủ tục lập quy hoạch, tránh trùng lặp trong hoạt động lập quy hoạch.

- Sửa đổi quy định về “Danh mục dự án” thành “Danh mục dự kiến” các dự án quan trọng quốc gia, các dự án ưu tiên để bảo đảm xác định rõ mục tiêu, tính chất định hướng dài hạn của quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, tránh phải điều chỉnh quy hoạch nhiều lần, gây khó khăn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh.

- Phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh và bổ sung quy định điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch để tạo chủ động, linh hoạt cho các địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch...

- Bổ sung quy định về điều chỉnh quy hoạch theo thủ tục rút gọn để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh quy hoạch trong những trường hợp cấp bách theo nguyên tắc: (i) việc điều chỉnh quy hoạch không làm thay đổi mục tiêu quy hoạch, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch; (ii) xác định các trường hợp điều chỉnh rút gọn để thực hiện các Nghị

quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (như việc sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện các dự án quan trọng quốc gia...) và đề xử lý quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn hoặc với quy hoạch cùng cấp; (iii) phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch cho Chính phủ trong trường hợp điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

b) Về ban hành văn bản quy định chi tiết Luật Quy hoạch

- Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch:

Căn cứ quy định của Luật Quy hoạch, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (Nghị định số 37/2019/NĐ-CP).

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 61/2022/QH15, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP (Nghị định số 58/2019/NĐ-CP). Đồng thời, nhằm đảm bảo đầy đủ căn cứ pháp lý, tạo điều kiện triển khai Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ.

Quá trình soạn thảo Nghị định đã tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc xây dựng Nghị định có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan và các địa phương thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản, tổ chức các cuộc họp, thảo luận về dự thảo Nghị định giữa các cơ quan liên quan để trao đổi thống nhất các nội dung còn có ý kiến khác nhau. Dự thảo Nghị định cũng đã được đăng tải công khai trên Website của Chính phủ và Website của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) để xin ý kiến theo quy định của pháp luật.

Các nội dung Luật Quy hoạch quy định Chính phủ hướng dẫn chi tiết đã được nghiên cứu kỹ lưỡng từ thực tế hoạt động quy hoạch trong suốt những năm vừa qua, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, có kế thừa các quy định đang phát huy tác dụng tốt, không bỏ sót các nội dung cần

quy định chi tiết và căn hướng dẫn cụ thể, đảm bảo dễ hiểu, hiểu thống nhất và áp dụng thuận lợi trong thực tế, tránh phát sinh các thủ tục hành chính, bộ máy quản lý và các chi phí không cần thiết. Nghị định chỉ quy định chi tiết những điều, khoản Luật Quy hoạch, Luật số 57/2024/QH15 và Nghị quyết số 61/2022/QH15 quy định Chính phủ hướng dẫn, thống nhất với nội dung của Luật Quy hoạch, không nhắc lại những nội dung luật đã quy định rõ, đảm bảo tính logic, không trùng lặp về nội dung và không làm phát sinh thủ tục hành chính.

Cùng với Luật Quy hoạch, Luật số 57/2024/QH15 và Nghị quyết số 61/2022/QH15, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch là công cụ pháp lý quan trọng để các bộ, ngành và địa phương, các tổ chức và cá nhân triển khai hoạt động quy hoạch hiệu quả và thống nhất. Với các quy định chặt chẽ, chi tiết và cụ thể, góp phần thúc đẩy triển khai công tác lập, điều chỉnh quy hoạch cho thời kỳ 2021-2030, đáp ứng yêu cầu quản lý và đầu tư phát triển.

- *Thông tư hướng dẫn một số nội dung của Luật Quy hoạch*

+ Thông tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại điểm đ khoản 3 và điểm b khoản 6 Điều 55 Luật Quy hoạch và chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 11/NQ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã ban hành Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 về định mức cho hoạt động quy hoạch (Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT). Thông tư áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Các nội dung về nhiệm vụ nghiên cứu, lập quy hoạch của Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT đã được căn cứ vào các quy định về nội dung các loại quy hoạch của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15, Luật Quy hoạch, Nghị định số 58/2023/NĐ-CP và thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã xây dựng và ban hành Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch, trong đó sửa đổi, bổ sung một số quy định để giải quyết các khó khăn, vướng mắc của bộ, ngành, địa phương liên quan đến định mức cho hoạt động quy hoạch, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật có liên quan.

+ Thông tư quy định về giá trong hoạt động quy hoạch

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại điểm b khoản 6 Điều 55 Luật Quy hoạch, quy định tại Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi

tiết, hướng dẫn thi hành và nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 11/NQ-CP, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về giá trong hoạt động quy hoạch. Thông tư được áp dụng đối với trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động quy hoạch được mua sắm, thuê ngoài các hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Luật Quy hoạch và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

+ Thông tư hướng dẫn nội dung và yêu cầu kỹ thuật về cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch

Đáp ứng yêu cầu về việc thống nhất định dạng dữ liệu về quy hoạch theo yêu cầu đề ra tại Nghị quyết số 61/2022/QH15; tạo điều kiện thuận lợi cho việc cập nhật, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu về quy hoạch giữa các cơ quan, tổ chức theo đúng quan điểm của Bộ Chính trị về xây dựng Chính phủ số, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã ban hành Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 6 năm 2023 hướng dẫn nội dung và yêu cầu kỹ thuật về cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Đây là cơ sở pháp lý cần thiết cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch, sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; là đầu vào quan trọng của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch, đảm bảo triển khai Luật Quy hoạch đồng bộ, thống nhất.

+ Thông tư hướng dẫn sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 32/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2023 hướng dẫn việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch. Thông tư áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ lập, thẩm định, quyết định, hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ.

2.1.2. Việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội

a) Nghị quyết về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030

Trên cơ sở Báo cáo số 166/BC-ĐGS ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Đoàn giám sát của Quốc hội về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành (Báo cáo số 166/BC-ĐGS) Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 (Nghị quyết số 61/2022/QH15).

Kể từ sau khi Nghị quyết số 61/2022/QH15 được ban hành, một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật Quy hoạch đã được tháo gỡ như: Kinh phí cho hoạt động quy hoạch; lựa chọn tư vấn lập quy hoạch; lập đồng thời các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia và điều chỉnh quy hoạch cấp dưới được phê duyệt trước trong trường hợp mâu thuẫn với quy hoạch cấp trên được phê duyệt sau; giao Chính phủ quy định chi tiết thêm một số quy định của Luật Quy hoạch (việc huy động và sử dụng nguồn lực hỗ trợ hoạt động quy hoạch; quy trình lập quy hoạch; văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch kèm theo bản đồ; quy trình, thủ tục xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch ...).

b) Nghị quyết về giải pháp tiếp tục triển khai công tác quy hoạch gắn với sắp xếp đơn vị hành chính trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi)

Thực hiện Kết luận số 121-KL/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Văn bản số 35-CV/VPĐU ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Văn phòng Đảng ủy Chính phủ về việc triển khai thực hiện Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Bộ Tài chính đã rà soát các quy định của Luật Quy hoạch phải sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính ở địa phương trình Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XV xem xét thông qua.

Thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị tại Văn bản số 15436-CV/VPTW ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về ý kiến của Bộ Chính trị về sửa đổi Luật Quy hoạch, Bộ Chính trị đã giao: “ Ban Thường vụ

Đảng ủy Chính phủ đánh giá kỹ lưỡng và trao đổi với Ban Thường vụ Đảng ủy Quốc hội khẩn trương chỉ đạo các cơ quan tập trung rà soát, nghiên cứu đề sửa đổi tổng thể Luật Quy hoạch trình Quốc hội khóa XV xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10; phối hợp với Ban Thường vụ Đảng ủy Quốc hội chỉ đạo các cơ quan xem xét đưa một số vấn đề cấp bách cần quyết định ngay để báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV.”, Bộ Tài chính đã rà soát các nội dung cần thiết, cấp bách báo cáo Chính phủ, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội ban hành Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Thực hiện Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025; Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật, để bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng và các địa phương trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi) và chưa sửa đổi, bổ sung một số luật có quy định liên quan đến quy hoạch; Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về giải pháp tiếp tục triển khai công tác quy hoạch gắn với sắp xếp đơn vị hành chính trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi) gửi Bộ Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 10984/BTC-QLQH ngày 18 tháng 7 năm 2025.

2.1.3 Về các luật, pháp lệnh có quy định liên quan đến quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành

Để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, Đảng ủy Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và trình Chính phủ trình Quốc hội thông qua 02 luật và 01 pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật, pháp lệnh có quy định liên quan đến quy hoạch² bảo đảm thống nhất với Luật Quy hoạch.

Ngoài Luật Quy hoạch, hiện nay, có khoảng 60 luật, pháp lệnh có quy định liên quan đến quy hoạch, trong đó có 28 luật quy định về việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

Pháp luật chuyên ngành có quy định khác nhau về quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phụ thuộc vào đặc thù, nhu cầu quản lý của từng ngành như: đối tượng của quy hoạch; phạm vi; loại; cấp độ; nội dung; trình tự, thủ tục, thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch; sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

- Văn bản quy định chi tiết các luật, pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch:

² Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch

+ Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư công, Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, trong đó có một số quy định liên quan đến tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ quy hoạch; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư trong đó quy định việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch trong trường hợp quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh chưa được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt, trong đó, sửa đổi, bổ sung một số nội dung về đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

+ Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, số 35/2018/QH14, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị định và các Bộ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thuộc các ngành tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, thủy lợi, đê điều, phòng chống lụt bão, xây dựng, năng lượng nguyên tử, giáo dục và đào tạo, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, cửa khẩu, thông tin, truyền thông.

+ Thực hiện nhiệm vụ được giao tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị Quyết số 61/2022/QH15, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành về công tác quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

2.1.4. Việc ban hành các chính sách, pháp luật thực hiện chuyển tiếp Luật Quy hoạch theo quy định tại Điều 59 Luật Quy hoạch

a) Việc rà soát, ban hành danh mục quy hoạch được tích hợp vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định/phê duyệt

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương rà soát, tổng hợp trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh (Nghị quyết số 110/NQ-CP) và Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 15 tháng 9

năm 2020 về việc bổ sung các quy hoạch tại Phụ lục Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ (Nghị quyết số 131/NQ-CP).

Các quy hoạch đã được phê duyệt để tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh chủ yếu có thời kỳ đến năm 2020. Để đảm bảo đủ căn cứ pháp lý cho việc quản lý các hoạt động đầu tư khi quy hoạch thời kỳ 2021-2030 chưa được phê duyệt, tại mục 2 Nghị quyết số 74/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về Kỳ họp thứ VI, Quốc hội khóa XIV, Quốc hội đã quyết định: *“Trường hợp quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh hết thời hạn trước khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt, Chính phủ chỉ đạo việc điều chỉnh kéo dài thời hạn quy hoạch theo quy định của pháp luật chuyên ngành có quy hoạch được tích hợp cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt”*. Đồng thời, theo khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 và điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 quy định, để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, một số Bộ và địa phương đã điều chỉnh các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được ban hành kèm theo Nghị quyết số 110/NQ-CP và Nghị quyết số 131/NQ-CP theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực. Như vậy, hiện tại đã có đủ căn cứ pháp lý để kéo dài thời kỳ và điều chỉnh nội dung quy hoạch của các quy hoạch có thời kỳ đến năm 2020 nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, khoản 7 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư cũng đã quy định, trường hợp quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh chưa được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch thì trong quá trình thẩm định chủ trương đầu tư các dự án, việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư được thực hiện trên cơ sở đánh giá sự phù hợp với các quy hoạch có thời kỳ đến năm 2020 nằm trong danh mục quy hoạch tích hợp được Chính phủ phê duyệt cho đến khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

Căn cứ vào các quy định nêu trên, tại Nghị quyết số 108/NQ-CP, Chính phủ các chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương tiếp tục thực hiện và kéo dài thời kỳ các quy hoạch quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2019 cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ

2021 - 2030 theo Luật Quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt. Chỉ được điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành trong trường hợp cần thiết, chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc đề xuất, quyết định điều chỉnh; xem xét, lồng ghép các nội dung liên quan để đưa vào quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch.

Các quy hoạch đang được các Bộ, ngành và địa phương điều chỉnh chủ yếu thông qua hình thức điều chỉnh cục bộ là: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh; Quy hoạch phát triển điện lực; Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch thăm dò, chế biến và khai thác khoáng sản; Quy hoạch thủy lợi; Quy hoạch đê điều và phòng, chống lụt bão; Quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp; Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh; Quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển; các Quy hoạch thuộc lĩnh vực giao thông. Trình tự, thủ tục điều chỉnh thực hiện theo các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật trước đây Luật Quy hoạch được ban hành như: Luật Đất đai; Luật Thủy lợi; Luật Đê điều; Luật Xây dựng; Luật Khoáng sản; Luật Điện lực; Nghị định số 82/2017/NĐ-CP; Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2008/NĐ-CP).

b) Việc rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và ban hành chính sách, quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành thay thế các quy hoạch bị bãi bỏ

Thực hiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch, tại Nghị quyết số 11/NQ-CP, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã phối hợp với các Bộ, địa phương rà soát, tổng hợp trình Chính phủ ban hành Danh mục các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ hết hiệu lực thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2019 (Nghị quyết số 63/NQ-CP), bao gồm 24 loại quy hoạch, như sân golf, xi măng, thủy sản, tổ chức hành nghề công chứng; mía, đường, cao su.... Đồng thời, đã có 04 Bộ³ đã ban hành quyết định bãi bỏ 61 quy hoạch và 50 địa phương⁴ đã ban hành quyết

³ Bộ Công Thương ban hành quyết định bãi bỏ 27 quy hoạch sản phẩm; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định bãi bỏ 31 quy hoạch sản phẩm; Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định bãi bỏ 02 quy hoạch sản phẩm; Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định bãi bỏ 01 quy hoạch sản phẩm.

⁴ Các tỉnh gồm: Gia Lai; Hải Dương; Nghệ An; Bắc Kạn; Bình Thuận; Đắk Nông; Sơn La; Bạc Liêu; Kon Tum; Đắk Lắk; Trà Vinh; Thừa Thiên - Huế; Hưng Yên; Lâm Đồng; Sóc Trăng; Bến Tre; Lào Cai; Bà Rịa - Vũng Tàu; Quảng Ninh; tp Hà Nội; Hà Nam; Quảng Bình; tp Hải Phòng; Đồng Tháp; Ninh Bình; Phú Thọ; Phú Yên; Tây Ninh; Bắc Ninh; Bình Phước; An Giang; Quảng Ngãi; Bắc Giang; tp Cần Thơ; Cà Mau; Điện Biên; Hòa Bình; Kiên Giang; Lai Châu; Đồng Nai; Ninh Thuận; tp Đà Nẵng; Long An; Nam Định; Quảng Trị; Thanh Hóa; Vĩnh Long; Vĩnh Phúc; Cao Bằng; tp Hồ Chí Minh.

định bãi bỏ 507 quy hoạch sản phẩm, như quy hoạch rượu, bia, thuốc lá, nước giải khát; thương nhân xuất khẩu gạo; cá tra, cá basa; điểm bán lẻ xăng dầu; điểm kinh doanh karaoke và các quy hoạch khác.

Đề thay thế các quy hoạch sản phẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch, các Bộ, địa phương đã ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách (chiến lược, kế hoạch, đề án...), quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành thay thế các quy hoạch bị bãi bỏ.

Chính phủ đã ban hành: Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định 30/2023/NĐ-CP ngày 8 tháng 6 năm 2023; Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 04 năm 2020 về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf.

Một số Bộ đã ban hành Thông tư, Quy chuẩn kỹ thuật như: Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 30/2019/TT-BGTVT ngày 28 tháng 8 năm 2019 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới; Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 Quy chuẩn quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 06 năm 2020 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu; Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2020 về chính sách phát triển nghề công chứng.

Một số địa phương cũng đã ban hành các chính sách thay thế như: tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Văn bản số 1351/UBND-GTCNXD ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc quản lý đầu tư phát triển và chất lượng sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng lưu thông trên địa bàn; tỉnh Lào Cai ban hành 05 quyết định để quản lý, phát triển một số sản phẩm trên địa bàn...

Ngoài các văn bản ban quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh, quy chuẩn kỹ thuật, các Bộ, ngành cũng đã tập trung xây dựng các Chiến lược, chương trình, đề án phát triển các ngành, lĩnh vực (như nông nghiệp; công thương; vật liệu xây dựng; khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo...) nhằm đảm bảo phục vụ công tác quản lý, định hướng, điều hành phát triển ngành và hướng dẫn, có ý kiến đối với phương án phát triển tại quy hoạch tỉnh của các địa phương.

(Chi tiết tại mục E Phụ lục I kèm theo Báo cáo này)

Về cơ bản, hầu hết các quy hoạch bị bãi bỏ đã có chính sách, quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành thay thế, đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

2.1.5. Về phổ biến, giáo dục pháp luật về quy hoạch

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã tổ chức công bố nội dung Luật Quy hoạch trên cổng thông tin của Chính phủ và của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính).

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ khẩn trương hướng dẫn các địa phương triển khai lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030; Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) và các Bộ, ngành đã nghiên cứu xây dựng các tài liệu để tổ chức phổ biến, tập huấn các nội dung của Luật Quy hoạch, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành. Đến nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tập huấn về Luật Quy hoạch cho một số Bộ, ngành và tập huấn cho 63 tỉnh, thành phố theo các vùng kinh tế - xã hội.

Sau khi các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP được ban hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã tiếp tục phối hợp với Bộ, ngành và các địa phương tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến kiến thức về các Luật, pháp lệnh và Nghị định.

Ngoài việc tổ chức các Hội nghị tuyên truyền, tập huấn theo kế hoạch được xây dựng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) cũng tổ chức tuyên truyền, tập huấn pháp luật về quy hoạch cho các cán bộ, công chức của các Bộ ngành, địa phương khi có yêu cầu.

2.1.6. Đánh giá chung về các kết quả đã đạt được trong việc ban hành các chính sách, pháp luật về quy hoạch

Hệ thống pháp luật về quy hoạch từng bước được hoàn thiện đúng hướng theo quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 13-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, đó là: (i) Luật Quy hoạch có phạm vi điều chỉnh chung cho các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia; (ii) Thiết lập cơ chế thẩm định thông qua Hội đồng định quy hoạch đảm bảo tính độc lập, tập trung; (iii) Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch; (iv) Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra thực hiện quy hoạch được coi trọng; việc công bố, công khai quy hoạch được đẩy mạnh thông qua hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch, qua đó tăng cường giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động quy hoạch; (v) Hoàn thiện thể chế về xử lý vi phạm trong hoạt động quy hoạch.

Việc giám sát của Quốc hội về thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch góp phần quan trọng trong việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện

chính sách, pháp luật về quy hoạch và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030.

Nhìn chung, việc soạn thảo và ban hành các chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch ban hành đã và đang nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Quốc hội, Chính phủ. Các chính sách, văn bản pháp luật về quy hoạch ngày càng bám sát với các vấn đề thực tiễn, qua đó góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về quy hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quy hoạch trong việc đóng góp vào công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2.2. Tình hình triển khai chính sách, pháp luật về quy hoạch

2.2.1. Việc sử dụng kinh phí cho hoạt động quy hoạch

a) Việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công cho hoạt động quy hoạch theo khoản 1 Điều 9 Luật Quy hoạch

Thực hiện Luật Quy hoạch, các Bộ, ngành, địa phương đã tập trung nguồn lực tổ chức lập các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước. Theo đó, kết quả thực hiện giao kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đối với nhiệm vụ quy hoạch của các Bộ, ngành, địa phương như sau:

Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đã ưu tiên phân bổ vốn cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch. Theo đó, tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bố trí cho các bộ, ngành và địa phương để thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch là 1.243,633 tỷ đồng.

Trên cơ sở Nhiệm vụ lập quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các địa phương đều đã phê duyệt dự toán kinh phí lập quy hoạch.

b) Việc sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên cho hoạt động quy hoạch

Để giải quyết các khó khăn, vướng mắc về kinh phí cho việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15, Quốc hội đã cho phép sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch mà đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì hành chưa được bố trí vốn.

Đồng thời, Điều 9 Luật Quy hoạch được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 57/2024/QH15 theo hướng bổ sung quy định cụ thể việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác cho

hoạt động quy hoạch, trong đó quy định cụ thể chi phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để tạo sự đồng bộ, thống nhất trong việc sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với tính chất của từng loại quy hoạch, từ đó đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch.

Với việc sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên nói trên theo trình tự, thủ tục được Bộ Tài hướng dẫn chi tiết tại Thông tư số 32/2023/TT-BTC, khó khăn vướng mắc về kinh phí của quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành từng bước được khắc phục. Hiện nay, Chính phủ đang tiếp tục báo cáo Quốc hội để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động quy hoạch.

c) Việc sử dụng nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động quy hoạch

Căn cứ khoản 3 Điều 10 Luật Quy hoạch và thực hiện nhiệm vụ được giao tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 58/2023/NĐ-CP và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP trong đó quy định chi tiết việc huy động và sử dụng nguồn lực của các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho hoạt động quy hoạch, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của Luật Quy hoạch về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đến nay, có một số quy hoạch đã được hỗ trợ nguồn lực để lập quy hoạch, trong đó một số tỉnh không sử dụng nguồn vốn đầu tư công mà sử dụng nguồn lực hỗ trợ để lập quy hoạch tỉnh. Các hình thức hỗ trợ rất đa dạng, bao gồm: kinh phí, kết quả nghiên cứu của cơ quan, tổ chức, chuyên gia; đầu vào để tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, nghiên cứu, khảo sát, đào tạo. Cơ quan tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn lực hỗ trợ hoạt động quy hoạch của tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài phải chịu trách nhiệm về việc quản lý và sử dụng nguồn lực hỗ trợ theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan.

Nhằm bảo đảm việc hỗ trợ và sử dụng nguồn lực hỗ trợ hoạt động quy hoạch của tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài khách quan, công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, mục đích; tiết kiệm, hiệu quả, vì lợi ích chung của cộng đồng và xã hội, không vụ lợi, nội dung quy hoạch và việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp có sử dụng nguồn lực hỗ trợ hoạt động quy hoạch của tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài phải phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Ngoài ra, nguồn lực hỗ trợ hoạt động quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn của tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài được tiếp

nhận, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng.

2.2.2. Việc tổ chức lập, lấy ý kiến, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kể từ khi Nghị quyết số 61/2022/QH15 được ban hành với một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tiến độ lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021-2030 đã được đẩy nhanh và thu được những kết quả đáng kể.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo quyết liệt nhằm đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, bảo đảm tiến độ, tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch như, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quy hoạch bảo đảm đúng tiến độ được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 109/2023/QH14 và đã đạt được các kết quả chính như sau: Cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương trên cả nước đã tập trung mọi nguồn lực và khẩn trương triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030 theo quy định của Luật Quy hoạch.

Tính đến tháng 7 năm 2025, đã có 110/111 quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 đã thẩm định xong; trong đó, có 108/111 quy hoạch đã được quyết định và phê duyệt. Kết quả cụ thể như sau:

a) Việc tổ chức tổ chức lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch

* Quy hoạch cấp quốc gia

- Quy hoạch tổng thể quốc gia

Thực hiện Quyết định số 1226/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 11 năm 2018, Chủ tịch Hội đồng quy hoạch quốc gia đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quy hoạch quốc gia kèm theo Quyết định số 448/QĐ-HĐQHQG (Quyết định số 448/QĐ-HĐQHQG).

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1226/QĐ-TTg, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia, gửi xin ý kiến các Bộ, ngành và địa phương và trình Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia thẩm định. Trên cơ sở ý kiến tại Báo cáo thẩm định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia và trình Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ (Nghị quyết số 143/NQ-CP). Trên cơ sở Nhiệm vụ lập quy hoạch đã được Chính phủ phê duyệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(nay là Bộ Tài chính) đã phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương lập quy hoạch tổng thể quốc gia theo quy trình tại khoản 1 Điều 16 Luật Quy hoạch. Việc phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình lập quy hoạch được thực hiện theo đúng quy định; kết quả phối hợp đảm bảo thường xuyên, chặt chẽ và có hiệu quả nhằm đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo về yêu cầu chất lượng của quy hoạch theo quy định.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, Chính phủ đã trình Quốc hội xem xét, thông qua Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tổng thể quốc gia). Ngày 09 tháng 01 năm 2023, Quốc hội đã thông qua Quy hoạch tổng thể quốc gia tại Nghị quyết số 81/2023/QH15. Quy hoạch tổng thể quốc gia có ý nghĩa quan trọng trong việc định hình không gian phát triển dài hạn của đất nước, đồng thời là cơ sở để các ngành, các vùng, các địa phương triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, Chính phủ đã tổ chức Hội nghị công bố và triển khai Quy hoạch tổng thể quốc gia theo quy định của Luật Quy hoạch. Hội nghị được tổ chức theo hình thức trực tuyến tại đầu cầu Trụ sở Chính phủ và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đồng thời, ngày 16 tháng 6 năm 2023 chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 90/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội.

- Quy hoạch sử dụng đất quốc gia

Thực hiện Luật Đất đai, Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch được Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức triển khai lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030.

Ngày 29 tháng 8 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1443/QĐ-TTg về việc thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) và đã tổ chức họp vào ngày 17 tháng 9 năm 2021 (24/24 thành viên có mặt đồng ý thông qua). Chính phủ đã trình Quốc hội tại Tờ trình số 480/TTr-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Đến nay, quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 2 tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021.

- Quy hoạch không gian biển quốc gia

Thực hiện Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2020 phê duyệt

nhiệm vụ lập Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời, chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường khẩn trương triển khai lập Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đến nay, quy hoạch không gian biển quốc gia đã được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024.

- Quy hoạch ngành quốc gia

Thực hiện Quyết định 995/QĐ-TTg, các Bộ đã tổ chức lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 38/39 nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia. Trên cơ sở đó, các Bộ đang khẩn trương tổ chức lập quy hoạch thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao. Đến nay, có 36/39 quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt, 01⁵ quy hoạch đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt và 01⁶ quy hoạch đã được tổ chức thẩm định; các quy hoạch được phê duyệt đều đã thực hiện công bố nội dung quy hoạch trên trang thông tin điện tử và tổ chức các hội nghị công bố theo quy định của Luật Quy hoạch.

* Quy hoạch vùng

- Phân vùng lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14, để triển khai lập quy hoạch các vùng trong khi quy hoạch tổng thể quốc gia chưa được lập, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương xây dựng và hoàn thiện phương án phân vùng để triển khai lập quy hoạch. Tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về phương án phân vùng giai đoạn 2021-2030 để thực hiện Luật Quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ đã kết luận có 06 vùng lập quy hoạch, bao gồm: vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Việc giữ nguyên 06 vùng kinh tế - xã hội để lập quy hoạch vùng nhằm kế thừa các quy hoạch vùng thời kỳ 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các nghiên cứu về phát triển vùng trước đây trong quá trình lập quy hoạch là phù hợp, đảm bảo nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch tại Điều 4 Luật Quy hoạch. Đồng thời, Ban cán sự Đảng Chính phủ đã trình Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương thông qua định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia đã xác định giữ nguyên 06 vùng kinh tế để lập quy hoạch; quốc hội cũng đã thống nhất 06 vùng kinh tế tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 để lập quy hoạch vùng.

⁵ Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁶ Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trên cơ sở các vùng lập quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) triển khai xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch và lập quy hoạch 05 vùng (trừ vùng Đồng bằng sông Cửu Long được lập từ năm 2017 bằng nguồn vốn tài trợ của Ngân hàng thế giới).

- Thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch vùng và Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Quy hoạch, điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, ngày 22 tháng 01 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 154/QĐ-TTg về việc thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; ban hành Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 7 tháng 10 năm 2020 về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1311/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2023 về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1526/QĐ-TTg.

- Tiến độ lập các quy hoạch vùng

+ Về quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

Căn cứ Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu (Nghị quyết số 120/NQ-CP), Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) chủ trì lập Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Việc tổ chức lập Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long được thực hiện theo Hiệp định tài trợ số 5845-VN ngày 11 tháng 7 năm 2016 giữa Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tại Quyết định số 1163/QĐ-TTg. Thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan và các địa phương trong vùng tổ chức lập quy hoạch vùng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Quy hoạch. Đồng thời, Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đã triển khai thực hiện và được Hội đồng thẩm định thông qua. Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch thông qua tại phiên họp của Hội đồng thẩm định ngày 25 tháng 11 năm 2021.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng ĐBSCL tại Quyết định số 287/QĐ-TTg. Sau khi được phê duyệt, Chính phủ đã công bố công khai nội dung quy hoạch trên phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức Hội nghị công bố quy hoạch và xúc tiến đầu tư vùng đồng bằng sông Cửu Long vào ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại thành phố Cần Thơ với sự tham gia của một số cơ quan của Quốc hội, đại diện lãnh đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, 13 địa phương trong vùng, một số tổ chức quốc tế, nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước.

+ Về quy hoạch của 05 vùng: Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1226/QĐ-TTg và Thông báo số 352/TB-VPCP ngày 04 tháng 10 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch 05 vùng theo quy định của pháp luật; xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch và hoàn thiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Quy hoạch để trình Hội thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030 tổ chức thẩm định.

Đến ngày 18 tháng 8 năm 2023, tất cả 05 quy hoạch vùng đều đã hoàn thành việc lựa chọn được đơn vị tư vấn lập quy hoạch. Như vậy, những khó khăn, vướng mắc trong việc lựa chọn tư vấn lập quy hoạch các vùng nói trên đã được khắc phục thông qua cơ chế chỉ định thầu được Quốc hội cho phép áp dụng tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15.

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan khẩn trương tiến hành lập quy hoạch vùng theo quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và Nghị định số 58/2023/NĐ-CP. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã có Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức khác, các nhà khoa học đối với Hồ sơ quy hoạch 05 vùng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và hoàn thiện 05 Hồ sơ quy hoạch trình Hội đồng thẩm định. Đến ngày 22 tháng 12 năm 2023, Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng đã tổ chức Phiên họp thẩm định và biểu quyết thông qua 05 quy hoạch vùng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã chỉnh sửa, hoàn thiện 05 hồ sơ quy hoạch vùng theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch và đã có 05 Tờ trình kèm theo hồ sơ quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt quy hoạch. Trên cơ sở đó, ngày 04 tháng 5 năm 2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 05 Quyết định phê duyệt quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

* Quy hoạch tỉnh

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, Nghị định số 58/2023/NĐ-CP và một số văn bản hướng dẫn thi hành, các Bộ, ngành đã ban hành một số văn bản để hướng dẫn chi tiết việc lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 các địa phương đã tổ chức lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 .

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 878/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 (Quyết định số 878/QĐ-TTg).

Đến nay, 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã hoàn thành lập, trình thẩm định và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh.

Trong quá trình lập quy hoạch tỉnh, các địa phương đều đã có sự chủ động phối hợp giữa các Sở, ngành ở địa phương và được sự quan tâm, hỗ trợ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ để đảm bảo sự đồng bộ của các phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trong quy hoạch tỉnh, sự liên kết, thống nhất với quy hoạch cấp trên, đặc biệt là trong bối cảnh các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia được lập đồng thời theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14. Đặc biệt, để đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch tỉnh, trong năm 2021, Chính phủ đã tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác quy hoạch với các địa phương trên toàn quốc; ban hành Nghị quyết số 119/NQ-CP tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình lập quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 2 Điều 29 Luật Quy hoạch, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã ban hành các Quyết định: số 708/QĐ-BKHĐT ngày 11 tháng 5 năm 2020 về thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh, số 709/QĐ-BKHĐT ngày 11 tháng 5 năm 2020 về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh. Đồng thời, để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã ban hành các Quyết định: số 358/QĐ-BKHĐT ngày 21 tháng 3 năm 2021 về kiện toàn Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh, số 359/QĐ-BKHĐT ngày 21 tháng 3 năm 2021 về điều chỉnh Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh.

Đến nay, đã có 63/63 quy hoạch tỉnh được phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, tất cả các quy hoạch tỉnh đều đã được công bố nội dung quy hoạch trên trang thông tin điện tử và tổ chức hội nghị công bố theo quy định của Luật Quy hoạch.

b) Việc lấy ý kiến về quy hoạch

- Đối với 04 quy hoạch ngành quốc gia có nội dung liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước bao gồm: Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, Quy hoạch sử dụng đất an ninh, Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng và Quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia, việc lấy ý kiến về quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

- Đối với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh còn lại, việc lấy ý kiến về quy hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch, trong đó tập trung lấy ý kiến bằng văn bản tham gia của UBTWMTTQ Việt Nam, các bộ, ngành và địa phương; lấy ý kiến trên các cổng thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch và hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch để đảm bảo việc tiếp cận thông tin về hồ sơ quy hoạch đầy đủ, rộng rãi tới người dân và tiết kiệm chi phí. Ngoài ra, các bộ, ngành, địa phương cũng tổ chức các hội thảo tham vấn ý kiến các cơ quan, tổ chức, chuyên gia trong nước, quốc tế về quy hoạch; qua đó góp phần nâng cao chất lượng quy hoạch.

c) Việc thẩm định kết quả đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, việc thẩm định kết quả đánh giá môi trường chiến lược được thực hiện đồng thời với thẩm định quy hoạch; 100% báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch thông qua.

Việc thẩm định đồng thời kết quả đánh giá môi trường chiến lược và quy hoạch bảo đảm việc hoàn thiện các định hướng, giải pháp về bảo vệ môi trường trong hồ sơ quy hoạch, đồng thời, tiết kiệm thời gian thẩm định quy hoạch. Điều này góp phần nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch theo đúng quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội.

d) Việc công bố quy hoạch

- Các Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được đăng tải đầy đủ trên các cổng thông tin điện tử của Chính phủ, cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

- Việc công bố báo cáo quy hoạch, sơ đồ, bản đồ quy hoạch còn hạn chế. Một số bộ, ngành, địa phương đã gửi hồ sơ quy hoạch được phê duyệt cho Bộ Tài chính để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy

hoạch. Tuy nhiên, do hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch chưa được xây dựng hoàn thiện, việc cập nhật, công bố hồ sơ quy hoạch đã phê duyệt trên hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch chưa đầy đủ, đồng bộ.

2.2.3. Việc ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh

Căn cứ quy định tại Luật Quy hoạch, Luật số 57/2024/QH1, điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 và quy định tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP, Nghị định số 22/2025/NĐ-CP Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các kế hoạch thực hiện quy hoạch sau:

- Để triển khai Quy hoạch tổng thể quốc gia, ngày 16 tháng 6 năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 90/NQ-CP về Chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Kế hoạch thực hiện Quy hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm (2021-2030) đã được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 2 tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 đồng thời với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030.

- Chính phủ đã ban Nghị quyết số 37/NQ-CP của Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện quy hoạch các vùng: Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

- Ngoài ra, có 28 Kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành quốc gia và 58 Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh kỳ⁷ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

Riêng đối với quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố thông tin về quy hoạch đã được

⁷ Quảng Ninh, Hậu Giang, Cần Thơ, Tây Ninh, Yên Bái, Nghệ An, Hà Tĩnh, Kiên Giang, Lào Cai, Bình Định, Nam Định, Quảng Bình, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Bạc Liêu, Phú Yên, Đồng Nai, Tuyên Quang, Đắk Lắk, Lạng Sơn, Ninh Thuận, Lai Châu, Thừa Thiên Huế, Long An, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Thuận, Lâm Đồng, Vĩnh Long, Khánh Hòa, Đồng Tháp, Thái Bình, Bà Rịa – Vũng Tàu, Cao Bằng, Sóc Trăng, An Giang, Phú Thọ, Bắc Kạn, Đà Nẵng, Bắc Ninh, Quảng Trị, Đắk Nông, Tiền Giang, Bến Tre, Kon Tum, Ninh Bình, Hòa Bình, Hưng Yên, Gia Lai, Hà Nam, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Trà Vinh, Cà Mau, Bình Phước, Hải Dương, Hà Giang, Hồ Chí Minh

Chính phủ báo cáo kết quả cụ thể tại Hồ sơ dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

c) Việc điều chỉnh quy hoạch

- Quy hoạch cấp quốc gia: có 06 quy hoạch cấp quốc gia đã được phê duyệt điều chỉnh: (1) Quy hoạch phát triển điện lực; (2) Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao; (3) Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay; (4) Quy hoạch mạng lưới đường bộ; (5) Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam; (6) Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quy hoạch tỉnh: có 06 quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt điều chỉnh: trong đó, có 01 quy hoạch điều chỉnh theo trình tự, thủ tục thông thường (quy hoạch tỉnh Bắc Giang; có 05 quy hoạch tỉnh điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn (quy hoạch các tỉnh: Bình Phước, Bà Rịa – Vũng Tàu, Quảng Bình, Đồng Nai, Ninh Thuận).

d) Việc xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch

Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia được triển khai xây dựng từ năm 2019, qua quá trình vận hành thử nghiệm, hoàn thiện và nâng cấp, đến ngày 20 tháng 4 năm 2023, Hệ thống đã được chính thức khai trương với mục tiêu áp dụng công nghệ số trong quá trình quản lý quy hoạch; góp phần công khai và minh bạch hóa thông tin quy hoạch; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của quốc gia và địa phương; tiết kiệm thời gian và chi phí trong quá trình tra cứu, khai thác và sử dụng thông tin quy hoạch. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch, bao gồm:

- Hệ thống thông tin, văn bản và hồ sơ quy hoạch: được đăng tải trên cổng thông tin <https://quyhoachquocgia.mof.gov.vn>. Hệ thống cũng được liên kết với các hệ thống của Bộ/ ngành khác như: Trung tâm thông tin dữ liệu đo đạc bản đồ (Bản đồ nền địa lý quốc gia); Cổng thông tin quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị Việt Nam...

- Hệ thống báo cáo về công tác quy hoạch: được đăng tải tại trang <https://baocaodientu.mof.gov.vn> để cập nhật tiến độ lập, thẩm định quy hoạch trên hệ thống cổng thông tin của Bộ Tài chính.

Thời gian qua, việc đẩy mạnh triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch đồng bộ ở các cấp đã đạt được những kết quả nhất định. Xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng và có tính dài hạn, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương hoàn thiện Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch nhằm cung cấp thông tin đồng bộ, thống nhất, đầy đủ, chính xác, kịp thời. Hiện

nay, có 54 địa phương và 06 Bộ đã cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch lên hệ thống theo quy định.

Trong năm 2025, Hệ thống sẽ tiếp tục được nâng cấp; các Bộ, ngành và địa phương sẽ cập nhật cơ sở dữ liệu quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch tỉnh sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt lên hệ thống để phục vụ công tác tra cứu, khai thác cơ sở dữ liệu quy hoạch, đồng thời kết nối thông suốt với các cơ sở dữ liệu khác như: cơ sở dữ liệu về dân cư, đầu tư công, đầu tư nước ngoài...

2.3. Đánh giá chung về tình hình triển khai chính sách, pháp luật về quy hoạch

a) Ưu điểm

- Cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương trên cả nước đã và đang tập trung mọi nguồn lực và khẩn trương triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030 theo quy định của Luật Quy hoạch. Nhận thức của các cấp, các ngành, đặc biệt của người đứng đầu, về tầm quan trọng, vị trí, vai trò của công tác quy hoạch trong phát triển ngành, địa phương và quốc gia ngày càng được nâng cao.

- Cách tiếp cận, tư duy về quản lý nhà nước của các cấp, các ngành từng bước thay đổi phù hợp với cách tiếp cận, phương pháp lập quy hoạch và nội dung quy hoạch mới theo quy định của Luật Quy hoạch, trong đó quy hoạch là công cụ của Nhà nước định hướng tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, khai thác, sử dụng tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường. Việc bãi bỏ các quy hoạch ẩn định khối lượng hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ cụ thể được sản xuất, tiêu thụ, thay thế bằng các điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và việc quản lý hậu kiểm theo nguyên tắc minh bạch, công khai. Qua đó, công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành chủ động, linh hoạt, hơn phù hợp với bối cảnh trong nước, quốc tế có nhiều thay đổi và biến động khó lường, ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước, đặc biệt là các hoạt động sản xuất phục vụ xuất khẩu (đại dịch Covid-10; chiến tranh Nga – Ukraine; sự đứt gãy của các chuỗi toàn cầu; các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới...).

- Sự phối hợp, chia sẻ thông tin liên ngành, liên cấp trong hoạt động quản lý nhà nước về quy hoạch ngày càng được đẩy mạnh và hợp tác chặt chẽ hơn do thay đổi về cách tiếp cận lập quy hoạch tích hợp đa ngành, đặc biệt là ở cấp tỉnh.

- Chất lượng công tác quy hoạch đã được nâng cao, từng bước phát huy kết quả tích cực trên thực tiễn và tạo ra các cơ hội phát triển mới, không gian phát triển mới và giá trị mới cho quốc gia, vùng, địa phương trong thời kỳ quy hoạch. Các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 bám sát Chiến lược phát triển đất nước 10 năm 2021 - 2030, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; thể hiện rõ

khát vọng phát triển và tính sáng tạo, đổi mới, chú trọng tính liên kết vùng, liên kết ngành, phát triển bền vững, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số; tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại như công nghệ thông tin địa lý, chồng lớp bản đồ GIS, cho phép cập nhật kịp thời thông tin quy hoạch, bổ sung vào nguồn dữ liệu hiện trạng phục vụ kịp thời cho công tác quy hoạch. Việc chuẩn hóa cơ sở dữ liệu là cơ sở tin cậy cho quá trình phân tích, phát hiện những điểm mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột nảy sinh trong nội dung quy hoạch, qua đó nâng cao chất lượng quy hoạch.

- Chất lượng công tác quy hoạch đã được nâng cao, từng bước phát huy kết quả tích cực trên thực tiễn và tạo ra các cơ hội phát triển mới, không gian phát triển mới và giá trị mới cho quốc gia, vùng, địa phương trong thời kỳ quy hoạch. Các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 bám sát Chiến lược phát triển đất nước 10 năm 2021 - 2030, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; thể hiện rõ khát vọng phát triển và tính sáng tạo, đổi mới, chú trọng tính liên kết vùng, liên kết ngành, phát triển bền vững, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số; tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại như công nghệ thông tin địa lý, chồng lớp bản đồ GIS, cho phép cập nhật kịp thời thông tin quy hoạch, bổ sung vào nguồn dữ liệu hiện trạng phục vụ kịp thời cho công tác quy hoạch. Việc chuẩn hóa cơ sở dữ liệu là cơ sở tin cậy cho quá trình phân tích, phát hiện những điểm mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột nảy sinh trong nội dung quy hoạch, qua đó nâng cao chất lượng quy hoạch.

b) Tồn tại, hạn chế

- Các ngành, các địa phương còn có cách hiểu khác nhau về tích hợp quy hoạch, mức độ chi tiết của nội dung quy hoạch:

+ Do chưa rõ mức độ tích hợp, mức độ chi tiết và các yêu cầu kỹ thuật, chuyên ngành trong quá trình lập quy hoạch theo phương pháp tích hợp đa ngành nên các Bộ, ngành và địa phương gặp khó khăn, lúng túng trong quá trình lập quy hoạch theo phương pháp tích hợp đa ngành.

+ Các bộ, ngành, địa phương còn lúng túng trong việc xử lý các vấn đề liên ngành trong quá trình tích hợp các nội dung đề xuất, các định hướng, phương án phát triển ngành, lĩnh vực do chưa rõ thứ tự ưu tiên, tiêu chí, nguyên tắc tích hợp.

- Tiến độ lựa chọn tổ chức tư vấn, lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thời kỳ 2021-2030 chậm

+ Việc tổ chức đấu thầu lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch theo quy định của Luật Đấu thầu thường kéo dài hơn 1 năm do thường mất nhiều thời gian để xử lý các vấn đề phát sinh như yêu cầu bên dự thầu làm rõ hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng, xử lý tình huống phát sinh liên quan đến chuyên gia tư vấn... Luật Quy hoạch có hiệu lực từ 01/01/2019, như tính đến cuối năm 2022, nhiều quy

hoạch vẫn đang trong quá trình lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch.

+ Qua tổng hợp số liệu báo cáo của các bộ, các địa phương, thời gian lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khoảng 1000 ngày (gần 3 năm), trong đó thời gian lập, lấy ý kiến về quy hoạch khoảng 650 ngày (gần 2 năm), thời gian thẩm định khoảng 130 ngày (khoảng 4 tháng), thời gian hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt khoảng 100 ngày (khoảng 3 tháng), thời gian trình phê duyệt khoảng 70 ngày (khoảng 2 tháng). Đối với quy hoạch tỉnh, việc tham gia ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh còn chậm, dẫn đến thời gian thẩm định và phê duyệt quy hoạch thường kéo dài. Việc hoàn thiện hồ sơ quy hoạch tỉnh sau khi họp thẩm định chậm; các tỉnh trung bình cần khoảng 200 ngày (gần 7 tháng) để tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch.

+ Việc chậm quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đã ảnh hưởng đến việc cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước tác động đến sự phát triển của đất nước⁸; ảnh hưởng đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và cuộc sống của người dân.

- Nội dung của một số quy hoạch còn bất cập:

+ Một số chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 và Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 chưa bám sát với thực tế, gây khó khăn trong việc cân đối nguồn lực đất đai trong quá trình lập một số quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh.

+ Một số quy hoạch tỉnh có một số nội dung chi tiết đến cấp xã, chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch, đó là nội dung quy hoạch tỉnh là định hướng phát triển "ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện".

⁸ Theo Báo cáo số 166/BC-DGS của Đoàn giám sát của Quốc hội: việc các quy hoạch thời kỳ 2021-2030 chậm chưa được phê duyệt cũng gặp không ít khó khăn, ảnh hưởng đến việc cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, hệ thống giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và trung tâm phát triển giáo dục giáo dục hòa nhập; thiếu cơ sở để triển khai đầu tư công trung hạn trên phạm vi cả nước thuộc lĩnh vực giáo dục đại học và giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật. Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021- 2030 chưa được phê duyệt dẫn đến nhiều dự án phát triển điện lực chưa thể triển khai trong bối cảnh những tháng đầu năm 2022 EVN gặp một số khó khăn trong cung cấp than cho các nhà máy nhiệt điện, đến cuối tháng 3/2022, nhiều tổ máy nhiệt điện than trong hệ thống đã phải dừng và giảm phát; các nguồn nhiệt điện than huy động thấp hơn kế hoạch là 1,365 tỷ kWh. Thực trạng đó cho thấy nguy cơ thiếu điện trong mùa cao điểm, từ đó sẽ tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như cuộc sống của người dân.

+ Một số quy hoạch tỉnh ấn định cả số lượng các cơ sở tư nhân (như số lượng trường dân lập, bệnh viện tư nhân...) chưa phù hợp với khoản 2 Điều 13 Luật Quy hoạch.

- Lực lượng tư vấn lập quy hoạch còn hạn chế về số lượng và năng lực, kinh nghiệm lập quy hoạch theo phương pháp, cách tiếp cận mới của Luật Quy hoạch:

+ Việc tổ chức lập đồng thời các quy hoạch gây áp lực lên lực lượng tư vấn lập quy hoạch. Nhiều đơn vị tư vấn tham gia lập đồng thời nhiều quy hoạch dẫn đến ảnh hưởng tiến độ lập quy hoạch.

+ Phần lớn là tư vấn trong một hoặc một số lĩnh vực, chưa có kinh nghiệm lập các quy hoạch có tính tổng hợp, đa ngành; số lượng chuyên gia tư vấn trưởng có năng lực, kinh nghiệm chủ trì các quy hoạch có tính tổng hợp, đa ngành còn hạn chế; việc huy động các chuyên gia quốc tế còn gặp khó khăn vì kinh nghiệm thực tiễn tại Việt Nam còn hạn chế.

- Việc phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cấp, các ngành còn chậm và chưa hiệu quả; việc lấy ý kiến về quy hoạch có lúc có nơi còn thực hiện chưa hiệu quả, hình thức công khai chưa phù hợp; việc xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia chưa hoàn thiện:

+ Việc phối hợp và chia sẻ thông tin liên ngành, liên cấp giữa các Bộ, ngành và địa phương chậm và còn nhiều hạn chế. Cơ quan lập quy hoạch và tổ chức tư vấn lập quy hoạch gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thông tin, số liệu của bộ, ban, ngành để phục vụ công tác quy hoạch.

+ Công tác điều tra, thông kê số liệu của một số ngành, một số địa phương còn chưa đầy đủ, cập nhật. Cơ sở dữ liệu, số liệu, thông tin dữ liệu về quy hoạch còn manh mún, riêng rẽ; chưa có cơ sở dữ liệu mang tính hệ thống, được đồng bộ hóa, thống nhất dẫn đến thiếu thông tin, dữ liệu để lập quy hoạch.

+ Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia chưa được hoàn thiện nên gặp khó khăn trong việc chia sẻ thông tin và phối hợp giữa các cơ quan.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc

3.1.1. Khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định của Luật Quy hoạch

a) Về phạm vi điều chỉnh, hệ thống quy hoạch quốc gia, mối quan hệ giữa các loại quy hoạch

- Luật Quy hoạch chỉ quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; không quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Do vậy, chưa có cơ sở pháp lý để xác định mối quan hệ,

cơ chế xử lý mâu thuẫn giữa các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và giữa các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với nhau.

- Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia và Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành hiện nay còn tồn tại một số bất cập, như: một số quy hoạch có nội dung trùng lặp⁹; một số quy hoạch có thể thay thế quản lý bằng chiến lược, đề án hoặc quy chuẩn, điều kiện đầu tư, kinh doanh¹⁰; một số quy hoạch không thể triển khai thực hiện do liên quan đến điều ước quốc tế¹¹.

b) Về tổ chức lập đồng thời các quy hoạch

- Pháp luật về quy hoạch chưa có quy định thống nhất về việc lập đồng thời các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành làm ảnh hưởng đến tiến độ lập quy hoạch và triển khai các dự án và tính đồng bộ của các quy hoạch thuộc hệ thống. Việc lập đồng thời các quy hoạch trong thời gian qua mới chỉ được quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội và mang tính chất xử lý tình huống để đảm bảo thời gian phê duyệt các quy hoạch.

- Chưa có quy định về thứ tự phê duyệt quy hoạch để bảo đảm tính thứ bậc, thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy hoạch.

c). Về trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch

- Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch hiện nay gồm nhiều bước, lấy ý kiến nhiều lần¹² làm chậm tiến độ phê duyệt quy hoạch.

- Việc phải xin chủ trương trước khi điều chỉnh quy hoạch làm phát sinh thủ tục hành chính, dẫn đến việc không bảo đảm tính chủ động của Bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện.

- Chưa có cơ chế, chính sách để thuê tổ chức tư vấn nước ngoài lập quy hoạch.

- Quy định về công bố quy hoạch, cung cấp thông tin, dữ liệu về quy hoạch, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia chưa phù hợp.

d) Về phân cấp, phân quyền

⁹ (1) Quy hoạch thủy lợi và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; (2) Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê và Quy hoạch đê điều; (3) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm.

¹⁰ Ví dụ: Quy hoạch phát triển và ứng dụng năng lượng nguyên tử; Quy hoạch quảng cáo ngoài trời; Quy hoạch vùng không nhiễm sinh vật gây hại; Quy hoạch vùng và cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

¹¹ Ví dụ: Quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia; Quy hoạch tuyến cửa khẩu biên giới đất liền.

¹² Mỗi quy hoạch hiện nay cần lấy ý kiến các Bộ ngành có liên quan 02 lần (khi trong quá trình lập quy hoạch và trong quá trình thẩm định), riêng Bộ Quốc phòng và Bộ Công an cần lấy ý kiến 3 lần.

Quy định thẩm quyền phê duyệt của Quốc hội đối với quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia dẫn đến thiếu linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến chỉ tiêu sử dụng đất.

đ) Về nội dung quy hoạch

- Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch quá chi tiết dẫn đến thiếu linh hoạt trong quá trình triển khai.

- Còn có cách hiểu khác nhau về mức độ chi tiết của các loại quy hoạch dẫn đến tình trạng một số nội dung đã được phân cấp cho địa phương quản lý nhưng vẫn đưa vào nội dung quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, dẫn đến phải điều chỉnh quy hoạch.

- Nội dung kế hoạch thực hiện quy hoạch trùng lặp với kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

3.2.1. Khó khăn, vướng mắc tại các luật chuyên ngành có quy định liên quan đến quy hoạch

a) Về cấp, loại quy hoạch, mối quan hệ và thẩm quyền

- Chưa có sự đồng bộ về phạm vi, loại, cấp độ quy hoạch; thẩm quyền¹³ lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch của các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

- Chưa có quy định cụ thể về nguyên tắc xử lý, quy trình thủ tục và thẩm quyền xử lý mâu thuẫn giữa các loại quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành dẫn đến vướng mắc trong triển khai thực hiện.

b) Về mâu thuẫn, chồng lấn trong quản lý nhà nước giữa các ngành

- Chưa có sự thống nhất giữa chỉ tiêu sử dụng đất của quy hoạch đô thị và nông thôn với quy hoạch sử dụng đất, gây khó khăn cho hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh.

- Chưa thống nhất giữa quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch lâm nghiệp về phân loại rừng, dẫn đến chỉ tiêu đất rừng phân bổ cho các địa phương tại 2 quy hoạch chưa có sự thống nhất và gây khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Tiêu chí phân loại rừng chưa cụ thể, minh bạch và đồng bộ giữa các

¹³ Ví dụ: Luật Quy hoạch đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn nhưng Luật Đất đai vẫn quy định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tỉnh và sẽ phải điều chỉnh sau khi quy hoạch tỉnh điều chỉnh.

ngành, dẫn đến mỗi địa phương có thể hiểu và áp dụng khác nhau, gây mâu thuẫn trong quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch. Ranh giới giữa các loại rừng có nơi còn chưa rõ ràng, chồng lấn với các loại đất khác dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp đất đai.

c) Đánh giá sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch

- Chưa có quy định chi tiết về đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch, dẫn đến chưa có cách hiểu thống nhất, đặc biệt là trường hợp dự án đầu tư không có trong danh mục dự án của quy hoạch; việc xác định quy hoạch là căn cứ để đánh giá sự phù hợp của dự án.

- Chưa có quy định đầy đủ về tính pháp lý của hồ sơ quy hoạch trong việc đánh giá sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch.

- Việc đánh giá sự phù hợp của các dự án đối với quy hoạch không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch, mà được quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức hợp tác công – tư và khoảng 28 luật chuyên ngành có liên quan, dẫn đến khó khăn trong bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong áp dụng pháp luật.

- Việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch chưa phù hợp thực tiễn dẫn đến dự án khó đáp ứng yêu cầu phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

3.2. Nguyên nhân

3.2.1. Nguyên nhân khách quan

- Việc tổ chức lập các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia là nhiệm vụ mới, phức tạp và lần đầu tiên được triển khai đồng thời ở tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt là quy hoạch cấp dưới được lập khi quy hoạch cấp trên chưa được ban hành, dẫn đến nội dung quy hoạch cấp dưới khó cụ thể hóa đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển và giải pháp của quy hoạch cấp trên.

- Việc tổ chức lập quy hoạch chủ yếu bắt đầu thực hiện từ đầu năm 2020 do các văn bản pháp luật có liên quan đến quy hoạch ban hành chậm hơn so với thời điểm Luật Quy hoạch có hiệu lực, đặc biệt liên quan đến kinh phí lập quy hoạch.

- Nguồn vốn cho công tác quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia sử dụng vốn đầu tư công, do vậy, nhiều quy hoạch phải chờ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được Quốc hội thông qua mới có cơ sở triển khai thực hiện.

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí, tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ lập

quy hoạch.

- Quy định pháp luật có liên quan đến quy hoạch còn có những nội dung chưa đồng bộ, hoặc chưa rõ ràng dẫn đến lúng túng trong triển khai thực hiện (ví dụ khó khăn trong việc xác định người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc khó khăn trong việc xác định chủ dự án, chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công khi áp dụng vào quy trình lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch...).

- Cơ sở dữ liệu một số ngành, lĩnh vực còn chưa đồng bộ, nhất là dữ liệu sơ đồ, bản đồ đòi hỏi mất nhiều thời gian khảo sát, thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin, số liệu.

- Diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030, các đơn vị tư vấn không tiếp cận được thực địa để khảo sát, nghiên cứu và lập quy hoạch.

3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Tư duy, nhận thức về vai trò của Nhà nước nói chung và công tác quy hoạch nói riêng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn đang trong quá trình chuyển đổi và từng bước hoàn thiện; quá trình chuyển đổi này không diễn ra đồng đều ở các cấp, các ngành.

- Còn có tình trạng cơ quan lập quy hoạch phó mặc cho tư vấn thực hiện. Nhiều địa phương không quan tâm đến công tác quy hoạch; nhiều ý kiến khác nhau giữa các ngành nhưng không được xử lý kịp thời làm kéo dài thời gian lập quy hoạch và hoàn thiện quy hoạch sau khi đã thẩm định.

- Công tác phối hợp, tham gia ý kiến của bộ, ngành, địa phương về quy hoạch còn chậm do phải thực hiện nhiều nhiệm vụ cùng một lúc hoặc chưa quan tâm nhiều đến hoạt động quy hoạch. Một số văn bản góp ý nhưng không cụ thể, bám sát nội dung dẫn đến phải rà soát, xin ý kiến nhiều lần.

- Năng lực của cán bộ quản lý nhà nước về quy hoạch, tư vấn lập quy hoạch có lúc, có nơi còn hạn chế, dẫn đến quá trình thực hiện còn gặp nhiều lúng túng, có nhiều cách hiểu, thực hiện không thống nhất.

- Nguồn lực nhân lực và nguồn lực tài chính bố trí cho hoạt động quy hoạch còn chưa tương xứng; việc tham gia ý kiến, thẩm định đồng thời các quy hoạch ở tất cả các cấp gây áp lực lên đội ngũ cán bộ của các cấp, các ngành, trong khi phương tiện, điều kiện làm việc còn nhiều hạn chế (ví dụ báo cáo, sơ đồ, bản đồ, dữ liệu quy hoạch vừa nhiều về số lượng, vừa yêu cầu cao về yêu cầu kỹ thuật đối với máy móc, trang thiết bị...).

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

4.1. Về việc triển khai Luật Quy hoạch

Qua gần 08 năm triển khai Luật Quy hoạch, công tác quy hoạch ngày càng đóng vai trò quan trọng, giúp Nhà nước hoạch định, kiến tạo các động lực phát triển mới; không gian phát triển quốc gia từng bước được tổ chức hiệu quả, thống nhất trên quy mô toàn quốc. Luật Quy hoạch xóa bỏ hoàn toàn các quy hoạch sản phẩm cản trở đầu tư phát triển, xóa bỏ rào cản gia nhập thị trường của doanh nghiệp, nhà đầu tư; tạo bước đột phá trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và cải cách thủ tục hành chính. Việc triển khai công tác quy hoạch theo cách tiếp cận tổng hợp, đa ngành đã có sự thay đổi rõ rệt về tư duy, nhận thức và hành động của các ngành, các địa phương theo hướng chủ động phối hợp trong quá trình lập quy hoạch và tăng cường liên kết phát triển.

Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Luật số 57/2024/QH15 với nhiều chính sách, giải pháp quan trọng giúp giải quyết nhiều khó khăn, vướng mắc của hoạt động quy hoạch như: chi phí cho hoạt động quy hoạch; việc điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong tổ chức thực hiện quy hoạch... Căn cứ quy định của Luật số 57/2024/QH15, việc điều chỉnh các quy hoạch trong thời gian gần đây đã được áp dụng theo trình tự, thủ tục rút gọn, như: điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (Quy hoạch điện VIII), điều chỉnh Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc... Qua đó giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khung của quốc gia để tạo động lực mới cho phát triển.

Tuy nhiên, một số vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn triển khai chính sách, pháp luật về quy hoạch cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể như sau:

- Về hệ thống quy hoạch quốc gia: còn có các hiểu chưa thống nhất về vị trí, vai trò của quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trong hệ thống quy hoạch quốc gia; danh mục các quy hoạch ngành quốc gia và danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành tại Phụ lục I và Phụ lục II của Luật Quy hoạch còn có nội dung không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng lấn nội dung giữa các quy hoạch¹⁴.

- Về thẩm quyền tổ chức lập, thẩm quyền quyết định quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia: luật hiện hành quy định Chính

¹⁴ Ví dụ: Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội có sự chồng lấn về nội dung với nhau

phủ tổ chức lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia; Quốc hội quyết định quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Quy định này chưa tạo sự linh hoạt dẫn đến kéo dài thời gian lập, thẩm định, quyết định các quy hoạch. Do vậy, cần nghiên cứu theo hướng phân cấp thẩm quyền tổ chức lập, thẩm quyền quyết định quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia để đáp ứng yêu cầu tăng cường phân cấp trong quản lý nhà nước và đề cao trách nhiệm của từng cấp.

- Về nội dung quy hoạch: một số quy định về nội dung quy hoạch quá chi tiết, cụ thể, gây khó khăn trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án; chưa tạo sự linh hoạt trong tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Về trình tự, thủ tục của hoạt động quy hoạch: chưa có quy định rõ ràng về Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch, cơ chế đề Chủ tịch Hội đồng ủy quyền chủ trì phiên họp thẩm định, dẫn đến thiếu linh hoạt trong thực tiễn, kéo dài thời gian thẩm định quy hoạch; quy trình, thủ tục điều chỉnh quy hoạch còn phức tạp, nhiều khâu trung gian, làm ảnh hưởng đến tiến độ điều chỉnh quy hoạch.

4.2. Về các vấn đề phát sinh liên quan đến sắp xếp, tinh gọn bộ máy và sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính

Việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy và sắp xếp đơn vị hành chính, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp sau khi hoàn thành sẽ có ảnh hưởng lớn đến toàn bộ các quy hoạch của hệ thống quy hoạch quốc gia; trong đó có thể phát sinh một số vấn đề chính như sau:

- Về hệ thống quy hoạch: việc xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (không tổ chức cấp huyện) ảnh hưởng đến các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, đặc biệt là quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất...

- Về nội dung quy hoạch: thay đổi về tên gọi, phạm vi, ranh giới quy hoạch, các định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển... trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; mức độ chi tiết của các loại quy hoạch cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thay đổi về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; yêu cầu điều chỉnh định hướng phát triển và tổ chức không gian phát triển của vùng, địa phương do có sự thay đổi về quan điểm, định hướng phát triển sau khi sáp nhập đơn vị hành chính.

- Về phân vùng lập quy hoạch: cần điều chỉnh phương án phân vùng lập quy hoạch sau khi sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh; đồng thời phân cấp cho Chính phủ xác định các vùng cần lập quy hoạch vùng để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh đồng thời các quy hoạch, bảo đảm tiến độ, không gây gián đoạn trong quản lý và đầu tư phát triển.

- Về quy trình, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan liên quan đến hoạt động quy hoạch: cần có quy trình, thủ tục rõ ràng, đơn giản và hiệu

quả để điều chỉnh các quy hoạch bị ảnh hưởng sau sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị một cách kịp thời, bảo đảm tính liên tục, không gây gián đoạn trong công tác chỉ đạo điều hành hoạt động quy hoạch và đầu tư phát triển; cần rà soát, sửa đổi các quy định liên quan đến quy trình, thủ tục và trách nhiệm của các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị các cấp và đồng bộ với các pháp luật có liên quan dự kiến được sửa đổi, bổ sung như Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương...

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trước các yêu cầu mới của tình hình trong nước và quốc tế, việc sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch là cấp thiết nhằm: (i) Khắc phục những bất cập trong tổ chức thực hiện quy hoạch; (ii) Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất, đồng bộ với các luật khác có liên quan; (iii) Đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành; (iv) Nâng cao chất lượng quy hoạch, đảm bảo tính khả thi, hiệu lực và hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững và hội nhập.

Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị tại Văn bản số 15436-CV/VPTW ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng; Kết luận số 02-KL/ĐU ngày 13 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng uỷ Chính phủ, Thường trực Chính phủ về phương án sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch; trên cơ sở các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh có quy định liên quan đến quy hoạch cũng như các vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, Bộ Tài chính đề xuất xây dựng Luật Quy hoạch sửa đổi có phạm vi điều chỉnh chung cho các loại quy hoạch phát triển trên phạm vi cả nước; hệ thống pháp luật về quy hoạch được xây dựng đồng bộ, thống nhất với pháp luật có liên quan để quy hoạch thực sự là công cụ hiệu quả của Nhà nước trong việc hoạch định phát triển và kiến tạo không gian phát triển, tận dụng tối đa các cơ hội và khắc phục được những khó khăn, hạn chế trong bối cảnh mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc.

Trên đây là báo cáo tổng kết thi hành Luật Quy hoạch, Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ xem xét và quyết định./.

(Kèm theo báo cáo Phụ lục Danh mục các chính sách, pháp luật về quy hoạch đã được ban hành).

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, QLQH (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

Phụ lục
DANH MỤC CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ QUY HOẠCH ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTC ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài chính)

A – LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, PHÁP LỆNH CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

TT	Tên, số ký hiệu loại văn bản	Năm ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
I	LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI			
1	Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14	2017	Quốc hội	
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14	2018	Quốc hội	
3	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	2018	Quốc hội	
4	Luật số 57/2024/QH15	2024	Quốc hội	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu.
5	Nghị quyết số 61/2022/QH15	2022	Quốc hội	Về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch
6	Nghị quyết số 227/2025/QH15	2025	Quốc hội	Nghị quyết kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV
II	PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI			
1	Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14	2018	Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch số
2	Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14	2019	Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Giải thích một số điều của Luật Quy hoạch
3	Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15	2023	Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030

B – VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT QUY HOẠCH

TT	Tên, số ký hiệu loại văn bản	Năm ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
I	NGHỊ ĐỊNH			
1	Nghị định số 37/2019/NĐ-CP	2019	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch
2	Nghị định số 58/2023/NĐ-CP	2023	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch
3	Nghị định số 22/2025/NĐ-CP	2025	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ.
II	THÔNG TƯ			
1	Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT	2019	Bộ KHĐT	Quy định về định mức cho hoạt động quy hoạch
2	Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT	2021	Bộ KHĐT	Hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội
3	Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT	2023	Bộ KHĐT	Hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

C – VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÁC LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUY HOẠCH

TT	Tên, số ký hiệu loại văn bản	Năm ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
I	TÀI CHÍNH			
	Nghị định số 82/2018/NĐ-CP	2018	Chính phủ	Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế
	Nghị định số 40/2020/NĐ-CP	2020	Chính phủ	Quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư công
	Nghị định số 52/2020/NĐ-CP	2020	Chính phủ	Đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf
	Nghị định số 122/2021/NĐ-CP	2021	Chính phủ	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
	Nghị định số 32/2019/NĐ-CP	2019	Chính phủ	Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên
	Nghị định số 99/2021/NĐ-CP	2021	Chính phủ	Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.
	Thông tư số 32/2023/TT-BTC	2023	Bộ Tài chính	Hướng dẫn việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch
	Nghị định 35/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 71/2025/NĐ-CP	2021	Chính phủ	Hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
	Nghị định 31/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025	2021	Chính phủ	Hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư

TT	Tên, số ký hiệu loại văn bản	Năm ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
	Nghị định 24/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025	2024	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
	Nghị định 23/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.	2024	Chính phủ	Quy định chi tiết Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư với dự án phải tổ chức đấu thầu
	Nghị định 115/2024/NĐ-CP	2024	Chính phủ	Quy định một số điều, biện pháp thi hành Luật Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất
	Nghị định 85/2025/NĐ-CP	2025	Chính phủ	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công
	Nghị định 125/2025/NĐ-CP	2025	Chính phủ	Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính
II	CÔNG THƯƠNG			
	Nghị định số 66/2020/NĐ-CP	2020	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP về quản lý cụm công nghiệp
	Thông tư số 28/2020/TT-BCT	2020	Bộ Công Thương	Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP
	Nghị định số 56/2025/NĐ-CP	2025	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực.

TT	Tên, số ký hiệu loại văn bản	Năm ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
III	XÂY DỰNG, GIAO THÔNG VẬN TẢI			
	Nghị định 58/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 159/2018/NĐ-CP; Nghị định số 76/2021/NĐ-CP; Nghị định số 69/2022/NĐ-CP; Nghị định số 74/2023/NĐ-CP; Nghị định 34/2025/NĐ-CP		Chính phủ	Hướng dẫn Bộ luật Hàng hải
	Nghị định số 56/2019/NĐ-CP	2019	Chính phủ	Quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch
	Nghị định số 117/2021/NĐ-CP	2021	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại NĐ 64/2022/NĐ-CP; NĐ 20/2024/NĐ-CP	2021	Chính phủ	Quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay
	Thông tư số 33/2021/TT-BGTVT	2021	Bộ GTVT	Hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trong lĩnh vực giao thông vận tải
	Nghị định số 72/2019/NĐ-CP	2019	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị

TT	Tên, số ký hiệu loại văn bản	Năm ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
				và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
	Nghị định số 98/2019/NĐ-CP	2019	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật.
	Nghị định số 95/2019/NĐ-CP	2019	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.
	Nghị định số 35/2023/NĐ-CP	2023	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
	Nghị định 165/2024/NĐ-CP	2024	Chính phủ	Hướng dẫn Luật Đường bộ
	Nghị định 178/2025/NĐ-CP	2025	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.
	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP	2025	Chính phủ	Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng
	Nghị định 145/2025/NĐ-CP	2025	Chính phủ	Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn
	Nghị định số 123/2025/NĐ-CP	2025	Chính phủ	Quy định chi tiết về thiết kế kỹ thuật tổng thể và cơ chế đặc thù cho một số dự án đường sắt
IV	NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG			
	Nghị định số 53/2019/NĐ-CP	2019	Chính phủ	Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng,

TT	Tên, số ký hiệu loại văn bản	Năm ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
				chống lũ của tuyến sông có đê
	Nghị định số 05/2022/NĐ-CP	2022	Chính phủ	Nghị định 05/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17/6/2019
	Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT	2020	Bộ NNPTNT	Quy định kỹ thuật và định mức kỹ thuật cho hoạt động quy hoạch thủy lợi và điều tra cơ bản thủy lợi
	Thông tư số 22/2022/TT-BNNPTNT	2022	Bộ NNPTNT	Định mức kinh tế kỹ thuật lập quy hoạch phòng, chống lũ tuyến sông có đê và quy hoạch đê điều.
	Nghị định số 23/2020/NĐ-CP	2020	Chính phủ	Quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông
	Nghị định số 148/2020/NĐ-CP	2020	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.
	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	2021	Chính phủ	Giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển
	Nghị định số 51/2021/NĐ-CP	2021	Chính phủ	Quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia
	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	2022	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
	Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT	2018	Bộ TNMT	Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất
	Thông tư số 04/2020/TT-BTNMT	2020	Bộ TNMT	Quy định kỹ thuật quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh.
	Thông tư số 09/2020/TT-BTNMT	2020	Bộ TNMT	Định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch tổng hợp lưu

TT	Tên, số ký hiệu loại văn bản	Năm ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
				vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh
	Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT	2021	Bộ TNMT	Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
	Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT	2021	Bộ TNMT	Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
	Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	2022	Bộ TNMT	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường,
	Thông tư số 01/2024/TT-BTNMT	2024	Bộ TNMT	Quy định định mức cho hoạt động thực hiện đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch.
	Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	2024	Chính phủ	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai
	Nghị định 53/2024/NĐ-CP	2024	Chính phủ	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước
	Nghị định số 151/2025/NĐ-CP	2025	Chính phủ	Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai
V	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			
	Nghị định số 41/2019/NĐ-CP	2019	Chính phủ	Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.
	Nghị định số 47/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 25/2022/NĐ-CP	2011	Chính phủ	Quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính

TT	Tên, số ký hiệu loại văn bản	Năm ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
	Thông tư số 02/2025/TT-BKHCN	2025	Bộ KHCN	Quy hoạch phân kênh tần số vô tuyến điện cho nghiệp vụ Cố định băng tần 71 - 76 GHz và 81 - 86 GHz
VI	VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH			
	Nghị định số 181/2013/NĐ-CP	2013	Chính phủ	Hướng dẫn Luật Quảng cáo
	Nghị định số 67/2022/NĐ-CP	2022	Chính phủ	sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.
VII	NGOẠI GIAO, QUỐC PHÒNG, AN NINH			
	Nghị định số 136/2020/NĐ-CP	2020	Chính phủ	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.
	Nghị định số 22/2021/NĐ-CP	2021	Chính phủ	Khu kinh tế - quốc phòng
	Nghị định 105/2025/NĐ-CP	2025	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và cứu nạn, cứu hộ
	Nghị định số 34/2023/NĐ-CP	2023	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của

TT	Tên, số ký hiệu loại văn bản	Năm ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
				Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

D – CÁC VĂN BẢN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP CỦA LUẬT QUY HOẠCH

TT	Tên, số ký hiệu loại văn bản	Thời gian ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
I	Rà soát quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 – 2020 khi các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt			
	Nghị quyết số 110/NQ-CP	2019	Chính phủ	Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch
	Nghị quyết số 131/NQ-CP	2020	Chính phủ	Bổ sung các quy hoạch tại phụ lục danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch ban hành kèm theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ
II	Rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch			
	Nghị quyết số 63/NQ-CP	2019	Chính phủ	Danh mục các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.
	Quyết định số 4977/QĐ-BCT	27/12/2018	Bộ CT	Bãi bỏ các quy hoạch hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 59,

TT	Tên, số ký hiệu loại văn bản	Thời gian ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
				Luật Quy hoạch thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương
	Quyết định số 591/QĐ-BNN-KH	21/02/2019	Bộ NNPTNT	Về việc bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ NNPTNT
	Quyết định số 378/QĐ-BGDĐT	19/02/2019	Bộ GDĐT	Bãi bỏ Quyết định số 6639/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực ngành giáo dục giai đoạn 2011-2020.
	Quyết định số 655/QĐ-BXD	25/07/2019	Bộ XD	Bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

E – CÁC CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT CHUYÊN NGÀNH THAY THẾ CÁC QUY HOẠCH BỊ BÃI BỎ

TT	Quy hoạch bị bãi bỏ		Chính sách, quy định thay thế quy hoạch bị bãi bỏ	
	Tên quy hoạch	Quyết định ban hành	Tên, trích yếu nội dung	Số hiệu văn bản
1.	Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020	Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ	Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của Chính phủ (Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo)	Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính

TT	Quy hoạch bị bãi bỏ		Chính sách, quy định thay thế quy hoạch bị bãi bỏ	
	Tên quy hoạch	Quyết định ban hành	Tên, trích yếu nội dung	Số hiệu văn bản
				phủ. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ.
			Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”	Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ
			Kế hoạch thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Bộ Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 359/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 2 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông
			Kế hoạch triển khai Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 2400/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 09 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
			Kế hoạch thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng	Quyết định số 1495/QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 08 năm 2022 của Bộ

TT	Quy hoạch bị bãi bỏ		Chính sách, quy định thay thế quy hoạch bị bãi bỏ	
	Tên quy hoạch	Quyết định ban hành	Tên, trích yếu nội dung	Số hiệu văn bản
			cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Bộ Khoa học và Công nghệ	Khoa học và Công nghệ
			Chiến lược phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2022 - 2030	Quyết định số 1413/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Xây dựng
			Các chương trình, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia cấp tỉnh	Các quyết định của UBND cấp tỉnh
2.	Quy hoạch sân golf Việt Nam đến năm 2020	Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ	Đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf	Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ
3.	Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ	Các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ (bao gồm cả nhiệm vụ, giải pháp phát triển sản xuất lắp ráp ô tô)	Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ
			Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025 (bao gồm cả nhiệm vụ, giải pháp phát triển sản xuất lắp ráp ô tô)	Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ
			Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ năm 2021, năm 2023 của Bộ Công Thương	Quyết định số 3616/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020; Quyết định số 2879/QĐ-

TT	Quy hoạch bị bãi bỏ		Chính sách, quy định thay thế quy hoạch bị bãi bỏ	
	Tên quy hoạch	Quyết định ban hành	Tên, trích yếu nội dung	Số hiệu văn bản
				BCT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ Công Thương
			Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện để sản xuất, gia công (lắp ráp) các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cho ngành sản xuất, lắp ráp ô tô giai đoạn năm 2020 - năm 2024 (gọi tắt là Chương trình ưu đãi thuế CNHT ô tô)	Nghị định số 57/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP.
			Quy định cửa khẩu nhập khẩu ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi.	Thông tư số 21/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương
4.	Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020, có xét đến 2030	Quyết định số 1621/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng	Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 (bao gồm cả tiền chất	Quyết định số 726/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng

TT	Quy hoạch bị bãi bỏ		Chính sách, quy định thay thế quy hoạch bị bãi bỏ	
	Tên quy hoạch	Quyết định ban hành	Tên, trích yếu nội dung	Số hiệu văn bản
		Chính phủ	thuốc nổ và vật liệu nổ công nghiệp)	Chính phủ
5.	Quy hoạch phát triển ngành vật liệu nổ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định số 1834/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ		
6.	Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ	Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
7.	Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030	Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ	Quy chuẩn quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng
8.	Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030	Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ	Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 03 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ
9.	Quy hoạch phát triển cao su đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020	Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ	Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó định hướng phát triển các vùng nguyên liệu tập trung,	Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 Thủ tướng Chính phủ
10.	Quy hoạch phát triển mía đường đến năm 2010 và định hướng đến năm	Quyết định số 26/2007/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2007	cung cấp đủ nguyên liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho cơ sở chế biến, hướng tới phát triển các cụm liên kết sản xuất - bảo	

TT	Quy hoạch bị bãi bỏ		Chính sách, quy định thay thế quy hoạch bị bãi bỏ	
	Tên quy hoạch	Quyết định ban hành	Tên, trích yếu nội dung	Số hiệu văn bản
	2020	của Thủ tướng Chính phủ	quản, chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, kết nối với cơ sở chế biến nông sản và hệ thống logistic, kênh phân phối, tiêu thụ nông sản.	
11.	Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030	Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ		
12.	Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020	Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ	Luật Công chứng	
			Chính sách phát triển nghề công chứng	Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/202 của Chính phủ về
			Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về phát triển nghề công chứng	Quyết định số 299/QĐ-BT ngày 05/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
13.	Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp tàu thủy Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Quyết định số 2290/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 05 năm của Bộ Giao thông vận tải thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (bao gồm cả nhiệm vụ, giải pháp về vận tải biển và công nghiệp tàu thủy)	Quyết định số 2094/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải
			Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải	Nghị định số 147/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ

TT	Quy hoạch bị bãi bỏ		Chính sách, quy định thay thế quy hoạch bị bãi bỏ	
	Tên quy hoạch	Quyết định ban hành	Tên, trích yếu nội dung	Số hiệu văn bản
				sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.
			Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển	Nghị định số 111/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP của Chính phủ
			Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị áp lực trên phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác trên biển; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chế tạo và kiểm tra phương tiện, thiết bị xếp dỡ; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động và kỹ thuật nôi hơi lắp đặt trên phương tiện, thiết bị thăm dò và khai thác trên biển và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép - Sửa đổi 3: 2018.	Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2019/TT-BGTVT ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải
14.	Quy hoạch phát triển hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Quyết định số 1054/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng	Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 05 năm của Bộ Giao thông vận tải thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm	Quyết định số 2094/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Bộ

TT	Quy hoạch bị bãi bỏ		Chính sách, quy định thay thế quy hoạch bị bãi bỏ	
	Tên quy hoạch	Quyết định ban hành	Tên, trích yếu nội dung	Số hiệu văn bản
		Chính phủ	2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (bao gồm cả nhiệm vụ, giải pháp về khai thác hiệu quả Hệ thống thông tin duyên hải)	Giao thông vận tải
			Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Nghị định số 43/2018/NĐ-CP của Chính phủ
			Định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành, khai thác và bảo dưỡng hệ thống thông tin duyên hải để cung ứng dịch vụ thông tin duyên hải	Thông tư số 51/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
			Quy định chi tiết đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.	Thông tư số 03/2023/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
			Hướng dẫn giá dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng.	Thông tư số 31/2022/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
15.	Quy hoạch tổng thể trạm kiểm tra tải trọng trên đường bộ thời kỳ quy hoạch 2020 - 2030	Quyết định số 1885/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ	Quy định về quản lý, hoạt động của trạm kiểm tra tải trọng xe trên đường bộ.	Thông tư số 34/2021/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
16.	Quy hoạch phát triển vận tải biển	Quyết định số 1517/QĐ-	Điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh	Nghị định số

TT	Quy hoạch bị bãi bỏ		Chính sách, quy định thay thế quy hoạch bị bãi bỏ	
	Tên quy hoạch	Quyết định ban hành	Tên, trích yếu nội dung	Số hiệu văn bản
	Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	TTg ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ	doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai đất tàu biển	160/2016/NĐ-CP của Chính phủ về Điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai đất tàu biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP của Chính phủ
			Đề án Phát triển đội tàu vận tải biển của Việt Nam	Quyết định số 1254/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 09 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải
17.	Quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ	Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ
			Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 2792/QĐ-BYT ngày 05 tháng 06 năm 2021 của Bộ Y tế
			Danh mục 100 dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển giai đoạn 2020-2030 1	Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế
18.	Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01	Luật Điện ảnh	

TT	Quy hoạch bị bãi bỏ		Chính sách, quy định thay thế quy hoạch bị bãi bỏ	
	Tên quy hoạch	Quyết định ban hành	Tên, trích yếu nội dung	Số hiệu văn bản
		năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ		
			Quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh.	Nghị định số 131/2022/NĐ-CP của Chính phủ
			Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức Liên hoan Phim, Tuần phim và các sự kiện quảng bá điện ảnh trong nước và quốc tế phục vụ nhiệm vụ chính trị.	Quyết định số 118/QĐ-BVHTTDL ngày 14 tháng 01 năm 2021 Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
19.	Quy hoạch tổng thể phát triển nghệ thuật biểu diễn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ	Quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP của Chính phủ
20.	Quy hoạch phát triển mỹ thuật đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định số 1253/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ	Quy định về hoạt động mỹ thuật	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2019/NĐ-CP của Chính phủ
			Quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.	Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
21.	Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng	Xây dựng dự thảo Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045	Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về

TT	Quy hoạch bị bãi bỏ		Chính sách, quy định thay thế quy hoạch bị bãi bỏ	
	Tên quy hoạch	Quyết định ban hành	Tên, trích yếu nội dung	Số hiệu văn bản
		Chính phủ		phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2022 giao Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xây dựng dự thảo Chiến lược
22.	Quy hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia đến năm 2020	Quyết định số 1361/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ	Quy định về đo lường đối với chuẩn quốc gia	Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ
23.	Quy hoạch phát triển dịch vụ xếp hạng tín nhiệm đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định 507/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ	Quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm	Nghị định số 88/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 151/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính
24.	Quy hoạch xây dựng Làng Thanh niên lập nghiệp giai đoạn 2013 - 2020	Quyết định 1912/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ	Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021- 2030	Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ
			Chương trình phát triển thanh niên cấp tỉnh	Quyết định của UBND

TT	Quy hoạch bị bãi bỏ		Chính sách, quy định thay thế quy hoạch bị bãi bỏ	
	Tên quy hoạch	Quyết định ban hành	Tên, trích yếu nội dung	Số hiệu văn bản
			(bao gồm cả đề án Làng thanh niên lập nghiệp)	cấp tỉnh
25	Quy hoạch tổng thể các Trung tâm đăng kiểm và dây chuyền kiểm định xe cơ giới đến năm 2020, tầm nhìn 2030	Quyết định số 3771/QĐ-BGTVT ngày 06/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải	Quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới	Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định 30/2023/NĐ-CP ngày 8 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ
			Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới	Thông tư số 30/2019/TT-BGTVT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải
27	Quy hoạch thương nhân, kinh doanh xuất khẩu gạo	Quyết định số 6139/QĐ-BCT ngày 28 tháng 08 năm 2013 của Bộ Công Thương	Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030	Quyết định số 583/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
			Quy định về kinh doanh xuất khẩu gạo.	Nghị định số 107/2018/NĐ-CP của Chính phủ

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến Dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị tại Văn bản số 15436-CV/VPTW ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về sửa đổi Luật Quy hoạch trong đó giao “Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ khẩn trương chỉ đạo các cơ quan tập trung, rà soát, nghiên cứu sửa đổi tổng thể Luật Quy hoạch trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XV”; Kết luận của Bộ Chính trị tại cuộc họp ngày 04 tháng 7 năm 2025, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XV; Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 và Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng giao¹, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến Dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

1. Mục tiêu

¹ Văn bản số 5657/VPCP-CN ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ và Văn bản số 541-CV/VPĐU ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Đảng ủy Chính phủ

Việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến Dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi) nhằm các mục tiêu sau:

- Bảo đảm sự phù hợp, thống nhất của Dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi) với Cương lĩnh chính trị, Hiến pháp năm 2013, các chủ trương, đường lối của Đảng, đặc biệt là các Nghị quyết Đại hội XIII, các nghị quyết chuyên đề của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các Nghị quyết thuộc “bộ tứ trụ cột”.
- Xác định các nội dung cần kế thừa, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ từ Luật Quy hoạch hiện hành để bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển mới của đất nước, thể chế hóa đầy đủ đường lối, chính sách của Đảng, yêu cầu cải cách thể chế và đổi mới mô hình tăng trưởng.
- Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ và khả thi giữa Dự thảo Luật với hệ thống pháp luật hiện hành, trong đó có các luật chuyên ngành có liên quan đến hoạt động quy hoạch như Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Đầu tư công, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo, Luật Bảo vệ môi trường...
- Bảo đảm sự tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nhất là các cam kết liên quan đến phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, hợp tác khu vực và quốc tế.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát phải được thực hiện toàn diện, khách quan, có hệ thống, bao quát đầy đủ các lĩnh vực có liên quan trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động quy hoạch.
- Bảo đảm tuân thủ đúng quy trình, mẫu biểu theo quy định tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 27/3/2025 của Chính phủ về xây dựng, thẩm định và trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Nội dung rà soát cần làm rõ sự phù hợp của Dự thảo Luật với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, định hướng phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch.
- Kết quả rà soát phải đề xuất được hướng xử lý cụ thể đối với từng văn bản được rà soát, qua đó phục vụ việc hoàn thiện Dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi) bảo đảm chất lượng, tính đồng bộ, thống nhất và khả thi cao.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

a) Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến Dự thảo Luật

- Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI ngày 16 tháng 01 năm 2012 về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW về phát triển đô thị.

- Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/01/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị bền vững.

- Các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về phát triển 06 vùng kinh tế - xã hội.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII.

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về phát triển 06 vùng kinh tế - xã hội.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Kết luận số 155-KL/TW ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ngoài ra còn có Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Dự thảo Luật

- Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 203/2025/QH15 của Quốc hội ngày 16 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung Điều 111 Hiến pháp năm 2013.

- Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và được quy định chi tiết tại 01 Nghị định; 04 Thông tư². Trong quá trình triển khai thực hiện Luật Quy hoạch, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành 02 Nghị quyết³ để tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

Để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và trình Chính phủ trình Quốc hội thông qua 02 luật và 01 pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật, pháp lệnh có quy định liên quan đến quy hoạch⁴ bảo đảm thống nhất với Luật Quy hoạch.

Ngoài Luật Quy hoạch, hiện nay có 69 luật, pháp lệnh có quy định liên quan đến quy hoạch, trong đó có 28 luật quy định về việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

Danh mục các Luật và Nghị định có quy định liên quan đến quy hoạch được liệt kê chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo này.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến Dự thảo Luật

- Tổng số có 12 Nghị quyết 03 Kết luận và 02 Chỉ thị của Đảng có chủ trương, đường lối liên quan đến Dự thảo Luật đã được rà soát.

- Đánh giá chi tiết về sự phù hợp của Dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi) với chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến Dự thảo Luật cần thể chế hóa thành quy định của pháp luật; đề xuất phương án xử lý được nêu tại Phần 1 của Phụ lục 2 kèm theo báo cáo này.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Dự thảo Luật

- Các điều, khoản của Hiến pháp liên quan đến Dự thảo Luật:

² Nghị định số 37/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP); hướng dẫn tại Thông tư 08/2019/TT-BKHĐT về định mức cho hoạt động quy hoạch (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT); Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về giá trong hoạt động quy hoạch; Thông tư số 32/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch.

³ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030

⁴ Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch

Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 203/2025/QH15 của Quốc hội ngày 16 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung Điều 111 Hiến pháp năm 2013 như sau:

“Điều 111

1. Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở đơn vị hành chính phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo do Quốc hội quy định.

3. Chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó.”

Đồng thời, căn cứ Nghị quyết số 203/2025/QH15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Dự thảo Luật đã đề xuất các quy định như sau:

+ Về hệ thống quy hoạch: Bổ sung quy hoạch cấp xã.

+ Về nội dung quy hoạch: Quy định nội dung quy hoạch tỉnh mang tính liên xã; Quy định nội dung quy hoạch cấp xã.

+ Về thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch phù hợp với các quy định về phân cấp, phân quyền hiện hành và bổ sung quy định về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Có 69 Luật có quy định liên quan đến quy hoạch, trong đó có:

+ 21 Luật quy định về khái niệm quy hoạch.

+ 21 Luật quy định về mối quan hệ giữa các loại quy hoạch.

+ 09 Luật quy định về quy trình, thủ tục trong hoạt động quy hoạch.

+ 41 Luật quy định về thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch. Trong đó, một số Luật có quy định về thẩm quyền trong hoạt động quy hoạch nhưng đã thay đổi sau khi Chính phủ ban hành các Nghị định có quy định về phân cấp, phân quyền trong hoạt động quy hoạch mới được ban hành.

+ 27 Luật quy định về nội dung quy hoạch.

+ 48 Luật quy định về đánh giá sự phù hợp với quy hoạch.

+ 09 Luật quy định về công bố, cung cấp thông tin, dữ liệu về quy hoạch và 03 Luật quy định về bản đồ.

Pháp luật chuyên ngành có quy định khác nhau về quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phụ thuộc vào đặc thù, nhu cầu quản lý của từng ngành như:

đối tượng của quy hoạch; phạm vi; loại; cấp độ; nội dung; trình tự, thủ tục, thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch; sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

Danh mục các quy định cụ thể liên quan đến quy hoạch tại 68 Luật và 70 Nghị định được liệt kê cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo báo cáo này.

Kết quả rà soát những chính sách/quy định của Dự thảo Luật khác so với quy định hiện hành trong các văn bản quy phạm pháp luật được rà soát; đánh giá về tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của chính sách/dự thảo văn bản. Đề xuất hướng xử lý trong trường hợp chính sách/dự thảo văn bản chưa bảo đảm tính thống nhất đề xuất phương án xử lý được nêu cụ thể tại Phần 2 của Phụ lục 2 kèm theo báo cáo này.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo

Việt Nam hiện là thành viên của nhiều điều ước quốc tế, trong đó không nhiều điều ước quốc tế quy định về hoạt động quy hoạch.

Trên đây là Báo cáo về kết quả rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến Dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi); Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên (kèm tài liệu);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (kèm tài liệu);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (kèm tài liệu);
- Bộ Tài chính: Vụ PC;
- Lưu: VT, QLQH (NQA, b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC LUẬT, NGHỊ ĐỊNH CÓ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN
QUY HOẠCH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTC ngày tháng 7 năm 2025 của Bộ Tài chính)

TT	TÊN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
	Giao thông vận tải
1.	Luật Đường bộ số 35/2024/QH15
2.	Luật Đường sắt số 95/2025/QH15
3.	Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đất đai số 45/2013/QH13; Luật số 61/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam; Luật Giá số 16/2023/QH15; Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15; Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15
4.	Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023
5.	Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.
	Lĩnh vực xây dựng
6.	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15
7.	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: (1) Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư; (2) Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; (3) Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14; (4) Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; (5) Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15; (6) Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; (7) Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15; (8) Luật Điện lực số 61/2024/QH15
8.	Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14
9.	Luật Nhà ở số 27/2023/QH15
10.	Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15
	Lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

TT	TÊN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
11.	Luật đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15
12.	Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 16/2023/QH15; Luật Đất đai số 31/2024/QH15
13.	Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch
14.	Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.
15.	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024; Luật Tài nguyên nước; Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15
16.	Luật Đô thị số 79/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đô thị số 60/2020/QH14; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15
17.	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thanh tra số 11/2022/QH15
18.	Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13
19.	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.
20.	Luật Địa chất và Khoáng sản 2024, số 54/2024/QH15
21.	Luật Thú y số 79/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14
22.	Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14.
23.	Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15

TT	TÊN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
24.	Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14
25.	Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14
	Lĩnh vực công thương
26.	Luật Điện lực số 61/2024/QH15
27.	Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14
28.	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 77/2025/QH15
	Lĩnh vực quốc phòng, an ninh
29.	Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14
30.	Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14
31.	Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp 2024 số 38/2024/QH15
32.	Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước số 29/2018/QH14
33.	Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ 2024, số 55/2024/QH15
34.	Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.
35.	Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14
	Lĩnh vực khoa học và công nghệ
36.	Luật Viễn thông số 24/2023/QH15
37.	Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15
38.	Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện
39.	Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14
40.	Luật Khoa học và công nghệ 2013, số 29/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 28/2018/QH14
41.	Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15

TT	TÊN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
	Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch
42.	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Quảng cáo 2025, 75/2025/QH15
43.	Luật Di sản văn hóa 2024, số 45/2024/QH15
44.	Luật Du lịch số 09/2017/QH14
45.	Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14
46.	Luật Báo chí số 103/2016/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14
47.	Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội
	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ
48.	Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;
49.	Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;
50.	Luật Giáo dục số 43/2019/QH14
51.	Pháp lệnh 02/2020/UBTVQH14 về ưu đãi người có công với cách mạng
52.	Luật Tổ chức Chính phủ
53.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15
	Lĩnh vực Y tế
54.	Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15
55.	Luật Dược số 105/2016/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14
56.	Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14
57.	Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14
	Lĩnh vực Tài chính
58.	Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14

TT	TÊN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
59.	Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14
60.	Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13
61.	Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.
62.	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.
63.	Luật PPP số 64/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.
64.	Luật Đầu thầu, số 22/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.
	Lĩnh vực tư pháp
65.	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15
	Các nội dung khác
66.	Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13
67.	Luật Thực hành dân chủ cơ sở số 10/2022/QH15
68.	Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13
69.	Luật Đo đạc bản đồ

Phụ lục 2

DANH MỤC QUY ĐỊNH CỤ THỂ TẠI CÁC LUẬT CÓ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN QUY HOẠCH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTC ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài chính)

I - DANH MỤC CÁC LUẬT CÓ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN KHÁI NIỆM QUY HOẠCH

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
1.	Luật Đường bộ số 35/2024/QH15	Điểm a khoản 1 Điều 5 Quy hoạch mạng lưới đường bộ là quy hoạch ngành quốc gia, xác định phương hướng phát triển, tổ chức không gian hệ thống quốc lộ làm cơ sở để định hướng lập quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ, phát triển mạng lưới đường bộ;
		Điểm a khoản 2 Điều 5 Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, cụ thể hóa quy hoạch mạng lưới đường bộ, xác định phương án phát triển công trình đường bộ và kết cấu hạ tầng đường bộ khác theo từng tuyến đường bộ;
2.	Luật Đường sắt số 95/2025/QH15	Khoản 21 Điều 3 Quy hoạch khu vực TOD là quy hoạch được phát triển chuyên biệt theo định hướng ưu tiên đi lại bằng giao thông công cộng cho khu vực bao gồm nhà ga và vùng phụ cận.
		Điểm a khoản 1 Điều 19 Quy hoạch mạng lưới đường sắt là quy hoạch ngành quốc gia, làm cơ sở định hướng đầu tư, phát triển, khai thác mạng lưới đường sắt quốc gia
		Điểm a khoản 2 Điều 19 Quy hoạch tuyến đường sắt, ga đường sắt là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch mạng lưới đường sắt, được lập cho tuyến đường sắt

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		quốc gia, ga đường sắt quốc gia trong đô thị, ga đầu mối đường sắt quốc gia, ga liên vận quốc tế, ga biên giới bảo đảm phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh
3.	Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, Luật Giá số 16/2023/QH15.	Khoản 1 Điều 82a Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển.
4.	Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia	Khoản 1 Điều 10 Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là quy hoạch ngành quốc gia
5.	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Khoản 11 đến 14 Điều 2 11. Quy hoạch chung là việc xác định mục tiêu, định hướng phát triển tổng thể, kế hoạch phát triển dài hạn; tổ chức không gian, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội, nhà ở cho một thành phố, thị xã, thị trấn, đô thị mới hoặc một huyện, một xã hoặc một khu chức năng. 12. Quy hoạch phân khu là việc phân chia và xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch và bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội, nhà ở cho một khu vực, cụ thể hóa nội dung của quy hoạch chung hoặc quy hoạch tỉnh. 13. Quy hoạch chi tiết là việc phân chia và xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, yêu cầu về quản lý kiến trúc cảnh quan cho từng lô đất xây dựng công trình, bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật,

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		công trình hạ tầng xã hội, nhà ở để cụ thể hoá nội dung của quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch không gian ngầm hoặc quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật. 14. Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật là việc xác định hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm công trình hạ tầng kỹ thuật theo tuyến và công trình hạ tầng kỹ thuật không theo tuyến.
6.	Luật Điện lực số 61/2024/QH15	Khoản 1 Điều 10 Quy hoạch phát triển điện lực là quy hoạch ngành quốc gia.
7.	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 77/2025/QH15	Khoản 2 Điều 6 Quy hoạch tổng thể về năng lượng là quy hoạch ngành quốc gia.
8.	Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15	Khoản 5 Điều 3 5. Quy hoạch sử dụng biển của cả nước là một nội dung của quy hoạch không gian biển quốc gia và được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
		Khoản 7 Điều 3 7. Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ là quy hoạch ngành quốc gia, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch không gian biển quốc gia, định hướng và tổ chức không gian cho việc khai thác, sử dụng các loại tài nguyên và bảo vệ môi trường trong phạm vi vùng bờ.
9.	Luật đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số	Khoản 36 Điều 3 Quy hoạch sử dụng đất là việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất và khoanh vùng đất đai cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
	31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15	khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng đơn vị hành chính cho thời kỳ xác định. Khoản 2 và 3 Điều 61 2. Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng và quy hoạch sử dụng đất an ninh thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia, thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về quy hoạch. 3. Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.
10.	Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch	Khoản 31 Điều 3 Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học là quy hoạch ngành quốc gia, sắp xếp, phân bố không gian các khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên lãnh thổ xác định để bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định.
11.	Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.	Điểm a khoản 4 Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Việc lập quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước căn cứ vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, Chiến lược tài nguyên nước quốc gia và quy hoạch tài nguyên nước
12.	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật Doanh	Khoản 1 Điều 11 Quy hoạch thủy lợi là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, làm cơ sở để đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
	nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024; Luật Tài nguyên nước; Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15.	
13.	Luật Đề điều số 79/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều số 60/2020/QH14; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Điều 13a Quy hoạch đề điều là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, được lập cho hệ thống đề liên quan từ hai tỉnh trở lên.
14.	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thanh tra số 11/2022/QH15	Khoản 4 Điều 3 Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia là việc sắp xếp, định hướng phân bố không gian phân vùng quản lý chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý chất thải, quan trắc và cảnh báo môi trường trên lãnh thổ xác định để bảo vệ môi trường, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững đất nước cho thời kỳ xác định.
15.	Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019;	Khoản 1 Điều 11 Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia là quy hoạch ngành quốc gia

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
	Luật Dầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14.	
16.	Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15	Khoản 1 Điều 11 Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản là quy hoạch ngành quốc gia, phải bảo đảm nguyên tắc cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản, tài nguyên địa chất khác phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phòng, chống tai biến địa chất; thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.
		Khoản 1 Điều 12 Quy hoạch khoáng sản nhóm I, quy hoạch khoáng sản nhóm II là quy hoạch ngành quốc gia
17.	Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp số 38/2024/QH15	Khoản 1 Điều 9 Quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh là quy hoạch ngành quốc gia; được lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh theo quy định của Luật này và pháp luật về quy hoạch.
18.	Luật Viễn thông số 24/2023/QH15	Khoản 1 Điều 8 Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia được tích hợp vào quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông nhằm xác định mục tiêu, nguyên tắc, định hướng phát triển thị trường viễn thông, cơ sở hạ tầng viễn thông, công nghệ, dịch vụ viễn thông và các giải pháp thực hiện.
19.	Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện	Khoản 1 Điều 11 1. Quy hoạch tần số vô tuyến điện bao gồm: a) Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia là quy hoạch phân chia phổ tần số vô tuyến điện thành các băng tần dành cho các nghiệp vụ vô tuyến điện và quy định mục đích, điều kiện sử dụng đối với từng băng tần;

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		b) Quy hoạch băng tần là quy hoạch phân chia băng tần thành một hoặc nhiều khối băng tần cho một loại hệ thống thông tin vô tuyến điện và quy định việc phân bổ băng tần đó cho một hoặc nhiều tổ chức sử dụng theo những điều kiện cụ thể. Đối với băng tần được quy hoạch cho hệ thống thông tin di động mặt đất công cộng thì việc phân bổ phải bao gồm giới hạn tối đa tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được cấp phép sử dụng trong băng tần được quy hoạch hoặc trong nhóm băng tần xác định; c) Quy hoạch phân kênh tần số là quy hoạch phân chia một băng tần thành các kênh tần số cho một loại nghiệp vụ vô tuyến điện cụ thể theo một tiêu chuẩn nhất định và quy định điều kiện sử dụng các kênh tần số đó; d) Quy hoạch sử dụng kênh tần số là quy hoạch bố trí và quy định điều kiện sử dụng các kênh tần số đối với một hệ thống cho một loại nghiệp vụ vô tuyến điện cụ thể.
20.	Luật Khoa học và công nghệ 2013, số 29/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 28/2018/QH14	Khoản 1 Điều 10 Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập là quy hoạch ngành quốc gia
21.	Luật Di sản văn hóa 2024, số 45/2024/QH15	Khoản 1 Điều 34 Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, xác định nội dung và các biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc của di tích, định hướng tổ chức không gian trong khu vực di tích, các hạng mục công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 28 của Luật này. Khoản 1 và 2 Điều 37 1. Quy hoạch khảo cổ là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. 2. Quy hoạch khảo cổ là việc nhận diện, xác định địa điểm, khu vực khảo cổ gắn với đề xuất kế hoạch, phương án, nguồn lực thực hiện bảo vệ, nghiên cứu, thăm dò, khai quật, phát huy giá trị địa điểm, khu vực khảo cổ.

II - DANH MỤC CÁC LUẬT CÓ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC LOẠI QUY HOẠCH

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
1.	Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đất đai số 45/2013/QH13; Luật số 61/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam; Luật Giá số 16/2023/QH15; Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15; Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15.	Khoản 1 và 3 Điều 56 1. Quy hoạch cảng hàng không, sân bay phải căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, quy hoạch phát triển giao thông vận tải, các ngành khác, địa phương và xu thế phát triển hàng không dân dụng quốc tế.
		Khoản 3 Điều 56 3. Các ngành, địa phương khi lập quy hoạch hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình có ảnh hưởng đến quy hoạch cảng hàng không, sân bay phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải.
2.	Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 48/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14.	Khoản 2 Điều 10 Việc lập, phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
3.	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Khoản 1 Điều 7 1. Các quy hoạch đô thị và nông thôn phải được lập, thẩm định, phê duyệt bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp giữa các loại và cấp độ quy hoạch theo các nguyên tắc sau đây:

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		a) Các quy hoạch chung có thể được lập đồng thời với nhau; trường hợp quy hoạch chung khác cấp thẩm quyền phê duyệt thì quy hoạch chung có cấp thẩm quyền phê duyệt cao hơn phải được phê duyệt trước; trường hợp quy hoạch chung có cùng cấp thẩm quyền phê duyệt thì quy hoạch chung được lập, thẩm định xong trước được phê duyệt trước; b) Quy hoạch phân khu cụ thể hóa quy hoạch chung về: mục tiêu phát triển; chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật; định hướng phát triển, tổ chức không gian và phân khu chức năng; định hướng phát triển hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và không gian ngầm (nếu có). Nội dung, yêu cầu và nguyên tắc bảo đảm cụ thể hóa phải được xác định, quy định rõ trong quy hoạch; c) Quy hoạch chi tiết cụ thể hóa quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung đối với trường hợp không quy định lập quy hoạch phân khu về: mục tiêu, yêu cầu đầu tư phát triển; phương án và yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan; chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật; chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch; giải pháp quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội. Nội dung, yêu cầu và nguyên tắc bảo đảm cụ thể hóa phải được xác định, quy định rõ trong quy hoạch; d) Quy hoạch không gian ngầm và quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với một thành phố trực thuộc trung ương phải đồng bộ với nhau; cụ thể hóa mục tiêu phát triển, định hướng quy hoạch không gian ngầm và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khung; thống nhất và đồng bộ với định hướng phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan tại quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương. Nội dung, yêu cầu và nguyên tắc bảo đảm cụ thể hóa phải được xác định, quy định rõ trong quy hoạch.
4.	Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15	Điểm a khoản 1 Điều 26 a) Phù hợp với chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, quy hoạch không gian biển quốc gia; gắn kết với các quy hoạch có nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên, quy hoạch ngành có phạm vi thuộc vùng bờ;

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		Điều 32. Mối quan hệ giữa quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh 1. Trường hợp quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ mâu thuẫn với quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ đã được phê duyệt thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch tổng thể quốc gia. 2. Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này.
5.	Luật đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15	Điều a khoản 1 Điều 64 Căn cứ lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia a) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; quy hoạch tổng thể quốc gia; chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực; Điều a, b và c khoản 1 Điều 65 Căn cứ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh a) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; b) Các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; c) Quy hoạch tỉnh; Điều b và c khoản 1 Điều 66 Căn cứ lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		a) Quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch đô thị của thành phố trực thuộc Trung ương đối với trường hợp không lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; b) Các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành;
6.	Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 16/2023/QH15; Luật Đất đai số 31/2024/QH15	Điểm a khoản 1 Điều 10 Phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia, chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học;
7.	Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch	Điểm b khoản 1 Điều 8 Căn cứ lập quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học Quy hoạch bảo vệ môi trường
8.	Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.	Khoản 8 Điều 3 8. Quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước; kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt; kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh phải gắn với khả năng, chức năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, không vượt quá ngưỡng khai thác nước dưới đất và phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước. Khoản 3 Điều 12 3. Việc lập, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành của các Bộ, cơ quan ngang Bộ có nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sự phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước. Trường hợp nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và nội dung kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt theo quy định của

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		pháp luật về bảo vệ môi trường có mâu thuẫn với quy hoạch về tài nguyên nước thì phải điều chỉnh phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước.
9.	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14;	Khoản 5 Điều 11 5. Quy hoạch thủy lợi được điều chỉnh khi có sự điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, chiến lược thủy lợi, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch vùng hoặc khi có biến động lớn tác động đến mục tiêu chính của quy hoạch thủy lợi.
		Khoản 1 và 2 Điều 12 1. Phù hợp với chiến lược thủy lợi, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch vùng; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; 2. Gắn kết với quy hoạch kết cấu hạ tầng quốc gia và các quy hoạch có liên quan;
10.	Luật Đê điều số 79/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều số 60/2020/QH14; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Nguyên tắc và căn cứ để lập quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê Điểm a khoản 1 Điều 8 Phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia; mục tiêu quốc phòng, an ninh; chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai; quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi Điểm c khoản 2 Điều 8 d) Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi và các quy hoạch khác có liên quan. Nguyên tắc và căn cứ để lập quy hoạch đê điều

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		Điểm a khoản 1 Điều 14 a) Quy hoạch đô thị phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia; mục tiêu quốc phòng, an ninh; chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai; quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi; quy hoạch vùng; quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề; bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống đô thị và tính kế thừa của quy hoạch đô thị; Điểm c khoản 2 Điều 14 Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi; quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề;
11.	Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13	Điểm a khoản 1 Điều 44 Căn cứ lập quy hoạch phát triển kinh tế biển a) Chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia
12.	Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Khoản 3 Điều 8 Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh phải phù hợp với quy hoạch hệ thống nhà trường quân đội, mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và đáp ứng yêu cầu giáo dục quốc phòng và an ninh cho các đối tượng.
13.	Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp 2024 số 38/2024/QH15	Khoản 2 Điều 10 Căn cứ lập quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quy hoạch thời kỳ trước.
14.	Luật Viễn thông số 24/2023/QH15	Khoản 1 Điều 8 Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia được tích hợp vào quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông nhằm xác định mục tiêu, nguyên tắc, định hướng phát triển thị trường viễn thông, cơ sở hạ tầng viễn thông, công nghệ, dịch vụ viễn thông và các giải pháp thực hiện.

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		Điểm a khoản 2 Điều 8 Phù hợp với chiến lược, quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ; tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên
15.	Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15	Điểm a khoản 2 Điều 10 Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, được lập trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, quy hoạch ngành quốc gia có liên quan, đề ra định hướng cơ bản, dài hạn và xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình
16.	Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện	Khoản 7 Điều 10 Phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia, tránh tích tụ[5] đối với băng tần sử dụng trong hoạt động viễn thông
17.	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Quảng cáo 2025, 75/2025/QH15	Điểm b khoản 2 Điều 37 Không mâu thuẫn hoặc xung đột với quy hoạch cao hơn; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội và mỹ quan đô thị

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
18.	Luật Du lịch số 09/2017/QH14	Khoản 1 Điều 20 Phù hợp với chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước; chiến lược phát triển ngành du lịch và các quy hoạch khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo từng thời kỳ.
19.	Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Điểm a khoản 1 Điều 59 Nguyên tắc quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia Phải căn cứ vào quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và quy hoạch sử dụng đất của địa phương
20.	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.	Điểm d đến g khoản 1 Điều 11 d) Quy hoạch tổng thể quốc gia; d) Quy hoạch không gian biển quốc gia; e) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; g) Quy hoạch bảo vệ môi trường; Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học;
21.	Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14.	Điểm a khoản 3 a) Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai; chiến lược quốc gia về tài nguyên nước; chiến lược quốc gia về phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; quy hoạch sử dụng đất quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia; quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông và chiến lược, kế hoạch khác có liên quan;

III - DANH MỤC CÁC LUẬT CÓ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
1.	Luật Đường sắt số 95/2025/QH15	Điều 22 Điều chỉnh quy hoạch Trường hợp việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án đường sắt, dự án tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng cho dự án đường sắt theo quy hoạch mạng lưới đường sắt, quy hoạch tỉnh nhưng có thay đổi so với quy hoạch khác có liên quan thì dự án được phê duyệt mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch; quy hoạch có liên quan phải được kịp thời cập nhật cho phù hợp và công bố theo quy định.
		Khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 51. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt 1. Trình tự lập, thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn về quy hoạch phân khu chức năng. 3. Trong quá trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định điều chỉnh chức năng sử dụng đất khác với quy hoạch chung đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất đã phê duyệt trước đó; quyết định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu dân số, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch về mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất, yêu cầu về không gian khác với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nhưng phải bảo đảm đáp ứng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. 4. Các khu vực có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng trong phạm vi vùng phụ cận ga đường sắt phải được xác định tại đồ án quy hoạch phân khu được phê duyệt theo tính chất, quy mô và yêu cầu quản lý. 5. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
		Điều 52. Điều chỉnh, cập nhật quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		1. Việc điều chỉnh quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng đã được phê duyệt thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. 2. Trường hợp có điều chỉnh Dự án đường sắt dẫn đến điều chỉnh ranh giới nhà ga đường sắt, chủ đầu tư dự án gửi thông tin về phạm vi, ranh giới ga đường sắt điều chỉnh đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đầu tư xây dựng nhà ga để tổ chức cập nhật, điều chỉnh quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt. 3. Các nội dung phê duyệt hoặc điều chỉnh của quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt được cập nhật khi điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị và nông thôn theo quy định.
2.	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Điều 16. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm: a) Lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch (nếu có); b) Lập nhiệm vụ quy hoạch; c) Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch; d) Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; d) Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; e) Lập quy hoạch; g) Thẩm định quy hoạch; h) Phê duyệt quy hoạch. 2. Trường hợp lập quy hoạch chi tiết đối với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật và cụm công nghiệp tại khu vực đã có quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu đã được phê duyệt thì không phải thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		3. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn.
		Điều 36. Lấy ý kiến về nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Trách nhiệm lấy ý kiến được quy định như sau: a) Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm lấy ý kiến trong quá trình lập nhiệm vụ quy hoạch. Đối với nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến; b) Cơ quan thẩm định nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm lấy ý kiến trong quá trình thẩm định nhiệm vụ quy hoạch. 2. Đối tượng lấy ý kiến gồm các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. 3. Nội dung lấy ý kiến gồm nội dung của nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn; đối với những nội dung thuộc bí mật nhà nước phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. 4. Việc lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo hình thức gửi hồ sơ để đối tượng lấy ý kiến nghiên cứu, có ý kiến bằng văn bản. Các cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định. 5. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch trước khi trình thẩm định, trình phê duyệt. Nội dung báo cáo tiếp thu, giải trình phải được công bố công khai và bảo đảm quy chế dân chủ, công khai, minh bạch.
		Điều 37. Lấy ý kiến về quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Trách nhiệm lấy ý kiến được quy định như sau:

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		a) Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch. Đối với quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến; b) Cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm lấy ý kiến trong quá trình thẩm định quy hoạch. 2. Đối tượng lấy ý kiến về quy hoạch đô thị và nông thôn được quy định như sau: a) Quy hoạch đô thị và nông thôn phải được lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và cộng đồng dân cư có liên quan; b) Đối với quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh, thị xã có quy mô dân số dự báo tương đương đô thị loại II, đô thị loại III, quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương đô thị loại II, đô thị loại III và quy hoạch không gian ngầm, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật của thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi họp Hội đồng thẩm định; c) Đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi họp Hội đồng thẩm định. 3. Nội dung lấy ý kiến gồm nội dung của quy hoạch đô thị và nông thôn; đối với những nội dung thuộc bí mật nhà nước phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. 4. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Bộ Xây dựng có trách nhiệm cho ý kiến về sự bảo đảm phù hợp với yêu cầu về phát triển, kết nối hạ tầng kỹ thuật vùng, tỉnh và việc tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng trong nội dung quy hoạch. 5. Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cho ý kiến về sự bảo đảm phù hợp với yêu cầu về phát triển, kết nối hạ tầng kỹ thuật tỉnh và việc tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng trong nội dung quy hoạch.

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		6. Việc lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và chuyên gia có liên quan về quy hoạch được thực hiện theo hình thức gửi hồ sơ đề dôi tượng lấy ý kiến nghiên cứu, có ý kiến bằng văn bản. Các cơ quan, tổ chức và chuyên gia được yêu cầu cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định. 7. Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan về quy hoạch được thực hiện theo quy định sau đây: a) Hình thức lấy ý kiến được thực hiện bằng một, một số hoặc các hình thức sau: gửi hồ sơ, tài liệu đề lấy ý kiến của người dân bằng văn bản; niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng để tiếp nhận ý kiến của người dân; hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; b) Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 20 ngày và không quá 30 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trong trường hợp chưa hết thời gian lấy ý kiến mà đã nhận được đầy đủ ý kiến của cộng đồng dân cư thì cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện các bước tiếp theo; c) Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cộng đồng dân cư được thực hiện theo quy định về việc Nhân dân tham gia ý kiến quy định tại pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. 8. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ quy hoạch trước khi trình thẩm định, trình phê duyệt. Nội dung báo cáo tiếp thu, giải trình phải được công bố công khai, minh bạch.
		Điều 40. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Nội dung thẩm định nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm: a) Sự đầy đủ, tính hợp lý của nội dung nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại Điều 21 của Luật này; b) Sự phù hợp của nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn với quy hoạch cấp quốc gia hoặc quy hoạch vùng hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu.

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		2. Nội dung thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm: a) Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định của Luật này; b) Việc đáp ứng điều kiện của tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại Điều 18 của Luật này; c) Căn cứ lập quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại Điều 15 của Luật này; d) Sự phù hợp với nhiệm vụ quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng; đ) Việc đáp ứng nguyên tắc, yêu cầu về quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Luật này và yêu cầu về nội dung đối với từng loại quy hoạch đô thị và nông thôn. 3. Báo cáo thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn của cơ quan thẩm định phải thể hiện ý kiến của Hội đồng thẩm định đối với nội dung thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và kết luận về điều kiện trình phê duyệt. Báo cáo thẩm định quy hoạch phải được trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xem xét để quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn. 4. Thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch là không quá 15 ngày, thời gian thẩm định quy hoạch là không quá 30 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định. 5. Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành mẫu Tờ trình thẩm định, Báo cáo kết quả thẩm định, Tờ trình phê duyệt, Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn của các loại, cấp độ quy hoạch.
		Điều 42. Hình thức, nội dung phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn phải được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Điều 41 của Luật này phê duyệt bằng quyết định. 2. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn phải có các nội dung chủ yếu quy định tại Điều 21, khoản 1 Điều 22, khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		1 Điều 32, khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, khoản 2 Điều 35 của Luật này và hồ sơ quy hoạch được phê duyệt kèm theo. 3. Hồ sơ quy hoạch đô thị và nông thôn phải được đóng dấu xác nhận của cơ quan thẩm định. Điều 47. Trình tự điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Trình tự điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị và nông thôn được quy định như sau: a) Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại Điều 17 của Luật này báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn để xem xét chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị và nông thôn trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát quy hoạch; b) Sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn chấp thuận về chủ trương, việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch và công bố được thực hiện theo trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, công bố quy hoạch theo quy định của Luật này. 2. Trình tự điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn được quy định như sau: a) Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại Điều 17 của Luật này có trách nhiệm lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; tổ chức lấy ý kiến về nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch đối với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, cộng đồng dân cư trong khu vực dự kiến điều chỉnh quy hoạch và các khu vực xung quanh chịu ảnh hưởng trực tiếp theo quy định tại Điều 37 của Luật này; b) Cơ quan thẩm định quy định tại Điều 38 của Luật này thực hiện thẩm định về căn cứ lập quy hoạch, điều kiện điều chỉnh và nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch; c) Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại Điều 41 và khoản 2, khoản 3 Điều 48 của Luật này quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch. Quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn phải thể hiện rõ các nội dung điều chỉnh và kèm theo hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		d) Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ quy hoạch những nội dung đã điều chỉnh. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn phải được công bố theo quy định tại Điều 50 của Luật này. 3. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết hồ sơ rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn.
3.	Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15	Điều 30. Lấy ý kiến và công bố quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ Việc lấy ý kiến và công bố quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Điều 31. Tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ Việc tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
4.	Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.	Khoản 3 Điều 12 3. Việc lập, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành của các Bộ, cơ quan ngang Bộ có nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sự phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước. Trường hợp nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và nội dung kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có mâu thuẫn với quy hoạch về tài nguyên nước thì phải điều chỉnh phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước.
5.	Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp 2024 số 38/2024/QH15	Khoản 1 và 2 Điều 12. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an giao nhiệm vụ lập quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh cho cơ quan chuyên môn quản lý về công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh. 2. Cơ quan lập quy hoạch thực hiện các nội dung sau đây: a) Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; b) Xây dựng quy hoạch và trình Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, đơn vị có liên quan về quy hoạch; c) Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch do Thủ tướng Chính phủ thành lập; d) Nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện quy hoạch báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
6.	Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;	Khoản 3 Điều 11 3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.
7.	Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;	Khoản 3 và 4 Điều 8 3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan. 4. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp quốc gia xây dựng và phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương mình và chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện.

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
		Việc tích hợp quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
8.	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15	Điểm b khoản 3 Điều 11 b) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
9.	Luật Điện lực số 61/2024/QH15	Khoản 3 Điều 10 3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh, tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định của Luật này.

IV - DANH MỤC CÁC LUẬT CÓ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN THẨM QUYỀN TRONG HOẠT ĐỘNG QUY HOẠCH

TT	Tên Luật, Pháp lệnh	Quy định
1.	Luật Đường bộ số 36/2024/QH15.	Điểm c khoản 1 Điều 5 Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) tổ chức lập quy hoạch mạng lưới đường bộ. Điểm c khoản 2 Điều 5 Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) tổ chức lập quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ.
2.	Luật Đường sắt số 95/2025/QH15	Điểm b khoản 1 Điều 19 Bộ trưởng Bộ Xây dựng tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường sắt.
3.	Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13.	Khoản 2 Điều 56 Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trừ sân bay chuyên dùng.
4.	Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;	
5.		- Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025: thẩm quyền phê duyệt quy hoạch do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện.

		- Thẩm quyền, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện, đánh giá, điều chỉnh Quy hoạch quy định tại Phụ lục II Nghị định 144/2025/NĐ-CP
6.	Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 48/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14. Nghị định 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.	
7.		- Khoản 2 Điều 9 Nghị định 144/2025/NĐ-CP: Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại khoản 3 Điều 10 của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018) do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện. - Thẩm quyền, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện, đánh giá, điều chỉnh Quy hoạch quy định tại Phụ lục II Nghị định 144/2025/NĐ-CP
8.	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch. (Khoản 1 Điều 3) Nghị định 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn Điều 4. Phân định trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn được phân định như sau: a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn có phạm vi

		quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện. b) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn có phạm vi quy hoạch thuộc địa giới đơn vị hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. c) Trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. 2. Trình tự, thủ tục thực hiện trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo quy định về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch quy định tại pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
9.	Luật Nhà ở số 27/2023/QH15	Khoản 3 Điều 64: Căn cứ danh mục, địa điểm có nhà chung cư thuộc trường hợp phải phá dỡ để xây dựng lại theo quy định của Luật này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải pháp quy hoạch xây dựng lại cả khu chung cư hoặc giải pháp quy hoạch để thực hiện xây dựng lại một số nhà chung cư trên cùng địa bàn cấp xã, cấp xã hoặc cấp xã lân cận trên cùng địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường, gắn với cải tạo, chỉnh trang đô thị.
10.	Luật đất đai số 31/2024/QH15	Điều 69 Trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 1. Chính phủ tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì giúp Chính phủ lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. 3. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

		Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện có trách nhiệm chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện. 4. Quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt trong năm đầu tiên của kỳ quy hoạch. 5. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các địa phương có biển được lập bao gồm cả khu vực lấn biển. Điều 71 Thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quy định như sau: a) Thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch. b) Chính phủ tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia. c) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì giúp Chính phủ lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia. d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với các thành phố trực thuộc Trung ương không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; giao đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Hội đồng thẩm định trong quá trình thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Điều 72. Thẩm quyền quyết định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 1. Thẩm quyền quyết định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch. 2. Chính phủ phê duyệt kế hoạch sử dụng đất quốc gia. 3. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với thành phố trực thuộc Trung ương không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

		4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện. 5. Trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, trong đó có dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 67 của Luật này.
11.	Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội	Điều 12. Lập, lấy ý kiến, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia 1. Trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia được quy định như sau: a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc lập quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia. 3. Thẩm định quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia được quy định như sau: a) Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; 4. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình. 5. Việc điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia được quy định như sau:

		a) Quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia được điều chỉnh khi có thay đổi quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia làm thay đổi lớn đến nội dung quy hoạch lâm nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật này; b) Việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia được thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. 6. Việc lập, lấy ý kiến, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về quy hoạch.
12.	Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.	Điểm d khoản 4 Điều 9 Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
13.	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14;	Khoản 1 Điều 14 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
14.	Luật Đê điều số 79/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều số 60/2020/QH14; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Khoản 1 Điều 12 khoản 6 Điều 13 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
15.	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	Điểm a khoản 6 Điều 56. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

		a) Quy hoạch, xây dựng, cải tạo và phát triển làng nghề, cụm công nghiệp làng nghề gắn với bảo vệ môi trường; Khoản 8 Điều 64 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ hệ phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước. Khoản 6 Điều 78 6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quy hoạch, bố trí quỹ đất cho khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, thực hiện việc giao đất kịp thời để triển khai xây dựng và vận hành khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; Khoản 5 Điều 84 5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện quy hoạch có nội dung về xử lý chất thải nguy hại; không hạn chế việc thu gom chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn đơn vị hành chính cấp tỉnh khác về xử lý tại cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn.
16.	Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13	Khoản 3 Điều 44: Chính phủ xây dựng phương án tổng thể phát triển các ngành kinh tế biển quy định tại Điều 43 của Luật này và tổ chức thực hiện việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển của cả nước trình Quốc hội xem xét, quyết định.
17.	Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37	Khoản 5 Điều 11 Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

	luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	
18.	Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14	Điều 10. Tổ chức lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học và nội dung bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch; hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức xây dựng nội dung bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng nội dung bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
19.	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017	Khoản 3 Điều 11: Lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản được quy định như sau: a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; b) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
20.	Luật Thú y số 79/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Điểm a khoản 2 Điều 8 quy định: Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, các bộ 2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thú y và có trách nhiệm sau đây: a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về thú y; Điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Thú y. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

		b) Xây dựng quy hoạch vùng và cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, tích hợp vào quy hoạch tỉnh và tổ chức thực hiện; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật, chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật;
21.	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 77/2025/QH15	Khoản 3 Điều 6: 3. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển năng lượng quốc gia, chương trình sử dụng năng lượng. Bộ Công thương tổ chức lập quy hoạch tổng thể về năng lượng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch
22.	Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Khoản 4 Điều 8: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống và quy định điều kiện thành lập trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh.
23.	Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp 2024 số 38/2024/QH15	Điều 12. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh 1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an giao nhiệm vụ lập quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh cho cơ quan chuyên môn quản lý về công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh. 2. Cơ quan lập quy hoạch thực hiện các nội dung sau đây: a) Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; b) Xây dựng quy hoạch và trình Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, đơn vị có liên quan về quy hoạch; c) Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch do Thủ tướng Chính phủ thành lập;

		d) Nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện quy hoạch báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
24.	Luật Viễn thông số 24/2023/QH15	Điều 49. Quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet 2. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về nội dung, trình tự phê duyệt quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet và thực hiện việc phê duyệt quy hoạch.
25.	Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15	Điều 10. Chiến lược phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình và Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử 2. Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được quy định như sau: b) Cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về năng lượng nguyên tử chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử; công bố, tổ chức thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật này
26.	Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện	Khoản 2 Điều 11 Thẩm quyền phê duyệt và thực hiện quy hoạch tần số vô tuyến điện được quy định như sau: a) Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia; b) Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt quy hoạch băng tần, quy hoạch phân kênh tần số, quy hoạch sử dụng kênh tần số trên cơ sở Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia; c) Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện quy hoạch tần số vô tuyến điện; d) Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thẩm định về sự phù hợp của quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành có sử dụng tần số vô tuyến điện với các quy hoạch tần số vô tuyến điện.
27.	Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Khoản 11 Điều 44. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để hướng dẫn lập quy hoạch và trình tự, thủ tục phê duyệt quy hoạch mạng bưu chính công cộng tại địa phương.

28.	Luật Khoa học và công nghệ 2013, số 29/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 28/2018/QH14	Khoản 3 Điều 10. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập 3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
29.	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Quảng cáo 2025, 75/2025/QH15	Khoản 1 Điều 38. Trách nhiệm xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch quảng cáo ngoài trời 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: a) Lập, điều chỉnh và phê duyệt quy hoạch quảng cáo ngoài trời theo các giai đoạn phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; b) Bố trí kinh phí, nguồn lực để thực hiện quy hoạch; c) Nội dung quy hoạch phải được công bố công khai theo các hình thức quy định của pháp luật về quy hoạch; d) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện quy hoạch quảng cáo ngoài trời; đ) Phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích đối với đất tại các vị trí quy hoạch quảng cáo ngoài trời. 2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng có trách nhiệm ban hành quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện quảng cáo ngoài trời. 3. Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ có liên quan hướng dẫn các địa phương quy hoạch quảng cáo theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành
30.	Luật Di sản văn hóa 2024, số 45/2024/QH15	Khoản 3, 4 Điều 34. 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý thuộc trách nhiệm quản lý sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di sản thể

		giới, di tích quốc gia đặc biệt theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích sau khi có ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập.
31.	Luật Du lịch số 09/2017/QH14	Điểm a khoản 2 Điều 73. Trách nhiệm quản lý nhà nước về du lịch của Chính phủ 2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về du lịch và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về du lịch; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển du lịch; danh mục các địa điểm tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia;
32.	Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;	Khoản 3 Điều 11: Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.”.
33.	Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;	Khoản 3, khoản 4 Điều 8. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp 3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, nghề nghiệp quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan. 4. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp quốc gia xây dựng và phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương mình và chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện. Việc tích hợp quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.”.

34.	Luật Tổ chức Chính phủ 2025, số 63/2025/QH15	- Điểm b khoản 4 Điều 13: Nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng văn bản pháp luật và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Khoản 2 Điều 19: Nhiệm vụ quyền hạn của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ
35.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025, số 65/2025/QH15	Điểm b khoản 1 Điều 15 b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực của địa phương theo quy định của pháp luật;
		Điểm c khoản 1 Điều 16: Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh Chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước ở trung ương, chính quyền các địa phương thúc đẩy liên kết kinh tế vùng, liên kết địa phương, thực hiện quy hoạch vùng, bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân;
		Điểm b khoản 2 Điều 16 b) Quyết định quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, hạ tầng đô thị theo quy định của pháp luật;
		Điểm b khoản 2 Điều 19 b) Quyết định quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, hạ tầng đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật;
		Điểm a khoản 2 Điều 20 a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, hạ tầng đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật;
		Điểm a khoản 2 Điều 21 a) Quyết định biện pháp thực hiện quy hoạch và phát triển thị trấn theo quy định của pháp luật
		Điểm a khoản 2 Điều 23 a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển thị trấn theo quy định của pháp luật;

		Điểm b khoản 2 Điều 38 b) Chiến lược; quy hoạch; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm; kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định
36.	Pháp lệnh 02/2020/UBTVQH14 về ưu đãi người có công với cách mạng	Khoản 2 Điều 49 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật; tổ chức quản lý hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; Khoản 10 Điều 50: Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch
37.	Luật Dược số 105/2016/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Khoản 5 Điều 104 5. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống kiểm nghiệm của Nhà nước, quy định về hệ thống tổ chức, cơ sở vật chất và hoạt động của các cơ sở kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc của Nhà nước.
38.	Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Điều 50 1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm sau đây: m) Quy hoạch và quản lý hệ thống cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng và cơ sở chăm sóc người khuyết tật thuộc thẩm quyền. 3. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm sau đây: c) Thực hiện quy hoạch hệ thống các cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;
39.	Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo	Điểm i khoản 1 Điều 29 Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm

	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	i) Chủ trì phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy hoạch các cơ sở chăm sóc người cao tuổi trong cả nước.
40.	Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Khoản 3 Điều 59: Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia tổ chức xây dựng và phê duyệt quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Bộ Tài chính
41.	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Khoản 3 Điều 17: Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh việc xác định phân vùng môi trường trong Quy hoạch Thủ đô, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật của Thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết trình tự, thủ tục điều chỉnh việc xác định phân vùng môi trường, điều chỉnh cục bộ quy hoạch quy định tại khoản này. Điểm a khoản 3 Điều 24: Ban Quản lý khu công nghệ cao thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết trong phạm vi khu công nghệ cao.

IV - DANH MỤC CÁC LUẬT CÓ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG QUY HOẠCH

TT	Tên Luật/Pháp lệnh	Quy định
1.	Luật Đường bộ số 36/2024/QH15.	Khoản b khoản 2 Điều 5 b) Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: xác định hướng tuyến cơ bản, các điểm khống chế chính, chiều dài, quy mô tuyến đường bộ qua từng địa phương, từng vùng; xác định sơ bộ quy mô của cầu, hầm, bến phà trên tuyến đường bộ; xác định các điểm giao cắt chính; phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp; xác định nhu cầu sử dụng đất, nhu cầu vốn đầu tư, lộ trình thực hiện quy hoạch; giải pháp thực hiện quy hoạch;
		Khoản 3 Điều 5 Nội dung về phát triển đường bộ đô thị được xác định trong quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2.	Luật Đường sắt số 95/2025/QH15.	Khoản 3 Điều 19 3. Phương án phát triển đường sắt địa phương, đường sắt chuyên dùng là một nội dung trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn.
3.	Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023	Khoản 2 Điều 81 2. Việc lập quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và căn cứ vào nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nhu cầu, nguồn lực và xu thế phát triển hàng hải thế giới. Khoản 2 và 3 Điều 82a 2. Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

		a) Dự báo nhu cầu hàng hóa thông qua, phân bổ lượng hàng hóa cho từng bến cảng, khu bến cảng trong nhóm cảng biển; b) Xác định loại cảng; phương án điều tiết hợp lý luồng hàng hóa; hỗ trợ phát triển các khu kinh tế, khu du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất; c) Xác định theo giai đoạn quy hoạch về số lượng cầu cảng, bến cảng, khu bến cảng, dự án ưu tiên đầu tư; d) Bố trí sơ bộ mặt bằng bến cảng, khu bến cảng trong nhóm cảng biển; đ) Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch. 3. Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a) Dự báo nhu cầu hàng hóa thông qua, phân bổ lượng hàng hóa cho từng bến cảng, khu bến cảng trong cảng biển; b) Xác định vị trí, quy mô, công năng, diện tích vùng đất, vùng nước, diện tích kho bãi, khu vực hậu cần bến cảng; phân bổ các khu công năng của cảng biển trong phạm vi vùng đất, vùng nước được quy hoạch; công suất thiết kế của các cầu cảng, bến cảng; xác định thông số kỹ thuật cơ bản luồng tàu, cỡ tàu chuẩn hành hải trên luồng; c) Xác định vị trí, thông số kỹ thuật cơ bản cầu cảng, bến cảng, các công trình hạ tầng hàng hải công cộng; xác định quy mô, vị trí các công trình phục vụ quản lý nhà nước; d) Xác định nhu cầu sử dụng đất, nhu cầu vốn đầu tư, lộ trình thực hiện quy hoạch theo thứ tự ưu tiên đầu tư; đ) Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch; dự kiến nguồn vốn đầu tư luồng tuyến, bến cảng.
4.	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Điều 22. Quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương 1. Quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a) Xác định yêu cầu, nội dung theo quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt;

- b) Đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội, dân số, lao động, sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở, môi trường;
- c) Xác định quan điểm, mục tiêu, tính chất và tiền đề phát triển; dự báo, xác định chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của quy hoạch theo các giai đoạn phát triển;
- d) Xác định mô hình, cấu trúc không gian, phạm vi ranh giới và định hướng phát triển khu vực đô thị và nông thôn phù hợp với định hướng sắp xếp đơn vị hành chính tại quy hoạch tỉnh; định hướng hệ thống trung tâm đô thị; thiết kế đô thị và yêu cầu đối với các khu vực cần bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống;
- đ) Xác định các khu vực theo yêu cầu quản lý, phát triển; định hướng kiến trúc cảnh quan đô thị; xác định quy mô sử dụng đất quy hoạch cho các chức năng theo từng giai đoạn, trong đó có nhu cầu sử dụng đất phát triển nhà ở, nhà ở xã hội; khu vực có ý nghĩa quan trọng quốc gia về chính trị, văn hóa, lịch sử, an ninh, quốc phòng (nếu có);
- e) Định hướng quy hoạch không gian ngầm và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung; yêu cầu về bảo vệ môi trường;
- g) Xác định các giai đoạn thực hiện quy hoạch phù hợp với thời kỳ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.
2. Các bản vẽ thể hiện nội dung quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương được lập theo tỷ lệ 1/25.000 hoặc tỷ lệ 1/10.000 đối với nội dung hiện trạng, định hướng phát triển không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, định hướng phát triển không gian và phát triển hạ tầng kỹ thuật khu vực đô thị theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Các bản vẽ thể hiện nội dung khác được lập theo tỷ lệ do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định.
3. Thời hạn quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương từ 20 đến 25 năm, tầm nhìn đến 50 năm.
- Điều 23. Quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã và quy hoạch chung đô thị mới dự kiến trở thành thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương**

1. Quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã, đô thị mới dự kiến trở thành thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Xác định yêu cầu, nội dung theo quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương đã được phê duyệt;

b) Đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội, dân số, lao động, sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở, môi trường;

c) Xác định quan điểm, mục tiêu, tính chất và tiền đề phát triển; dự báo, xác định chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của quy hoạch theo các giai đoạn phát triển;

d) Xác định cấu trúc, phạm vi ranh giới và định hướng phát triển không gian đô thị và nông thôn; định hướng hệ thống trung tâm đô thị; thiết kế đô thị và yêu cầu đối với các khu vực cần bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống;

đ) Xác định các khu vực theo yêu cầu quản lý, phát triển; định hướng kiến trúc cảnh quan đô thị; xác định quy mô sử dụng đất quy hoạch cho các chức năng theo từng giai đoạn, trong đó có nhu cầu sử dụng đất phát triển nhà ở, nhà ở xã hội;

e) Định hướng quy hoạch không gian ngầm đối với đô thị loại III trở lên và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung; yêu cầu về bảo vệ môi trường;

g) Xác định kế hoạch thực hiện theo các giai đoạn phát triển phù hợp với thời kỳ quy hoạch tỉnh.

2. Nội dung quy hoạch chung đối với đô thị mới dự kiến trở thành thành phố, thị xã phải phân tích và làm rõ cơ sở hình thành, phát triển của đô thị về quy mô đô thị, phạm vi ranh giới phù hợp với định hướng sắp xếp đơn vị hành chính tại quy hoạch tỉnh, thống nhất, đồng bộ với quy định về tiêu chí phân loại đô thị, tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị tương ứng; đề xuất mô hình quản lý phát triển đô thị.

3. Các bản vẽ thể hiện nội dung quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã, đô thị mới dự kiến trở thành thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã được lập theo tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/5.000 đối với nội dung hiện

trạng, định hướng phát triển không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Các bản vẽ thể hiện nội dung khác được lập theo tỷ lệ do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định.

4. Thời hạn quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã, đô thị mới dự kiến trở thành thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã từ 20 đến 25 năm.

Điều 24. Quy hoạch chung thị trấn, quy hoạch chung đô thị mới dự kiến trở thành thị trấn

1. Quy hoạch chung thị trấn, quy hoạch chung đô thị mới dự kiến trở thành thị trấn bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Xác định yêu cầu, nội dung theo quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung huyện đã được phê duyệt;
- b) Đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội, dân số, lao động, sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở, môi trường;
- c) Xác định quan điểm, mục tiêu, tính chất và tiền đề phát triển; dự báo, xác định chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của quy hoạch theo các giai đoạn phát triển;
- d) Xác định quy mô sử dụng đất quy hoạch cho các chức năng theo từng giai đoạn; tổ chức không gian, thiết kế đô thị và yêu cầu đối với các khu vực cần bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống;
- đ) Định hướng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công trình hạ tầng xã hội; xác định các khu vực theo yêu cầu quản lý, phát triển; định hướng kiến trúc cảnh quan đô thị; yêu cầu về bảo vệ môi trường;
- e) Xác định kế hoạch thực hiện theo các giai đoạn phát triển, phù hợp với thời kỳ quy hoạch tỉnh.

2. Nội dung quy hoạch chung đối với đô thị mới dự kiến trở thành thị trấn phải phân tích và làm rõ cơ sở hình thành, phát triển của đô thị về quy mô đô thị, phạm vi ranh giới phù hợp với định hướng sắp xếp đơn vị hành chính tại quy hoạch tỉnh, thống nhất, đồng bộ với quy định về tiêu chí phân loại đô thị, tiêu chuẩn của đơn vị hành chính là thị trấn; đề xuất mô hình quản lý phát triển đô thị.

3. Các bản vẽ thể hiện nội dung quy hoạch chung thị trấn, đô thị mới dự kiến trở thành thị trấn được lập theo tỷ lệ 1/5.000 đối với nội dung hiện trạng, định hướng phát triển không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Các bản vẽ thể hiện nội dung khác được lập theo tỷ lệ do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định.

4. Thời hạn quy hoạch chung thị trấn, đô thị mới dự kiến trở thành thị trấn từ 20 đến 25 năm.

Điều 25. Quy hoạch phân khu đô thị

1. Quy hoạch phân khu đô thị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Xác định chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với phạm vi lập quy hoạch;
- b) Xác định nguyên tắc, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan cho toàn khu vực lập quy hoạch;
- c) Xác định chỉ tiêu về dân số, sử dụng đất quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đối với từng ô phố theo cấp đường phân khu vực;
- d) Bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội, nhà ở, nhà ở xã hội (nếu có) phù hợp với nhu cầu sử dụng; bố trí không gian ngầm (nếu có) đến các trục đường phố phù hợp với các giai đoạn phát triển của toàn khu vực lập quy hoạch;
- d) Giải pháp về bảo vệ môi trường.

2. Các bản vẽ thể hiện nội dung quy hoạch phân khu đô thị được lập theo tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/2.000.

3. Thời hạn quy hoạch phân khu được xác định trên cơ sở thời hạn quy hoạch chung và theo yêu cầu quản lý, phát triển.

4. Thời hạn hoàn thành việc lập, phê duyệt quy hoạch phân khu thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 26. Quy hoạch chi tiết đô thị

1. Quy hoạch chi tiết đô thị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Xác định chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với phạm vi lập quy hoạch;
- b) Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, thiết kế đô thị và quy định về các công trình cần bảo tồn;

		c) Bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội, nhà ở, nhà ở xã hội (nếu có); d) Bố trí công trình công cộng ngầm, công trình giao thông ngầm (nếu có); đ) Quy định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đối với từng lô đất; e) Giải pháp về bảo vệ môi trường. 2. Khi lập quy hoạch chi tiết đối với trục đường mới trong đô thị phải xác định rõ phạm vi lập quy hoạch tối thiểu mỗi bên tính từ phía ngoài chỉ giới đường đỏ của tuyến đường, đáp ứng yêu cầu quản lý, phát triển, phù hợp với điều kiện hiện trạng, kiến trúc cảnh quan và tổ chức không gian đô thị. 3. Các bản vẽ thể hiện nội dung quy hoạch chi tiết đô thị được lập theo tỷ lệ 1/500. 4. Thời hạn quy hoạch chi tiết được xác định trên cơ sở thời hạn quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung đối với trường hợp không lập quy hoạch phân khu và theo yêu cầu quản lý, phát triển. 5. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền chấm dứt theo quy định của pháp luật có liên quan thì quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng hết hiệu lực.
5.	Luật Nhà ở số 27/2023/QH15	Khoản 2 Điều 64: Trong quy hoạch chi tiết dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư phải có chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, quy mô dân số hoặc xác định phần diện tích đất có thể chuyển đổi mục đích sử dụng sang xây dựng công trình dịch vụ, thương mại, văn phòng hoặc công trình hạ tầng xã hội khác để bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường nhằm khuyến khích nhà đầu tư tham gia thực hiện dự án.
6.	Luật đất đai số 31/2024/QH15	Khoản 2 Điều 64: Nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 243 Luật Đất đai): 2. Quy hoạch sử dụng đất quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây: a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; b) Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất; c) Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ mới;

		d) Định hướng sử dụng đất quốc gia, vùng kinh tế - xã hội, tầm nhìn sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; đ) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; trong đó xác định diện tích một số loại đất gồm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh; e) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.
7.	Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội	Điều 11. Thời kỳ và nội dung quy hoạch lâm nghiệp 1. Thời kỳ quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia là 10 năm; tầm nhìn từ 30 năm đến 50 năm. 2. Nội dung quy hoạch lâm nghiệp phải phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và bao gồm các nội dung sau đây: a) Thu thập, phân tích, đánh giá các dữ liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, thực trạng tài nguyên rừng; chủ trương, định hướng phát triển, quy hoạch có liên quan; đánh giá nguồn lực phát triển và các vấn đề cần giải quyết; b) Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch lâm nghiệp kỳ trước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; chế biến và thương mại lâm sản; đầu tư, khoa học và công nghệ, lao động; c) Dự báo về nhu cầu và thị trường lâm sản, dịch vụ môi trường rừng, tác động của biến đổi khí hậu, tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tiến bộ công nghệ áp dụng trong lâm nghiệp; d) Nghiên cứu bối cảnh, các mối liên kết ngành; xác định yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành; đ) Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển lâm nghiệp; e) Định hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; g) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp; h) Định hướng phát triển thị trường, vùng nguyên liệu, chế biến lâm sản; i) Giải pháp, nguồn lực tổ chức thực hiện quy hoạch.

8.	Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.	Điểm b khoản 4 Điều 9 Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm các nội dung chính sau đây: đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước; xác định các yêu cầu về thông tin, số liệu về tài nguyên nước, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên phạm vi cả nước; xác định các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước theo quy định tại khoản 3 Điều này và thứ tự ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch; mạng quan trắc tài nguyên nước; giải pháp, kinh phí, kế hoạch và tiến độ thực hiện; tích hợp danh mục nguồn nước mặt liên quốc gia, danh mục nguồn nước mặt liên tỉnh, danh mục nguồn nước dưới đất;
9.	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14;	Điều 13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 14 của Luật số 35/2018/QH14. Nội dung quy hoạch thủy lợi 1. Quy hoạch thủy lợi xác định phương hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực thủy lợi theo phạm vi quy hoạch. 2. Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh bao gồm các nội dung chính sau đây: a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn nước; điều kiện kinh tế - xã hội; nguồn lực; đánh giá hiện trạng thủy lợi, kết quả thực hiện quy hoạch thời kỳ trước; b) Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển, nguồn nước trong bối cảnh chịu tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai; dự báo tiến bộ khoa học và công nghệ, nguồn lực ảnh hưởng trực tiếp đến thủy lợi; c) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường đối với thủy lợi; cơ hội và thách thức đối với phát triển thủy lợi trên phạm vi lưu vực sông; d) Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển thủy lợi trên phạm vi lưu vực sông; đ) Phân tích, tính toán và xây dựng phương án thủy lợi theo các kịch bản phát triển trên phạm vi lưu vực sông; bảo đảm tạo nguồn, tích trữ, cân đối, điều hòa, phân phối nguồn nước, giảm thiểu rủi ro hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước và các thiên tai khác liên quan đến nước trên phạm vi lưu vực sông; e) Đề xuất giải pháp, danh mục công trình, dự án, thứ tự ưu tiên;

	g) Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi; nhu cầu sử dụng đất để chứa vật liệu nạo vét, mở rộng kênh, mương; h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch; i) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch. 3. Quy hoạch thủy lợi của hệ thống công trình thủy lợi liên quan từ 02 tỉnh trở lên bao gồm các nội dung chính sau đây: a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn nước; điều kiện kinh tế - xã hội; nguồn lực; đánh giá hiện trạng thủy lợi, kết quả thực hiện quy hoạch thủy lợi thời kỳ trước trên phạm vi hệ thống công trình thủy lợi; b) Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển, nguồn nước trong bối cảnh chịu tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai; dự báo tiến bộ khoa học và công nghệ, nguồn lực ảnh hưởng trực tiếp đến thủy lợi; c) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với thủy lợi; cơ hội và thách thức đối với phát triển thủy lợi trên phạm vi hệ thống công trình thủy lợi; d) Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển thủy lợi trên phạm vi hệ thống công trình thủy lợi; d) Phân tích, tính toán và xây dựng phương án thủy lợi theo các kịch bản phát triển; xác định giải pháp thủy lợi cho từng loại đối tượng trên phạm vi hệ thống công trình thủy lợi; phương án phối hợp vận hành giữa các công trình thủy lợi trong hệ thống công trình thủy lợi; bảo đảm tạo nguồn, tích trữ, cân đối, điều hòa, phân phối nguồn nước, giảm thiểu rủi ro hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước và các thiên tai khác liên quan đến nước trên phạm vi hệ thống công trình thủy lợi; e) Đề xuất giải pháp, danh mục công trình, dự án, thứ tự ưu tiên; g) Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi; nhu cầu sử dụng đất để chứa vật liệu nạo vét, mở rộng kênh, mương; h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;

		i) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.
10.	Luật Đê điều số 79/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều số 60/2020/QH14; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Điều 9 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 13 của Luật số 35/2018/QH14: Nội dung quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được lập cho các hệ thống sông liên tỉnh, có nội dung chủ yếu sau đây: 1. Xác định phương hướng, mục tiêu và quy chuẩn kỹ thuật về phòng, chống lũ của hệ thống sông đề lập và thực hiện quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề; 2. Xác định lũ thiết kế của tuyến sông gồm lưu lượng lũ thiết kế và mực nước lũ thiết kế; 3. Xác định các giải pháp kỹ thuật của quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề bao gồm: a) Xây dựng hồ chứa nước thượng lưu; b) Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn và trồng cây chắn sóng bảo vệ đê; c) Xây dựng, tu bổ đê điều; d) Xác định các vùng phân lũ, làm chậm lũ, khả năng phân lũ vào các sông khác; d) Làm thông thoáng dòng chảy; e) Tổ chức quản lý và hộ đê; 4. Dự kiến tác động đến môi trường của việc thực hiện quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề và đề xuất biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường; 5. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.
11.	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	- Điều 23. Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia 1. Căn cứ lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các căn cứ sau đây: a) Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia trong cùng giai đoạn phát triển; b) Kịch bản biến đổi khí hậu trong cùng giai đoạn phát triển.

	2. Nội dung Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, thời kỳ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch. 3. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia. 4. Chính phủ quy định việc xác định phân vùng môi trường trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia. - Điều 24. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh 1. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch. 2. Chính phủ quy định việc xác định phân vùng môi trường trong quy hoạch tỉnh. Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng; hướng dẫn xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh. 3. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh. - Khoản Điều 27 “2. Nội dung đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch bao gồm: a) Các nội dung của quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường; b) Phạm vi thực hiện đánh giá môi trường chiến lược; c) Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch; d) Các phương pháp đánh giá môi trường chiến lược đã áp dụng; đ) So sánh, đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường, chiến lược, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; e) Kết quả nhận dạng các vấn đề môi trường chính có tính tích cực và tiêu cực của quy hoạch; g) Tác động của biến đổi khí hậu;

		h) Kết quả dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch; giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính; i) Định hướng bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch; k) Kết quả tham vấn các bên có liên quan trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược; l) Vấn đề cần lưu ý về bảo vệ môi trường (nếu có), kiến nghị phương hướng và giải pháp khắc phục. 3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Điều này”.
12.	Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13	Khoản 2 Điều 44: Nội dung quy hoạch phát triển kinh tế biển bao gồm: a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng khai thác, sử dụng biển; b) Xác định phương hướng, mục tiêu và định hướng sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; c) Phân vùng sử dụng biển cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; xác định các vùng cấm khai thác, các vùng khai thác có điều kiện, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái và đảo nhân tạo, các thiết bị, công trình trên biển; d) Xác định vị trí, diện tích và thể hiện trên bản đồ các vùng sử dụng mặt biển, đáy biển, đảo; đ) Xác định cụ thể các vùng bờ biển dễ bị tổn thương như bãi bồi, vùng bờ biển xói lở, rừng phòng hộ, đất ngập nước, cát ven biển, xác định vùng đệm và có các giải pháp quản lý, bảo vệ phù hợp; e) Giải pháp và tiến độ thực hiện quy hoạch.
13.	Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Khoản 2 Điều 11: Việc lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và các nguyên tắc sau đây: a) Bảo đảm việc quan trắc trên mạng lưới phản ánh được diễn biến theo không gian, thời gian của yếu tố khí tượng thủy văn cần quan trắc, đáp ứng mục đích khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, phục vụ bảo đảm bộ dữ liệu nền về thời tiết, khí hậu quốc gia, hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai khí tượng thủy văn, theo dõi, giám

		sát thiên tai khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội; b) Bảo đảm thống nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu chia sẻ dữ liệu giữa các mạng lưới quan trắc, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm ngân sách nhà nước.
14.	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017	Khoản 2 Điều 11: Nội dung chủ yếu của quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản bao gồm: a) Đánh giá hiện trạng quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; b) Xác định mục tiêu, định hướng và xây dựng phương án tổng thể quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; c) Vị trí địa lý, diện tích, ranh giới và bản đồ khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; d) Phân vùng khai thác thủy sản; số lượng tàu cá của từng loại nghề; biện pháp quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; đ) Giải pháp, chương trình, kế hoạch thực hiện; nguồn lực, tổ chức thực hiện quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; e) Nội dung khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
15.	Luật Điện lực số 61/2024/QH15	Điều 10. Quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện 1. Quy hoạch phát triển điện lực là quy hoạch ngành quốc gia. 2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện là nội dung tích hợp trong quy hoạch tỉnh. 3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh, tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định của Luật này. 4. Việc lập, điều chỉnh quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm các yêu cầu sau đây: a) Bảo đảm cung cấp đủ điện cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân;

		b) Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước, bảo đảm phát triển bền vững; c) Tối ưu tổng thể các yếu tố về nguồn điện, truyền tải điện, phân phối điện, sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, có lộ trình phù hợp đi đôi với khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường và chuyển đổi mô hình kinh tế, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; d) Thực hiện chuyển dịch năng lượng theo các mục tiêu, cam kết quốc gia trên cơ sở tiến bộ khoa học, công nghệ, chính sách phát triển về năng lượng tái tạo, năng lượng mới; đ) Bảo đảm hệ thống lưới điện đồng bộ với các nguồn điện, đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải của các vùng, địa phương. 5. Căn cứ quy mô công suất nguồn điện, cấp điện áp của lưới điện, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền lập quy hoạch phát triển điện lực và phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh. Quy hoạch phát triển điện lực và phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh không bao gồm các dự án sau đây: a) Nguồn điện không tác động hoặc tác động nhỏ đến hệ thống điện quốc gia; b) Nguồn điện không đầu nối, không bán điện vào hệ thống điện quốc gia, trừ trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu điện; c) Lưới điện hạ áp; d) Cải tạo, nâng cấp dự án điện lực không làm tăng quy mô công suất hoặc cấp điện áp, không phát sinh nhu cầu sử dụng đất. 6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 5 Điều này.
16.	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 77/2025/QH15	Điều 6. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia, quy hoạch tổng thể về năng lượng, chương trình sử dụng năng lượng 1. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia, chương trình sử dụng năng lượng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Cung cấp năng lượng ổn định, an toàn; sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên năng lượng;

		b) Dự báo cung, cầu năng lượng phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kết hợp hài hòa, cân đối giữa các ngành than, dầu khí, điện lực và các năng lượng khác; c) Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ưu tiên phát triển hợp lý công nghệ năng lượng sạch, nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo; d) Xây dựng và thực hiện lộ trình chế tạo phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng.
17.	Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp 2024 số 38/2024/QH15	Điều 11. Nội dung quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh 1. Phân tích, đánh giá về yếu tố, điều kiện tự nhiên, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh. 2. Dự báo xu thế phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh trong thời kỳ quy hoạch. 3. Xác định yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đối với công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh; cơ hội và thách thức đối với phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh. 4. Quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ. 5. Hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng, hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh. 6. Các chương trình, dự án trọng điểm. 7. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch. 8. Nội dung khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
18.	Luật Viễn thông số 24/2023/QH15	Điều 49. Quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet 1. Việc quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây: a) Phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; b) Bảo đảm cập nhật công nghệ mới, phù hợp với xu thế hội tụ công nghệ, dịch vụ và xu thế phát triển về viễn thông, Internet thế hệ mới; c) Bảo đảm tối ưu việc thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông; d) Bảo đảm việc sử dụng kho số viễn thông, tài nguyên Internet hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích;

		d) Bảo đảm có kho số viễn thông, tài nguyên Internet phục vụ lợi ích công cộng, quốc phòng, an ninh; e) Phù hợp với quy định về kho số viễn thông, tài nguyên Internet của các tổ chức quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; g) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sử dụng mã, số viễn thông, tài nguyên Internet.
19.	Luật Năng lượng nguyên tử (mới)	Điều 10. Chiến lược phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình và Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử 2. Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được quy định như sau: a) Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, được lập trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, quy hoạch ngành quốc gia có liên quan, đề ra định hướng cơ bản dài hạn và xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình; c) Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được điều chỉnh khi có sự điều chỉnh mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch làm thay đổi nội dung của quy hoạch; d) Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn khi có một trong các căn cứ sau đây: việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về bảo đảm quốc phòng, an ninh, sắp xếp đơn vị hành chính, dự án quan trọng quốc gia làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch; quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn; quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp; việc thực hiện dự án khẩn cấp, nhiệm vụ cấp bách làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch theo quy định của Chính phủ.
20.	Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên	Khoản 1 Điều 11. Các loại quy hoạch tần số vô tuyến điện; thẩm quyền phê duyệt và thực hiện quy hoạch tần số vô tuyến điện 1. Quy hoạch tần số vô tuyến điện bao gồm:

	quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện	a) Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia là quy hoạch phân chia phổ tần số vô tuyến điện thành các băng tần dành cho các nghiệp vụ vô tuyến điện và quy định mục đích, điều kiện sử dụng đối với từng băng tần; b) Quy hoạch băng tần là quy hoạch phân chia băng tần thành một hoặc nhiều khối băng tần cho một loại hệ thống thông tin vô tuyến điện và quy định việc phân bổ băng tần đó cho một hoặc nhiều tổ chức sử dụng theo những điều kiện cụ thể. Đối với băng tần được quy hoạch cho hệ thống thông tin di động mặt đất công cộng thì việc phân bổ phải bao gồm giới hạn tối đa tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được cấp phép sử dụng trong băng tần được quy hoạch hoặc trong nhóm băng tần xác định; c) Quy hoạch phân kênh tần số là quy hoạch phân chia một băng tần thành các kênh tần số cho một loại nghiệp vụ vô tuyến điện cụ thể theo một tiêu chuẩn nhất định và quy định điều kiện sử dụng các kênh tần số đó; d) Quy hoạch sử dụng kênh tần số là quy hoạch bố trí và quy định điều kiện sử dụng các kênh tần số đối với một hệ thống cho một loại nghiệp vụ vô tuyến điện cụ thể.
21.	Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Điều 34. Mạng bưu chính công cộng 1. Mạng bưu chính công cộng được xây dựng và phát triển theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Các điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng được đặt tại nhà ga, bến xe, cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu, khu dân cư và các điểm công cộng khác để phục vụ nhu cầu của người sử dụng.
22.	Luật Khoa học và công nghệ 2013, số 29/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 28/2018/QH14	Nội dung quy hoạch thực hiện theo Luật Quy hoạch
23.	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số	Khoản 1 Điều 37. Nội dung quy hoạch quảng cáo ngoài trời 1. Quy hoạch quảng cáo ngoài trời phải xác định: kiểu dáng, kích thước, chất liệu, số lượng, phương tiện quảng cáo theo tuyến đường bộ; trong đô thị; phân bổ, khoanh vùng vị trí cho hoạt động tuyên

	35/2018/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Quảng cáo 2025, 75/2025/QH15	truyền cổ động trực quan và quảng cáo ngoài trời tại khu vực trung tâm đô thị; phương hướng phát triển hoạt động quảng cáo ngoài trời; quảng cáo rao vặt.
24.	Luật Du lịch số 09/2017/QH14	Điều 21. Nội dung quy hoạch về du lịch 1. Xác định vị trí, vai trò và lợi thế của du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng và địa phương. 2. Phân tích, đánh giá tiềm năng, hiện trạng tài nguyên và môi trường du lịch, thị trường du lịch; khả năng thu hút đầu tư, nguồn lực phát triển du lịch 3. Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển du lịch; dự báo các chỉ tiêu và luận chứng các phương án phát triển du lịch. 4. Định hướng tổ chức không gian du lịch, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. 5. Định hướng phát triển sản phẩm du lịch, thị trường du lịch. 6. Định hướng đầu tư phát triển du lịch; xác định danh mục các khu vực, các dự án ưu tiên đầu tư, vốn đầu tư. 7. Định hướng bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường theo quy định của pháp luật. 8. Đề xuất chính sách, giải pháp quản lý, phát triển du lịch theo quy hoạch.
25.	Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;	Khoản 2 Điều 11: Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định của và các nội dung sau đây: a) Xác định mục tiêu, phương hướng phát triển của hệ thống giáo dục đại học; b) Ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học để thực hiện quy hoạch; c) Sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát triển các vùng kinh tế trọng điểm và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
26.	Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ	Khoản 1, khoản 2 Điều 8. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

	sung bởi Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;	1. Việc lập quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc theo quy định của Luật Quy hoạch và bảo đảm cơ cấu ngành, nghề, trình độ đào tạo và cơ cấu vùng, miền; tính đa dạng, đồng bộ của hệ thống giáo dục nghề nghiệp, gắn đào tạo với sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. 2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm nội dung theo quy định của Luật Quy hoạch và các nội dung sau đây: a) Cơ cấu mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và quy mô đào tạo theo ngành, nghề, trình độ đào tạo, loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp; b) Phân bố các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo từng vùng, từng địa phương; c) Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; d) Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.
27.	Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Khoản 2 Điều 59: Nội dung quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Bảo đảm tính liên hoàn, kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn với các vùng khác nhau trên toàn quốc, thuận lợi trong nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia; b) Bảo đảm hiệu quả sử dụng cao; c) Bảo đảm phát triển theo hướng hiện đại hóa công nghệ bảo quản và quy trình nhập, xuất; d) Phù hợp với khả năng vốn đầu tư; đ) Xác định rõ giải pháp và lộ trình thực hiện.

V. DANH MỤC CÁC LUẬT CÓ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH

TT	Tên Luật, Pháp lệnh	Quy định
1.	Luật Đường bộ số 36/2024/QH15.	Khoản 1 Điều 3 2. Phát triển đường bộ theo quy hoạch; sử dụng hiệu quả các nguồn lực; kết nối phương thức vận tải đường bộ với các phương thức vận tải khác; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, bảo đảm văn minh, hiện đại và đồng bộ. Điểm a khoản 4 Điều 8 a) Quản lý đường tỉnh, quốc lộ đi qua đô thị loại đặc biệt; quốc lộ khi được phân cấp; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng tuyến tránh thay thế phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ không còn trong quy hoạch mạng lưới đường bộ, trừ trường hợp quốc lộ có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm quốc phòng, an ninh; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ được Thủ tướng Chính phủ giao trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, khả năng bố trí nguồn lực của địa phương; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã được điều chuyển tài sản về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; Khoản 1 và 3 Điều 12 1. Quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác có liên quan. 3. Tỷ lệ đất dành cho giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt từ 11% đến 26%, phù hợp với tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực nội thành, nội thị của

	từng loại đô thị theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và quy định khác của pháp luật có liên quan. Khoản 2 Điều 13 2. Việc quản lý, sử dụng đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ phải tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quy hoạch, pháp luật về quy hoạch đô thị, pháp luật về xây dựng, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Điểm a khoản 6 Điều 16 a) Chiều rộng hành lang an toàn đường bộ còn lại đủ để mở rộng đường theo quy hoạch; Điểm a khoản 2 Điều 20: 2. Việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Phù hợp với quy hoạch, quy mô của dự án, cấp kỹ thuật của đường bộ; Khoản 1 Điều 25 1. Tổ chức giao thông được thực hiện từ giai đoạn quy hoạch, đầu tư, xây dựng đến giai đoạn quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ nhằm bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn, hiệu quả. Khoản 5 Điều 28: Việc đầu tư, xây dựng công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch.

	Khoản 2 Điều 44: Đường cao tốc thuộc hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường đô thị được xác định trong quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Khoản 2, 3 và 4 Điều 47: 2. Đường cao tốc được đầu tư, xây dựng phù hợp với quy hoạch quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật này và đầu tư, xây dựng đồng bộ các công trình sau đây: 3. Căn cứ nhu cầu vận tải, khả năng nguồn lực đầu tư và quy hoạch, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư, xác định việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy mô làn xe quy hoạch hoặc tiến độ dự án được xác định trong quyết định chủ trương đầu tư. 4. Việc đầu tư đường cao tốc qua đô thị phải phù hợp với quy hoạch đô thị và quy định của pháp luật có liên quan; có giải pháp phù hợp để phát triển không gian, kết nối giao thông khu vực hai bên đường, bảo đảm môi trường. Khoản 1 Điều 48 1. Việc mở rộng, nâng cấp đường cao tốc hoặc đường bộ đang khai thác nâng cấp thành đường cao tốc được thực hiện để đáp ứng yêu cầu vận tải, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh và phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khoản 3 Điều 67 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ưu tiên bố trí quỹ đất để xây dựng bến xe, bãi đỗ xe, đầu mối trung chuyển hàng hóa phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ. Khoản 2 Điều 81

		2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch về hoạt động đường bộ.
2.	Luật Đường sắt số 95/2025/QH15	Khoản 3 và 4 Điều 14 3. Cảng hàng không có công suất từ 30 triệu hành khách/năm trở lên, cảng biển loại I trở lên và cảng cạn có công suất từ 50.000 TEU/năm trở lên tại các tỉnh, thành phố có đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương đi qua phải được quy hoạch kết nối với đường sắt vào trong cảng để đáp ứng nhu cầu vận tải, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường. 4. Khi lập, điều chỉnh quy hoạch, đầu tư xây dựng công trình cảng hàng không, cảng biển, cảng cạn quy định tại khoản 3 Điều này phải dành quỹ đất để xây dựng công trình kết nối đường sắt. Chủ đầu tư công trình cảng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp xây dựng đồng bộ các công trình kết nối đường sắt theo kế hoạch thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt. Khoản 1 Điều 15 1. Tuyến đường sắt là một hoặc nhiều khu đoạn liên tiếp tính từ ga đường sắt đầu tiên đến ga đường sắt cuối cùng. Tuyến đường sắt phải bảo đảm phù hợp quy hoạch đường sắt quy định tại Điều 19 của Luật này, bảo đảm an toàn kỹ thuật, kết nối hiệu quả với các phương thức vận tải khác. Việc đặt tên, đưa vào khai thác, dừng khai thác, tháo dỡ tuyến đường sắt do người có thẩm quyền quyết định. Điểm b khoản 1 Điều 18 b) Xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới đường sắt, quy hoạch tuyến đường sắt, ga đường sắt và quy hoạch khác có liên quan; xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch và chính sách phát triển đường sắt; Điểm a khoản 2 Điều 21: Việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường sắt phải phù hợp với quy hoạch, quy mô của dự án, cấp kỹ thuật của đường sắt.

Điều 25. Phát triển đô thị theo mô hình TOD đối với đường sắt

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương, phương án tuyến công trình, vị trí công trình, tổng mặt bằng tuyến đối với đường sắt địa phương và có thẩm quyền:

a) Quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chức năng sử dụng các khu đất, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch xây dựng trong khu vực TOD khác với quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng nhưng phải bảo đảm không vượt quá khả năng đáp ứng của hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực TOD và vùng phụ cận;

b) Quyết định phạm vi khu vực TOD và nội dung, trình tự, thủ tục thực hiện khác với quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan. Sau khi phê duyệt quy hoạch khu vực TOD, kế hoạch sử dụng đất, các quy hoạch khác có liên quan phải được kịp thời cập nhật và công bố;

c) Trường hợp quy hoạch chung của thành phố trực thuộc trung ương chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt để tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt phương án tuyến công trình, vị trí công trình, tổng mặt bằng tuyến, quy hoạch khu vực TOD.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định sử dụng ngân sách địa phương để triển khai dự án đầu tư công độc lập thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy hoạch khu vực TOD tạo quỹ đất đấu giá theo quy định của pháp luật.

Điểm c khoản 1 Điều 29

c) Quy hoạch liên quan đến phương án tuyến công trình, vị trí công trình, tổng mặt bằng tuyến đường sắt địa phương và quy hoạch khu vực TOD;

		Điểm a khoản 3 Điều 34 a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án thành phần, dự án thành phần độc lập trên cơ sở phương án tuyển công trình, vị trí công trình, tổng mặt bằng tuyến đường sắt địa phương hoặc quy hoạch khu vực TOD đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Điều 37. Yêu cầu về phát triển công nghiệp đường sắt 1. Phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường sắt, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đường sắt và chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam theo từng thời kỳ. 2. Đồng bộ với phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt, dịch vụ vận tải đường sắt và bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. 3. Đối với gói thầu thuộc dự án đường sắt được tổ chức đấu thầu quốc tế, tổng thầu, nhà thầu phải cam kết việc chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho đối tác Việt Nam để làm chủ công tác quản lý, vận hành, bảo trì. 4. Việc đầu tư, nhập khẩu dây chuyền công nghệ sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông đường sắt phải bảo đảm tính đồng bộ, tiên tiến, hiện đại; phải thực hiện chuyển giao công nghệ một phần hoặc toàn bộ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. Khoản 1 Điều 39 1. Việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ phải bảo đảm tiên tiến, hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường sắt, pháp luật về đường sắt, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển giao công nghệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3.	Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của	Khoản 2 Điều 5: Nguyên tắc hoạt động hàng không dân dụng phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông vận tải;

	Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13.	phát triển đồng bộ cảng hàng không, sân bay, hoạt động bay, phương tiện vận tải và các nguồn lực khác; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Điều b khoản 2 Điều 50: Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay phải phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay đã được phê duyệt. Khoản 1 Điều 58: Việc đầu tư xây dựng cảng hàng không, sân bay mới hoặc đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trong cảng hàng không, sân bay hiện có phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay và quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Khoản 2 Điều 97: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu được thành lập khi phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành hàng không dân dụng.
4.	Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;	Khoản 1 Điều 7 2. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng hàng hải thông qua chính sách ưu tiên trong quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển, quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển, quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn; thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng, khai thác kết cấu hạ tầng hàng hải. Khoản 1 Điều 9 1. Xây dựng, phê duyệt, ban hành và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chiến lược, chính sách phát triển ngành hàng hải theo quy định của pháp luật. Khoản 12 Điều 12

	12. Xây dựng và khai thác trái phép các công trình cảng biển, công trình khác trong phạm vi quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển, quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển, quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn và các quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, trong luồng hàng hải và phạm vi bảo vệ công trình hàng hải. Khoản 1 Điều 77 1. Cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước được đặt tên khi lập quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng, công bố đưa vào sử dụng theo đề nghị của chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức liên quan. Khoản 1 Điều 83: Đầu tư xây dựng cảng biển, luồng hàng hải phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển, quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển theo quy định của Bộ luật này, quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều 87. Ban quản lý và khai thác cảng Ban quản lý và khai thác cảng do Chính phủ thành lập, được giao vùng đất, vùng nước cảng biển để quy hoạch, đầu tư, xây dựng, phát triển, khai thác kết cấu hạ tầng cảng biển, khu hậu cần sau cảng. Khoản 3 Điều 88: Đầu tư, xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển theo quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển, quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển được phê duyệt. Khoản 1 Điều 101

		1. Phải phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn đã được phê duyệt. Khoản 1 Điều 103 1. Đầu tư xây dựng cảng cạn phải phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan. Khoản 2 Điều 108 2. Tổ chức và quản lý bảo đảm an toàn hàng hải là việc thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm an toàn hàng hải, bao gồm việc tổ chức thực hiện quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức khai thác hệ thống bảo đảm an toàn hàng hải; tiêu chuẩn hóa, đánh giá, giám sát bảo đảm chất lượng cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải. Điểm d khoản 1 Điều 126 d) Đối với công trình hàng hải phần trên không, phần dưới mặt đất, phạm vi bảo vệ được xác định cụ thể đối với từng công trình trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển, quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển, quy chuẩn kỹ thuật và quy định có liên quan của pháp luật.
5.	Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 48/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14.	Khoản 3 Điều 4 3. Phát triển giao thông đường thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Điều 11. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

		Việc xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải tuân theo quy hoạch, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện an toàn giao thông cho mọi đối tượng tham gia giao thông và tuân theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đề điều và phòng, chống thiên tai. Khoản 3 Điều 13 Việc xây dựng cảng, bến thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. Điểm b khoản 3 Điều 15 b) Khi xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình cầu đường bộ, cầu đường sắt hoặc công trình khác qua luồng phải bảo đảm chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền, độ sâu an toàn của đáy luồng theo tiêu chuẩn cấp kỹ thuật tuyến đường thủy nội địa được xác định trong quy hoạch đã công bố; Khoản 1 Điều 98h 1. Xây dựng, chỉ đạo và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển và bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.
6.	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Khoản 2 Điều 2 Đô thị mới là đô thị dự kiến hình thành trong tương lai theo định hướng được xác định tại quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch vùng hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương, được đầu tư xây dựng từng bước đồng bộ theo các tiêu chí phân loại đô thị, tiêu chuẩn của đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật. Khoản 2 Điều 7

	2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện các chương trình, kế hoạch đầu tư xây dựng, quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng tại đô thị, nông thôn, thực hiện quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan hoặc thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến quy hoạch đô thị và nông thôn phải tuân thủ quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị riêng đã được phê duyệt; tuân thủ quy định quản lý theo quy hoạch đã được ban hành.
	Điều 8. Bảo đảm sự phù hợp của dự án đầu tư xây dựng với quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Quy hoạch đô thị và nông thôn là cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng, bảo đảm sự phù hợp của dự án đầu tư xây dựng đối với từng loại, cấp độ quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị riêng. Chính phủ quy định chi tiết khoản này. 2. Việc xác định quy hoạch được thực hiện để bảo đảm sự phù hợp của dự án đầu tư xây dựng với quy hoạch trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các quy hoạch đô thị và nông thôn thực hiện theo quy định sau đây: a) Khi có sự mâu thuẫn giữa các quy hoạch đô thị và nông thôn cùng cấp độ, cùng cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quyết định quy hoạch được thực hiện; trường hợp cùng cấp độ, khác cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch cao hơn quyết định quy hoạch được thực hiện. Các nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quyết định thực hiện phải được cập nhật và thể hiện trong hồ sơ quy hoạch; b) Khi có sự mâu thuẫn giữa các quy hoạch đô thị và nông thôn khác nhau về cấp độ thì các cơ quan tổ chức lập quy hoạch thực hiện rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch để thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Chương III của Luật này; c) Trình tự, thủ tục báo cáo, quyết định quy hoạch được thực hiện trong trường hợp quy định tại điểm a khoản này thực hiện theo quy định của Chính phủ, bảo đảm yêu cầu đối với quy hoạch đô thị và nông thôn và nguyên tắc trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Luật này.

7.	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: (1) Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư; (2) Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; (3) Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14; (4) Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; (5) Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15; (6) Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; (7) Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15; (8) Luật Điện lực số 61/2024/QH15	Khoản 5 Điều 3: Chi giới đường đỏ là đường ranh giới được xác định trên bản đồ quy hoạch và thực địa để phân định ranh giới giữa phần đất được xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường giao thông hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật, không gian công cộng khác. Khoản 11 Điều 3: Cột xây dựng là cao độ xây dựng tối thiểu bắt buộc phải tuân thủ được chọn phù hợp với quy hoạch về cao độ nền và thoát nước mưa. Khoản 15a Điều 3 Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị là dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở hoặc công trình xây dựng khác theo quy hoạch đô thị và nông thôn[9] được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị. Khoản 1 Điều 4: Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đầu tư xây dựng bảo đảm đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch, thiết kế, bảo vệ cảnh quan, môi trường; phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội, đặc điểm văn hóa của địa phương; bảo đảm ổn định cuộc sống của Nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Khoản 1 Điều 10: Khuyến khích hoạt động đầu tư xây dựng nhằm bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo; xây dựng nhà ở xã hội; hoạt động đầu tư xây dựng

	theo quy hoạch ở miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và vùng chịu ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu. Khoản 4 Điều 12: Cấm xây dựng công trình không đúng quy hoạch đô thị và nông thôn, trừ trường hợp có giấy phép xây dựng có thời hạn; vi phạm chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; xây dựng công trình không đúng với giấy phép xây dựng được cấp. Khoản 1 Điều 51: Yêu cầu đối với dự án đầu tư xây dựng phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng. Điểm a khoản 1 Điều 57: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 58 của Luật này, người quyết định đầu tư thẩm định các nội dung sau: a) Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng; Điểm a khoản 3 , Điều 57 Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, người quyết định đầu tư thẩm định các nội dung sau: a) Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng;

	Điểm b khoản 2 Điều 58: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng ới với dự án đầu tư xây dựng quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định các nội dung sau: b) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Khoản 1 Điều 79: Yêu cầu đối với thiết kế xây dựng: 1. Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế; phù hợp với nội dung dự án đầu tư xây dựng được duyệt, quy hoạch đô thị và nông thôn, cảnh quan kiến trúc, điều kiện tự nhiên, văn hóa - xã hội tại khu vực xây dựng. Điểm b khoản 7 Điều 79: Hộ gia đình được tự thiết kế nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 250 m² hoặc dưới 3 tầng hoặc có chiều cao dưới 12 mét, phù hợp với quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn được duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng thiết kế, tác động của công trình xây dựng đến môi trường và an toàn của các công trình lân cận. Điểm d, e, h, l khoản 2 Điều 89: Các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng: d) Công trình sửa chữa, cải tạo bên trong công trình hoặc công trình sửa chữa, cải tạo mặt ngoài không tiếp giáp với đường trong đô thị có yêu cầu về quản lý kiến trúc theo quy định của cơ quan

		nhà nước có thẩm quyền; nội dung sửa chữa, cải tạo không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng đến an toàn kết cấu chịu lực của công trình, phù hợp với quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, yêu cầu về an toàn phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường; e) Công trình xây dựng nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, công trình xây dựng theo tuyến ngoài đô thị phù hợp với quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; h) Nhà ở riêng lẻ có quy mô dưới 07 tầng thuộc dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; i) Công trình xây dựng cấp IV, nhà ở riêng lẻ ở nông thôn có quy mô dưới 07 tầng và thuộc khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng được xác định trong quy hoạch chung huyện, quy hoạch chung xã đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; công trình xây dựng cấp IV, nhà ở riêng lẻ ở miền núi, hải đảo thuộc khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng; trừ công trình, nhà ở riêng lẻ được xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa; Khoản 1 Điều 91: Điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình trong đô thị: 1. Phù hợp với quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị riêng thì phải phù hợp với quy chế quản lý kiến trúc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Khoản 1 Điều 92

	Điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị: 1. Phù hợp với quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản. Khoản 2, 3 Điều 93: Điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ: 2. Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và phù hợp với quy hoạch chi tiết theo pháp luật về đô thị và nông thôn; đối với nhà ở riêng lẻ thuộc khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định thì phải phù hợp với quy hoạch chi tiết theo pháp luật về đô thị và nông thôn hoặc thiết kế đô thị riêng hoặc quy chế quản lý kiến trúc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành 3. Đối với nhà ở riêng lẻ tại nông thôn khi xây dựng phải phù hợp với quy hoạch chi tiết theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. Khoản 1, 4 Điều 94: Điều kiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn: 1. Điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn gồm: a) Thuộc khu vực có quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Phù hợp với quy mô, thời hạn công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đối với từng khu vực theo yêu cầu quản lý, phát triển và phù hợp với thời hạn quy hoạch; c) Phù hợp với mục đích sử dụng đất được xác định tại giấy tờ hợp pháp về đất đai của người đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn; d) Khi hết thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định thu hồi đất, chủ đầu tư cam kết tự phá dỡ công trình, nếu không

		tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ. Trường hợp quá thời hạn này mà quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn[95] chưa thực hiện được, chủ đầu tư được tiếp tục sử dụng công trình cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định thu hồi đất. Việc hỗ trợ khi phá dỡ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. 4. Đối với công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, khi hết thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng mà quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn có điều chỉnh kéo dài thời hạn thì cơ quan đã cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm thông báo về việc gia hạn thời gian tồn tại của công trình. Trường hợp chủ đầu tư tiếp tục có nhu cầu xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo thì thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn theo yêu cầu quản lý, phát triển và phù hợp với thời hạn của quy hoạch điều chỉnh. Khoản 1 Điều 117: Việc di dời công trình xây dựng từ vị trí này đến vị trí khác phải phù hợp với quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn được duyệt, bảo đảm chất lượng, an toàn công trình, không làm ảnh hưởng đến công trình lân cận và bảo đảm giữ nguyên kiến trúc đối với công trình có yêu cầu cần phải bảo tồn. Điểm c khoản 1 Điều 124: Đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, có thể bàn giao toàn bộ hoặc một số công trình thuộc dự án để đưa vào sử dụng nhưng trước khi bàn giao phải hoàn thành đầu tư xây dựng bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo phân kỳ đầu tư, thiết kế xây dựng đã được phê duyệt, bảo đảm kết nối với hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực, phù hợp với nội dung dự án và quy hoạch đã được phê duyệt. Khoản 5 Điều 130:

	Đối với xây dựng công trình khẩn cấp, người được giao quản lý sử dụng công trình phải lập kế hoạch quản lý sử dụng công trình hoặc phá dỡ công trình để hoàn trả lại mặt bằng nếu công trình xây dựng khẩn cấp không phù hợp với quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định của Luật này. Khoản 4 Điều 131: Công trình xây dựng tạm phải được phá dỡ khi đưa công trình chính của dự án đầu tư xây dựng vào khai thác sử dụng hoặc khi hết thời gian tồn tại của công trình. Chủ đầu tư được đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận việc tiếp tục khai thác sử dụng công trình xây dựng tạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nếu công trình phù hợp với quy hoạch; bảo đảm các yêu cầu về an toàn chịu lực, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật có liên quan. Điểm a khoản 1 Điều 164: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng theo phân cấp của Chính phủ; quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy hoạch, thiết kế xây dựng và giấy phép xây dựng theo quy định của Chính phủ; ban hành văn bản theo thẩm quyền; chỉ đạo tổ chức thực hiện quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, kế hoạch đầu tư xây dựng; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng; Khoản 3 Điều 166: Công trình được xây dựng trước thời điểm Luật này có hiệu lực đang tồn tại phù hợp với quy hoạch xây dựng nhưng sau khi giải phóng mặt bằng không còn phù hợp về kiến trúc thì được phép tồn tại theo hiện trạng; trường hợp cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình thì phải thực hiện theo quy định của Luật này.

8.	Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14	Điều 4. Nguyên tắc hoạt động kiến trúc 2. Phù hợp với định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn; đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai. Điều 11. Yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn 3. Thiết kế kiến trúc phải tích hợp giải pháp kiến trúc với quy hoạch; Điều 15. Điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc 2. Điều kiện điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc được quy định như sau: a) Có sự điều chỉnh về quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị và địa giới đơn vị hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, chức năng, quy mô khu vực lập quy chế quản lý kiến trúc; Điều 17. Thi tuyển phương án kiến trúc 1. Thi tuyển phương án kiến trúc là việc tổ chức cuộc thi để chọn phương án kiến trúc tối ưu, đáp ứng yêu cầu về quy hoạch, kiến trúc, văn hóa, hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường. 2. Công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc bao gồm: b) Nhà ga đường sắt trung tâm cấp tỉnh, nhà ga hàng không dân dụng; cầu trong đô thị từ cấp II trở lên, ga đường sắt nội đô từ cấp II trở lên; công trình tượng đài, công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử của địa phương; công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị và trên các tuyến đường chính được xác định trong đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
9.	Luật Nhà ở số 27/2023/QH15	Điều 3. Các hành vi bị nghiêm cấm

	3. Quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà ở không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được phê duyệt. 4. Xây dựng nhà ở trên đất không được đầu tư xây dựng nhà ở theo quy định của Luật này; xây dựng, cải tạo nhà ở không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, không đúng tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn diện tích đối với từng loại nhà ở mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quy định phải áp dụng tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn diện tích nhà ở. Áp dụng cách tính sai diện tích sử dụng nhà ở được quy định trong Luật này. Phát triển nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân trái quy định của Luật này. Khoản 1 Điều 23: Xây dựng Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia phải căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quy hoạch tổng thể quốc gia Điểm b khoản 1 Điều 26: Xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh căn cứ Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và nông thôn; Điều 33. Yêu cầu đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở 1. Dự án đầu tư xây dựng nhà ở quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật này phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây: a) Phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh đã được phê duyệt, tuân thủ nội dung của chủ trương đầu tư đã được quyết định hoặc chấp thuận và đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 5 của Luật này; triển khai thực hiện theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt; 3. Dự án đầu tư xây dựng nhà ở quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều 30 của Luật này phải tuân thủ yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này và yêu cầu sau đây:

	a) Phải có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng xã hội đáp ứng chỉ tiêu quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch và phải bảo đảm kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực; Điều 37. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại 2. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở phải xây dựng nhà ở và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch, nội dung và tiến độ dự án đã được phê duyệt; trường hợp dự án có phân kỳ đầu tư thì phải thực hiện xây dựng theo đúng phân kỳ đầu tư đã được chấp thuận. Điều 39. Nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại 3. Xây dựng nhà ở và công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong dự án được giao xây dựng theo đúng quy hoạch chi tiết, nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, tuân thủ thiết kế, tiêu chuẩn diện tích nhà ở và nội dung dự án đã được phê duyệt. Điều 40. Đất để xây dựng nhà ở công vụ 1. Diện tích đất để xây dựng nhà ở công vụ được xác định cụ thể trong quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt. 4. Đối với nhà ở công vụ của địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí diện tích đất để xây dựng nhà ở công vụ khi lập, phê duyệt quy hoạch theo quy định của pháp luật. Điều 50. Quỹ đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở phục vụ tái định cư 2. Quỹ đất để lập dự án đầu tư xây dựng nhà ở phục vụ tái định cư được xác định trong quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo nguyên tắc quy định tại Điều 49 của Luật này. Điều 54. Yêu cầu về phát triển nhà ở của cá nhân 1. Phải phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng.

		2. Việc xây dựng nhà ở trong dự án phải phù hợp với quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt. Điều 60. Nguyên tắc thực hiện cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư 2. Việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư phải được thực hiện theo dự án, gắn với việc cải tạo, chỉnh trang đô thị, bảo đảm kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh và kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đã được phê duyệt. 6. Trường hợp thực hiện cải tạo, xây dựng lại khu chung cư thuộc quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thực hiện một hoặc nhiều dự án nhưng phải bảo đảm kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và tuân thủ quy hoạch chi tiết của toàn khu chung cư đã được phê duyệt. 8. ..., Phạm vi dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư được xác định theo quy hoạch chi tiết hoặc trong nội dung quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
10.	Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15	Điều 11. Yêu cầu đối với dự án bất động sản 1. Dự án bất động sản phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. 2. Dự án bất động sản phải phù hợp với quy hoạch được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
11.	Luật đất đai số 31/2024/QH15	Khoản 3 Điều 122: Việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phải đáp ứng các điều kiện sau đây: c) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương và không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại Điều 78 và Điều 79 của Luật này;

		* Khoản 3 Điều 127. Điều kiện sử dụng đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: a) Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt và công bố; * Khoản 6 Điều 127. Người đang có quyền sử dụng đất có đề xuất dự án đầu tư nếu thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Luật này nhưng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và có đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất mà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì được sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư mà Nhà nước không thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật này. Trường hợp người đang có quyền sử dụng đất ở hoặc đất ở và đất khác có đề xuất dự án đầu tư nhà ở thương mại phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, có đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất mà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì được sử dụng đất để thực hiện dự án.
12.	Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội	Điều 18. Chuyển loại rừng: 1. Việc chuyển loại rừng này sang loại rừng khác phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp; Điều 19. Điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 1. Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
13.	Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.	Điểm a khoản 1 Điều 41: Đầu tư, xây dựng công trình khai thác, đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước phải phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước; khả năng đáp ứng của nguồn nước;
14.	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14;	Điểm a khoản 1 Điều 17: Việc đầu tư xây dựng công trình thủy lợi phải phù hợp với quy hoạch thủy lợi

15.	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	- Khoản 10, 11 Điều 5 “10. Thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lý môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư. 11. Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội. - Khoản 1 Điều 9 “1. Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với sông, hồ liên tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia. Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 của Luật này phải phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh”. - Khoản 3 Điều 11 “Hoạt động khai thác nguồn lợi từ biển và hải đảo, hoạt động kinh tế-xã hội khác phải phù hợp với quy hoạch và đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững”. - Khoản 1 Điều 13 “Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí gồm Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí và kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh. Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí phải phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia. Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh phải phù hợp với Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí, quy hoạch tỉnh, là căn cứ để tổ chức thực hiện và quản lý chất lượng môi trường không khí”. - Khoản 1 Điều 15”Quy hoạch, kế hoạch, dự án và hoạt động có sử dụng đất phải xem xét tác động đến môi trường đất, có giải pháp phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, bảo vệ môi trường đất”. - Điểm a khoản 1 Điều 58 “a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm không ảnh hưởng đến chất lượng môi trường xung quanh; chất thải phải được thu gom, tái sử dụng, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường”;

		- Điểm b khoản 2 Điều 58 “b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường theo quy hoạch được phê duyệt; quản lý công tác thu gom và xử lý chất thải quy mô cấp huyện; đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn; tổ chức theo dõi, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường; khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường tại các điểm, khu vực ô nhiễm trên địa bàn nông thôn”; - Khoản 1 và 4 Điều 63 “1. Khu mai táng, hỏa táng phải phù hợp với quy hoạch; 4. Nhà nước khuyến khích việc hỏa táng, mai táng hợp vệ sinh, trong khu nghĩa trang theo quy hoạch; xóa bỏ hủ tục trong mai táng, hỏa táng gây ô nhiễm môi trường”. - Điểm c khoản 4 Điều 82 “c) Không đầu tư mới lò đốt và bãi chôn lấp để xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, trừ trường hợp phù hợp với nội dung quản lý chất thải rắn trong các quy hoạch có liên quan”. - Điểm a khoản 3 Điều 84 “3. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc quy hoạch có nội dung về xử lý chất thải nguy hại, trừ trường hợp cơ sở đồng xử lý chất thải nguy hại”;
16.	Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Điểm a khoản 1 Điều 14: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia theo quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
17.	Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14	- Khoản 1 Điều 24 Lập, thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn và quyết định thành lập khu bảo tồn cấp tỉnh: Căn cứ vào nội dung bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh 11, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập khu bảo tồn cấp tỉnh sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân các cấp

		có liên quan, ý kiến cộng đồng dân cư sinh sống hợp pháp trong khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn hoặc tiếp giáp với khu bảo tồn và ý kiến chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý khu bảo tồn quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này.
18.	Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14	Điều 3. Nguyên tắc hoạt động trồng trọt 1. Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với định hướng thị trường, phù hợp với chiến lược phát triển trồng trọt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác; - Điểm đ khoản 2 Điều 4: Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách nhà nước, Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động sau đây: ... đ) Sản xuất lúa theo quy hoạch; - Khoản 1 Điều 56: Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa được quy định như sau: a) Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương, nhu cầu thị trường, điều kiện nguồn nước và khí hậu; - Khoản 2 Điều 62: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung phù hợp với quy hoạch. - Khoản 2 Điều 79: Phát triển chợ đầu mối sản phẩm cây trồng phải phù hợp với quy hoạch.
19.	Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14	Khoản 2 Điều 8: Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đề án phát triển vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.
20.	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017	Khoản 11 Điều 44: 1. Việc giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản phải căn cứ quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch tỉnh và quy định của pháp luật về biển, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
21.	Luật Thú y số 79/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi,	Khoản 1 Điều 15 quy định: Điều 15. Phòng bệnh động vật

	bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	1. Nơi chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, dụng cụ dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, diệt vật chủ trung gian định kỳ và sau mỗi đợt nuôi; nơi chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải theo quy hoạch của địa phương hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Điểm a khoản 1 Điều 69 quy định: Điều 69. Yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật trên cạn; cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật 1. Cơ sở giết mổ động vật tập trung: a) Địa điểm phải theo quy hoạch của chính quyền địa phương; Điều 71. Yêu cầu vệ sinh thú y đối với chợ kinh doanh, cơ sở thu gom động vật 1. Chợ chuyên kinh doanh động vật: a) Địa điểm phải theo quy hoạch của chính quyền địa phương;
22.	Luật Điện lực số 61/2024/QH15	Điều 13. Chủ trương đầu tư dự án điện lực 2. Trừ dự án lưới điện khẩn cấp quy định tại Điều 14 của Luật này, việc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư lưới điện có cấp điện áp từ 220 kV trở xuống đi qua địa giới hành chính từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư thực hiện như sau: a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có vị trí điểm đầu đường dây được xác định theo tên dự án lưới điện trong quy hoạch phát triển điện lực hoặc phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư; 3. Đối với dự án đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện như sau: a) Căn cứ phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh, đề xuất của các đơn vị điện lực, nhà đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục lưới điện trung áp, hạ áp phù

		hợp với phân cấp quản lý quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh; Điều 18. Lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư kinh doanh điện lực c) Dự án điện lực được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trên cơ sở đề xuất đầu tư của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục đối với dự án điện lực không thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội và nằm trong quy hoạch phát triển điện lực; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục đối với dự án điện lực trong quy hoạch tỉnh; Điều 20. Quy định chung trong phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới 3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư dự án điện gió, điện mặt trời kết hợp với đầu tư hệ thống lưu trữ điện hoặc sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh để phục vụ hoạt động phát điện, sử dụng điện. Đối với nguồn điện mặt trời và điện gió có đầu nối vào hệ thống điện quốc gia, tổng công suất phát của nhà máy điện mặt trời, điện gió và bao gồm công suất hệ thống lưu trữ điện không được vượt quá công suất của nhà máy điện mặt trời, điện gió đã được xác định trong quy hoạch phát triển điện lực hoặc phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh; công suất lắp đặt do chủ đầu tư quyết định trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng trên cơ sở bảo đảm tỉ lệ công suất hệ thống lưu trữ điện theo quy định và hiệu quả sử dụng tài nguyên. Điều 31. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực 2. Đối với lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các điều kiện sau đây: a) Có hạng mục công trình, công trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện và các quyết định điều chỉnh (nếu có); được xây dựng, lắp đặt theo thiết kế được phê duyệt, đáp ứng điều kiện đưa hạng mục công trình, công trình vào khai thác, sử dụng;

23.	Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14	Điều 10. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản về dầu khí 1. Căn cứ chiến lược, quy hoạch về năng lượng, tài nguyên khoáng sản và đề xuất của các tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 12 của Luật này, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan có liên quan xây dựng danh mục đề án điều tra cơ bản về dầu khí bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trong danh mục đề án điều tra cơ bản về dầu khí có các nội dung về tổ chức chủ trì thực hiện, nguồn kinh phí và dự toán kinh phí thực hiện, thời gian thực hiện, hình thức tổ chức thực hiện điều tra cơ bản về dầu khí.
24.	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 77/2025/QH15	Điều 4. Nguyên tắc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 1. Phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể về năng lượng, chính sách an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường.
25.	Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14	Điều 15. Kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng 2. Nhiệm vụ kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng bao gồm: b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Bộ, ngành, vùng, địa phương, các dự án quan trọng quốc gia, khu vực biên giới, hải đảo, địa bàn chiến lược phải kết hợp với quốc phòng, phù hợp với chiến lược bảo vệ Tổ quốc; d) Bộ, ngành, địa phương xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phải được Bộ Quốc phòng cho ý kiến, tham gia thẩm định theo quy định của , Luật Đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan; Điều 35. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Quốc phòng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về quốc phòng và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: 3. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, chính quyền địa phương lập, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án về quốc phòng, trình cấp có thẩm quyền quyết định;

		Điều 36. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, ngành trung ương Bộ, ngành trung ương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng trong quản lý nhà nước về quốc phòng và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: 3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án về quốc phòng theo nhiệm vụ được giao;
26.	Luật Viễn thông số 24/2023/QH15	Điều 19. Thiết lập mạng viễn thông 1. Mạng viễn thông được xây dựng và phát triển theo chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, ban hành Điều 25. Dịch vụ viễn thông khẩn cấp 2. Các số dịch vụ khẩn cấp được xác định trong quy hoạch kho số viễn thông và việc cung cấp dịch vụ viễn thông khẩn cấp thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Điều 32. Quản lý hoạt động viễn thông công ích 3. Thủ tướng Chính phủ quyết định chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ bao gồm danh mục dịch vụ viễn thông công ích, địa bàn, khu vực, đối tượng được hỗ trợ, phương thức thực hiện hoạt động viễn thông công ích, mức đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và các giải pháp thực hiện chương trình. Điều 34. Nguyên tắc cấp giấy phép viễn thông 3. Trường hợp việc cấp giấy phép viễn thông có liên quan đến sử dụng tài nguyên viễn thông thì chỉ được cấp nếu việc phân bổ tài nguyên viễn thông là khả thi, theo đúng quy hoạch tần số vô tuyến điện, quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet đã được phê duyệt và bảo đảm sử dụng hiệu quả tài nguyên viễn thông. Điều 47. Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông 1. Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông là việc sử dụng chung một phần mạng, công trình, thiết bị viễn thông trong các trường hợp sau đây:

		a) Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông nhằm bảo đảm thiết lập mạng viễn thông và cung cấp dịch vụ viễn thông hiệu quả, thuận lợi, nhanh chóng hoặc bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường và các quy hoạch có liên quan; phục vụ hoạt động viễn thông công ích, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa khác, phòng, chống dịch bệnh; Điều 48. Quản lý tài nguyên viễn thông 3. Việc quản lý tài nguyên viễn thông được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây: a) Phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; Điều 50. Phân bổ, cấp, sử dụng, đăng ký, hoàn trả mã, số viễn thông, tài nguyên Internet 1. Việc phân bổ, cấp, đăng ký, sử dụng mã, số viễn thông, tài nguyên Internet được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây: a) Phù hợp với quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet;
27.	Luật Năng lượng nguyên tử (mới)	Điều 36. Yêu cầu chung về quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng 4. Địa điểm lưu giữ, xử lý, chôn cất chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng cấp quốc gia được xác định trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử và quy hoạch khác có liên quan. 5. Địa điểm lưu giữ, xử lý, chôn cất tập trung chất thải phóng xạ cấp tỉnh được xác định trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử và quy hoạch khác có liên quan. Điều 43. Địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân 3. Địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân được phê duyệt khi đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau đây:

		a) Phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan;
28.	Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện	Điều 11. Các loại quy hoạch tần số vô tuyến điện; thẩm quyền phê duyệt và thực hiện quy hoạch tần số vô tuyến điện 3. Việc sản xuất, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện để sử dụng tại Việt Nam và việc quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện phải phù hợp với quy hoạch tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật này. Điều 11a. Trường hợp đặc biệt được sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài quy hoạch 1. Trường hợp đặc biệt được sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài quy hoạch tần số vô tuyến điện bao gồm sử dụng cho mục đích triển lãm, đo kiểm, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới; sử dụng trong các sự kiện quốc tế, hội nghị quốc tế. Điều 17. Nguyên tắc cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện 2.[14] Phù hợp với quy hoạch tần số vô tuyến điện, trừ trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật này. Điều 19. Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện 2. Điều kiện để được cấp giấy phép bao gồm: d) Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật này; Điều 20a. Cấp lại giấy phép sử dụng băng tần 2. Băng tần được cấp lại quyền sử dụng tần số vô tuyến điện trong trường hợp tất cả các khối băng tần đã cấp phù hợp với việc phân chia các khối băng tần của quy hoạch băng tần được áp dụng tại thời điểm giấy phép sử dụng băng tần hết hiệu lực. Điều 24. Chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

		2. Điều kiện được chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện bao gồm: b) Tổng độ rộng băng tần được phép sử dụng của tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện sau khi nhận chuyển nhượng không vượt quá giới hạn tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được phép sử dụng quy định tại quy hoạch băng tần; Điều 45. Phân bổ tần số vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh 1. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề xuất việc phân bổ tần số vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ trên cơ sở Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Điều 46. Quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh 1. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm: a) Quy định việc quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện được phân bổ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch tần số vô tuyến điện;
29.	Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Điều 34. Mạng bưu chính công cộng 2. Căn cứ quy hoạch phát triển mạng bưu chính công cộng và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí quỹ đất cho các công trình xây dựng thuộc mạng bưu chính công cộng để phục vụ cho việc cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích
30.	Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.	Điều 51. Nội dung quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng 1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch và chính sách trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng; xây dựng và chỉ đạo thực hiện chương trình quốc gia về an toàn thông tin mạng; tổ chức lập phương án phát triển hạ tầng bảo đảm an toàn thông tin mạng trong quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

31.	Luật Khoa học và công nghệ 2013, số 29/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 28/2018/QH14	Điều 11. Điều kiện thành lập, đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ 2.[3] Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập và ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo phân cấp của Chính phủ.
32.	Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15	Điều 30. Cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia 1. Cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế, xây dựng, sử dụng đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về trung tâm dữ liệu; yêu cầu kỹ thuật quốc tế; phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; bảo đảm chống bom đạn, khủng bố, thiên tai; bảo vệ môi trường; tiết kiệm năng lượng;
33.	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Quảng cáo 2025, 75/2025/QH15	Khoản 1 Điều 27. Quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng –rôn 1. Việc đặt bảng quảng cáo, bảng-rôn phải tuân thủ quy định về khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa; hành lang an toàn giao thông, đê điều, lưới điện quốc gia; không được che khuất đèn tín hiệu giao thông, bảng chỉ dẫn công cộng; không được chằng ngang qua đường giao thông và phải tuân thủ quy hoạch quảng cáo của địa phương và quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Khoản 1 Điều 28. Quảng cáo trên màn hình chuyên quảng cáo 1. Việc đặt màn hình chuyên quảng cáo phải tuân theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy hoạch quảng cáo ngoài trời của địa phương. Khoản 1 Điều 31. Cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo 1. Việc xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời, biển hiệu, bảng quảng cáo độc lập hoặc gắn vào công trình xây dựng có trước phải tuân theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy hoạch quảng cáo ngoài trời của địa phương
34.	Luật Di sản văn hóa 2024, số 45/2024/QH15	Khoản 2 Điều 35. Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích 2. Việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

		a) Giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích; b) Lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp sửa chữa nhỏ quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật này; c) Tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch, đầu tư, đầu tư công, xây dựng, di sản văn hóa, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và quy định khác của pháp luật có liên quan; d) Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch liên quan đã được phê duyệt; bảo đảm đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hài hòa về cảnh quan và kiến trúc khu vực; d) Tuân thủ quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; e) Công khai nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được phê duyệt tại địa phương nơi có di tích.
35.	Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Điểm d khoản 1 Điều 32. Cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm 1. Điều kiện để cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm bao gồm: a) Người đứng đầu cơ sở in phải là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm và đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật; b) Có mặt bằng sản xuất, thiết bị để thực hiện một hoặc các công đoạn chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm; c) Bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật; d) Phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản và quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
36.	Luật Báo chí số 103/2016/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên	Khoản 5 Điều 17 Điều kiện cấp giấy phép hoạt động báo chí 5. Phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

	quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 (Văn bản hợp nhất số 27/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018)	
37.	Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;	Khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 về sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau: “Điều 21. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học 1. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam tại Việt Nam được quy định như sau: a) Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam tại Việt Nam thuộc cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục đại học, không có tư cách pháp nhân, được thành lập ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với nơi đặt trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học;
38.	Luật Giáo dục số 43/2019/QH14	Điều 49. Điều kiện thành lập nhà trường và điều kiện được phép hoạt động giáo dục 1. Nhà trường được thành lập khi có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy định của . Điều 51. Sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường 1. Nhà trường sáp nhập, chia, tách phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: a) Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy định của Luật Quy hoạch; Điều 104. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục 1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục. Điều 105. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục 5. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục theo phân cấp của Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các nhiệm vụ sau đây: đ) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục tại địa phương.

39.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025, số 65/2025/QH15	Điểm a khoản 2 Điều 8. 2. Việc thành lập, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải bảo đảm các điều kiện sau đây: a) Phù hợp quy hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
40.	Pháp lệnh 02/2020/UBTVQH14 về ưu đãi người có công với cách mạng	Khoản 1 Điều 41 Công trình ghi công liệt sỹ được xây dựng phù hợp với quy hoạch, phong tục, tập quán của từng địa phương, bảo đảm trang nghiêm, mỹ quan, bền vững.
41.	Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14	Điều 23: Dự án xây dựng ở khu vực biên giới có liên quan đến biên giới quốc gia phải tuân thủ quy hoạch và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; khi thực hiện phải tuân theo quy chế khu vực biên giới, các quy định khác của pháp luật và không được cản trở việc quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.
42.	Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	- Khoản 1 Điều 61: 1. Kho dự trữ quốc gia phải được xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt. - Điểm a khoản 1 Điều 38: Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia theo quy hoạch, kế hoạch để bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện về kho hàng, bảo quản hàng dự trữ quốc gia
43.	Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Khoản 3, 4 Điều 23: 3. Việc đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh phục vụ hoạt động của các cơ sở y tế do ngân sách nhà nước cấp kinh phí phải bảo đảm đúng quy hoạch, kế hoạch, đúng mục đích, đối tượng và quy trình về xây dựng, mua sắm, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực của cơ sở y tế. 4. Việc cấp giấy phép đăng ký mở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải căn cứ vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển quy định tại khoản 2 Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

44.	Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13	- Khoản 2 Điều 5: Nguyên tắc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia. - Khoản 2 Điều 8: Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia. - Điểm d khoản 1 Điều 12: Yêu cầu đề án thành lập doanh nghiệp phải có nội dung đánh giá tác động kinh tế - xã hội của việc thành lập doanh nghiệp đối với các loại quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch và chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế; - Khoản 2 Điều 19: Việc đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này phải phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành quốc gia trong từng thời kỳ. - Khoản 1 Điều 36: 1. Căn cứ phạm vi đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp quy định tại Điều 10 của Luật này, Chính phủ quy định lộ trình thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành quốc gia.
45.	Luật Đầu tư công 2024, số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.	- Khoản 1 Điều 19: Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án phải phù hợp với chiến lược, phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt. - Điểm d khoản 2 Điều 22: Nội dung thẩm tra chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia gồm sự phù hợp với chiến lược, phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch - Khoản 1 Điều 33: Một trong những nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công là sự cần thiết của chương trình để thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. - Điểm a khoản 2 Điều 34: Một trong những nội dung của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A không có cấu phần xây dựng là sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

		- Khoản 1 Điều 35: Một trong những nội dung của báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C là sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
46.	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.	- Điểm a khoản 3 Điều 33: Một trong những nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương là Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan. - Điểm c khoản 6 Điều 34: Một trong những nội dung thẩm tra đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội là sự phù hợp của dự án đầu tư với chiến lược, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan.
47.	Luật PPP số 64/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.	- Khoản 1 Điều 7: Nguyên tắc quản lý đầu tư theo phương thức PPP phải phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. - Điểm c khoản 1 Điều 26: Điều kiện đối với dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất phải phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.
48.	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	- Khoản 1 Điều 17: Việc xây dựng và phát triển Thủ đô phải thực hiện theo Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô. - Khoản 4 Điều 17: Đối với khu vực đã có quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu, quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về xây dựng, pháp luật về quy

	hoạch đô thị thì không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện mà căn cứ vào quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu, quy hoạch xây dựng vùng huyện và chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ Quy hoạch chung Thủ đô và các chỉ tiêu sử dụng đất của địa phương để lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện. - Khoản 2 Điều 18: Cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trụ sở các cơ quan, đơn vị trong đô thị trung tâm không phù hợp với Quy hoạch chung Thủ đô phải thực hiện việc di dời. - Khoản 6 Điều 18: Khi đầu tư xây dựng mới trục đường bộ, đường sắt đô thị hoặc mở rộng trục đường bộ hiện có theo quy hoạch trên địa bàn Thành phố, cơ quan lập quy hoạch phải xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận đường bộ, đường sắt đô thị để thực hiện cải tạo, chỉnh trang đô thị, tái định cư tại chỗ, phát triển nhà ở, thương mại, dịch vụ. - Điểm b khoản 1 Điều 19: Việc quản lý, sử dụng không gian ngầm phải phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. - Khoản 2 Điều 19: Việc sử dụng lòng đất ngoài giới hạn độ sâu do Chính phủ quy định phải được cấp phép phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. - Khoản 1 Điều 20: Việc cải tạo, chỉnh trang đô thị trên địa bàn Thành phố phải phù hợp quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc, thiết kế đô thị;... - Khoản 7 Điều 20: Đối với nhà chung cư cũ trong khu chung cư hoặc khu đô thị, việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ theo quy định của pháp luật về nhà ở chỉ được thực hiện khi phù hợp với quy hoạch đô thị và yêu cầu cải tạo, chỉnh trang đô thị đối với cả khu chung cư. - Khoản 7 Điều 21: Thành phố Hà Nội được xây dựng trung tâm công nghiệp văn hóa tại bãi sông, bãi nổi sông Hồng và khu vực khác có lợi thế về vị trí không gian văn hóa phù hợp với quy hoạch.

VI - DANH MỤC CÁC LUẬT CÓ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN CÁC NỘI DUNG KHÁC

TT	Tên Luật, Pháp lệnh	Quy định
1.	Luật Đường bộ số 35/2024/QH15	Khoản 3 Điều 5 3. Thời kỳ quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ là 10 năm, tầm nhìn từ 20 năm đến 30 năm. Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ được rà soát theo định kỳ 05 năm để điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn và được công bố công khai.
2.	Luật Đường sắt số 95/2025/QH15	Điểm a khoản 2 Điều 19 Việc công bố công khai quy hoạch tuyến đường sắt, ga đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật về đường sắt.
3.	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Điều 10. Kinh phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. 2. Nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm: a) Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước; b) Kinh phí của tổ chức được lựa chọn làm chủ đầu tư; c) Nguồn kinh phí hợp pháp khác. 3. Kinh phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn được sử dụng đối với các công việc sau đây: a) Khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch đô thị và nông thôn; b) Lập và điều chỉnh, lấy ý kiến, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn; c) Quản lý nghiệp vụ công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn; d) Công bố, công khai quy hoạch đô thị và nông thôn;

	d) Cấm mốc theo quy hoạch đô thị và nông thôn; e) Lập báo cáo rà soát quy hoạch; tổ chức đấu thầu; tổ chức thi tuyển ý tưởng quy hoạch; g) Xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn; h) Công việc khác liên quan đến hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. 4. Việc quản lý kinh phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quy hoạch và pháp luật có liên quan. Chính phủ quy định chi tiết khoản này. 5. Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. Điều 11. Nguồn lực hỗ trợ hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Nguồn lực hỗ trợ hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm: a) Kinh phí tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. Kinh phí tài trợ được thu vào ngân sách nhà nước và sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; b) Kết quả nghiên cứu của cơ quan, tổ chức, chuyên gia, được cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn tiếp nhận; c) Nguồn tài trợ giải thưởng cho các tổ chức, cá nhân có ý tưởng quy hoạch đô thị và nông thôn được lựa chọn trên cơ sở kết quả thi tuyển ý tưởng quy hoạch do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch tổ chức; d) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, nghiên cứu, khảo sát, đào tạo trong nước và nước ngoài. 2. Nguyên tắc hỗ trợ và sử dụng nguồn lực hỗ trợ hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài bao gồm: a) Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; b) Tự nguyện, vì lợi ích chung của cộng đồng và xã hội, không vụ lợi;

	c) Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài không tài trợ, thanh toán kinh phí trực tiếp cho tổ chức tư vấn lập quy hoạch. 3. Chính phủ quy định việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn lực hỗ trợ hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. Điều 13. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Việc hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, pháp luật của mỗi bên và pháp luật quốc tế. 2. Nội dung hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm: a) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và trao đổi thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn; b) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nguồn nhân lực cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn; c) Khảo sát, chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn; d) Hỗ trợ kỹ thuật trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn; xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn; đ) Hỗ trợ nguồn lực trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. Điều 14. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. 2. Cố ý công bố, cung cấp sai hoặc không công bố, không cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định của Luật này; hủy hoại, làm giả hoặc làm sai lệch hồ sơ, giấy tờ, tài liệu. 3. Phá hoại, cố ý làm sai lệch mốc quy hoạch đô thị và nông thôn.

		4. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn không đúng quy định tại Luật này.
		Điều 18. Điều kiện của tổ chức tư vấn, cá nhân tham gia lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Tổ chức tư vấn trong nước, tổ chức tư vấn nước ngoài lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn phải đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật. Tổ chức tư vấn nước ngoài lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn tại Việt Nam nếu không đăng ký hoạt động thì phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động. 2. Cá nhân trong nước, cá nhân nước ngoài tham gia lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn phải đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về chuyên môn, hành nghề giữa Việt Nam và các nước. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Điều 19. Lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn; thi tuyển ý tưởng quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về đấu thầu. 2. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn quyết định hình thức lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn theo một trong các hình thức sau đây: a) Tổ chức lựa chọn tổ chức tư vấn theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; b) Tổ chức thi tuyển ý tưởng quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định của Luật này và pháp luật về đấu thầu. 3. Khuyến khích cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn tổ chức thi tuyển ý tưởng quy hoạch đối với quy hoạch chung các đô thị là thành phố trực thuộc trung ương,

	quy hoạch chung các đô thị có vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế của tỉnh; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định có ý nghĩa quan trọng trong đô thị. 4. Thi tuyển ý tưởng quy hoạch đô thị và nông thôn là việc cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch tổ chức thi tuyển phương án ý tưởng quy hoạch tối ưu để lập quy hoạch. Việc thi tuyển ý tưởng quy hoạch được thực hiện theo các quy định sau đây: a) Việc tổ chức thi tuyển ý tưởng quy hoạch được đề xuất và xác định trong nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; b) Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển ý tưởng quy hoạch; c) Đối tượng tham gia thi tuyển ý tưởng quy hoạch là các tổ chức tư vấn có tư cách pháp nhân, bảo đảm điều kiện năng lực theo quy định, phù hợp với yêu cầu của quy hoạch; d) Thông tin về thi tuyển, Hội đồng thi tuyển ý tưởng quy hoạch và kết quả của cuộc thi phải được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; đ) Tổ chức tư vấn có phương án ý tưởng quy hoạch trúng tuyển thông qua thi tuyển được lựa chọn để cung cấp dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn theo hình thức chi định thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. 5. Chính phủ quy định chi tiết việc thi tuyển, lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại Điều này. Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Bảo đảm tiến độ lập quy hoạch và chất lượng của quy hoạch. 2. Bảo đảm hồ sơ quy hoạch đáp ứng quy định nội dung kỹ thuật về cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn.

		3. Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, tính xác thực của số liệu, tài liệu được thu thập và công bố trong nội dung quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt. 4. Tham gia ý kiến khi cơ quan nhà nước yêu cầu trong quá trình thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn do mình lập.
	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: (1) Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư; (2) Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; (3) Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14; (4) Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; (5) Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15; (6) Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; (7) Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15; (8) Luật Điện lực số 61/2024/QH15	Khoản 3, 4 Điều 148: 3. Những chức danh, cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật này bao gồm giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch đô thị và nông thôn,... 4. Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng phải có chứng chỉ năng lực theo quy định của Luật này bao gồm tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; khảo sát xây dựng; lập quy hoạch đô thị và nông thôn,... Điều 158. Điều kiện của cá nhân hành nghề độc lập Cá nhân hành nghề độc lập về lập quy hoạch đô thị và nông thôn, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, lập, thẩm tra và quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Có đăng ký hoạt động các lĩnh vực phù hợp với nội dung hành nghề; 2. Có chứng chỉ hành nghề và năng lực phù hợp với công việc thực hiện.
4.	Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15	Điều 78. Các biện pháp thực hiện điều tiết thị trường bất động sản 1. Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và nông thôn, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, nhà ở để thực hiện dự án bất động sản.
5.	Luật đất đai số 31/2024/QH15	Điều 60. Nguyên tắc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

	1. Việc lập quy hoạch sử dụng đất các cấp phải tuân thủ nguyên tắc và mối quan hệ giữa các loại quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch. Điều 63. Kinh phí cho hoạt động quy hoạch: Kinh phí lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt, công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế. Điều 74. Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 1. Việc lựa chọn tư vấn lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch. 2. Việc lựa chọn tư vấn lập kế hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện thực hiện theo quy định của Chính phủ. Điều 75. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 1. Việc công bố công khai quy hoạch sử dụng đất quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch. 2. Kế hoạch sử dụng đất quốc gia; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt phải được công bố công khai. 3. Trách nhiệm công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quy định như sau: a) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia tại trụ sở cơ quan và trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh tại trụ sở cơ quan và trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

	c) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và công bố công khai nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện có liên quan đến xã, phường, thị trấn tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công bố công khai đến người dân, người sử dụng đất tại địa bàn xã. 4. Thời điểm, thời hạn phải công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định sau đây: a) Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt thì quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được công bố công khai; b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được công khai trong suốt kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. 5. Tài liệu công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất bao gồm: a) Văn bản phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; b) Báo cáo thuyết minh về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; c) Bản đồ về quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Điều 76. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 1. Chính phủ tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia. Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho đơn vị hành chính cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trên cơ sở các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Quốc hội quyết định. 2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất quốc phòng; Bộ Công an có trách nhiệm thực hiện quy hoạch sử dụng đất an ninh. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

	4. Trường hợp quy hoạch sử dụng đất đã được công bố công khai mà chưa có kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện thì người sử dụng đất được tiếp tục sử dụng và được thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật này. 5. Đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 67 của Luật này mà phải thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án phải công bố công khai phạm vi thu hồi đất theo tiến độ của dự án đến người sử dụng đất. 6. Đối với diện tích đất phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện hoặc phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 67 của Luật này thì người sử dụng đất được tiếp tục thực hiện các quyền của người sử dụng đất nhưng không được xây dựng mới nhà ở, công trình, trồng mới cây lâu năm; người sử dụng đất được xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn, cải tạo, sửa chữa nhà ở, công trình hiện có theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan. 7. Diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện phải xem xét, đánh giá điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố công khai việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất hoặc hủy bỏ việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bố công khai thì người sử dụng đất không bị hạn chế về các quyền sử dụng đất đã được pháp luật quy định. 8. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức rà soát, xử lý và công bố công khai việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất đã được ghi trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; gửi thông tin đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

		9. Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh, chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện. 10. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và việc lập, thẩm định, điều chỉnh, lấy ý kiến, phê duyệt, công bố kế hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện. Điều 77. Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 1. Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 10 hằng năm. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 10 của năm cuối thời kỳ quy hoạch, kỳ kế hoạch sử dụng đất. 3. Bộ Quốc phòng báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, Bộ Công an báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất an ninh đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 10 của năm cuối thời kỳ kế hoạch sử dụng đất 05 năm và năm cuối thời kỳ quy hoạch sử dụng đất. 4. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất của cả nước trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội vào năm cuối của thời kỳ quy hoạch sử dụng đất.
6.	Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14	Khoản 2 Điều 5 Chính sách của nhà nước về bảo tồn đa dạng sinh học: Bảo đảm kinh phí cho hoạt động điều tra cơ bản, quan trắc, thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học và quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học của Nhà nước; bảo đảm sự tham gia của Nhân dân địa phương trong quá trình xây dựng và thực hiện quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học.

		Khoản 2 Điều 8 Thời kỳ quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học là 10 năm, tầm nhìn là từ 30 năm đến 50 năm. Điều 11. Công bố, cung cấp thông tin, thực hiện và đánh giá quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, nội dung bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh Việc công bố, cung cấp thông tin, thực hiện và đánh giá quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, nội dung bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
7.	Luật đo đạc bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018	Khoản 23 Điều 3 Bản đồ công trình ngầm là bản đồ thể hiện quy hoạch, phân vùng, hiện trạng công trình dưới mặt đất, dưới mặt nước. Khoản 3 Điều 15 Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia trên đất liền tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000 được thành lập cho khu vực đô thị, khu vực phát triển đô thị, khu chức năng đặc thù, khu vực cần lập quy hoạch phân khu và quy hoạch nông thôn; cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000 và tỷ lệ nhỏ hơn được thành lập phủ kín đất liền Việt Nam. - Điểm b khoản 5 Điều 41: Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện như sau: ... b) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ sử dụng trong các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải có nguồn gốc rõ ràng; Điều 45. Dữ liệu không gian địa lý quốc gia

		3. Dữ liệu chuyên ngành là dữ liệu được sử dụng chung. Dữ liệu chuyên ngành bao gồm các nhóm cơ bản sau đây: m) Dữ liệu bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn; Khoản 1 Điều 47: Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải sử dụng dữ liệu không gian địa lý quốc gia khi sử dụng ngân sách nhà nước để hoạch định chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác phục vụ quản lý của Nhà nước.
8.	Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14	Điều 8. Phòng thủ quân khu 2. Nhiệm vụ phòng thủ quân khu bao gồm: đ) Chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp địa phương kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế - xã hội trong lập quy hoạch, kế hoạch, dự án và tham gia thẩm định theo thẩm quyền; kết hợp quốc phòng với an ninh, đối ngoại; tham gia xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh; xây dựng, quản lý các khu kinh tế - quốc phòng được giao; giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quốc phòng; xây dựng và thực hiện kế hoạch động viên quốc phòng; chính sách hậu phương quân đội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn quân khu; Điều 12. Công nghiệp quốc phòng, an ninh 3. Chính phủ chỉ đạo xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án để phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. 4. Nguyên tắc, chính sách, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động, quy hoạch, kế hoạch, nguồn lực, trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và quy định khác của pháp luật có liên quan.

9.	Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Khoản 3 Điều 8 như sau: “3. Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, đáp ứng yêu cầu giáo dục quốc phòng và an ninh cho các đối tượng.”.
10.	Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp 2024 số 38/2024/QH15	Điều 10. Căn cứ lập quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh 1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các chiến lược về quốc phòng, an ninh; nhu cầu bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng thực thi pháp luật khác. 2. Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biên quốc gia; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quy hoạch thời kỳ trước.
11.	Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước số 29/2018/QH14	Điểm a khoản 5 Điều 7. Phạm vi bí mật nhà nước đ) Thông tin về quá trình xây dựng quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn; thông tin về quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia, quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng, an ninh;
12.	Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ 2024, số 55/2024/QH15	Điều 15. Yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn Khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp và các khu chức năng theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phải có giải pháp, thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng cấp độ quy hoạch và được quy định như sau: 1. Quy hoạch chung phải có nội dung phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; 2. Quy hoạch phân khu đô thị, khu chức năng có yêu cầu lập quy hoạch phân khu phải có:

		a) Nguồn nước và phương án tổ chức mạng lưới cấp nước chữa cháy; b) Mạng lưới giao thông phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; c) Vị trí, quy mô của trụ sở đơn vị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong khu vực lập quy hoạch; 3. Quy hoạch chi tiết đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp và các khu chức năng phải có: a) Đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống bảo đảm cho xe chữa cháy và phương tiện chữa cháy cơ giới triển khai hoạt động; b) Nguồn nước chữa cháy từ bồn, bể, ao, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo hoặc hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà; c) Nguồn điện phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy; d) Địa điểm cho đơn vị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm diện tích xây dựng và yêu cầu đã được xác định tại quy hoạch quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; 4. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn chỉ phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp và các khu chức năng khi bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này; 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.
13.	Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước số 29/2018/QH14	Điều 7. Phạm vi bí mật nhà nước Phạm vi bí mật nhà nước là giới hạn thông tin quan trọng trong các lĩnh vực sau đây chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc: đ) Thông tin về quá trình xây dựng quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn; thông tin về quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia, quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng, an ninh;
14.	Luật Viễn thông số 24/2023/QH15	Điều 49. Quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet

		1. Việc quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây: a) Phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông;
15.	Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.	Điều 52. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng 2. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Ban hành hoặc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thông tin mạng; tổ chức lập phương án phát triển hạ tầng bảo đảm an toàn thông tin mạng trong quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;
16.	Luật Khoa học và công nghệ 2013, số 29/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 28/2018/QH14	Khoản 2 Điều 10. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập 2. Việc lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và các nguyên tắc sau đây: a) Xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thống nhất, đồng bộ và phân bố hợp lý, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ;
17.	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Quảng cáo 2025, 75/2025/QH15	Khoản 2, 2a Điều 37: Nguyên tắc quy hoạch quảng cáo ngoài trời 2. Việc xây dựng quy hoạch quảng cáo ngoài trời phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau đây: a) Phù hợp với quy định của pháp luật về quảng cáo, xây dựng, giao thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; b) Không mâu thuẫn hoặc xung đột với quy hoạch cao hơn; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội và mỹ quan đô thị; c) Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, dự báo, khả thi, tiết kiệm, bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước; bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch;

		d) Bảo đảm sự thống nhất, hài hòa giữa các địa phương tại khu vực giáp ranh; đ) Kế thừa các vị trí đang thực hiện quảng cáo phù hợp với quy định hiện hành; trường hợp thực hiện quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch mà gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân thì cơ quan phê duyệt quy hoạch có trách nhiệm tổ chức bồi thường theo quy định của pháp luật; e) Lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quảng cáo và Nhân dân. 2a. Việc sử dụng đất để thực hiện các công trình quảng cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.
18.	Luật Di sản văn hóa 2024, số 45/2024/QH15	Điểm c khoản 1 Điều 83. Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa c) Lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh, đánh giá quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và quy hoạch khảo cổ; lập, thẩm định, thực hiện dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; thẩm định, thực hiện dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình, trưng bày bảo tàng công lập; dự án phục chế di sản tư liệu;
19.	Luật Du lịch số 09/2017/QH14	Điều 20. Nguyên tắc lập quy hoạch về du lịch 1. Phù hợp với chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước; chiến lược phát triển ngành du lịch và các quy hoạch khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo từng thời kỳ. 2. Khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên du lịch và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên hướng tới mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. 3. Bảo đảm tính liên kết giữa các địa phương trong vùng, giữa các vùng trong cả nước; khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối ưu tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương để phát triển sản phẩm du lịch. 4. Giảm thiểu các tác động tiêu cực do phát triển du lịch đến kinh tế - xã hội và môi trường.

		5. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân trong quá trình lập quy hoạch; kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và lợi ích của cộng đồng, giữa lợi ích của vùng và địa phương. 6. Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.
20.	Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Khoản 1 Điều 7. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động xuất bản 1. Nhà nước có chiến lược phát triển mạng lưới nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành xuất bản phẩm; phương án phát triển cơ sở xuất bản trong quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật cho hoạt động xuất bản; có chính sách thu hút các nguồn lực xã hội tham gia vào hoạt động xuất bản.
21.	Luật Báo chí số 103/2016/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 (Văn bản hợp nhất số 27/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018)	Khoản 1 Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phát triển báo chí 1. Có chiến lược phát triển và quản lý hệ thống báo chí, phương án phát triển cơ sở báo chí trong quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.
22.	Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14	Khoản 1 Điều 17: Những thông tin sau phải được công khai: d) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước; g) Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;

		Điểm c khoản 1 Điều 19 Trong các thông tin quy định tại Điều 17 của Luật này, các thông tin sau đây phải được công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử: Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;
23.	Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội	Khoản 1 và khoản 4 Điều 65. Đất đai dành cho thể dục, thể thao 1. Trong quy hoạch, các dự án xây dựng trường học, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, doanh trại đơn vị vũ trang nhân dân phải dành quỹ đất để xây dựng công trình thể thao theo quy định của Chính phủ. 4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi lập kế hoạch sử dụng đất phải dành quỹ đất cho thể dục, thể thao phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao.
24.	Luật thực hiện dân chủ cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022	Khoản 3 Điều 11. Những nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai 3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do cấp xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã; quy hoạch chung huyện, quy hoạch chung xã và quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng được xác định trong quy hoạch chung huyện, quy hoạch chung xã; quy hoạch chung thị trấn, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được lập cho khu vực thuộc phạm vi huyện, xã, thị trấn; Khoản 2, khoản 6 Điều 25: Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định là 2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất cấp và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý 6. Dự thảo quy hoạch đô thị và nông thôn

		Điểm a khoản 2 Điều 43: Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các quyền hạn sau đây: a) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch có liên quan đến việc quyết định đầu tư dự án, kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai;
25.	Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Điểm a khoản 1 Điều 59: Nguyên tắc quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia phải căn cứ vào quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và quy hoạch sử dụng đất của địa phương.
26.	Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14	Điểm d khoản 2 Điều 5: Các quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt phải thực hiện công khai về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
27.	Luật Đầu tư công 2024, số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.	Khoản 2 Điều 44 về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư của dự án không có cấu phần xây dựng và nhiệm vụ quy hoạch thực hiện như sau: a) Căn cứ nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch lập dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch trình người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định; b) Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch; c) Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn thẩm định nội dung dự toán theo quy định của pháp luật;

		d) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch trình người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt dự toán; d) Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được phân cấp cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ quy hoạch, dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư. Khoản 3 Điều 56: Điều kiện để nhiệm vụ quy hoạch được bố trí vốn đầu tư công hàng năm là Nhiệm vụ quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán. Khoản 2 Điều 58: Vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch được bố trí để lập, công bố quy hoạch, lập điều chỉnh quy hoạch và công bố quy hoạch điều chỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch.
28.	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.	STT 115 và 194 Phụ lục IV Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: 115. Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn. 194. Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch, dự án, thiết kế, tổ chức thi công, tư vấn giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
29.	Luật Đấu thầu, số 22/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan,	Điểm d khoản 1 Điều 23 về chỉ định thầu: Có yêu cầu, điều kiện đặc thù về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật; nghiên cứu, thử nghiệm, quyền tác giả, bản quyền, bảo hành hoặc cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền, quy hoạch.

	luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.	Điểm a khoản 1 Điều 38 căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án là: Quyết định phê duyệt dự án và tài liệu có liên quan, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án; quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và tài liệu có liên quan đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư.
30.	Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13 ngày 09 tháng 06 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Thanh niên, Dân chủ 2025, 97/2025/QH15	Khoản 1 Điều 32: Phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trực tiếp hoặc đề nghị các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án (sau đây gọi chung là dự thảo văn bản) của cơ quan nhà nước.

Phụ lục 3

ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP CỦA CHÍNH SÁCH TẠI DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH (SỬA ĐỔI) VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG; VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN QUY HOẠCH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTC ngày tháng 7 năm 2025 của Bộ Tài chính)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến Dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi)

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
I.	Phạm vi điều chỉnh của Luật			
1.	Điều chỉnh tất cả các loại quy hoạch	Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI ngày 16 tháng 01 năm 2012 về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020: Xây dựng Luật Quy hoạch có phạm vi điều chỉnh chung cho các loại quy hoạch phát triển trên phạm vi cả nước	Phù hợp với Nghị quyết số 13-NQ/TW	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.
II.	Hệ thống quy hoạch – Mối quan hệ giữa các quy hoạch			
2.	Bổ sung quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành vào hệ thống quy hoạch quốc gia	Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI ngày 16 tháng 01 năm 2012 về	Phù hợp với Nghị quyết số 13-NQ/TW	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020: Xây dựng Luật Quy hoạch có phạm vi điều chỉnh chung cho các loại quy hoạch phát triển trên phạm vi cả nước		đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.
3.	Bổ sung quy hoạch xã	Kết luận số 121-KL/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII. - Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.	Phù hợp với chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	Rà soát sửa đổi Luật Đất đai và Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn để đồng bộ với Luật Quy hoạch.
4.	Rà soát Danh mục quy hoạch ngành quốc gia, Danh mục quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo hướng: + Hợp nhất các quy hoạch có nội dung liên quan chặt chẽ hoặc chồng lấn với nhau (như hợp nhất quy hoạch tài nguyên nguyên nước với quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đề điều với quy	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.	Phù hợp với Nghị quyết số 68-NQ/TW	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề...).			
	+ Rà soát bảo đảm không có sự trùng lặp về nội dung giữa các quy hoạch cùng cấp hoặc giữa các cấp quy hoạch.			
III.	Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch và chính sách của Nhà nước về quy hoạch			
5.	Bảo đảm kinh tế tư nhân cạnh tranh bình đẳng giữa với các thành phần kinh tế khác trong tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là vốn, đất đai, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực hợp pháp khác của đất nước; xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp.	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.	Phù hợp với Nghị quyết số 68-NQ/TW	
6.	Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và huy động nguồn lực để thúc đẩy ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới, đẩy mạnh chuyển đổi số; phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	Phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW	

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt.			
7.	Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ việc xây dựng, cập nhật, chia sẻ và khai thác thông tin và dữ liệu qua Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	Phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW	
8.	Cấm lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ tạo các rào cản tiếp cận thị trường hoặc dẫn đến phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực vốn, đất đai, tài nguyên, tài sản, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực tài nguyên khác	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.	Phù hợp với Nghị quyết số 68-NQ/TW	
IV.	Phân cấp, phân quyền trong hoạt động quy hoạch			
9.	Phân cấp triệt để thẩm quyền phê duyệt quy hoạch	Kết luận số 121-KL/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Chấp	Phù hợp với chủ trương: đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII	đảm Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm".	chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.
V.	Đơn giản hóa quy trình, thủ tục trong hoạt động quy hoạch			
10.	Cho phép các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được lập đồng thời với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và được phê duyệt sau khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh mà quy hoạch đó cụ thể hóa được quyết định hoặc phê duyệt để bảo đảm tính thứ bậc và tính đồng bộ, thống nhất	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân	Phù hợp với chủ trương: Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định.	
11.	Rà soát quy trình lập, thẩm định quy hoạch để cắt giảm các khâu trung gian, bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả			

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
12.	Bỏ quy định xin chủ trương điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch thực hiện quy hoạch; hoàn thiện quy định về thẩm định, công bố quy hoạch			
VI.	Hoàn thiện quy định về nội dung quy hoạch			
13.	Hoàn thiện nội dung quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh theo hướng mang tính định hướng, chiến lược để bảo đảm linh hoạt trong tổ chức thực hiện.	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân	Phù hợp với chủ trương: Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định. Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển	

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
14.	Bảo đảm sự đồng bộ về nội dung, mức độ chi tiết của quy hoạch với việc phân cấp, phân quyền phê duyệt quy hoạch.	Kết luận số 121-KL/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII. - Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.	Phù hợp với chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	
15.	Bổ sung quy định mang tính nguyên tắc chung đối với nội dung của quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; làm rõ sự khác nhau về mức độ chi tiết của các quy hoạch làm cơ sở để xử lý trường hợp quy hoạch có mâu thuẫn và việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.	Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.
VII.	Bổ sung quy định về đánh giá sự phù hợp với quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch			
16.	- Xác định rõ phạm vi, nội dung đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch; làm rõ loại quy hoạch là căn	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu	Phù hợp với chủ trương: Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	cứ để đánh giá sự phù hợp của dự án. - Làm rõ việc đánh giá sự phù hợp của dự án căn cứ vào văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; tính pháp lý của hồ sơ quy hoạch. - Có giải pháp xử lý phù hợp trong trường hợp dự án không có trong quy hoạch, nhưng mục tiêu của dự án phù hợp với mục tiêu, định hướng của quy hoạch đã được phê duyệt.	phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân	dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định. Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển	Luật Quy hoạch.
17.	Hoàn thiện quy định về giá trị sơ đồ, bản đồ	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.	Phù hợp với chủ trương: Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng	

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
			tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định.	
VIII.	Hoàn thiện quy định về công bố, cung cấp thông tin, dữ liệu về quy hoạch theo hướng phù hợp với pháp luật về tiếp cận thông tin; pháp luật về thực hành dân chủ cơ sở và pháp luật về Mặt trận Tổ quốc	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	Phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW	

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi)

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
I.	Phạm vi điều chỉnh của Luật			
1.	Điều chỉnh tất cả các loại quy hoạch	Có 28 luật liên quan đến quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.	Các luật quy định khác nhau về việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành như: Mức độ chi tiết; cấp, loại quy hoạch; Nội dung quy hoạch; Phân cấp; phân quyền. Chưa có cơ sở pháp lý để xác định mối quan hệ, cơ chế xử lý mâu thuẫn giữa các quy hoạch thuộc hệ thống quy	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
			hoạch quốc gia với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và giữa các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với nhau. Do vậy, việc mở rộng phạm vi điều chỉnh Luật Quy hoạch bao gồm cả quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là hợp lý tuy nhiên, do Luật Quy hoạch (sửa đổi) dự kiến bổ sung những nội dung mang tính nguyên tắc chung đối với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành nên có thể tác động đến 28 luật liên quan đến quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.	
II.	Hệ thống quy hoạch – Mối quan hệ giữa các quy hoạch			
1.	Bổ sung quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành vào hệ thống quy hoạch quốc gia	Có 28 luật liên quan đến quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành	Các luật quy định khác nhau về việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành như: Cấp, loại quy hoạch; Mối quan hệ giữa các loại quy hoạch.	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.
2.	Bổ sung quy hoạch xã	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Luật Đất đai có quy định về quy hoạch được lập cho cấp	Các luật quy định khác nhau về việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		xã.	có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành như: Mức độ chi tiết; cấp, loại quy hoạch; Nội dung quy hoạch; Phân cấp; phân quyền.	quy định của Luật Quy hoạch.
3.	Bổ sung quy định về mối quan hệ giữa các quy hoạch với nhau, làm rõ mối quan hệ giữa quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với các quy hoạch khác; bổ sung quy định về việc xử lý mâu thuẫn giữa các loại quy hoạch.	Có 24 luật quy định về mối quan hệ giữa các quy hoạch. Chưa có luật quy định về việc xử lý mâu thuẫn giữa các loại quy hoạch.	Quy định về mối quan hệ giữa các quy hoạch có liên quan đến mức độ chi tiết của các loại quy hoạch. Do đó, có thể sẽ chưa có được sự đồng bộ giữa các luật.	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.
4.	Sửa đổi một số khái niệm về quy hoạch	Có 20 luật quy định về khái niệm quy hoạch.	Quy định về khái niệm quy hoạch có liên quan đến mức độ chi tiết của các loại quy hoạch. Do đó, có thể sẽ chưa có được sự đồng bộ giữa các luật.	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.
5.	Rà soát Danh mục quy hoạch ngành quốc gia, Danh mục quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo hướng: + Hợp nhất các quy hoạch có nội dung liên quan chặt chẽ hoặc chồng lấn với nhau (như hợp nhất quy hoạch tài nguyên nguyên nước với quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đề điều với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề...).	Có 28 luật liên quan đến quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành	Các luật quy định nội dung quy hoạch trùng lặp với nhau; một số loại quy hoạch không phù hợp với khái niệm quy hoạch được quy định tại Luật Quy hoạch.	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	+ Rà soát bảo đảm không có sự trùng lặp về nội dung giữa các quy hoạch cùng cấp hoặc giữa các cấp quy hoạch.			
III.	Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch và chính sách của Nhà nước về quy hoạch			
2.	Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ việc xây dựng, cập nhật, chia sẻ và khai thác thông tin và dữ liệu qua Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.	Luật Đất đai; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia cũng có quy định về hệ thống thông tin	Chính sách có sự đồng bộ với các quy định của pháp luật khác về chia sẻ và khai thác thông tin và dữ liệu.	
IV.	Phân cấp, phân quyền trong hoạt động quy hoạch			
3.	Phân cấp triệt để thẩm quyền phê duyệt quy hoạch	Có 32 luật quy định về thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.	Các luật quy định khác nhau về việc thẩm quyền phê duyệt quy hoạch dẫn đến sự thiếu tính linh hoạt trong quản lý phát triển. Việc phân cấp triệt để thẩm quyền	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.
V.	Đơn giản hóa quy trình, thủ tục trong hoạt động quy hoạch			
4.	Cho phép các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được lập đồng thời với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và được phê duyệt sau	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn có quy định về việc lập đồng thời quy hoạch.	Pháp luật về quy hoạch chưa có quy định thống nhất về việc lập đồng thời các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính	

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh mà quy hoạch đó cụ thể hóa được quyết định hoặc phê duyệt để bảo đảm tính thứ bậc và tính đồng bộ, thống nhất		chất kỹ thuật, chuyên ngành làm ảnh hưởng đến tiến độ lập quy hoạch và triển khai các dự án và tính đồng bộ của các quy hoạch thuộc hệ thống. Chưa có quy định về thứ tự phê duyệt quy hoạch để bảo đảm tính thứ bậc, thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy hoạch. Do vậy,	
5.	Rà soát quy trình lập, thẩm định quy hoạch để cắt giảm các khâu trung gian, bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả	Có 8 luật quy định về trình tự, thủ tục lập, thẩm định quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.	Đa số các luật khác chỉ quy định trình tự, thủ tục lập, thẩm định quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Một số Luật có dẫn chiếu đến quy định của Luật Quy hoạch trong khi trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch hiện nay gồm nhiều bước, lấy ý kiến nhiều lần làm chậm tiến độ phê duyệt quy hoạch. Việc phải xin chủ trương trước khi điều chỉnh quy hoạch làm phát sinh thủ tục hành chính, dẫn đến việc không bảo đảm tính chủ động của Bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện. Dự thảo Luật Quy hoạch sửa đổi vẫn cho phép việc lập,	

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
			thẩm định và phê duyệt quy hoạch vẫn có thể thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Do đó việc sửa đổi tại Luật Quy hoạch không có sự mâu thuẫn giữa các luật.	
6.	Bỏ quy định xin chủ trương điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch thực hiện quy hoạch; hoàn thiện quy định về thẩm định, công bố quy hoạch	Không có luật nào quy định về thủ tục này.	Không có mâu thuẫn	
VI.	Hoàn thiện quy định về nội dung quy hoạch			
7.	Hoàn thiện nội dung quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh theo hướng mang tính định hướng, chiến lược để bảo đảm linh hoạt trong tổ chức thực hiện.	Có 19 luật quy định về nội dung của quy hoạch quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, chủ yếu là các nguyên tắc, yêu cầu mang tính chuyên ngành. Có 19 luật quy định về nội dung của quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, chủ yếu nội dung quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được quy định tại Nghị định.	Đa số các luật khác chỉ quy định nội dung quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Một số Luật có dẫn chiếu đến quy định của Luật Quy hoạch và quy định những căn cứ, yêu cầu mang tính chuyên ngành cho quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia. Tuy nhiên, các Luật không có sự thống nhất về mức độ chi tiết giữa các cấp, loại quy hoạch. Nội dung quy hoạch sẽ có sự	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
			thay đổi sau khi phân cấp thẩm quyền quy hoạch. Do đó, có thể sẽ dẫn đến không đồng bộ giữa quy định tại Luật Quy hoạch với các luật khác.	
8.	Bảo đảm sự đồng bộ về nội dung, mức độ chi tiết của quy hoạch với việc phân cấp, phân quyền phê duyet quy hoạch.			
9.	Bổ sung quy định mang tính nguyên tắc chung đối với nội dung của quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; làm rõ sự khác nhau về mức độ chi tiết của các quy hoạch làm cơ sở để xử lý trường hợp quy hoạch có mâu thuẫn và việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch			
VII.	Bổ sung quy định về đánh giá sự phù hợp với quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch			
10.	- Xác định rõ phạm vi, nội dung đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch; làm rõ loại quy hoạch là căn cứ để đánh giá sự phù hợp của dự án. - Làm rõ việc đánh giá sự phù hợp của dự án căn cứ vào văn bản quyết	Có 46 Luật quy định về việc quản lý, cấp phép, đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, thẩm định sự phù hợp chủ trương đầu tư hoặc dự án đầu tư với quy hoạch. Không có quy định cụ thể phạm	Không có quy định cụ thể cho việc đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, Tuy nhiên, một số Luật lại quy định về loại quy hoạch cần đánh giá. Do đó, có thể dẫn đến sự	Các cơ quan có liên quan cần phối hợp rà soát pháp luật chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch.

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	định hoặc phê duyệt quy hoạch; tính pháp lý của hồ sơ quy hoạch. - Có giải pháp xử lý phù hợp trong trường hợp dự án không có trong quy hoạch, nhưng mục tiêu của dự án phù hợp với mục tiêu, định hướng của quy hoạch đã được phê duyệt.	vi, nội dung đánh giá sự phù hợp với quy hoạch.	không đồng bộ với quy định định của Luật Quy hoạch về phạm vi, nội dung đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch; làm rõ loại quy hoạch là căn cứ để đánh giá sự phù hợp của dự án	
11.	Hoàn thiện quy định về giá trị sơ đồ, bản đồ	Luật Đo đạc bản đồ; Luật Đất đai; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn có quy định về bản đồ quy hoạch nhưng không có quy định về giá trị của sơ đồ, bản đồ.	Không có mâu thuẫn.	
VIII.	Hoàn thiện quy định về công bố, cung cấp thông tin, dữ liệu về quy hoạch theo hướng phù hợp với pháp luật về tiếp cận thông tin; pháp luật về thực hành dân chủ cơ sở và pháp luật về Mặt trận Tổ quốc.	Luật Đất đai; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Luật Đề điều; Luật Tiếp cận thông tin; Luật Thực hành dân chủ cơ sở; Luật Mặt trận Tổ quốc; Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp	Không có sự mâu thuẫn vì: - Các luật chuyên ngành dẫn chiếu quy định của Luật Quy hoạch. - Dự thảo Luật đã có quy định quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có thể được công bố, cung cấp thông tin theo pháp luật có liên quan - Việc lấy ý kiến quy hoạch, công bố công khai quy hoạch, cung cấp thông tin quy hoạch phải phù hợp với quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin; pháp luật về thực hành dân chủ cơ sở và pháp luật về Mặt trận	

TT	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
			Tổ quốc.	
IX	Các nội dung sửa đổi khác			
1.	Bổ sung quy định về tổ chức tư vấn nước ngoài lập quy hoạch		Chưa có cơ chế, chính sách để thuê tổ chức tư vấn nước ngoài lập quy hoạch.	
2.	Bổ sung quy định về sơ đồ, bản đồ quy hoạch.		Chưa có quy định về giá trị pháp lý của sơ đồ, bản đồ quy hoạch	

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2025

DỰ THẢO

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO LUẬT QUY HOẠCH

(Kèm theo Tờ trình /TTr-BTC ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài chính)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo Luật Quy hoạch (sau đây viết tắt là Dự thảo Luật). Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Luật Quy hoạch được Quốc hội khóa XIV thông qua năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và đã được sửa đổi, bổ sung một số điều vào năm 2024. Sau hơn 6 năm tổ chức thực hiện, Luật đã tạo bước chuyển biến quan trọng trong tư duy và phương thức lập quy hoạch, góp phần hình thành hệ thống quy hoạch thống nhất, đồng bộ giữa các cấp, các ngành với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Việc tích hợp các quy hoạch quốc gia, vùng và tỉnh đã giúp giảm mạnh số lượng quy hoạch riêng lẻ, đặc biệt tại cấp tỉnh, trung bình đã tích hợp khoảng 50 loại quy hoạch khác nhau, qua đó hạn chế sự chồng chéo, mâu thuẫn và phân tán nguồn lực trong quy hoạch không gian phát triển.

Các quy hoạch cấp quốc gia, vùng, tỉnh sau khi được phê duyệt đã từng bước định hướng lại không gian phát triển quốc gia một cách hiệu quả và thống nhất, phù hợp với tiềm năng, lợi thế so sánh của từng vùng, miền, địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực và thu hút đầu tư. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai Luật Quy hoạch vẫn còn một số tồn tại,

bất cập. Cụ thể, hệ thống quy hoạch hiện hành còn chưa hoàn thiện; một số quy hoạch ngành quốc gia và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành còn chồng lấn về nội dung; thẩm quyền phê duyệt, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, công bố quy hoạch còn nhiều bước, chưa rõ ràng, gây kéo dài thời gian và ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư phát triển.

Song song với quá trình triển khai thi hành Luật Quy hoạch, trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương lớn về hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt là 4 Nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị về phát triển khoa học - công nghệ, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế tư nhân và xây dựng, hoàn thiện pháp luật - được xác định là “bộ tứ trụ cột” của thể chế phát triển. Cùng với đó, việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp sẽ tạo ra không gian phát triển mới, yêu cầu đặt ra đối với công tác quy hoạch ngày càng cao, phải đi trước một bước, có tính dẫn dắt phát triển và phù hợp với tổ chức bộ máy mới.

Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra là phải đổi mới mạnh mẽ tư duy quy hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, khắc phục những bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật hiện hành. Việc tổng kết, đánh giá toàn diện và sửa đổi Luật Quy hoạch là hết sức cấp thiết nhằm bảo đảm sự đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan, thể chế hóa đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới và nâng cao năng lực quy hoạch quốc gia phục vụ phát triển nhanh và bền vững đất nước.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

2.1. Mục tiêu đánh giá

Việc đánh giá nhằm làm rõ những nội dung cần hoàn thiện trong Dự thảo Luật, bảo đảm tuân thủ đúng chủ trương, định hướng lớn của Đảng, quy định của Hiến pháp và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Trên cơ sở đó, tạo điều kiện hoàn thiện hệ thống pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ, khả thi, hiện đại và bền vững.

Một trong những mục tiêu trọng tâm là tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, giảm chi phí trong hoạt động quy hoạch, phấn đấu giảm ít nhất 30% quy trình thủ tục và rút ngắn thời gian lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch; đồng thời tăng tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản lý nhà nước. Việc rà soát, đánh giá quy định pháp luật hiện hành và Dự thảo Luật cần hướng đến việc gỡ bỏ rào cản về thủ tục, khắc phục tình trạng chậm trễ, chồng chéo, gây cản trở trong công tác quy hoạch.

Bên cạnh đó, việc đánh giá nhằm bảo đảm phân cấp, phân quyền và phân công

hợp lý giữa các cơ quan trong công tác quy hoạch gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát và hậu kiểm chặt chẽ để bảo đảm tính thống nhất, liên kết của hệ thống quy hoạch quốc gia.

Việc đánh giá cũng hướng tới thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động quy hoạch và tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút đầu tư. Qua đó, thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2024 về đột phá trong lĩnh vực khoa học - công nghệ - đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Ngoài ra, đánh giá nhằm bảo đảm việc lồng ghép có hiệu quả nguyên tắc bình đẳng giới và chính sách dân tộc trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch. Việc thể chế hóa các nội dung này sẽ góp phần bảo đảm công bằng trong tiếp cận không gian phát triển, cơ sở hạ tầng và dịch vụ công giữa các nhóm dân cư, đặc biệt là phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người yếu thế, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và toàn diện.

2.2. Yêu cầu đánh giá

Thứ nhất, cần rà soát toàn diện các quy định về trình tự, thủ tục hành chính trong hoạt động quy hoạch để xác định các điểm còn phức tạp, chồng chéo, bất cập; từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung nhằm đơn giản hóa, minh bạch hóa quy trình và rút ngắn thời gian thực hiện.

Thứ hai, cần đánh giá mức độ và hiệu quả của phân quyền, phân cấp trong lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền, nhằm bảo đảm rõ ràng về thẩm quyền, trách nhiệm; đồng thời xác định các rủi ro và đề xuất cơ chế kiểm tra, giám sát phù hợp để bảo đảm tính liên kết, thống nhất và khách quan trong toàn hệ thống quy hoạch.

Thứ ba, cần kiểm tra việc tích hợp, ứng dụng công nghệ số, cơ sở dữ liệu và Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch trong quy trình lập và triển khai quy hoạch; đánh giá hiệu quả kết nối, chia sẻ và cập nhật thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, minh bạch hóa thông tin và nâng cao sự tham gia của người dân, doanh nghiệp.

Thứ tư, cần đánh giá mức độ lồng ghép các yêu cầu về bình đẳng giới, bảo vệ quyền lợi các nhóm yếu thế, đặc biệt là phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật trong nội dung quy hoạch và trong quá trình tổ chức lấy ý kiến, xây dựng, thực hiện quy hoạch.

Thứ năm, việc đánh giá cần làm rõ tính khả thi của các quy định liên quan đến

chính sách dân tộc, xác định mức độ ưu tiên, phân bổ nguồn lực và khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng, dịch vụ thiết yếu đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo trong các quy hoạch được xây dựng theo Luật sửa đổi.

Thứ sáu, việc đánh giá cần gắn với yêu cầu thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW (năm 2025) về phát triển kinh tế tư nhân, và các định hướng lớn khác về cải cách thể chế, chuyển đổi số, công bằng xã hội và phát triển bao trùm, bền vững.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính

Dự thảo Luật quy định các thủ tục hành chính (viết tắt là TTHC) như sau: So với quy định của Luật Quy hoạch 2017 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024), Dự thảo Luật dự kiến sửa đổi bổ sung 09 TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và đề xuất bãi bỏ 02 TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước đã công bố tại Quyết định số 1534/QĐ-BTC ngày 24/4/2025 của Bộ Tài chính về công bố TTHC nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung 09 TTHC bao gồm: (1) Lập quy hoạch tổng thể quốc gia; (2) Lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia; (3) Lập quy hoạch ngành quốc gia; (4) Lập Quy hoạch vùng; (5) Lập quy hoạch tỉnh; (6) Thẩm định quy hoạch tỉnh; (7) Quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; (8) Điều chỉnh quy hoạch và Điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn (9) Cung cấp thông tin quy hoạch.

- Bãi bỏ 02 TTHC: (1) Lập, thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch; (2) Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

(Các nội dung chi tiết tại Phụ lục I. Biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính, Phụ lục II. Biểu mẫu tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính kèm theo).

2. Việc phân quyền, phân cấp

2.1. Sự cần thiết của việc phân quyền, phân cấp trong hoạt động quy hoạch

Phân quyền, phân cấp trong hoạt động quy hoạch là yêu cầu tất yếu nhằm tăng cường tính tự chủ, chủ động cho các cấp, các ngành, bảo đảm sát thực tiễn và phù hợp với đặc thù phát triển của từng địa phương, từng lĩnh vực. Việc duy trì cơ chế quản lý tập trung như hiện nay, với thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chủ yếu tập trung tại Thủ tướng Chính phủ, tuy có ưu điểm về bảo đảm tính thống nhất và kiểm soát chất lượng, nhưng cũng bộc lộ những hạn chế đáng kể như quá

tải thẩm quyền, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ, ảnh hưởng đến tiến độ lập và điều chỉnh quy hoạch, từ đó làm chậm quá trình triển khai các dự án đầu tư phát triển.

Đồng thời, trong bối cảnh yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển kinh tế địa phương, thúc đẩy phân cấp đi đôi với tăng cường trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực, việc sửa đổi Luật Quy hoạch để thể chế hóa mạnh mẽ chủ trương phân quyền, phân cấp là cần thiết, theo đúng tinh thần chỉ đạo tại Hội nghị trung ương 10 Khóa XIII “*địa phương làm, địa phương quyết, địa phương chịu trách nhiệm*”. Việc này cũng nhằm khắc phục tình trạng bất cập trong phân định thẩm quyền hiện nay, nâng cao hiệu quả phối hợp quản lý quy hoạch đa ngành, đa cấp, đồng thời bảo đảm sự linh hoạt, kịp thời trong điều chỉnh các quy hoạch phù hợp với yêu cầu phát triển mới.

2.2. Thẩm quyền và nội dung phân quyền, phân cấp

Dự thảo Luật Quy hoạch đề xuất điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch tại Điều 35 về thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch theo hướng phân cấp triệt để như sau:

(1) Phân cấp từ Quốc hội cho Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

(2) Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng các Bộ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia;

(3) Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch tỉnh;

(4) Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng các Bộ phê duyệt quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có phạm vi cấp vùng, liên vùng, quốc gia (sửa đổi thành Quy hoạch ngành cấp vùng tại Dự thảo Luật).

(5) Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có phạm vi cấp tỉnh (như Quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh).

Đây là những thay đổi có ý nghĩa quan trọng, giúp đẩy mạnh trách nhiệm của các cấp, ngành trong quản lý phát triển trên không gian lãnh thổ được quy hoạch. Cùng với phân cấp thẩm quyền phê duyệt, Dự thảo Luật cũng xác định rõ nội dung phân quyền, phân cấp trong các khâu khác của hoạt động quy hoạch, như lập quy hoạch, lấy ý kiến, thẩm định, công bố, tổ chức thực hiện và điều chỉnh quy hoạch. Việc phân quyền, phân cấp đã bảo đảm thống nhất với nguyên tắc quản lý nhà nước theo ngành và theo lãnh thổ, phù hợp với năng lực và phạm vi quản lý của các cấp hành chính.

2.3. Điều kiện bảo đảm để thực hiện phân quyền, phân cấp hiệu quả

Để việc phân quyền, phân cấp phát huy hiệu quả và tránh phát sinh tiêu cực, Dự thảo Luật Quy hoạch xác định rõ các điều kiện bảo đảm đi kèm. Thứ nhất là xây dựng, quy định chặt chẽ quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch theo hướng cụ thể, minh bạch, dễ thực hiện và dễ kiểm tra. Thứ hai là bổ sung cơ chế giải trình trách nhiệm của cơ quan được phân quyền khi có yêu cầu từ cơ quan cấp trên hoặc cơ quan kiểm tra, giám sát. Thứ ba là nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức tại các Bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là năng lực chuyên môn và đạo đức công vụ trong tham mưu, thẩm định và phê duyệt quy hoạch.

Ngoài ra, cần phát triển đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu quy hoạch, bảo đảm điều kiện để các cơ quan có thể tiếp cận, chia sẻ, theo dõi tiến độ và nội dung quy hoạch trên toàn quốc một cách liên thông, thống nhất.

2.4. Việc kiểm tra, giám sát sau khi phân quyền, phân cấp

Phân cấp mạnh mẽ phải đi đôi với cơ chế kiểm tra, giám sát và hậu kiểm hiệu quả, nhằm bảo đảm tính minh bạch, khách quan và phòng ngừa các hành vi vi phạm, lạm quyền hoặc thực hiện sai quy hoạch. Theo đó, Dự thảo Luật đề xuất bổ sung Điều 14 về “*Giám sát hoạt động quy hoạch*” nhằm theo dõi, kiểm tra việc triển khai hoạt động quy hoạch ngay từ đầu để kịp thời phát hiện các nội dung chồng lấn, mâu thuẫn, hạn chế việc điều chỉnh quy hoạch tùy tiện, làm phá vỡ không gian phát triển quốc gia và lãng phí nguồn lực.

Đối với cơ chế hậu kiểm phải bảo đảm phát hiện kịp thời sai sót, chồng chéo, vi phạm trong nội dung quy hoạch hoặc trong quá trình tổ chức thực hiện, từ đó đưa ra giải pháp điều chỉnh phù hợp. Do vậy, Dự thảo Luật đề xuất bổ sung Điều 15 về “*Kiểm tra hoạt động quy hoạch*”, trong đó quy định về căn cứ, thẩm quyền kiểm tra hoạt động quy hoạch, quy định chế tài xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nếu để xảy ra vi phạm trong quá trình được phân quyền, phân cấp.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1. Yêu cầu về thể chế, hạ tầng, nhân lực, đổi mới sáng tạo và an toàn thông tin

Dự thảo Luật Quy hoạch đã thể hiện sự đổi mới toàn diện công tác quy hoạch trên nền tảng công nghệ số, thông tin số và cơ sở dữ liệu số. Để tạo môi trường thực sự thuận lợi cho ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, các quy định trong dự thảo đã cụ thể hóa các yêu cầu về xây dựng, cập nhật, kết

nổi và chia sẻ cơ sở dữ liệu quy hoạch tại Điều 43 về cơ sở dữ liệu quy hoạch; quy định trách nhiệm xây dựng, vận hành đồng bộ Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch tại Điều 42; đồng thời, các quy tại Dự thảo Luật đã bảo đảm các tiêu chuẩn an toàn, bảo mật thông tin, tránh rủi ro thất thoát, lạm dụng dữ liệu.

Về hạ tầng, Dự thảo Luật đã nhấn mạnh yêu cầu phát triển hạ tầng số phục vụ công tác quy hoạch, bao gồm hạ tầng dữ liệu không gian, hạ tầng số hóa thông tin quy hoạch ngành và địa phương, nền tảng điện toán đám mây, nền tảng tích hợp dữ liệu, và cổng thông tin công khai về quy hoạch.

Yêu cầu về nhân lực cũng đã được quan tâm đúng mức. Hoạt động quy hoạch dựa trên công nghệ số đòi hỏi đội ngũ cán bộ, chuyên gia có kỹ năng về phân tích dữ liệu, mô hình hóa không gian phát triển, sử dụng công cụ số trong thiết kế và đánh giá quy hoạch. Dự thảo luật đã quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính tại khoản 3 Điều 55 *“Chủ trì, phối hợp tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động quy hoạch”* để đảm bảo đào tạo, thu hút nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quy hoạch.

3.2. Nội dung ứng dụng, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Luật Quy hoạch đã sửa đổi, bổ sung quy định khái niệm về cơ sở dữ liệu quy hoạch và hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch, các yêu cầu, quy định chi tiết về cơ sở dữ liệu quy hoạch và hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch tại Điều 42 và Điều 43, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính minh bạch trong lập và triển khai thực hiện quy hoạch; đồng thời, quy định tại khoản 4 Điều 11 *“Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ việc xây dựng, cập nhật, chia sẻ và khai thác thông tin và dữ liệu qua Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch”* để khuyến khích việc xây dựng, cập nhật, chia sẻ cơ sở dữ liệu quy hoạch phục vụ cho công tác lập, quản lý quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Việc ứng dụng công nghệ đã được thể hiện rõ trong việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về quy hoạch của các loại quy hoạch; triển khai số hóa bản đồ quy hoạch, dữ liệu không gian, mô hình hóa các kịch bản phát triển vùng và đô thị; sử dụng các công cụ công nghệ như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong dự báo xu thế phát triển. Đặc biệt, quy định tại khoản 2 Điều 11 *“Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và huy động nguồn lực để thúc đẩy ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới, đẩy mạnh chuyển đổi số; phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí*

hậu theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt.” nhằm tạo điều kiện đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong công tác quy hoạch.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai thi hành các quy định về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thực tiễn

Việc triển khai các quy định của Dự thảo Luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thực tiễn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Trước hết, năng lực kỹ thuật, tài chính và nhân lực giữa các địa phương còn chênh lệch lớn, đặc biệt ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện tiếp cận hạ tầng số và nhân lực công nghệ còn hạn chế. Điều này gây khó khăn cho việc triển khai đồng bộ hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch trên phạm vi toàn quốc.

Bên cạnh đó, việc thiếu sự liên thông giữa các cơ sở dữ liệu quy hoạch của các Bộ, ngành và địa phương, chưa có chuẩn kết nối thống nhất, dẫn đến khó khăn trong tích hợp và chia sẻ thông tin. Một số quy trình thủ tục vẫn còn nặng tính thủ công, chưa tạo điều kiện cho việc ứng dụng công nghệ một cách hiệu quả. Ngoài ra, hành lang pháp lý điều chỉnh các vấn đề liên quan đến bảo mật, an toàn dữ liệu, quyền sở hữu và khai thác dữ liệu quy hoạch chưa đầy đủ, gây tâm lý e ngại trong việc áp dụng công nghệ mới. Những yếu tố trên sẽ được nhận diện và có giải pháp khắc phục đồng bộ trong quá trình hoàn thiện Luật.

3.4. Cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện

Tại Điều 42 Dự thảo Luật đã quy định cụ thể về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trung ương và địa phương, giữa các bộ, ngành trong quản lý, chia sẻ, sử dụng Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch. Trong đó, Bộ Tài chính giữ vai trò chủ trì vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch, các bộ, ngành và UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật, kết nối dữ liệu thường xuyên, bảo đảm kịp thời và thống nhất.

Việc phối hợp được thực hiện theo nguyên tắc: phân rõ trách nhiệm quản lý, cung cấp và cập nhật dữ liệu, chia sẻ dữ liệu theo danh mục được công bố công khai, có quy trình và chuẩn kỹ thuật thống nhất. Trong đó có đầu mối chuyên trách theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn các địa phương trong triển khai ứng dụng số trong công tác quy hoạch.

3.5. Nguồn lực thực hiện

Việc thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác quy hoạch đòi hỏi sự đầu tư và bố trí nguồn lực đồng bộ, bền vững. Trước hết, cần ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để phát triển hạ tầng kỹ

thuật phục vụ số hóa và tích hợp thông tin quy hoạch, bao gồm phần mềm chuyên dụng, hệ thống máy chủ, nền tảng dữ liệu không gian. Đồng thời, cần bảo đảm kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước để phục vụ vận hành, cập nhật, bảo trì và nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số hóa.

Bên cạnh nguồn lực từ ngân sách nhà nước, việc huy động nguồn lực xã hội hóa cũng đóng vai trò quan trọng. Nhà nước cần có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, trường đại học tham gia cung cấp giải pháp công nghệ, chia sẻ dữ liệu, hợp tác triển khai hệ thống thông tin về quy hoạch. Ngoài ra, cần có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ, dữ liệu, quy hoạch để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực quy hoạch. Đây là yếu tố then chốt bảo đảm tính khả thi và hiệu quả lâu dài trong tổ chức thực hiện các quy định của Luật.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

4.1. Yêu cầu bảo đảm bình đẳng giới

Các quy định trong Dự thảo Luật Quy hoạch đã tiếp cận và thể hiện sự phù hợp với yêu cầu về bảo đảm quyền bình đẳng giới theo quy định của Hiến pháp năm 2013, quy định tại Điều 11 và Điều 12 Luật Bình đẳng giới. Đồng thời, thể hiện sự phù hợp và tương thích của pháp luật Việt Nam với Điều 3 và Điều 7 Công ước CEDAW, cũng như các khuyến nghị chung của Ủy ban CEDAW liên quan đến việc bảo đảm các quyền con người của phụ nữ và nam giới trong các vấn đề chính trị và xã hội. Dự thảo Luật bảo đảm mọi cá nhân, không phân biệt giới tính, đều có quyền tiếp cận thông tin, tham gia, giám sát và thụ hưởng kết quả từ hoạt động quy hoạch; nguyên tắc bình đẳng giới được thể hiện rõ tại khoản 4 Điều 4 Dự thảo Luật.

Ngoài ra, Dự thảo Luật đã quy định về việc tham vấn, lấy ý kiến rộng rãi và công khai trong quá trình lập quy hoạch, tạo cơ sở pháp lý để tăng cường sự tham gia của phụ nữ và các nhóm yếu thế vào quá trình quy hoạch - lĩnh vực trước đây thường thiếu sự hiện diện của nhóm đối tượng này. Điều này thể hiện cam kết của Nhà nước trong việc bảo đảm bình đẳng giới thực chất, đồng thời phù hợp với yêu cầu trong các khuyến nghị chung của Ủy ban CEDAW về sự tham gia của phụ nữ trong đời sống chính trị, xã hội.

4.2. Nội dung bình đẳng giới được lồng ghép trong Dự thảo Luật

Dự thảo Luật đã lồng ghép các nội dung bình đẳng giới ở nhiều điều khoản cốt lõi. Với dự báo các hoạt động quy hoạch đều có ảnh hưởng tới giới, vì vậy vấn đề về giới cần được đề cập trong tất cả các hoạt động quy hoạch. Để bảo đảm sự thống nhất, tránh trùng lặp, cơ quan soạn thảo đưa vấn đề giới trong Điều 4.

Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch. Cụ thể tại khoản 4 Điều 4: *“Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân, trong đó lợi ích quốc gia là cao nhất; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới”*.

Về nội dung quy hoạch cũng được dự báo có tác động đến giới. Do nội dung của các quy hoạch của các ngành, các cấp khác nhau, có cấp lãnh thổ như quốc gia mang yếu tố định hướng chiến lược nhiều hơn, có cấp lãnh thổ thể hiện chi tiết hơn, vì vậy, mức độ tác động đến giới cũng khác nhau. Để đảm bảo vấn đề giới được đề cập trong các bản quy hoạch, cơ quan soạn thảo đã đưa nội dung về giới tại Điều 21. Yêu cầu về nội dung quy hoạch. Cụ thể tại Khoản 5 Điều 21 *“Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em. Quá trình lập quy hoạch phải được kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm sinh kế bền vững của người dân trong khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.”*.

Để việc lấy ý kiến của cá nhân cũng như sự giám sát của cộng đồng về quy hoạch được triển khai trên thực tế, Dự thảo Luật đã đưa ra các quy định về quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tham gia ý kiến và giám sát hoạt động quy hoạch từ đó tăng cường, đổi mới công tác tham vấn, lấy ý kiến cộng đồng; thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến của các chủ thể tham gia vào thực hiện quy hoạch, nhất là doanh nghiệp và người dân; đảm bảo điều kiện các mục tiêu đề ra trong quy hoạch cần phải gắn với cộng đồng, doanh nghiệp, người dân (Điều 23). Hướng tới Chính phủ sẽ hướng dẫn quy trình, cách thức tổ chức lấy ý kiến vào dự thảo quy hoạch và trách nhiệm tiếp thu, giải trình của cơ quan lập quy hoạch;

Dự thảo Luật quy định về chính sách nhất quán của Nhà nước trong hoạt động quy hoạch (Điều 11), đảm bảo công khai, minh bạch trong chỉ đạo điều hành cũng như thu hút đầu tư theo quy hoạch đã được phê duyệt. Đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân (không phân biệt nam và nữ) tham gia vào việc lập, thẩm định, đóng góp ý kiến, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

Dự thảo Luật cũng quy định về việc giám sát và đánh giá quy hoạch của mọi công dân và cộng đồng dân cư, trong đó quy định rất cụ thể vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận (trong đó có Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam) và công dân có quyền hạn và trách nhiệm giám sát việc thực hiện quy hoạch, phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định của nhà nước về quy hoạch; các tổ chức chính trị, chính

trị - xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư giám sát việc thực hiện quy hoạch trên địa bàn sinh sống, sản xuất kinh doanh, phát hiện kịp thời những vi phạm trong thực hiện quy hoạch.

4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới khi triển khai thi hành các quy định của văn bản quy phạm pháp luật.

Mặc dù Dự thảo Luật sau khi ban hành sẽ tạo cơ sở pháp lý quan trọng để mọi cá nhân được bảo đảm năng lực pháp lý bình đẳng và có điều kiện tham gia vào hoạt động quy hoạch, tuy nhiên việc triển khai các quy định về bình đẳng giới trong thực tiễn vẫn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố.

Thứ nhất, mặc dù Luật bảo đảm nguyên tắc không phân biệt giới trong quyền tham gia góp ý, phản biện và giám sát hoạt động quy hoạch, nhưng trên thực tế, phụ nữ và các nhóm yếu thế như trẻ em, người dân ở vùng sâu, vùng xa, khu vực khó khăn vẫn thường gặp nhiều rào cản trong tiếp cận thông tin và tham gia ý kiến, dẫn đến nguy cơ bị loại trừ khỏi quá trình ra quyết định và phản hồi chính sách.

Thứ hai, mặc dù Luật đã thiết lập cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin quy hoạch, song năng lực tiếp cận thực tế của mỗi giới vẫn còn khác biệt, khả năng tiếp cận thông tin về quy hoạch của phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người dân ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế do rào cản về ngôn ngữ, hạ tầng, phương tiện kỹ thuật, và trình độ kỹ năng số. Bên cạnh đó, việc tham vấn ý kiến người dân trong quá trình quy hoạch chưa thực sự hiệu quả, khiến tiếng nói của các nhóm dễ bị tổn thương không được phản ánh đúng mức trong nội dung quy hoạch.

Thứ ba, việc bảo đảm quyền giám sát quá trình thực hiện quy hoạch phụ thuộc nhiều vào cơ chế thực thi, kênh phản ánh, kỹ năng giám sát và sự hỗ trợ từ các tổ chức chính trị - xã hội. Nếu không có cơ chế hỗ trợ phù hợp, phụ nữ và các nhóm yếu thế khó có thể thực hiện quyền này một cách thực chất. Ngoài ra, nhận thức về bình đẳng giới của đội ngũ cán bộ làm công tác quy hoạch cũng là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ lồng ghép giới trong từng giai đoạn thực hiện luật.

Thứ tư, nhận thức chưa đầy đủ của các cơ quan, tổ chức địa phương về bình đẳng giới, dẫn đến việc lồng ghép giới thường mang tính hình thức hoặc chưa được ưu tiên trong quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

5.1. Đánh giá sự phù hợp với nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết và quyền lợi hợp pháp của các dân tộc

Dự thảo Luật đã thể hiện tinh thần phù hợp với nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của các dân tộc thiểu số theo quy định tại

Hiến pháp năm 2013 và các chính sách liên quan đến dân tộc. Trong đó, các quy định tại Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch và Điều 11. Chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch đều nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm sự tham gia, quyền thụ hưởng và công bằng giữa các nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội, không phân biệt dân tộc, vùng miền.

Việc lập quy hoạch có tính tích hợp đa ngành, đa cấp theo Luật cũng là cơ sở pháp lý quan trọng để đảm bảo rằng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xem xét trong mối liên hệ tổng thể, hài hòa với phát triển chung của quốc gia, đồng thời có tính đến đặc thù về điều kiện tự nhiên, văn hóa và xã hội của từng khu vực. Điều này góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, hạn chế phân hóa, chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, dân tộc.

5.2. Giữ gìn bản sắc, phát huy phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc

Dự thảo Luật quy định các nguyên tắc lập quy hoạch theo hướng khuyến khích phát triển hài hòa giữa kinh tế, văn hóa và môi trường. Việc này tạo điều kiện để lồng ghép nội dung bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số vào các quy hoạch cụ thể, đặc biệt là quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng và quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao.

Để quy định thực sự đi vào thực tiễn, Dự thảo Luật đã quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan xây dựng quy hoạch trong việc tham vấn, tiếp thu ý kiến của cộng đồng dân cư bao gồm cả dân tộc thiểu số tại địa phương.

5.3. Bảo đảm điều kiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Một trong những mục tiêu quan trọng của công tác quy hoạch là phân bổ hợp lý không gian phát triển, sử dụng hiệu quả tài nguyên và tạo điều kiện phát triển cân bằng giữa các vùng. Dự thảo Luật đã thể hiện quan điểm tiếp cận đó thông qua các yêu cầu tích hợp quy hoạch phát triển hạ tầng, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp bền vững, bảo vệ rừng và sinh kế vùng miền núi, biên giới – những lĩnh vực gắn liền với đời sống đồng bào dân tộc thiểu số.

Bên cạnh đó, Dự thảo Luật đã bổ sung quy định quan trọng tại khoản 5 Điều 25 về yêu cầu nội dung quy hoạch: “*Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em...*”, có ý nghĩa thiết thực trong bối cảnh nhiều quy hoạch trong quá khứ đã gây xáo trộn nơi ở, sinh kế truyền thống hoặc dẫn đến mất cân đối trong tiếp cận nguồn tài nguyên và dịch

vụ công của người dân ở khu vực khó khăn. Đồng thời, quy định này yêu cầu quá trình lập quy hoạch không thể tách rời các chính sách xã hội và giảm nghèo mà phải kết hợp chặt chẽ với các chính sách phát triển vùng đặc biệt khó khăn, đảm bảo sinh kế bền vững, ổn định đời sống cho người dân, đặc biệt là những cộng đồng dễ bị tổn thương. Như vậy, quy hoạch không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn phải là công cụ thực hiện công bằng xã hội và phát triển toàn diện, bền vững.

5.4. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và giải quyết vấn đề đất đai, tài nguyên

Dự thảo Luật đã tiếp cận theo hướng bảo đảm tính toàn diện và bền vững của hệ thống quy hoạch, qua đó góp phần giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của cộng đồng dân cư, đặc biệt là các dân tộc thiểu số. Yêu cầu về nội dung quy hoạch tại khoản 1 Điều 25: *“Bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.”* thể hiện rõ mục tiêu phát triển hài hòa giữa kinh tế, văn hóa và môi trường. Điều này là cơ sở để các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh lồng ghép nội dung bảo tồn di sản văn hóa, không gian sinh hoạt cộng đồng, làng nghề truyền thống và tri thức bản địa.

Về vấn đề đất đai và tài nguyên, vốn là những lĩnh vực có tác động sâu rộng đến đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Dự thảo Luật đã quy định quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch tỉnh... phải bảo đảm khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai. Đây là nền tảng quan trọng để giải quyết các vấn đề liên quan đến chồng lấn đất đai, mất đất sản xuất, và suy giảm sinh kế do quy hoạch gây ra.

PHỤ LỤC I

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu số 03/DGTD-QĐCT/SĐBS

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự án, dự thảo văn bản: Luật Quy hoạch (sửa đổi)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Cung cấp thông tin quy hoạch

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	- Điều, khoản và tên văn bản quy định: Điểm d, điểm g khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin.
	- Điều 42 Dự thảo Luật.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân,	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Xác định trách nhiệm của các bên. Đảm bảo tính khả thi của quy định.

tổ chức khi thực hiện không?	
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Liên thông việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin quốc gia về Quy hoạch với các Hệ thống thông tin quốc gia về Giải quyết TTHC Đảm bảo tính khả thi của quy định. Hạn chế thủ tục rườm rà, đơn giản hóa các thủ tục hành chính.
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Ý do quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☐ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☐ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đảm bảo tính khả thi của quy định và phù hợp với yêu cầu phòng, chống lãng phí.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
b) Tên thành phần hồ sơ n:	- Nêu rõ lý do quy định:

.....	- Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
d) Số lượng bộ hồ sơ: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Thời hạn: Được quy định cụ thể trong Nghị định và Thông tư hướng dẫn Nêu rõ lý do: Đảm bảo tính khả thi của quy định và phù hợp với pháp luật về tiếp cận thông tin
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Tổ chức có nhu cầu tiếp cận thông tin quy hoạch.

	Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Cá nhân có nhu cầu tiếp cận thông tin quy hoạch. Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phù hợp với đối tượng và phạm vi điều chỉnh của luật.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: dự kiến ? lượt? (bổ sung con số cụ thể)	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan	Có ☒ Không ☐

giải quyết thủ tục hành chính không?	Lý do quy định: Đảm bảo phân định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Trách nhiệm công khai thông tin về hoạt động quy hoạch - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒ Nội dung quy định: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí Lý do quy định: Cần bổ sung theo hướng nộp trực tiếp đến tài khoản của cơ qua, hoặc qua cổng thanh toán quốc gia hoặc nền tảng thanh toán khác trong văn bản hướng dẫn..
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu	Có ☐ Không ☒

đơn, tờ khai không?	Lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ - Yêu cầu, điều kiện: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước. Lý do quy định: Đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý thông tin liên quan đến bí mật nhà nước.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không phải là thông tin	- Lý do quy định: Đảm bảo chất lượng tư vấn, chất lượng của quy hoạch. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:

liên quan đến bí mật nhà nước	+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
b) Yêu cầu, điều kiện 2:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
c) Yêu cầu, điều kiện 3:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ:

	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bàn giấy ☒ Bàn điện tử ☒
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định, Thông tư
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Thời hạn cụ thể sẽ nêu trong hợp đồng thuê tư vấn lập quy hoạch.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☐ Địa phương ☐ Lý do:.....
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Vụ Quản lý quy hoạch - Bộ Tài chính Điện thoại cố định: 024.2220.2828-7015; Di động:; E-mail: qlqh_vbdh@mof.gov.vn	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính: Lập quy hoạch tổng thể quốc gia.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	- Điều, khoản và tên văn bản quy định: Khoản 1 Điều 16 Luật Quy hoạch
	- Dự thảo Luật.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Xác định trách nhiệm của các bên. Đảm bảo tính khả thi của quy định.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật. Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Lý do quy định: Dự thảo Luật và Nghị định, Thông tư hướng dẫn - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đảm bảo tính khả thi của quy định và phù hợp với yêu cầu phòng, chống lãng phí.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1:	- Nêu rõ lý do quy định: Được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
b) Tên thành phần hồ sơ n:	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
d) Số lượng bộ hồ sơ: Theo quy định của Nghị định, Thông tư hướng dẫn	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): Để đảm bảo tính linh hoạt.
5. Thời hạn giải quyết	

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Thời hạn: Được quy định cụ thể trong Nghị định và Thông tư hướng dẫn Nêu rõ lý do: Đảm bảo tính khả thi của quy định và phù hợp với pháp luật về tiếp cận thông tin
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Tổ chức có nhu cầu tiếp cận thông tin quy hoạch. Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Cá nhân có nhu cầu tiếp cận thông tin quy hoạch. Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:

.....	
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phù hợp với đối tượng và phạm vi điều chỉnh của luật.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: dự kiến ? lượt? (bổ sung con số cụ thể)	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Đảm bảo phân định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Trách nhiệm công khai thông tin về hoạt động quy hoạch - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí

	- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác:..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒ Nội dung quy định: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí Lý do quy định: Cần bổ sung theo hướng nộp trực tiếp đến tài khoản của cơ qua, hoặc qua cổng thanh toán quốc gia hoặc nền tảng thanh toán khác trong văn bản hướng dẫn..
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1:

	Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ - Yêu cầu, điều kiện: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước. Lý do quy định: Đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý thông tin liên quan đến bí mật nhà nước.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước	- Lý do quy định: Đảm bảo chất lượng tư vấn, chất lượng của quy hoạch. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
b) Yêu cầu, điều kiện 2:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
c) Yêu cầu, điều kiện 3:	- Lý do quy định:

	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định, Thông tư
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☒ Không ☐ - Nếu Có: Quy định chi tiết tại Nghị định, Thông tư hướng dẫn. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Thời hạn cụ thể sẽ nêu trong hợp đồng thuê tư vấn lập quy hoạch.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức liên quan trên toàn quốc.

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Vụ Quản lý quy hoạch - Bộ Tài chính

Điện thoại cố định: 024.2220.2828-7015; Di động:; E-mail: qlqh_vbdh@mof.gov.vn

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3: Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính: Lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	- Điều, khoản và tên văn bản quy định: Khoản 1 Điều 16 Luật Quy hoạch - Dự thảo Luật.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Xác định trách nhiệm của các bên. Đảm bảo tính khả thi của quy định.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật. Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Lý do quy định: Dự thảo Luật và Nghị định, Thông tư hướng dẫn - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đảm bảo tính khả thi của quy định và phù hợp với yêu cầu phòng, chống lãng phí.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1:	- Nêu rõ lý do quy định: Được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
b) Tên thành phần hồ sơ n:	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
d) Số lượng bộ hồ sơ: Theo quy định của Nghị định, Thông tư hướng dẫn	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): Để đảm bảo tính linh hoạt.
5. Thời hạn giải quyết	

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Thời hạn: Được quy định cụ thể trong Nghị định và Thông tư hướng dẫn Nêu rõ lý do: Đảm bảo tính khả thi của quy định và phù hợp với pháp luật về tiếp cận thông tin
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Tổ chức có nhu cầu tiếp cận thông tin quy hoạch. Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Cá nhân có nhu cầu tiếp cận thông tin quy hoạch. Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:

b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phù hợp với đối tượng và phạm vi điều chỉnh của luật.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: dự kiến ? lượt? (bổ sung con số cụ thể)	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Đảm bảo phân định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Trách nhiệm công khai thông tin về hoạt động quy hoạch - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí

	- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒ Nội dung quy định: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí Lý do quy định:
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:

	+ Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ - Yêu cầu, điều kiện: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước. Lý do quy định: Đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý thông tin liên quan đến bí mật nhà nước.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước	- Lý do quy định: Đảm bảo chất lượng tư vấn, chất lượng của quy hoạch. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
b) Yêu cầu, điều kiện 2:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng

c) Yêu cầu, điều kiện 3:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định, Thông tư
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Thời hạn cụ thể sẽ nêu trong hợp đồng thuê tư vấn lập quy hoạch.

d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức liên quan trên toàn quốc.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Vụ Quản lý quy hoạch - Bộ Tài chính Điện thoại cố định: 024.2220.2828-7015; Di động:; E-mail: qlqh_vbdh@mof.gov.vn	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 4: Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính: Lập quy hoạch ngành quốc gia.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	- Điều, khoản và tên văn bản quy định: Khoản 2 Điều 16 Luật Quy hoạch - Dự thảo Luật.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: Nếu cụ thể tại dự thảo Luật.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: Nếu cụ thể tại dự thảo Luật.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: Xác định trách nhiệm của các bên. Đảm bảo tính khả thi của quy định.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nếu rõ lý do:
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: Nếu cụ thể tại dự thảo Luật. Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Lý do quy định: Dự thảo Luật và Nghị định, Thông tư hướng dẫn - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đảm bảo tính khả thi của quy định và phù hợp với yêu cầu phòng, chống lãng phí.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1:	- Nêu rõ lý do quy định: Được hướng dẫn cụ thể tại Nghị định, Thông tư - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
b) Tên thành phần hồ sơ 2:	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
d) Số lượng bộ hồ sơ: Theo quy định của Nghị định, Thông tư hướng dẫn	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): Để đảm bảo tính linh hoạt.
5. Thời hạn giải quyết	

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Thời hạn: Được quy định cụ thể trong Nghị định và Thông tư hướng dẫn Nêu rõ lý do:
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Tổ chức có nhu cầu tiếp cận thông tin quy hoạch. Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Cá nhân có nhu cầu tiếp cận thông tin quy hoạch. Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:

b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phù hợp với đối tượng và phạm vi điều chỉnh của luật.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: dự kiến ? lượt? (bổ sung con số cụ thể)	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Đảm bảo phân định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Trách nhiệm công khai thông tin về hoạt động quy hoạch - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí

	- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác:..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒ Nội dung quy định: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí Lý do quy định: Cần bổ sung theo hướng nộp trực tiếp đến tài khoản của cơ qua, hoặc qua cổng thanh toán quốc gia hoặc nền tảng thanh toán khác trong văn bản hướng dẫn..
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:

	+ Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ - Yêu cầu, điều kiện: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước. Lý do quy định: Đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý thông tin liên quan đến bí mật nhà nước.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước	- Lý do quy định: Đảm bảo chất lượng tư vấn, chất lượng của quy hoạch. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
b) Yêu cầu, điều kiện 2:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng

c) Yêu cầu, điều kiện 3:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định, Thông tư
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Thời hạn cụ thể sẽ nêu trong hợp đồng thuê tư vấn lập quy hoạch.

đ) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức liên quan trên toàn quốc.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Vụ Quản lý quy hoạch - Bộ Tài chính Điện thoại cố định: 024.2220.2828-7015; Di động:; E-mail: qlqh_vbdh@mof.gov.vn	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 5: Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính: Lập quy hoạch vùng.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	- Điều, khoản và tên văn bản quy định: Khoản 3 Điều 16 Luật Quy hoạch - Dự thảo Luật.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Xác định trách nhiệm của các bên. Đảm bảo tính khả thi của quy định.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật. Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Lý do quy định: Dự thảo Luật và Nghị định, Thông tư hướng dẫn - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

.....	
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đảm bảo tính khả thi của quy định và phù hợp với yêu cầu phòng, chống lãng phí.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1:	- Nêu rõ lý do quy định: Được hướng dẫn cụ thể tại Nghị định, Thông tư - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
b) Tên thành phần hồ sơ 2:	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
d) Số lượng bộ hồ sơ: Theo quy định của Nghị định, Thông tư hướng dẫn	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): Để đảm bảo tính linh hoạt.
5. Thời hạn giải quyết	

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Thời hạn: Được quy định cụ thể trong Nghị định và Thông tư hướng dẫn Nêu rõ lý do:
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Tổ chức có nhu cầu tiếp cận thông tin quy hoạch. Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Cá nhân có nhu cầu tiếp cận thông tin quy hoạch. Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:

.....	
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phù hợp với đối tượng và phạm vi điều chỉnh của luật.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: dự kiến ? lượt? (bổ sung con số cụ thể)	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Đảm bảo phân định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Trách nhiệm công khai thông tin về hoạt động quy hoạch - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí

	- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác:..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒ Nội dung quy định: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí Lý do quy định: Cần bổ sung theo hướng nộp trực tiếp đến tài khoản của cơ qua, hoặc qua cổng thanh toán quốc gia hoặc nền tảng thanh toán khác trong văn bản hướng dẫn..
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:

	+ Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ - Yêu cầu, điều kiện: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước. Lý do quy định: Đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý thông tin liên quan đến bí mật nhà nước.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước	- Lý do quy định: Đảm bảo chất lượng tư vấn, chất lượng của quy hoạch. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
b) Yêu cầu, điều kiện 2:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng

c) Yêu cầu, điều kiện 3:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định, Thông tư
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Thời hạn cụ thể sẽ nêu trong hợp đồng thuê tư vấn lập quy hoạch.

d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức liên quan trên toàn quốc.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Vụ Quản lý quy hoạch - Bộ Tài chính Điện thoại cố định: 024.2220.2828-7015; Di động:; E-mail: qlqh_vbdh@mof.gov.vn	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 6: Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính: Lập quy hoạch tỉnh.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	- Điều, khoản và tên văn bản quy định: Khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch - Dự thảo Luật.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Xác định trách nhiệm của các bên. Đảm bảo tính khả thi của quy định.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật. Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Lý do quy định: Dự thảo Luật và Nghị định, Thông tư hướng dẫn - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đảm bảo tính khả thi của quy định và phù hợp với yêu cầu phòng, chống lãng phí.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Hồ sơ trình thẩm định: a) Tờ trình; b) Báo cáo thuyết minh quy hoạch; c) Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; d) Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; e) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:

b) Tên thành phần hồ sơ 2: Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch: a) Tờ trình; b) Báo cáo thuyết minh quy hoạch; c) Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; d) Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; e) Báo cáo thẩm định quy hoạch; g) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; h) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
d) Số lượng bộ hồ sơ: Theo quy định của Nghị định,	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): Để đảm bảo tính linh hoạt.

Thông tư hướng dẫn	
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Thời hạn: Được quy định cụ thể trong Nghị định và Thông tư hướng dẫn Nêu rõ lý do:
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Tổ chức có nhu cầu tiếp cận thông tin quy hoạch. Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Cá nhân có nhu cầu tiếp cận thông tin quy hoạch. Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước.

	- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phù hợp với đối tượng và phạm vi điều chỉnh của luật.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: dự kiến ? lượt? (bổ sung con số cụ thể)	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Đảm bảo phân định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Trách nhiệm công khai thông tin về hoạt động quy hoạch - Phí: Không ☒ Có ☐

	Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒ Nội dung quy định: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí Lý do quy định:
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Lý do:
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:

	 Lý do quy định:
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ:..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ - Yêu cầu, điều kiện: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước. Lý do quy định: Đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý thông tin liên quan đến bí mật nhà nước.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước	- Lý do quy định: Đảm bảo chất lượng tư vấn, chất lượng của quy hoạch. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
b) Yêu cầu, điều kiện 2:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐

	Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
c) Yêu cầu, điều kiện 3:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định, Thông tư
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Thời hạn cụ thể sẽ nêu trong hợp đồng thuê tư vấn lập quy hoạch.

d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức liên quan trên toàn quốc.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Vụ Quản lý quy hoạch - Bộ Tài chính Điện thoại cố định: 024.2220.2828-7015; Di động:; E-mail: qlqh_vbdh@mof.gov.vn	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 7: Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính: Thẩm định Quy hoạch tỉnh.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	- Điều, khoản và tên văn bản quy định: Điều 8, Điều 32, Điều 33, Điều 34 Luật Quy hoạch - Dự thảo Luật.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: Nếu cụ thể tại dự thảo Luật.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: Nếu cụ thể tại dự thảo Luật.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: Xác định trách nhiệm của các bên. Đảm bảo tính khả thi của quy định.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nếu rõ lý do:
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu rõ lý do: Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Lý do quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

.....	
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đảm bảo tính khả thi của quy định và phù hợp với yêu cầu phòng, chống lãng phí.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: a) Tờ trình; b) Báo cáo thuyết minh quy hoạch; c) Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; d) Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; e) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:

b) Tên thành phần hồ sơ n:	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
d) Số lượng bộ hồ sơ: Theo quy định của Nghị định, Thông tư hướng dẫn	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): Để đảm bảo tính linh hoạt.
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Thời hạn: Được quy định cụ thể trong Nghị định và Thông tư hướng dẫn Nêu rõ lý do:
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐

	Mô tả rõ: Do Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện. Lý do quy định: - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phù hợp với đối tượng và phạm vi điều chỉnh của luật.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: dự kiến ? lượt? (bổ sung con số cụ thể)	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Đảm bảo phân định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch.

8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)

a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Trách nhiệm công khai thông tin về hoạt động quy hoạch - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒ Nội dung quy định: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí Lý do quy định:

9. Mẫu đơn, tờ khai

a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định:

	+ Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ - Yêu cầu, điều kiện: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước. Lý do quy định: Đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý thông tin liên quan đến bí mật nhà nước.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước	- Lý do quy định: Đảm bảo chất lượng tư vấn, chất lượng của quy hoạch. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng

b) Yêu cầu, điều kiện 2:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
c) Yêu cầu, điều kiện 3:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định, Thông tư

c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Thời hạn cụ thể sẽ nêu trong hợp đồng thuê tư vấn lập quy hoạch.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức liên quan trên toàn quốc.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Vụ Quản lý quy hoạch - Bộ Tài chính Điện thoại cố định: 024.2220.2828-7015; Di động:; E-mail: qlqh_vbdh@mof.gov.vn	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 8: Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính: Quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	- Điều, khoản và tên văn bản quy định: Điều 8, Điều 35, Điều 36 Luật Quy hoạch - Dự thảo Luật.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Xác định trách nhiệm của các bên. Đảm bảo tính khả thi của quy định.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Lý do quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

	
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đảm bảo tính khả thi của quy định và phù hợp với yêu cầu phòng, chống lãng phí.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: a) Tờ trình; b) Báo cáo thuyết minh quy hoạch; c) Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; d) Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; e) Báo cáo thẩm định quy hoạch; g) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; h) Hệ thống sơ đồ, bản đồ,	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:

cơ sở dữ liệu về quy hoạch.	
b) Tên thành phần hồ sơ n:	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
d) Số lượng bộ hồ sơ: Theo quy định của Nghị định, Thông tư hướng dẫn	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): Để đảm bảo tính linh hoạt.
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Thời hạn: Được quy định cụ thể trong Nghị định và Thông tư hướng dẫn Nêu rõ lý do:
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:

6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Do Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện. Lý do quy định: - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phù hợp với đối tượng và phạm vi điều chỉnh của luật.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: dự kiến ? lượt? (bổ sung con số cụ thể)	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Đảm bảo phân định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước

b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Trách nhiệm công khai thông tin về hoạt động quy hoạch - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒ Nội dung quy định: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí Lý do quy định: Căn bổ sung theo hướng nộp trực tiếp đến tài khoản của cơ qua, hoặc qua công thanh toán quốc gia hoặc nền tảng thanh toán khác trong văn bản hướng dẫn..
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.

b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ - Yêu cầu, điều kiện: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước. Lý do quy định: Đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý thông tin liên quan đến bí mật nhà nước.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà	- Lý do quy định: Đảm bảo chất lượng tư vấn, chất lượng của quy hoạch. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒

nước	Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
b) Yêu cầu, điều kiện 2:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
c) Yêu cầu, điều kiện 3:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒

b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định, Thông tư
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Thời hạn cụ thể sẽ nêu trong hợp đồng thuê tư vấn lập quy hoạch.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức liên quan trên toàn quốc.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Vụ Quản lý quy hoạch - Bộ Tài chính Điện thoại cố định: 024.2220.2828-7015; Di động:; E-mail: qlqh_vbdh@mof.gov.vn	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 9: Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính: Điều chỉnh quy hoạch và Điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	- Điều, khoản và tên văn bản quy định: Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54.
	- Dự thảo Luật.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nêu cụ thể tại dự thảo Luật.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Xác định trách nhiệm của các bên. Đảm bảo tính khả thi của quy định.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Lý do quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

	
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đảm bảo tính khả thi của quy định và phù hợp với yêu cầu phòng, chống lãng phí.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Được quy định chi tiết tại Nghị định, thông tư hướng dẫn.	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
b) Tên thành phần hồ sơ n:	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
d) Số lượng bộ hồ sơ: Theo quy định của Nghị định, Thông tư hướng dẫn	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): Để đảm bảo tính linh hoạt.

5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Thời hạn: Được quy định cụ thể trong Nghị định và Thông tư hướng dẫn Nêu rõ lý do:
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Áp dụng cho Cơ quan, tổ chức, cá nhân. Lý do quy định: - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐

	- Lý do quy định: + Về đối tượng: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. + Về phạm vi: Luật áp dụng chung cho các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phù hợp với đối tượng và phạm vi điều chỉnh của luật.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: dự kiến ? lượt? (bổ sung con số cụ thể)	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Đảm bảo phân định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước khi tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Trách nhiệm công khai thông tin về hoạt động quy hoạch - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☒ Không ☐

	Lý do: Phù hợp với quy định của pháp luật về phí, lệ phí - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒ Nội dung quy định: Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí Lý do quy định:
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒

	Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ:..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ - Yêu cầu, điều kiện: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước. Lý do quy định: Đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý thông tin liên quan đến bí mật nhà nước.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không phải là thông tin liên quan đến bí mật nhà nước	- Lý do quy định: Đảm bảo chất lượng tư vấn, chất lượng của quy hoạch. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
b) Yêu cầu, điều kiện 2:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Nộp hồ sơ minh chứng
c) Yêu cầu, điều kiện 3:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐

+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ):	
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☒ Đề nghị nêu rõ: Áp dụng cho cá nhân trong quá trình tham gia ý kiến Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định, Thông tư
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☒ - Nếu Có: Hướng dẫn chi tiết tại Nghị định, Thông tư. - Nếu Không, nêu rõ lý do:
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức liên quan trên toàn quốc.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Vụ Quản lý quy hoạch - Bộ Tài chính Điện thoại cố định: 024.2220.2828-7015; Di động:; E-mail: qlqh_vbdh@mof.gov.vn	

Phụ lục II
CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUY HOẠCH

Đơn vị: VND

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện	Mức TNBQ /01 giờ làm việc	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ	Mức phí, lệ phí, chi phí khác	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
		Tìm hiểu thông tin về thủ tục	1	53,800			1	200	54,800	10,960,000	
		Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin quy hoạch	1	53,800			1	200	54,800	10,960,000	
		Phô tô tài liệu	1	53,800			1	200	54,800	10,960,000	
		Hoàn thiện hồ sơ	1	53,800			1	200	54,800	10,960,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	2	53,800			1	200	107,600	21,520,000	
		Bưu điện	2	53,800			1	200	107,600	21,520,000	
		Internet	2	53,800			1	200	107,600	21,520,000	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	0	0	0			0	0	0	0	
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	0	0	0			0	0	0	0	
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	53,800			1	200	53,800	10,760,000	
		Bưu điện	1	53,800			1	200	53,800	10,760,000	
		Internet	1	53,800			1	200	53,800	10,760,000	
TỔNG										140,680,000	